

*Giải Nghĩa*  
KINH THẠNH

# Phúc Âm Giăng

Chương 1 - 12

Warren W.  
Wiersbe

*Giải Nghĩa*  
KINH THÁNH

# Phúc Âm Giăng

Chương 1 - 12

Warren W.  
Wiersbe

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

# Be Alive

## Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: [www.VM1.global](http://www.VM1.global)

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

# LỜI GIỚI THIỆU

*Phúc Âm Giăng* trình bày Chúa Giê-xu như là Con Đức Chúa Trời và nhấn mạnh đến thần tính của Ngài. Khi nghiên cứu và viết tập giải nghĩa này, Warren Wiersbe “cảm thấy như người đang đứng trên đất thánh” và thấy lời nhận xét của học giả A. T. Robertson thật chí lý: “*Phúc Âm Giăng* là quyển sách sâu nhiệm nhất trên thế giới.”

Trong tập giải nghĩa này, Warren Wiersbe trình bày những lời dạy căn bản trong 12 chương đầu của *Phúc Âm Giăng* và giúp già người đọc tiếp cận với chân lý bằng con tim và khối óc của người tôn thờ Chúa. Với ngòi bút tinh tế, Warren Wiersbe giúp người đọc biết rõ hơn về Chúa Cứu Thế, đặt đức tin nơi Ngài để kinh nghiệm sự sống đời đời ngay trong hiện tại và cuộc sống trở nên sinh động.

Trong tập giải nghĩa này sau mỗi chương có phần câu hỏi nhằm giúp cho cá nhân cũng như những nhóm học Kinh Thánh dễ dàng nghiên cứu và thảo luận.

Được phép của nhà xuất bản SP Publications, Inc., Văn Phẩm Nguồn Sống sẽ lần lượt dịch, hiệu đính và ấn hành trọn bộ giải nghĩa Kinh Thánh Tân Cựu Ước của Warren W. Wiersbe để đáp ứng nhu cầu học hỏi Lời Chúa của các tội tử con cái Chúa. Chúng tôi ước ao được sự đón nhận và đóng góp ý kiến của tất cả quý vị.

Văn Phẩm Nguồn Sống  
Tháng 9, 2000



# MỤC LỤC

1. Đức Chúa Trời Đang Ở Đây! (Giăng 1)	5
2. Học Về Chúa Giê-xu (Giăng 2)	24
3. Một Vấn Đề Sinh Tử (Giăng 3)	38
4. Người Sa-ma-ri Tội Lỗi (Giăng 4)	54
5. Đấng Bình Đẳng Với Đức Chúa Trời (Giăng 5)	70
6. Đám Đông Là Bỏ Chúa (Giăng 6)	87
7. Chống Đối Trong Kỳ Lễ (Giăng 7)	105
8. Tương Phản Và Mâu Thuẫn (Giăng 8)	120
9. Sự Thách Thức Của Người Mù (Giăng 9)	137
10. Người Chăn Chiên Hiền Lành Và Bầy Chiên (Giăng 10)	152
11. Phép Lạ Cuối Cùng – Kẻ Thù Cuối Cùng (Giăng 11)	169
12. Đấng Christ Và Khủng Hoảng (Giăng 12)	185

# DÀN BÀI PHÚC ÂM GIẢNG

Chủ đề: Chúa Giê-xu Là Đấng Christ

Tin Và Sống

Câu căn bản: *Giăng* 20:31

Phần mở đầu—1:1-14

## I. CƠ HỘI (1:15—6:71)

“Giờ Ta chưa đến” 1:15—2:12

Ngài dạy về chính Ngài cho:

1. Các môn đồ, 1:19—2:12
2. Người Do Thái, 2: 13—3:26
3. Người Sa-ma-ri 4:1—54
4. Giới lãnh đạo Do Thái, 5:1—47
5. Cho đoàn dân, 6:1—71

*Khủng hoảng 1—Họ không theo Ngài, 6:66-71*

## II. CHỐNG ĐỐI (7:1—12:50)

“Giờ Ngài chưa đến” 7:30

Xung đột với giới lãnh đạo Do Thái về vấn đề:

1. Môi-se, 7:1—8:11
2. Áp-ra-ham, 8:12-59
3. Đấng Mết-si-a là ai, 9:1—10:42
4. Quyền năng làm phép lạ, 11:1—12:36

*Khủng hoảng 2—Họ không tin Ngài, 12:37-50*

## III. KẾT QUẢ (13—21)

“Giờ Ngài đã đến” 13:1; 17:1

1. Đức tin của các môn đồ, 13—17
2. Lòng vô tín của người Do Thái 18—19

*Khủng hoảng 3— Họ đóng đinh Ngài, 19:13-22*

*Đấng Christ chiến thắng, 20—21*

# Đức Chúa Trời Đang Ở Đây!

*Giăng 1*

“Nhưng quả thật rằng Đức Chúa Trời ngự trên đất này chẳng?” Đó là câu hỏi vua Sa-lô-môn thốt lên khi dâng đền thờ cho Đức Chúa Trời (*I Các Vua 8:27*). Thật là câu hỏi chính đáng! Vinh hiển của Đức Chúa Trời đã từng đầy dẫy nơi đền tạm (*Xuất Ê-díp-tô Ký 40:34*) và đền thờ (*I Các Vua 8:10-11*). Tuy nhiên, vinh hiển ấy đã lìa khỏi dân Y-sơ-ra-ên bội nghịch (*Ê-xê-chi-ên 9:3; 10:4,18; 11:22-23*).

Sau đó, điều kỳ diệu đã xảy ra: vinh hiển của Đức Chúa Trời đến với dân sự một lần nữa qua thân vị của Con Ngài - Chúa Giê-xu. Mỗi tác giả Phúc Âm cho chúng ta một hình ảnh về cuộc đời Chúa Giê-xu trên đất, vì không một người nào có thể viết lại cuộc đời Ngài một cách đầy đủ (*Giăng 21:25*). Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm cho người Do Thái và tập trung vào lẽ thật về việc Chúa Giê-xu Na-xa-rét đã làm trọn những lời tiên tri trong Cựu Ước. Mác viết cho người La Mã bận rộn. Trong khi Ma-thi-ơ nói đến một vị Vua, Mác giới thiệu một Đầy Tớ phục vụ kẻ khốn cùng. Lu-ca viết Phúc Âm cho người Hy Lạp để giới thiệu với họ Con Người đầy lòng thương xót.

## 6 / Giảng

Sứ đồ Giảng, môn đệ được Chúa yêu, lãnh nhiệm vụ viết Phúc Âm cho cả người Do Thái lẫn người ngoại, giới thiệu Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Chúng ta biết rằng ông nhớ đến người Do Thái và cả người ngoại, vì ông thường giải nghĩa những từ ngữ hoặc phong tục Do Thái cho các độc giả của mình (1:38,41-42; 9:7; 19:13,17; 20:16). Ông nhắc người Do Thái nhớ rằng Chúa Giê-xu không chỉ làm ứng nghiệm những lời tiên tri trong Cựu Ước, Ngài còn làm ứng nghiệm các hình bóng về Ngài. Chúa Giê-xu là Chiên Con Đức Chúa Trời (1:29) và là Chiếc Thang từ trời xuống đất (11:51; xem *Sáng Thế Ký* 28:1-22). Ngài là Đền Thờ Mới (*Giăng* 2:19-21) và Ngài có thể ban cho con người sự tái sinh (3:4). Ngài là con rắn bị treo lên (3:14) cũng là “Bánh Sự Sống” của Đức Chúa Trời ban xuống (6:35tt).

Trong khi ba sách Phúc Âm đầu chủ yếu mô tả những sự kiện xảy ra trong cuộc đời Chúa Giê-xu, Giảng đặc biệt nêu bật ý nghĩa của những sự kiện ấy. Ví dụ như, bốn sách Phúc Âm đều chép lại việc Chúa hóa bánh cho 5.000 người, nhưng chỉ có Giảng ghi lại bài giảng của Chúa về “Bánh Sự Sống,” trong đó Ngài cất nghĩa cho dân chúng sau khi thực hiện phép lạ.

Chủ đề xuyên suốt trong *Phúc Âm Giảng*: Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, nếu bạn dâng đời sống cho Ngài, bạn sẽ được Ngài ban cho sự sống đời đời (20:31). Trong chương 1, Giảng kể ra bảy danh hiệu của Chúa Giê-xu cho thấy Ngài chính là Đức Chúa Trời Hằng Hữu.

### 1. Ngôi Lời

*Giăng* 1:1-3,14

<sup>1</sup> Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. <sup>2</sup> Ban đầu Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. <sup>3</sup> Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài.

<sup>14</sup> Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta, đầy ơn và lẽ thật; chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con một đến từ nơi Cha.



## Đức Chúa Trời Đang Ở Đây! / 7

Để bày tỏ suy nghĩ và tình cảm với người khác, chúng ta sử dụng lời nói. Cũng vậy, Chúa Giê-xu là Lời Đức Chúa Trời sử dụng để bày tỏ với chúng ta ý muốn Ngài. “Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha!” (Giăng 14:9). Một từ gồm có những chữ cái ghép lại, vì vậy Chúa Giê-xu là “Alpha và Omega” (Khải Thị 1:8), bao gồm từ chữ cái đầu tiên đến chữ cuối cùng trong mẫu tự Hy Lạp. Theo Hê-bơ-rơ 1:1-3, Chúa Giê-xu là Lời cuối cùng của Đức Chúa Trời dành cho con người, bởi Ngài là tuyệt đỉnh của sự mạc khải thiên thượng.

Chúa Giê-xu là Lời Vĩnh Hằng (Giăng 1:1-2). Ngài hiện diện từ ban đầu, không phải vì Ngài có một khởi đầu như vật thọ tạo, nhưng vì Ngài là vĩnh hằng. Ngài là Đức Chúa Trời và Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. “Trước khi chưa có Áp-ra-ham, đã có Ta” (Giăng 8:58).

Ngài cũng là Lời Sáng Tạo (Giăng 1:3). Hẳn có điểm tương đồng giữa Giăng 1:1 với Sáng Thế Ký 1:1, sự sáng tạo mới với sự sáng tạo cũ, Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật bởi lời phán của Ngài: “Đức Chúa Trời phán: phải có...”; “Vì Ngài phán, thì việc liền có, Ngài phán, thì vật bền đứng vững bền” (Thi Thiên 33:9). Muôn vật được dựng nên trong Chúa Giê-xu (Cô-lô-se 1:16), có nghĩa là Chúa Giê-xu không phải như một tạo vật. Ngài chính là Đức Chúa Trời vĩnh hằng.

Động từ “được dựng nên” ở thì hoàn thành trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa như một “hành động đã hoàn tất.” Sự tạo dựng đã hoàn tất. Đây không phải là một tiến trình còn đang tiếp diễn, dù Đức Chúa Trời vẫn đang hành động trong sự sáng tạo của Ngài (Giăng 5:17). Việc sáng tạo không phải là một tiến trình, đó là một sản phẩm đã hoàn tất.

Chúa Giê-xu còn là Lời “trở nên xác thịt” (1:14). Ngài không phải là một bóng ma hay thần linh khi thi hành chức vụ trên đất, thân thể Ngài cũng không phải là ảo ảnh. Giăng và các môn đệ khác đều kinh nghiệm về sự thực hữu của thân thể Chúa trên đất (I Giăng 1:1-2). Dù Giăng nhấn mạnh thần tính Chúa Giê-xu, ông cũng cho thấy rõ Con Đức Chúa Trời đã

## 8 / Giảng

hiện diện *bằng xác thịt*, và chịu ảnh hưởng bởi sự yếu đuối của bản chất con người.

Qua Phúc Âm, Giảng chứng minh Chúa Giê-xu cũng từng kinh nghiệm sự mệt mỏi (*Giăng* 4:6), đói khát (4:7), đau lòng (11:33) và khóc (11:35). Trên thập tự, Ngài phải chịu khát (19:28), chịu chết (19:30) và đổ máu ra (19:34). Sau khi phục sinh, Ngài chứng tỏ cho Tô-ma cùng các môn đệ khác thấy rằng Ngài vẫn có một thân thể thực hữu (20:24-29), tuy nhiên đó là một thân thể vinh hiển.

Bằng cách nào “Ngôi Lời đã trở nên xác thịt”? Bởi phép lạ về sự giáng sinh từ nữ đồng trinh (*Ê-sai* 7:14; *Ma-thi-ơ* 1:18-25; *Lu-ca* 1:26-38). Ngài mang bản chất con người thánh khiết, và đồng cảnh với chúng ta trong mọi lãnh vực của cuộc sống từ khi giáng sinh đến lúc tắt hơi. “Ngôi Lời” không còn là một khái niệm triết học trừu tượng nhưng là một Con Người thật có thể thấy, sờ và nghe được. Cơ Đốc giáo là Đấng Christ và Đấng Christ là Đức Chúa Trời.

Sự mạc khải về vinh hiển Đức Chúa Trời là một chủ đề quan trọng trong *Phúc Âm Giảng*. Chúa Giê-xu bày tỏ vinh hiển Đức Chúa Trời qua thân vị Ngài, công việc Ngài và lời Ngài. Giảng đã ghi lại bảy dấu lạ bày tỏ vinh hiển Đức Chúa Trời (*Giăng* 2:11). Vinh hiển của giao ước cũ trong luật pháp là vinh hiển để qua đi, nhưng vinh hiển của giao ước mới trong Đấng Christ là “vinh hiển bội phần” (xem *II Cô-rinh-tô* 3:1-18). Luật pháp phơi bày tội lỗi nhưng không thể xoá bỏ được tội lỗi. Chúa Giê-xu đã đến với “sự đầy trọn của ân sủng và chân lý,” và sự đầy trọn này dành sẵn cho tất cả những ai tin cậy Ngài (1:16).

### 2. Sự Sáng

*Giăng* 1:4-13

<sup>4</sup> Trong Ngài có sự sống, sự sống là sự sáng của loài người. <sup>5</sup> Sự sáng soi trong tối tăm, tối tăm chẳng hề nhận lấy sự sáng.

<sup>6</sup> Có một người Đức Chúa Trời sai đến, tên là Giảng. <sup>7</sup> Người đến để làm



## Đức Chúa Trời Đang Ở Đây! / 9

chứng, là làm chứng về sự sáng, hầu cho bởi người ai nấy đều tin. <sup>8</sup> Chính người chẳng phải là sự sáng, song người phải làm chứng về sự sáng. <sup>9</sup> Sự sáng này là sự sáng thật, khi đến thế gian soi sáng mọi người. <sup>10</sup> Ngôi Lời ở thế gian, và thế gian đã làm nên bởi Ngài; nhưng thế gian chẳng từng nhìn biết Ngài.

<sup>11</sup> Ngài đã đến trong xứ mình, song dân mình chẳng hề nhận lấy. <sup>12</sup> Nhưng hề ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin danh Ngài, <sup>13</sup> là kẻ chẳng phải sanh bởi khí huyết, hoặc bởi tình dục, hoặc bởi ý người, nhưng sanh bởi Đức Chúa Trời vậy.

*Sự sống* là một chủ đề chính trong Phúc Âm, được nhắc đến ba mươi sáu lần. Vậy những yếu tố cần thiết cho sự sống con người là gì? Có ít nhất bốn yếu tố: ánh sáng (nếu không có mặt trời, muôn vật sẽ chết), không khí, nước và thực phẩm. Chúa Giê-xu là tất cả! Ngài là ánh sáng của sự sống, và ánh sáng của thế gian (*Giăng* 8:12). Ngài còn là “mặt trời công bình” (*Ma-la-chi* 4:2). Ngài ban cho chúng ta “hơi thở sự sống” (*Giăng* 3:8; 20:22), cũng như Nước Hằng Sống (4:10, 13-14; 7:37-39) qua Thánh Linh. Sau cùng, Ngài là Bánh Hằng Sống từ trời (6:35tt). Ngài không chỉ có sự sống và ban sự sống, mà Ngài chính là Sự Sống (14:6).

Sự sáng và sự tối tăm là những chủ đề tái diễn trong *Phúc Âm Giăng*. Đức Chúa Trời là sự sáng (*I Giăng* 1:5), trong khi Sa-tan là “quyền của sự tối tăm” (*Lu-ca* 22:53). Con người hoặc ưa ánh sáng, hoặc mê sự tối tăm, và sự chọn lựa này sẽ điều khiển hành động của họ (*Giăng* 3:16-19). Những ai tin nơi Chúa Giê-xu đều là “con cái của sự sáng” (12:35-36). Sự sáng tạo đầu tiên khởi đầu từ lời phán: “Phải có sự sáng!” Vì vậy “sự sáng tạo mới” này cũng bắt đầu từ ánh sáng soi vào tấm lòng người tin nhận (*II Cô-rinh-tô* 4:3-6). Chúa Giê-xu đến thế gian, báo hiệu buổi bình minh của một ngày mới dành cho tội nhân (*Lu-ca* 1:78-79).

Có lẽ bạn nghĩ rằng tội nhân mù loà sẽ hân hoan đón nhận sự sáng này, nhưng không phải hoàn toàn như thế. Sự hiện diện của ánh sáng thật sẽ đem đến xung đột khi đối diện với sự chống nghịch từ phía quyền lực tối tăm. Nghĩa đen của

## 10 / Giảng

*Giăng* 1:5 có thể hiểu như sau: “Sự sáng tiếp tục chiếu sáng trong tối tăm, và tối tăm không thể chế ngự sự sáng hay hiểu được sự sáng.” Động từ Hy Lạp có thể có nghĩa là “chế ngự” hay “nắm lấy, hiểu.” Qua *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ thấy cả hai thái độ này: con người không hiểu những điều Chúa phán và việc Ngài làm, và vì vậy họ chống nghịch Ngài. Từ chương 7-12 ghi lại sự chống nghịch càng mạnh mẽ của họ, cuối cùng dẫn đến việc Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá.

Mỗi khi Chúa Giê-xu dạy một lẽ thật thuộc linh, những kẻ nghe Ngài đều hiểu theo nghĩa vật chất hay vật lý. Sự sáng không thể soi vào tâm trí tối tăm của họ. Đây là sự thật khi Chúa nói về đền thờ của thân thể Ngài (*Giăng* 2:19-21), sự tái sinh (3:4), nước hằng sống (4:11), ăn thịt Ngài (6:51) sự tự do thuộc linh (8:30-36), chết tựa như giấc ngủ (11:11-13) và nhiều lẽ thật khác. Sa-tan ra sức giữ con người trong sự tối tăm vì sự tối tăm đồng nghĩa với sự chết và âm phủ, trong khi sự sáng là sự sống và thiên đàng.

Sự kiện này giúp giải thích chức vụ của *Giăng Báp-tít* (1:6-8). Ông được sai đi như một chứng nhân của Chúa Giê-xu, báo cho dân chúng biết rằng sự sáng đã đến thế gian. Có nhiều cơ hội thuộc linh, nhưng dân Y-sơ-ra-ên vẫn mù lòa về Đấng Mết-si-a của họ! “*Làm chứng*” là chữ chìa khóa trong sách này. *Giăng* dùng từ này trong dạng danh từ mười bốn lần và trong dạng động từ ba mươi ba lần. *Giăng Báp-tít* là một trong số nhiều người đã làm chứng về Chúa Giê-xu: “Đây là Con Đức Chúa Trời.” Thật đáng buồn! *Giăng* đã tử đạo, còn những nhà lãnh đạo Do Thái chẳng làm gì để can ngăn việc ấy.

Vì sao dân này khước từ Đấng Christ? Bởi họ “chẳng từng nhìn biết Ngài”. Họ ở trong tình trạng tăm tối thuộc linh. Chúa Giê-xu là ánh sáng thật, trong lúc các ánh sáng khác chỉ là bản sao của ánh sáng Ngài, nhưng người Do Thái lại hài lòng với các bản sao. Họ có Môi-se và luật pháp, đền thờ và của lễ, nhưng chẳng hề hiểu rằng những “ánh sáng” đó hướng về



## Đức Chúa Trời Đang Ở Đây! / 11

Sự Sáng thật, là Đấng làm ứng nghiệm và thành toàn tôn giáo Cựu Ước.

Khi suy gẫm *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ thấy Chúa dạy dân chúng rằng chính Ngài là sự ứng nghiệm của mọi điều ghi trong luật pháp. Sinh ra là người Do Thái không chưa đủ; họ phải được tái sinh, sinh ra từ thiên thượng (3:1-36). Ngài thực hiện hai phép lạ trong ngày Sa-bát để dạy họ rằng Ngài ban cho họ một sự yên nghỉ mới (chương 5, 9). Ngài là ma-na làm dịu cơn đói lòng (6:1-71) và là nước ban sự sống (7:37-39). Ngài là Người Chăn của bầy chiên mới (10:16), cũng là “Gốc Nho” mới (15:1-11). Nhưng dân chúng quá lệ thuộc vào truyền thống tôn giáo, đến nỗi không hiểu được lẽ thật thuộc linh. Chúa Giê-xu đã đến với thế giới Ngài dựng nên, nhưng Y-sơ-ra-ên, dân Ngài không hiểu Ngài, không muốn tiếp nhận Ngài.

Dân này từng chứng kiến việc Ngài làm, nghe lời Ngài phán cũng như mục kích đời sống trọn vẹn của Ngài. Ngài cho họ cơ hội đến với lẽ thật, tin nhận để được cứu rỗi. Chúa Giê-xu là đường đi, nhưng họ không đồng hành với Ngài (6:66-71), Ngài là lẽ thật, nhưng họ không tin nhận Ngài (12:37), Ngài là sự sống nhưng họ đóng đinh Ngài!

Ngày nay, tội nhân không nên phạm những sai lầm này. *Giăng* 1:12 cho chúng ta biết lời hứa kỳ diệu của Đức Chúa Trời: những ai tin nhận Chúa Giê-xu sẽ được tái sinh để bước vào gia đình của Đức Chúa Trời! *Giăng* nói thêm về sự tái sinh ở chương 3:1-36, nhưng ở đây ông muốn nói về sự tái sinh từ Đức Chúa Trời, không phải sự sinh sản về phương diện thể xác bởi khí huyết con người.

Sự sáng vẫn đang chiếu soi! *Riêng bạn* đã nhận sự sáng và trở nên con cái Đức Chúa Trời hay chưa?

### 3. Con Đức Chúa Trời

*Giăng* 1:15-28, 49

<sup>15</sup> *Giăng* làm chứng về Ngài khi kêu lên rằng: Ấy là về Ngài mà ta đã nói: Đấng đến sau ta trởi hơn ta, vì Ngài vốn trước ta. <sup>16</sup> Vả, bởi sự đẩy dầy của Ngài mà

## 12 / Giảng

chúng ta đều có nhận được, và ơn càng thêm ơn. <sup>17</sup> Vì luật pháp đã ban cho bởi Môi-se, còn ơn và lễ thật bởi Đức Chúa Jêsus Christ mà đến. <sup>18</sup> Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải bày Cha cho chúng ta biết.

<sup>19</sup> Nầy là lời chứng của Giảng, khi dân Giu-đa sai mấy thầy tế lễ, mấy người Lê-vi từ thành Giê-ru-sa-lem đến hỏi người rằng: Ông là ai? <sup>20</sup> Người xưng ra, chẳng chối chi hết, xưng rằng mình không phải là Đấng Christ. <sup>21</sup> Họ lại hỏi: Vậy thì ông là ai? Phải là Ê-li chăng? Người trả lời: Không phải. Ông phải là đấng tiên tri chăng? Người trả lời: Không phải. <sup>22</sup> Họ bèn nói: Vậy thì ông là ai? Hầu cho chúng tôi trả lời cùng những người đã sai chúng tôi đến. Ông tự xưng mình là ai? <sup>23</sup> Người trả lời: Ta là tiếng của người kêu trong đồng vắng rằng: Hãy ban đường của Chúa cho bằng, như đấng tiên tri Ê-sai đã nói. <sup>24</sup> Những kẻ chịu sai đến cùng Giảng đều là người Pha-ri-si. <sup>25</sup> Họ lại hỏi rằng: Nếu ông chẳng phải Đấng Christ, chẳng phải Ê-li, chẳng phải đấng tiên tri, thì cơ sao ông làm phép báp-têm? <sup>26</sup> Giảng trả lời: Về phần ta, ta làm phép báp-têm bằng nước; nhưng có một Đấng ở giữa các người mà các người không nhận biết. <sup>27</sup> Ấy là Đấng đến sau ta, ta chẳng đáng mở dây giày Ngài. <sup>28</sup> Những việc đó đã xảy ra tại thành Bê-tha-ni, bên kia sông Giô-đanh, là nơi Giảng làm phép báp-têm. <sup>29</sup> Na-tha-na-ên lại nói: Lạy thầy, thầy là Con Đức Chúa Trời, thầy là Vua dân Y-sơ-ra-ên!

Giảng Báp-tít là một trong những nhân vật quan trọng trong Tân Ước. Ông được nhắc đến ít nhất tám mươi chín lần. Giảng nhận được đặc ân giới thiệu về Chúa Giê-xu cho dân Y-sơ-ra-ên. Ông cũng mang trọng trách lớn, chuẩn bị dân tộc tiếp đón Đấng Mết-si-a. Ông kêu gọi mọi người ăn năn tội và bày tỏ sự ăn năn qua phép báp-têm và rồi sống đời sống đổi mới.

Giảng tóm tắt những điều Giảng Báp-tít phải rao truyền về Chúa Giê-xu (1:15-18). Trước hết, Ngài là *Đấng Vĩnh Cửu* (Giăng 1:15). Giảng Báp-tít ra đời trước Chúa Giê-xu sáu tháng (Lu-ca 1:36), vì vậy, câu nói này đề cập đến sự tồn tại từ trước của Chúa, không phải nói về thời điểm Ngài giáng sinh trên đất. Chúa Giê-xu thật đã hiện hữu từ trước khi Giảng Báp-tít được hoài thai trong bụng mẹ!

Chúa Giê-xu là Đấng đầy dẫy *ân sủng và chân lý* (Giăng 1:16-17). “Ân sủng” là ân huệ và lòng nhân từ của Đức Chúa Trời ban tặng cho những người không xứng đáng nhận và



## Đức Chúa Trời Đang Ở Đây! / 13

cũng không thể tìm được. Nếu Đức Chúa Trời đối đãi với chúng ta chỉ theo chân lý, không ai trong chúng ta sống sót nổi! Nhưng Ngài đã đối đãi chúng ta bằng ân sủng và chân lý. Qua đời sống, sự chết và phục sinh, Chúa Giê-xu đã đáp ứng mọi yêu cầu của luật pháp. Giờ đây, Đức Chúa Trời có thể ban ân sủng dư dật cho người tin nhận Chúa Giê-xu. Ân sủng không có chân lý là lừa dối, và chân lý không có ân sủng là kết án!

Qua *Giăng* 1:17, Giăng không có ý cho rằng không hề có ân sủng dưới luật pháp Môi-se, bởi vì ân sủng thật đã có. Mỗi của lễ là sự bày tỏ ân sủng của Đức Chúa Trời. Luật pháp cũng bày tỏ chân lý của Đức Chúa Trời. Nhưng trong Chúa Giê-xu, “ân sủng và chân lý” đạt đến sự trọn vẹn. Và sự trọn vẹn này được dành sẵn cho chúng ta. Chúng ta được cứu rỗi bởi ân sủng (*Ê-phê-sô* 2:8,9), cũng sống bởi ân sủng (*I Cô-rinh-tô* 15:10) và lệ thuộc vào ân sủng Đức Chúa Trời trong mọi việc mình làm. Chúng ta có thể nhận biết ơn này đến ơn khác, vì “Ngài ban cho ta ơn lớn hơn nữa” (*Gia-cơ* 5:6;). Qua *Giăng* 1:7 Giăng muốn nói rằng một trật tự mới đã xuất hiện, thay thế hệ thống luật pháp Môi-se.

Sau hết, *Chúa Giê-xu là Đấng bày tỏ Đức Chúa Trời cho chúng ta* (*Giăng* 1:18). Đức Chúa Trời vốn vô hình (*I Ti-mô-thê* 1:17; *Hê-bơ-rơ* 11:27). Con người có thể thấy Ngài qua thiên nhiên (*Rô-ma* 1:20; *Thi Thiên* 19:1-6) và qua công việc kỳ diệu của Ngài trong lịch sử, nhưng không thể nhìn thấy chính Ngài. Chúa Giê-xu đã cho chúng ta biết về Đức Chúa Trời, vì Ngài là “hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được” (*Cô-lô-se* 1:15) và là “hình bóng của bản thể Ngài” (*Hê-bơ-rơ* 1:3). Chúa Giê-xu đã bày tỏ cho chúng ta về Đức Chúa Trời và về chính Ngài. Chúng ta đương nhiên không thể hiểu Đức Chúa Trời trừ khi biết về Con Ngài, là Chúa Giê-xu.

Từ *Con* được dùng lần đầu trong *Phúc Âm Giăng* như một danh hiệu dành cho Chúa Giê-xu (*Giăng* 1:18). “Con độc sanh” có nghĩa là “độc nhất, chỉ có một.” Điều này không có nghĩa

## 14 / Giảng

là trước đó không có sự hiện hữu của Con, rồi Cha sinh Con ra trên đời! Chúa Giê-xu chính là Đức Chúa Trời hằng hữu, Ngài đã có từ trước vô cùng.

Có ít nhất chín lần trong *Phúc Âm Giảng*, Chúa Giê-xu được gọi là “Con Đức Chúa Trời” (1:34, 49; 3:18; 5:25; 10:36; 11:4, 27; 19:7; 20:31). Bạn sẽ thấy Giảng hẳn có mục đích rõ ràng khi thuyết phục chúng ta tin Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (20:31). Chúa Giê-xu được gọi với tư cách là “Con” ít nhất mười chín lần. Ngài không chỉ là Con Đức Chúa Trời, Ngài còn là Đức Chúa Trời trong thân vị của “Con.” Ngay cả tà ma cũng thừa nhận điều này (*Mác* 3:11; *Lu-ca* 4:41).

Giăng Báp-tít là một trong sáu nhân vật được nhắc đến trong *Phúc Âm Giảng*, đã làm chứng rằng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời. Ngoài Giăng Báp-tít ra, còn có Na-tha-na-ên (*Giăng* 1:49); Phi-e-rơ (6:69), người mù được chữa lành (9:35-38), Ma-thê (11:27) và Thô-ma (20:28). Nếu thêm lời chứng của chính Chúa Giê-xu (5:25; 10:36), bạn sẽ có bảy nhân chứng trong *Phúc Âm* này.

Giăng ghi lại bốn ngày trong đời của Giăng Báp-tít, Chúa Giê-xu và các môn đệ đầu tiên. Trong chương 2, có thể nói ông tiếp tục câu chuyện và trình bày “một tuần lễ” trong “sự sáng tạo mới” giống như tuần lễ sáng tạo ở *Sáng Thế Ký* 1:1-31.

Vào ngày đầu tiên (*Giăng* 1:19-24), các quan trưởng Giu-đa chất vấn Giăng Báp-tít. Đây là những người có quyền tìm hiểu về Giăng và chức vụ của ông, bởi họ là người canh giữ và bảo vệ niềm tin. Họ đặt ra nhiều câu hỏi, và Giăng Báp-tít đều trả lời rành mạch.

“Ông là ai?” hẳn là câu hỏi hợp lý. Phải chăng Giăng Báp-tít là Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời? Hay ông là tiên tri Ê-li được sai đến trước Đấng Mết-si-a? (*Ma-thi-ơ* 4:5). Đoàn dân tụ tập lại nghe Giăng và nhiều người đã chịu phép báp-têm. Dù Giăng không thực hiện phép lạ nào (*Giăng* 10:41), nhưng có thể dân chúng cho rằng ông là Đấng Mết-si-a của Đức



Chúa Trời.

Giăng phủ nhận rằng ông không phải là Ê-li, cũng không phải là Đấng Mết-si-a. (Trong một ý nghĩa nào đó, ông là tiên tri Ê-li của lời hứa. Xem *Ma-thi-ơ* 17:10-13). Giăng Báp-tít không nói gì về bản thân mình vì ông được sai đến để nói về Chúa Giê-xu; Chúa Giê-xu là Ngôi Lời, còn Giăng chỉ là “tiếng kêu.” Và người ta không thể nhìn thấy tiếng kêu! Giăng trích dẫn lời tiên tri Ê-sai (*Ê-sai* 40:1-3) và khẳng định chính ông đã làm ứng nghiệm lời ấy.

Biết chắc Giăng là ai, những kẻ chất vấn lại hỏi tiếp về chức vụ Giăng: “Cớ sao ông làm phép báp-têm?” Giăng được đặc quyền làm báp-têm không phải từ con người nhưng từ trên trời, và chính Đức Chúa Trời đã giao phó cho ông chức vụ này (*Ma-thi-ơ* 21:23-32). Thời bấy giờ, các thầy tế lễ trong dân chúng thường làm phép báp-têm cho người ngoại muốn theo đạo của Do Thái. Vậy mà, *Giăng Báp-tít lại báp-têm cho chính người Do Thái!*

Giăng giải thích rằng ông làm báp-têm bằng nước, nhưng Đấng Mết-si-a đến sau sẽ làm báp-têm bằng Đức Thánh Linh. Một lần nữa, Giăng chứng minh ông không lập ra một tôn giáo mới hay đề cao bản thân. Ông chỉ muốn cho dân chúng biết đến Đấng Christ, là Con Đức Chúa Trời (*Giăng* 1:34). Về sau, chúng ta sẽ biết rằng Chúa Giê-xu được dân Y-sơ-ra-ên biết đến bởi phép báp-têm.

### 4. Chiên Con Của Đức Chúa Trời

*Giăng* 1:29-34

<sup>29</sup> Qua ngày sau, Giăng thấy Đức Chúa Jêsus đến cùng mình, thì nói rằng: Kia, Chiên con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian đi. <sup>30</sup> Ấy về Đấng đó mà ta đã nói: Có một người đến sau ta, trổi hơn ta, vì người vốn trước ta. <sup>31</sup> Về phần ta, ta vốn chẳng biết Ngài; nhưng ta đã đến làm phép báp-têm bằng nước, để Ngài được tỏ ra cho dân Y-sơ-ra-ên. <sup>32</sup> Giăng lại còn làm chứng nầy nữa: Ta đã thấy Thánh Linh từ trời giáng xuống như chim bồ câu, đậu trên mình Ngài. <sup>33</sup> Về phần ta, ta vốn không biết Ngài; nhưng Đấng sai ta làm phép báp-têm bằng nước có phán cùng ta rằng: Đấng mà người sẽ thấy Thánh Linh ngự xuống

## 16 / Giảng

đậu lên trên, ấy là Đấng làm phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh. <sup>34</sup> Ta đã thấy, nên ta làm chứng rằng: Ấy chính Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Đây là ngày thứ hai trong tuần lễ được Giảng ghi nhận, và chắc chắn có một số các quan trưởng Giu-đa đến nghe Giảng Báp-tít giảng đạo. Lần này, ông gọi Chúa Giê-xu là “Chiên Con của Đức Chúa Trời,” một danh hiệu được ông nhắc lại vào ngày kế tiếp (*Giăng* 1:35-36). Trên một phương diện, sứ điệp Kinh Thánh có thể được tóm tắt trong danh hiệu này. Trong Cựu Ước, câu hỏi đặt ra là “Chiên Con ở đâu?” (*Sáng Thế Ký* 22:7). Trong bốn sách Phúc Âm, trọng tâm lại là “Hãy ngắm xem Chiên Con của Đức Chúa Trời!” Ngài đang ở đây! Nếu tin nhận Ngài, bạn hẳn có thể đồng thanh với đoàn thiên sứ rằng “Đáng ngợi khen Chiên Con!” (*Khải Thị* 5:12).

Dân Y-sơ-ra-ên vốn đã quen thuộc với những chiên con được dâng làm của lễ. Vào kỳ lễ Vượt Qua, mỗi gia đình phải ăn một chiên con; và trong suốt năm mỗi ngày phải dâng hai chiên con tại đền thánh, cùng những chiên con khác dùng cho của lễ cá nhân. Những chiên con này do con người đem đến cho con người, nhưng đây là Chiên Con của Đức Chúa Trời, được chính Đức Chúa Trời ban cho con người! Những chiên con kia không thể xóa tội con người, nhưng Chiên Con Đức Chúa Trời thật có thể tẩy sạch tội lỗi. Những chiên con kia chỉ được dành cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Chiên Con Đức Chúa Trời đổ huyết ra cho cả thế giới!

Nếu Chúa Giê-xu là Chiên Con Đức Chúa Trời, vậy phép báp-têm của Giảng có liên hệ gì đến Ngài? Các học giả của mọi giáo phái đều thừa nhận rằng phép báp-têm trong Tân Ước được thực hiện bằng cách chìm mình dưới nước. Đó là hình ảnh của sự chết, chôn và sự sống lại. Khi Giảng làm báp-têm cho Chúa Giê-xu, Chúa và Giảng đã phác họa hình ảnh của “phép báp-têm” mà Chúa sẽ chịu *trên thập tự giá*. Đó là lúc Chiên Con Đức Chúa Trời chịu chết làm của lễ chuộc tội (*Lu-ca* 12:50; *Ê-sai* 53:7). Bởi sự chết, chôn và sống lại, Chiên Con Đức Chúa Trời sẽ “làm trọn mọi việc công bình” (*Ma-thi-*



ơ 3:15).

Có lẽ Giăng Báp-tít lầm lẫn. Có lẽ Giăng không biết chắc Giê-xu Na-xa-rét có phải là Chiên Con Đức Chúa Trời và Con Đức Chúa Trời hay không. Tuy vậy, Đức Chúa Trời đã bày tỏ rõ cho Giăng biết về Chúa Giê-xu khi khiến Đức Thánh Linh giáng xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Đẹp thay hình ảnh Ba Ngôi Đức Chúa Trời!

## 5. Đấng Mê-ti-si-a

*Giăng 1: 35-42*

<sup>35</sup> Ngày mai, Giăng lại ở đó với hai môn đồ mình; <sup>36</sup> nhìn Đức Chúa Jê-sus đi ngang qua, bèn nói rằng: Kia, Chiên con của Đức Chúa Trời! <sup>37</sup> Hai môn đồ nghe lời đó, bèn đi theo Đức Chúa Jê-sus. <sup>38</sup> Đức Chúa Jê-sus vừa xây lại, thấy hai người đi theo mình, thì phán rằng: Các người tìm chi? Thưa rằng: Ra-bi (nghĩa là Thầy), Thầy ở đâu? <sup>39</sup> Ngài phán rằng: Hãy đến xem. Vậy, hai người đi, thấy nơi Ngài ở, và ở lại cùng Ngài trong ngày đó; lúc bấy giờ độ chừng giờ thứ mười.

<sup>40</sup> Trong hai người đã nghe điều Giăng nói và đi theo Đức Chúa Jê-sus đó, một là Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ. <sup>41</sup> Trước hết người gặp anh mình là Si-môn, thì nói rằng: Chúng ta đã gặp Đấng Mê-ti-si (nghĩa là Đấng Christ). <sup>42</sup> Người bèn dẫn Si-môn đến cùng Đức Chúa Jê-sus. Ngài vừa ngó thấy Si-môn, liền phán rằng: Người là Si-môn, con của Giô-na; người sẽ được gọi là Sê-pha (nghĩa là Phi-e-rơ).

Đây là diễn tiến của ngày thứ ba. Ngày thứ bảy có cả lễ cưới tại Ca-na (*Giăng 2:1*), và vì đám cưới của dân Do Thái thường tổ chức vào thứ tư, nên ngày thứ ba này có giá trị như “ngày Sa-bát.” Nhưng đây không phải là ngày nghỉ của Chúa Giê-xu và Giăng Báp-tít, bởi Giăng đang giảng đạo và Chúa Giê-xu đang thu nhận các môn đệ.

Hai môn đệ Giăng Báp-tít đi theo Chúa Giê-xu, đó là Giăng, người viết Phúc Âm này và bạn ông là Anh-rê. Giăng Báp-tít vui mừng khi đoàn dân lìa ông để theo Chúa Giê-xu, vì chức vụ của ông là cho người khác biết Chúa Giê-xu. “Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống” (3:30).

Khi Chúa hỏi họ “Các người tìm chi?” Ngài muốn họ xác

## 18 / Giảng

nhận mục tiêu của mình. Phải chăng họ đang tìm một lãnh tụ cách mạng lật đổ La Mã? Nếu vậy, họ nên gia nhập đảng Xê-lốt. Anh-rê và Giảng không nhận biết thế nào hôm ấy Con Đức Chúa Trời sẽ thay đổi cuộc đời của họ.

Câu hỏi “Thầy ở đâu?” có thể hiểu: “Nếu bây giờ Thầy quá bận việc, chúng tôi sẽ đến với thầy sau”. Nhưng Chúa đã mời họ đến với Ngài trong ngày hôm ấy. Hẳn Ngài cũng cho họ biết điều gì đó trong chức vụ Ngài, giải tỏ lòng họ và giải đáp thắc mắc của họ. Họ xúc động đến nỗi dẫn anh em mình đến với Ngài. Anh-rê dẫn Si-môn, Giảng dẫn Gia-cơ. Họ thật là những người chặn giữ anh em mình! (*Sáng Thế Ký* 4:9). Mỗi khi bạn gặp Anh-rê trong *Phúc Âm Giảng*, ông đều đưa một ai đó đến với Chúa Giê-xu: người anh của mình, cậu bé với năm cái bánh và hai con cá (*Giăng* 6:8), những người Gô-réc muốn gặp Chúa Giê-xu (12:20-21). Bài giảng của Anh-rê không được ghi chép lại, nhưng chắc hẳn ông đã có những bài giảng kỳ diệu bằng hành động của người thu phục linh hồn tội nhân!

Anh-rê làm chứng với Si-môn rằng: “Chúng ta đã gặp Đấng Mết-si-a!” *Mết-si-a* là từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “được xúc dầu,” và tiếng Hy Lạp có nghĩa “Đấng Christ.” Đối với dân Do Thái, danh ấy được xem như “Con của Đức Chúa Trời” (xem *Ma-thi-ơ* 26:63-64; *Mác* 14:61-62; *Lu-ca* 22:67-70). Trong Cựu Ước, các tiên tri, thầy tế lễ và các vua được xúc dầu để biệt riêng ra cho công tác đặc biệt của Đức Chúa Trời. Các vua được người ta gọi là “kẻ chịu xúc dầu của Đức Chúa Trời” (*I Sa-mu-ên* 26:11; *Thi Thiên* 89:20). Vì vậy, khi người Do Thái nói đến Đấng Mết-si-a, họ nghĩ về một vị vua sẽ đến giải phóng họ và lập vương quốc mới.

Các giáo sư Do Thái hoang mang, chẳng biết Đấng Mết-si-a sẽ làm gì. Một số người xem Ngài là “cửa lễ chuộc tội” (*Ê-sai* 53:1-12), những người khác xem Ngài như vị vua vinh hiển (*Ê-sai* 9:1-20; và 11:1-16). Chúa Giê-xu phải giải thích cho các môn đệ Ngài rằng thập tự giá phải đến trước mào triều



## Đức Chúa Trời Đang Ở Đây! / 19

vinh hiển, Ngài phải chịu thương khó trước khi bước vào sự vinh hiển (*Lu-ca* 24:13-35). Chúa Giê-xu có thật là Đấng Mết-si-a hay không? Đây quả là một thách đố gay gắt đối với dân Do Thái thời bấy giờ (*Giăng* 7:26, 40-44; 9:22; 10:24).

Việc gặp Chúa Giê-xu đã thay đổi đời sống Si-môn. Ông được gọi bằng một tên mới, tiếng Gờ-réc là Phi-e-rơ, tiếng Aramaic là *Sê-pha*. Cả hai tên đều có nghĩa là “đá.” Không dễ gì thay đổi được một Si-môn yếu đuối thành đá, nhưng Chúa Giê-xu đã làm điều diệu kỳ ấy! “Người là... Người sẽ được gọi là...” đó là lời khích lệ lớn cho những ai tin nơi Chúa Giê-xu. Thật vậy, Ngài là Đấng ban cho chúng ta “quyền phép để đổi mới” (1:12).

Đáng chú ý là Anh-rê và Giăng tin nhận Chúa Giê-xu qua bài giảng mạnh mẽ của Giăng Báp-tít. Phi-e-rơ và Gia-cơ đến với Chúa nhờ sự quan tâm chăm sóc của anh em mình. Sau đó, Chúa Giê-xu cũng bắt phục được Phi-líp. Phi-líp lại làm chứng và dẫn Na-tha-na-ên đến với Chúa Giê-xu. Kinh nghiệm của mỗi người khác nhau, bởi Đức Chúa Trời sử dụng những phương tiện khác nhau để đem tội nhân đến với Đấng Christ. Điều quan trọng là chúng ta phải tin nhận Chúa Giê-xu và dẫn dắt người khác đến với Ngài.

### 6. Vua Dân Y-sơ-ra-ên

*Giăng* 1:43-49

<sup>43</sup> Qua ngày sau, Đức Chúa Jê-sus muốn qua xứ Ga-li-lê, tìm Phi-líp, mà phán rằng: Hãy theo ta. <sup>44</sup> Vả, Phi-líp là người Bết-sai-đa, đồng thành với Anh-rê và Phi-e-rơ. <sup>45</sup> Phi-líp gặp Na-tha-na-ên, nói với người rằng: Chúng ta đã gặp Đấng mà Môi-se có chép trong luật pháp, và các đấng tiên tri cũng có nói đến; ấy là Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét, con của Giô-sép. <sup>46</sup> Na-tha-na-ên nói rằng: Há có vật gì tốt ra từ Na-xa-rét được sao? Phi-líp nói: Hãy đến xem. <sup>47</sup> Đức Chúa Jê-sus thấy Na-tha-na-ên đến cùng mình, bèn phán về người rằng: Này, một người Y-sơ-ra-ên thật, trong người không có điều dối trá chi hết. <sup>48</sup> Na-tha-na-ên thưa rằng: Bởi đâu thấy biết tôi? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Trước khi Phi-líp gọi người, ta đã thấy người lúc ở dưới cây vả. <sup>49</sup> Na-tha-na-ên lại nói: Lạy thầy, thầy là Con Đức Chúa Trời, thầy là Vua dân Y-sơ-ra-ên!

Chúa Giê-xu kêu gọi Phi-líp cách riêng tư. Phi-líp tin nhận

## 20 / Giảng

Chúa và đi theo Ngài. Chúng ta không biết Phi-líp đã dọn lòng mình ra sao, vì Đức Chúa Trời luôn chuẩn bị cho một người trước khi Ngài kêu gọi người ấy. Chúng ta biết Phi-líp đã bày tỏ niềm tin bằng cách chia xẻ với người bạn Na-tha-na-ên.

*Giăng* 21:2 cho biết có ít nhất bảy môn đệ của Chúa làm nghề chài lưới, gồm cả Na-tha-na-ên. Ngư phủ là những người rất dạn dĩ và kiên trì với công việc, dù việc ấy khó khăn đến đâu. Nhưng Na-tha-na-ên đã bắt đầu bằng sự nghi ngờ: ông cho rằng không có điều gì đáng giá đến từ Na-xa-rét. Chúa Giê-xu được sinh ra ở thành Bết-lê-hem, nhưng Ngài lớn lên ở Na-xa-rét và chịu sự ô nhục ấy (*Ma-thi-ơ* 2:19-23). Được gọi là “người Na-xa-rét” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 24:5) đồng nghĩa với việc bị khinh ghét và chối bỏ.

Khi Na-tha-na-ên nghi ngờ và biện luận, Phi-líp lặp lại lời của Chúa Giê-xu: “Hãy đến xem” (*Giăng* 1:39). Sau đó, Chúa cũng mời gọi: “Hãy đến cùng ta mà uống” (7:37) và “Hãy lại mà ăn” (21:12). “Hãy đến” là lời mời quan trọng của ân sủng của Đức Chúa Trời.

Khi đến với Chúa Giê-xu, Na-tha-na-ên khám phá rằng Chúa Giê-xu đã biết rõ về ông từ trước. Thật đáng kinh ngạc! Khi gọi Na-tha-na-ên là “một người Y-sơ-ra-ên thật, trong người không có điều dối trá,” Chúa Giê-xu muốn nói đến Gia-cốp tổ phụ dân Do Thái, là người đã dùng sự dối trá để lừa anh, lừa cha và lừa ông gia của mình. Tên Gia-cốp được đổi thành “Y-sơ-ra-ên”, nghĩa là “vật lộn cùng Đức Chúa Trời”. Đề cập về “cái thang của Gia-cốp” trong *Giăng* 1:51 xác nhận về điều này.

Khi Chúa Giê-xu bày tỏ những điều Ngài biết về Na-tha-na-ên, nơi ông ở, việc ông làm, những điều này đủ để khiến ông tin Chúa Giê-xu thật sự là “Con Đức Chúa Trời, Vua Y-sơ-ra-ên.” Ông có một kinh nghiệm giống với người đàn bà Sa-ma-ri bên giếng nước. “Khi Ngài (Đấng Mết-si-a) đã đến, sẽ rao truyền mọi việc cho chúng ta... Hãy đến xem một người



## Đức Chúa Trời Đang Ở Đây! / 21

đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm” (4:25, 29). Việc bày tỏ tấm lòng mình cũng là việc nên làm trong Hội Thánh (I Cô-rinh-tô 14:23-35).

Khi Phi-líp làm chứng cho Na-tha-na-ên, ông đưa ra chứng cứ về Môi-se và các tiên tri (Giăng 1:45). Có lẽ Chúa Giê-xu đã trưng dẫn nhanh chóng cho Phi-líp biết về những lời tiên tri Cựu Ước có liên quan đến Đấng Mết-si-a, như Ngài đã trưng dẫn cho hai môn đệ ở làng Em-ma-út (Lu-ca 24:13). Kết hợp lời chứng của cá nhân với Lời Đức Chúa Trời, luôn là cách làm chứng tốt chúng ta nên làm theo.

“Vua Y-sơ-ra-ên” là danh hiệu tương tự với “Mết-si-a, Đấng được xúc dầu,” vì các vua luôn là những người được Đức Chúa Trời xúc dầu (Thi Thiên 2:6, 7). Khi Chúa thi hành chức vụ trên đất, có một thời điểm dân chúng muốn tôn Ngài làm Vua, nhưng Ngài từ chối (Giăng 6:15). Ngài đã tỏ mình là Vua và Ngài xác nhận điều này với Phi-lát (18:33-37).

Một số người cho rằng Na-tha-na-ên và Ba-thê-lê-my là một. Giăng chưa hề nhắc đến Ba-thê-lê-my trong Phúc Âm, nhưng ba tác giả Phúc Âm còn lại kể tên Ba-thê-lê-my nhưng không nhắc đến Na-tha-na-ên. Tên Phi-líp đi liền với Ba-thê-lê-my trong danh sách tên các sứ đồ (Ma-thi-ơ 10:3; Mác 3:18; Lu-ca 6:14). Vì vậy, có thể hai người này đi đôi với nhau cùng đồng công với nhau. Thời bấy giờ, nếu một người có hai tên cũng là việc bình thường.

### 7. Con Người

Giăng 1: 50-51

<sup>50</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Vì ta đã phán cùng người rằng ta thấy người dưới cây vả, thì người tin; người sẽ thấy việc lớn hơn điều đó! <sup>51</sup> Ngài lại phán: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, các người sẽ thấy trời mở ra, và thiên sứ của Đức Chúa Trời lên xuống trên Con người.

“Con Người” là một trong những danh Chúa thích dùng để chỉ về Ngài. Danh này được nhắc đến tám mươi ba lần trong các

## 22 / Giảng

sách Phúc Âm và ít nhất mười ba lần trong *Phúc Âm Giảng*. Danh này chỉ về cả thần tính và nhân tính của Chúa Giê-xu. Sự hiện thấy trong *Đa-ni-ên* 7:13 bày tỏ về “Con Người” trong bối cảnh Đấng Mết-si-a quyền phép, và Chúa Giê-xu cũng sử dụng danh hiệu này theo cách ấy (*Ma-thi-ơ* 26:61).

Là Con Người, Chúa Giê-xu nối kết cách sống động giữa trời và đất. Điều này giải thích về việc Chúa nói về “cái thang của Gia-cốp” trong *Sáng Thế Ký* 28. Gia-cốp một người tha phương ngỡ mình là kẻ cô độc, nhưng Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ đến giúp đỡ ông. Đấng Christ là “cái thang” của Đức Chúa Trời bắc từ trời xuống đất. “Chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha” (*Giăng* 14:6). Trong *Phúc Âm Giảng*, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu luôn nhắc dân Ngài biết rằng Ngài là Đấng từ trời đến. Dân Do Thái cũng biết rằng “Con Người” là danh hiệu dành cho Đấng Mết-si-a của họ (12:34).

Vào cuối ngày thứ tư, Chúa Giê-xu có sáu người tin theo Ngài. Họ chính là những môn đệ Ngài. Lúc đó, họ chưa dứt khoát “bỏ mọi sự mà theo Ngài.” Nhưng họ tin Ngài và kinh nghiệm quyền năng Ngài. Trong suốt ba năm, họ đã trưởng thành trong đức tin, biết nhiều hơn về Chúa Giê-xu, và thay thế chức vụ Ngài trên đất hầu cho Đạo Ngài được rao ra cho toàn nhân loại.

Chúa Giê-xu Na-xa-rét là Đức Chúa Trời đến trong xác thịt. Khi Phi-líp gọi Ngài “Con của Giô-sép” ông không có ý chối bỏ sự giáng sinh của Ngài qua trinh nữ Ma-ri hay thần tính của Ngài. Đó chỉ là sự xác nhận về mặt luật pháp, vì một người Do Thái được người ta biết qua tên người cha (6:42). Cả đoạn này nói lên lời chứng rõ ràng: Chúa Giê-xu Na-xa-rét là Đức Chúa Trời đến trong xác thịt!

Đức Chúa Trời đang ở đây!



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 1

---

#### *Giăng 1*

1. Ngày nay thế giới quan niệm gì về Chúa Giê-xu?
2. Trong chương 1 sứ đồ Giăng mô tả Chúa Giê-xu như thế nào?
3. Mỗi danh xưng sứ đồ Giăng dùng để chỉ Chúa Giê-xu cho chúng ta biết gì về Ngài?
4. Tại sao Ngôi Lời thành nhục thể?
5. Bạn học được gì từ Giăng Báp-tít và mối liên hệ của ông với Chúa Giê-xu?
6. Chúa Giê-xu thụ nhận được sáu môn đồ sau bốn ngày thi hành chức vụ. Tại sao các môn đồ này tin Ngài?
7. Bạn học được gì về việc truyền giảng Phúc Âm qua cách Chúa kêu gọi các môn đồ?
8. Trong chương này bạn học được điều gì ý nghĩa nhất về Chúa Giê-xu?
9. Điều đó ảnh hưởng thế nào đến cách sống của bạn trong tuần này?

# Học Về Chúa Giê-xu

## Giăng 2

Sáu môn đệ tin nhận Chúa Giê-xu đã bắt đầu giai đoạn đồng hành với Ngài suốt đời và học biết về Ngài nhiều hơn. Bây giờ, chúng ta có trọn Phúc Âm, nên thường cho rằng những sự kiện ấy là việc đương nhiên, nhưng đối với các môn đệ thời bấy giờ, mỗi ngày và mỗi sự kiện đều kỳ diệu họ không thể hiểu nổi. Trong đoạn này, Giăng ghi lại ba sự mạc khải kỳ diệu về Chúa Giê-xu.

### 1. Sự Vinh Hiển Của Ngài

*Giăng 2:1-12*

<sup>1</sup> Cách ba ngày sau, có đám cưới tại thành Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, và mẹ Đức Chúa Jê-sus có tại đó. <sup>2</sup> Đức Chúa Jê-sus cũng được mời đến dự đám với môn đồ Ngài. <sup>3</sup> Vừa khi thiếu rượu, mẹ Đức Chúa Jê-sus nói với Ngài rằng: Người ta không có rượu nữa. <sup>4</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hỡi đàn bà kia, ta với người có sự gì chẳng? Giờ ta chưa đến. <sup>5</sup> Mẹ Ngài nói với những kẻ hầu bàn rằng: Người biểu chi, hãy vâng theo cả. <sup>6</sup> Và, tại đó có sáu cái ché đá, định dùng về sự rửa sạch cho người Giu-đa, mỗi cái chứa hai ba lạng nước. <sup>7</sup> Đức Chúa Jê-sus biểu họ rằng: Hãy đổ nước đầy những ché này; thì họ đổ đầy tới miệng. <sup>8</sup> Ngài bèn phán rằng: Bây giờ hãy múc đi, đem cho kẻ coi tiệc. Họ bèn đem cho. <sup>9</sup> Lúc kẻ coi tiệc ném nước đã biến thành rượu (và, người không biết rượu này đến bởi đâu, còn những kẻ hầu bàn có múc nước thì biết rõ), bèn gọi chàng rể, <sup>10</sup> mà nói rằng: Mọi người đều đã i rượu ngon trước, sau khi người ta uống

## Học Về Chúa Giê-xu / 25

nhiều rồi, thì kể đến rượu vừa vừa. Còn người, người lại giữ rượu ngon đến bây giờ.

<sup>11</sup> Ấy là tại Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, mà Đức Chúa Jê-sus làm phép lạ thứ nhất, và tỏ bày sự vinh hiển của mình như vậy; môn đồ bèn tin Ngài. <sup>12</sup> Sau việc đó, Ngài với mẹ, anh em, và môn đồ Ngài đều xuống thành Ca-bê-na-um; và chỉ ở tại đó ít ngày thôi.

“Ngày thứ ba” có nghĩa là ba ngày sau khi Chúa Giê-xu kêu gọi Na-tha-na-ên (*Giăng* 1:45-51). Vì đó là ngày thứ tư trong tuần được ghi lại trong *Giăng* (1:19, 29, 35, 43), lễ cưới diễn ra vào “ngày thứ bảy” của “tuần lễ sáng tạo mới” này. Trong suốt Phúc Âm, *Giăng* luôn thể hiện rõ rằng Chúa Giê-xu tuân theo giờ giấc của Đức Chúa Trời, vâng theo ý muốn của Đức Chúa Cha.

Theo truyền thống Do Thái, lễ cưới các thiếu nữ đồng trinh tổ chức vào ngày thứ tư, và những người đàn bà góa vào ngày thứ năm. “Ngày thứ bảy” trong tuần lễ đặc biệt theo *Giăng*, lễ ra Chúa Giê-xu nghỉ ngơi, như Đức Chúa Trời đã nghỉ vào ngày thứ Bảy (*Sáng Thế Ký* 2:1-3). Nhưng tội lỗi đã làm gián đoạn ngày Sa-bát của Đức Chúa Trời, và cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đều phải làm việc (*Giăng* 5:17; 9:4). Thật vậy, *Giăng* đã ghi lại hai phép lạ cụ thể Chúa Giê-xu đã thực hiện vào ngày Sa-bát (chương 5, 9).

Trong tiệc cưới này, chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu trong ba vai trò: vị khách, người con và vị chủ tiệc.

*Chúa Giê-xu, vị khách* (*Giăng* 2:1-2). Chúa chúng ta không phải là ẩn sĩ như *Giăng* Báp-tít (*Ma-thi-ơ* 11:16-19). Ngài nhận lời mời đến dự những buổi tiệc xã giao, dù kẻ thù Ngài từng lợi dụng cơ hội này để tố cáo Ngài (*Lu-ca* 15:1-2). Chúa tiếp cận những kinh nghiệm thường ngày của cuộc sống và thánh hóa chúng bởi sự hiện diện của Ngài. Cặp vợ chồng mới này thật khôn ngoan khi mời Chúa Giê-xu dự tiệc cưới của họ!

Đi cùng Chúa có mẹ Ngài và sáu môn đồ. Có lẽ sự hiện diện thêm của bảy người này đã tạo ra tình trạng khó xử. Nếu đúng vậy, đây quả là một tiệc cưới đơn sơ. Chúng ta có đủ lý



## 26 / Giảng

do tin rằng gia đình trần thế của Chúa Giê-xu nhất định là không giàu có gì, và bạn bè của gia đình Ngài cũng thế. Việc thiếu rượu có lẽ do hoàn cảnh chật hẹp mà ra.

Chúa Giê-xu và các môn đệ được mời dự tiệc vì bà Ma-ri hay vì Na-tha-na-ên? (*Giăng* 21:2). Lúc ấy, Chúa Giê-xu chưa được nhiều người biết đến, Ngài cũng chưa thực hiện phép lạ nào. Không phải Ngài được mời vì người ta biết đến danh Ngài, có lẽ vì Ngài có mối liên hệ với bà Ma-ri.

*Chúa Giê-xu, người con* (*Giăng* 2:3-5). Tiệc cưới của người Do Thái thường kéo dài một tuần lễ, nên chú rể phải chuẩn bị mọi thứ đầy đủ. Nếu đột nhiên thức ăn hoặc rượu hết, sẽ gây sự lúng túng khó xử. Gia đình nào phạm vào cách tiếp khách vụng về như vậy, có thể bị phạt tiền! Vì vậy, việc hết rượu có thể gây khó khăn về cả tài chính và xã giao.

Vì sao bà Ma-ri nói với Chúa Giê-xu về vấn đề hết rượu? Phải chăng bà muốn Ngài làm điều gì đó cách đặc biệt để đáp ứng nhu cầu về rượu? Hẳn bà đã biết Ngài là ai, dù chưa nói ra lẽ thật kỳ diệu ấy cho người khác biết. Có lẽ bà rất thân với cô dâu hoặc chú rể nên mới có sự quan tâm này, hoặc Ma-ri phải rất thân thiết với họ mới biết rượu đã hết. Có thể bà là người lo việc coi sóc và phục vụ cho bữa tiệc.

Bà Ma-ri không bảo Chúa Giê-xu phải làm gì, bà chỉ cho Ngài biết nan đề. (Đối chiếu với cách Ma-ri và Ma-thê cho Chúa Giê-xu biết tin La-xa-rô bị bệnh—11:3). Câu trả lời của Chúa hơi bất ngờ, thậm chí có vẻ gay gắt, nhưng thật ra không phải như vậy. "Hỡi đàn bà kia" là cách gọi lịch sự dành cho bà Ma-ri (19:26; 20:13) và câu nói Ngài chỉ hàm ý: "Sao mẹ kéo con vào vấn đề này?" Ngài muốn cho mẹ Ngài hiểu rằng Ngài không còn dưới quyền giám sát của bà nữa (có lẽ Giô-sép đã qua đời), nhưng từ nay trở đi Ngài sẽ làm mọi điều theo ý Cha trên trời. Điều này đã được bày tỏ trong những năm trước đó (*Lu-ca* 2:40-52).

Vào lúc này, Giảng giới thiệu một chi tiết quan trọng trong Phúc Âm, đó là ý niệm về "giờ." Ngài sống theo "giờ giấc ở

trên trời” được chính Đức Chúa Trời lập ra cho Ngài (*Giăng* 7:30; 8:20; 12:23; 13:1; 17:1, cũng xem lời Chúa Giê-xu phán trong 11:9-10). Khi nghiên cứu *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ chú ý xem khái niệm về “giờ” diễn biến ra sao.

Lời bà Ma-ri nói với những người hầu bàn cho thấy bà muốn để cho Chúa Giê-xu làm theo ý Ngài, và tin rằng Ngài sẽ làm điều chính đáng. Vâng theo những lời bà Ma-ri nói là điều khôn ngoan. Đáng chú ý chính là Chúa Giê-xu, không phải bà Ma-ri. Ngài đã ra lệnh cho các hầu bàn và giải quyết nan đề. Điều bà Ma-ri nói, không phải về chính bà, nhưng về Chúa Giê-xu.

*Chúa Giê-xu, vị chủ tiệc* (*Giăng* 2:6-12). Phép lạ đầu tiên của Chúa Giê-xu không có nhiều người chứng kiến. Chỉ có bà Ma-ri, các môn đệ và những kẻ hầu bàn biết sự kiện kỳ diệu này, ngoài ra không ai trong bàn tiệc biết rằng phép lạ đã xảy ra. Phép lạ đầu tiên của Chúa xảy ra thầm lặng tại một tiệc cưới, khác hẳn với phép lạ cuối cùng của Ngài (11:1-46) công khai xảy ra sau một đám tang.

Mỗi ché đá có thể chứa được hai mươi gallon nước.<sup>1</sup> Tuy nhiên, chúng ta không rõ tất cả sáu ché nước có biến thành rượu hay không, chỉ biết rằng khi những kẻ hầu bàn rót nước ra để phục vụ khách, nước ấy đều biến thành rượu. Chất lượng rượu này tuyệt diệu đến nỗi kẻ coi tiệc ngợi khen và dĩ nhiên gia đình chú rể rất hãnh diện.

Đây là “phép lạ thứ nhất” của Chúa Giê-xu, bác bỏ lời đồn đại cho rằng Ngài làm phép lạ từ khi còn là một hài nhi. Đó chỉ là những chuyện hoang đường mà người hiểu biết Kinh Thánh không thể chấp nhận.

Phép lạ cũng tác động đến các môn đệ. Nó bày tỏ vinh hiển của Chúa (1:14) và khiến nên tăng đức tin họ vững vàng hơn. Tuy phép lạ chưa hẳn chứng minh Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:9-10), nhưng ảnh hưởng của nhiều phép lạ chắc hẳn khiến họ tin nơi thần tính Ngài. Các môn đệ phải trải qua những tháng ngày theo Chúa, đức

<sup>1</sup> 1 gallon=4,5 lít



tin họ có chiều sâu khi họ biết nhiều hơn về Ngài.

Nhưng có điều đáng nói hơn, phép lạ này không chỉ là cách đáp ứng nhu cầu của một gia đình và cứu vãn gia đình khỏi lúng túng trong phép xã giao. Khác với ba sách Phúc Âm, *Phúc Âm Giảng* muốn chia sẻ ý nghĩa bên trong - ý nghĩa thuộc linh - trong công việc Chúa làm. Vì vậy, mỗi phép lạ tựa như một “bài giảng sống động.” Bạn hãy cẩn thận, đừng “thuộc linh hóa” những sự kiện này, kéo chúng mất đi ý nghĩa về lịch sử, nhưng chúng ta cũng không nên để lịch sử ràng buộc mình đến nỗi không nhìn thấy câu chuyện nói về “chính Ngài” như học giả A. T. Pierson thường nói.

Trước tiên, chúng ta thấy từ phép lạ Giảng dùng trong sách không phải là *dunamis*, nhấn mạnh về quyền năng, nhưng là *semeion* có nghĩa là “dấu lạ.” Vậy dấu lạ là gì? Dấu lạ là một điều gì đó hướng chúng ta vượt khỏi chính nó đến một điều vĩ đại hơn. Tin nơi việc làm của Chúa Giê-xu vẫn chưa đủ, con người phải tin Ngài và tin Đức Chúa Trời là Đấng đã sai Ngài đến (*Giăng* 5:14-24). Đây là lý do Chúa Giê-xu thường giảng dạy sau khi làm phép lạ để giải thích phép lạ đó. Trong chương 5, việc chữa lành người đau bại vào ngày Sa-bát đã mở đầu cho sứ điệp về thần tính Ngài: “Chúa của ngày Sa-bát.” Tiếp theo sau phép lạ hóa bánh cho 5.000 người (chương 6) là bài giảng về “Bánh Của Sự Sống.” Nếu Chúa giảng dạy sau khi hóa nước thành rượu, bạn nghĩ xem Ngài sẽ nói gì? Trước tiên, có lẽ Ngài sẽ nói với mọi người rằng niềm vui của thế gian rồi sẽ qua đi và không thể tìm lại được, nhưng niềm vui Ngài ban cho sẽ luôn tươi mới và luôn khiến con người thỏa lòng. (Trong Kinh Thánh, rượu là dấu hiệu của sự vui mừng. *Các Quan Xét* 9:13; *Thi Thiên* 104:15). Thế gian lúc đầu cho chúng ta điều tốt nhất, nhưng một khi bạn vướng vào, sự việc bắt đầu tệ hại hơn. Nhưng Chúa Giê-xu vẫn ban cho chúng ta điều tốt nhất cho đến ngày chúng ta hưởng phước hạnh tốt nhất trong nước đời đời của Ngài (*Lu-ca* 22:18).

Chúa muốn cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài biết một sứ điệp



đặc biệt ở đây. Trong Cựu Ước, dân này được xem như “được gả” cho Đức Chúa Trời nhưng đã bất trung trong giao ước hôn nhân (*Ê-sai* 54:5,6; *Giê-rê-mi* 31:32; *Ô-sê* 2:2). Rượu đã hết, nên dân Y-sơ-ra-ên giống như sáu ché đá rỗng! Họ để dành nước tẩy sạch *bên ngoài*, nhưng không có gì để tẩy sạch *bên trong* và cũng không có sự vui mừng. Qua phép lạ này, Chúa chúng ta đã khiến những thứ cạn kiệt trở nên tràn trề, thất vọng nên vui mừng và những gì chỉ có tác dụng *bên ngoài* trở nên thấm dầm *bên trong*.

Khi Giảng đề cập đến “ngày thứ ba” (*Giăng* 2:1), có lẽ ông muốn cho chúng ta một gợi ý về sự sống lại của Chúa. Ngài có thể ban cho chúng ta mọi phước hạnh ấy, bởi sự hy sinh của Ngài trên thập tự giá và sự sống lại từ cõi chết (2:19).

Thật thú vị khi phép lạ đầu tiên của Môi-se là một tai vạ biến nước thành huyết (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 7:19tt) thể hiện sự đoán phạt còn phép lạ đầu tiên của Chúa chúng ta bày tỏ ân sủng.

Phép lạ này nói lên một bài học thực tiễn về sự phục vụ Đức Chúa Trời. Nước đã biến thành rượu, vì các đầy tớ đồng công với Chúa Giê-xu và vâng theo lời dạy của Ngài. Trong *Phúc Âm Giảng* có nhiều phép lạ được thực hiện với sự đồng công của con người và Đức Chúa Trời: hóa bánh cho 5.000 người (chương 6), chữa lành người mù từ lúc mới sinh (chương 9), khiến La-xa-rô sống lại (chương 11). Dù chúng ta chỉ làm những việc đơn sơ như phân phát bánh, rửa sạch bùn đất, hay lăn hòn đá khỏi cửa mộ, chúng ta dự phần hỗ trợ cho Chúa thực hiện phép lạ.

Khi Chúa hóa nước thành rượu, chính những kẻ hầu bàn biết rõ nguồn gốc của loại rượu đặc biệt này (2:9). Lúc Chúa Giê-xu chữa lành con trai quan thị vệ (4:46-54), chính những đầy tớ chứng kiến sự mâu nhiệm ấy. Điều này rất có ý nghĩa. Chúng ta không chỉ là tôi tớ Ngài, mà còn là bạn hữu Ngài và chúng ta biết việc Ngài làm (15:15).

Rượu là thức uống thông thường của dân thời đó. Vì vậy,

## 30 / Giảng

chúng ta đừng lấy phép lạ này ra tranh cãi về việc uống rượu hôm nay. Một người kia có thói quen uống rượu đã nói với tôi rằng, "Dầu sao Chúa Giê-xu đã biến nước thành rượu kia mà!" Tôi đáp, "Nếu anh xem Chúa là gương để anh uống rượu, sao anh không học theo gương Ngài trong mọi lãnh vực khác?" Rồi tôi đọc cho anh ta nghe *Lu-ca 22:18*. Câu này xác định rõ ràng trên thiên đàng, Chúa Giê-xu triệt để chống rượu.

Những tín hữu tin kính hôm nay nên suy gẫm những câu Kinh Thánh như *I Cô-rinh-tô 8:9; 10:23; và 10:31* trước khi kết luận rằng việc dùng thức uống có chất rượu có phải là điều khôn ngoan hay không. Tôi nhớ đến người thợ mỏ kia trước đây say sưa nhưng nay đã thay đổi và trở thành một chứng nhân mạnh mẽ cho Chúa. Một người bạn muốn bầy ông, hỏi rằng: "Anh có tin rằng Chúa Giê-xu đã biến nước thành rượu không?" Người thợ mỏ đáp: "Dĩ nhiên là tôi tin. Ở nhà tôi, Ngài đã biến rượu thành những tiện nghi, quần áo đẹp và thực phẩm cho con cái tôi."

Cuối cùng, cũng nên biết rằng dân Do Thái luôn pha loãng rượu với nước, thường là ba phần nước với một phần rượu. Kinh Thánh không bảo chúng ta kiêng cử hoàn toàn, nhưng chắc chắn khen việc kiêng cử và rõ ràng cảnh cáo việc say sưa.

## 2. Lòng Sốt Sắng Của Ngài

*Giăng 2:12-22*

<sup>12</sup> Sau việc đó, Ngài với mẹ, anh em, và môn đồ Ngài đều xuống thành Ca-bê-na-um; và chỉ ở tại đó ít ngày thôi.

<sup>13</sup> Lễ Vượt Qua của dân Giu-đa hầu đến; Đức Chúa Jê-sus lên thành Giê-ru-sa-lem. <sup>14</sup> Trong đền thờ, Ngài thấy có người buôn bán bò, chiên, bồ câu, và có người đổi bạc dọn hàng ở đó. <sup>15</sup> Ngài bện một cái roi bằng dây, bèn đuổi hết thầy khờ đền thờ, chiên và bò nữa; vãi tiền người đổi bạc và đổ bàn của họ. <sup>16</sup> Ngài phán cùng kẻ bán bồ câu rằng: Hãy cất bỏ đồ đó khỏi đây, đừng làm cho nhà Cha ta thành ra nhà buôn bán. <sup>17</sup> Môn đồ Ngài bèn nhớ lại lời đã chép rằng: Sự sốt sắng về nhà Chúa tiêu nuốt tôi.

<sup>18</sup> Các người Giu-đa cất tiếng thưa cùng Ngài rằng: Thấy làm như vậy thì cho



## Học Về Chúa Giê-xu / 31

chúng tôi xem thấy phép lạ chi? <sup>19</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng lại! <sup>20</sup> Người Giu-đa lại nói: Người ta xây đền thờ này mất bốn mươi sáu năm, mà thầy thì sẽ dựng lại trong ba ngày! <sup>21</sup> Nhưng Ngài nói về đền thờ của thân thể mình. <sup>22</sup> Vậy, sau khi Ngài được từ kẻ chết sống lại rồi, môn đồ gẫm Ngài có nói lời đó, thì tin Kinh thánh và lời Đức Chúa Jê-sus đã phán.

Chúa Giê-xu, người nhà Ngài cùng các môn đệ ở tại thành Ca-bê-na-um vài ngày. Sau đó Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua. Mỗi người nam Do Thái buộc phải dự ba kỳ lễ hàng năm tại Thành Thánh: lễ Bánh Không Men, lễ Bảy Tuần và lễ Lều Tạm (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 16:16). Những lễ được nhắc đến trong *Phúc Âm Giăng* là lễ Vượt Qua (*Giăng* 2:13; 6:4; 12:1), lễ Lều Tạm (7:2) và lễ Khánh Thành Đền Thờ (10:22). Lễ không rõ tên trong *Giăng* 5:1 có thể là lễ Phu-rim (*E-xơ-ra* 9:26, 31).

Dù Chúa không đồng tình với truyền thống tôn giáo tự tạo của người Pha-ri-si, Ngài vẫn vâng theo mọi điều của luật pháp và trung tín giữ trọn luật pháp. Qua sự sống và sự chết của Ngài, Ngài đã làm trọn luật pháp hầu cho những kẻ tin Ngài hôm nay chẳng bị mệt mỏi bởi “cái ách” nặng nề đó (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:10).

Chúa Giê-xu bày tỏ sự sốt sắng của Ngài đối với Đức Chúa Trời trước tiên qua hành động *dọn dẹp đền thờ* (*Giăng* 2:13-17). Việc đổi bạc ngoại tệ và tiền Do Thái, và buôn bán súc vật làm của lễ do các thầy tế lễ thiết lập đã đem lại nhiều lợi nhuận. Dĩ nhiên “phiên chợ tôn giáo” này khởi đầu từ mục đích phục vụ người Do Thái từ xa đến thờ phượng nơi đền thờ, nhưng dần dần sự tiện lợi biến thành kinh doanh, không còn là sự phục vụ. Thật là một bi kịch khi việc mua bán này được thực hiện ngay trong khu vực dành cho người ngoại trong đền thờ, là nơi lẽ ra dân Do Thái phải gặp gỡ người ngoại và cho họ biết về một Đức Chúa Trời chân thật. Người ngoại nào muốn tìm kiếm lẽ thật có lẽ chẳng tìm được gì giữa những kẻ buôn bán đội lốt tôn giáo trong đền thờ.



Chúa chợt xuất hiện trong đền thờ và làm cho sạch nơi này! Ngài không có ý hủy hoại tài sản của ai (ví dụ như Ngài đã không phóng thích những bồ câu), nhưng Ngài muốn bày tỏ Ngài là Đấng có quyền điều khiển. Đền thờ là nhà Cha, Ngài không muốn những chức sắc trong đền thờ làm ô uế nhà Cha bởi việc mua bán kiếm lợi của họ.

Tình trạng của đền thờ cho thấy rõ tình trạng thuộc linh của dân tộc này. Tôn giáo của họ chỉ là một lễ nghi nhằm chán dưới sự điều khiển của những con người sống theo thế gian, chỉ chạy theo danh vọng và vật chất. Không những rượu đã cạn tại bữa tiệc, nhưng vinh hiển cũng đã lìa khỏi đền thờ.

Khi chứng kiến sự sốt sắng mạnh mẽ của Chúa, các môn đệ nhớ lại lời *Thi Thiên* 69:9 “Sự sốt sắng về nhà Chúa tiêu nuốt tôi?” *Thi Thiên* 69 nói về Đấng Mết-si-a và được trích dẫn nhiều lần trong Tân Ước: câu 4 (*Giăng* 15:25); câu 8 (7:3-5); câu 9 (2:17; *Rô-ma* 15:3); câu 21 (*Ma-thi-ơ* 27:34, 48) và câu 22 (*Rô-ma* 11:9-10).

Vẫn còn những người tin kính trong Y-sơ-ra-ên yêu mến Đức Chúa Trời và tôn trọng đền thờ Ngài (*Lu-ca* 1:5-22; 2:25-38), nhưng hầu hết các chức sắc đền thờ đều là những người chần chừ giả, chỉ hà hiếp dân chúng mà thôi. Khi dẹp sạch đền thờ, Chúa Giê-xu đã “tuyên chiến” với các chức sắc đền thờ giả hình (*Ma-thi-ơ* 23:1-39), và điều này cuối cùng đã dẫn đến sự chết của Ngài. Thật vậy, sự sốt sắng về nhà Đức Chúa Trời đã “tiêu nuốt” Chúa Giê-xu!

Ngài cũng bày tỏ lòng sốt sắng qua hành động từ bỏ sự sống mình (*Giăng* 2:18-22). Dĩ nhiên, các chức sắc đền thờ có lý của họ khi yêu cầu Chúa chứng minh nguồn gốc thẩm quyền của Ngài. Dù sao, họ là những người bảo vệ Do Thái giáo, nên có quyền dò xét bất cứ tiên tri nào vừa mới được biết đến. “Người Giu-đa đòi phép lạ” (*I Cô-rinh-tô* 1:22). Suốt giai đoạn Chúa thi hành chức vụ trên đất, các chức sắc này thường yêu cầu Ngài cho họ xem phép lạ. Ngài chỉ tỏ cho họ “dấu lạ của đấng tiên tri Giô-na” (*Ma-thi-ơ* 12:39). Dấu lạ này là sự

chết, chôn và sống lại.

Chúa dùng hình ảnh đền thờ diễn tả lẽ thật này. “Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng lại!” (*Giăng* 2:19). Vốn mù loà về thuộc linh nên những người nghe lời này đều hiểu sai ý Ngài. Qua *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ thấy người ta hiểu sai lẽ thật *thuộc linh* và cắt nghĩa theo ý nghĩa thuộc thể hoặc vật chất (3:4; 4:11; 6:52). Đền thờ được khởi công xây dựng từ năm 20 TC, mãi đến năm 64 SC mới hoàn tất. Làm sao con người có thể dựng lại trong ba ngày?

Dĩ nhiên, lời nói này là lời tiên tri về sự chết và sống lại của Ngài. Các môn đệ nhớ lại điều này sau khi Ngài từ kẻ chết sống lại. Kẻ thù Ngài cũng nhớ lời này và sử dụng nó khi xét xử Ngài (*Ma-thi-ơ* 26:59-61). Một số người cũng đem lời này ra chế nhạo Ngài khi Ngài sắp tắt hơi trên thập tự giá (*Ma-thi-ơ* 27:40).

Qua *Phúc Âm* này, *Giăng* phác họa những bức tranh sinh động về sự chết của Đấng Christ. Trước tiên là hình ảnh Chiên Con bị giết (*Giăng* 1:29), bày tỏ rằng sự chết của Ngài sẽ là sự chuộc tội cho mọi người. Bức tranh kế tiếp là sự hủy phá đền thờ (2:19), cho thấy sau sự chết đau đớn là sự phục sinh vinh hiển. Bức tranh thứ ba là hình ảnh con rắn bị treo lên (3:14), trích trong *Dân Số Ký* 21:5-9. Ngài bị kể là tội lỗi vì chúng ta (*I Phi-e-rơ* 2:24). Ngài vui lòng phó sự sống mình (*Giăng* 10:11-18): Người chăn chiên hy sinh sự sống vì bầy chiên mình. Sau cùng, bài học về sự gieo giống (12:20-25) cho chúng ta biết sự chết của Ngài sẽ quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Dưới mắt con người, sự chết và chôn của Ngài dường như một sự thất bại, nhưng sau cùng Đức Chúa Trời sẽ khiến điều ấy trở nên sự đắc thắng!

Đền thờ là yếu tố quan trọng của Do Thái giáo, vì đó là nơi Đức Chúa Trời hiện diện. Mọi lễ nghi và của lễ tập trung tại đền thờ. Khi Chúa Giê-xu phán rằng đền thờ quý báu của họ sẽ bị phá hủy, đương nhiên họ phản ứng cách giận dữ. Nếu thân thể *Chúa* là đền thờ, vậy đền thờ của người Do Thái



## 34 / Giảng

không cần thiết nữa. Qua lời phán đầy ẩn ý này, Chúa thật sự báo trước về kỳ cuối cùng của những hình thức tôn giáo này.

Đây là một trong những mục đích Giảng viết Phúc Âm: hình thức luật pháp đã chấm dứt, kỳ “ân sủng và chân lý” đã đến bởi Chúa Giê-xu. Ngài chính là cửa lễ mới (1:29) và đền thờ mới (2:19). Giảng sẽ cho chúng ta biết rằng sự thờ phượng mới chỉ cốt ở tấm lòng thành thực chứ không tùy thuộc vào một địa điểm đặc biệt nào (4:19-24).

### 3. Sự Hiểu Biết Của Ngài

#### *Giăng 2:23-25*

<sup>23</sup> Đương lúc Ngài ở thành Giê-ru-sa-lem để giữ lễ Vượt Qua, có nhiều người thấy phép lạ Ngài làm, thì tin danh Ngài. <sup>24</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus chẳng phò thác mình cho họ, vì Ngài nhận biết mọi người, <sup>25</sup> và không cần ai làm chứng về người nào, bởi Ngài tự hiểu thấu mọi điều trong lòng người ta.

Trong thời gian ở tại Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua, Chúa Giê-xu đã làm nhiều phép lạ không được ghi chi tiết trong các sách Phúc Âm. Có lẽ đó là những phép lạ khiến Ni-cô-đem phải để tâm đến (3:2). Bởi những phép lạ đó, nhiều người xưng nhận mình tin nơi Ngài, nhưng Ngài không chấp nhận sự xưng nhận của họ. Dù họ nói gì hay ai nói gì về họ, Ngài cũng không nhận lời chứng của con người. Vì sao? Là Đức Chúa Trời, Ngài hiểu rõ lòng mỗi người.

Từ *tin* trong *Giăng 2:23* và *phó thác* trong *Giăng 2:24* là những từ đồng nghĩa theo tiếng Hy Lạp. Những người này tin Chúa Giê-xu nhưng Ngài không tin họ! Họ là những người “tin theo nhưng chưa được cứu”! Hưởng ứng một phép lạ là một vấn đề, còn “phó thác” chính mình cho Chúa Giê-xu và sống trong Đạo Ngài lại là một việc hoàn toàn khác (8:30-31).

Giăng không nghi ngờ tầm quan trọng những phép lạ của Chúa, vì mục đích ông viết Phúc Âm là để ghi lại những dấu lạ này, hầu giục lòng độc giả tin cậy Chúa Giê-xu để được sống đời đời (20:30-31). Dù vậy, qua Phúc Âm này, Giảng



bày tỏ rằng nếu chỉ tin nơi phép lạ, điều ấy chưa đủ để được cứu rỗi. Chứng kiến phép lạ và tin theo là một khởi đầu tuyệt vời. Thật vậy, ngay cả các môn đệ Chúa cũng đã bắt đầu như thế và phải trưởng thành thêm nữa trong đức tin mình (so sánh 2:11 và 2:22).

Qua *Phúc Âm Giảng*, bạn sẽ thấy dân Do Thái chia phe đảng vì ý nghĩa của những phép lạ này (9:16; 11:45-46). Cũng những phép lạ ấy đã khiến Ni-cô-đem đến với Chúa, còn các quan trưởng lại muốn giết Ngài. Thậm chí họ còn quả quyết Ngài làm được phép lạ là do quyền lực Sa-tan! Những phép lạ của Chúa là chứng cứ về địa vị Con Thánh của Ngài (5:36), nhưng cũng là những thử nghiệm, phơi bày tấm lòng dân chúng (12:37). Cũng những phép lạ ấy đã mở mắt một số người, nhưng lại khiến những kẻ khác mù lòa hơn (9:39-41).

Thật ý nghĩa khi Chúa liên hệ những phép lạ với lẽ thật của sứ điệp Ngài. Ngài hiểu rằng lòng người dễ bị lôi cuốn vào những việc gây kích động. Năm ngàn người được Ngài phát lương thực muốn tôn Ngài làm vua, nhưng sau khi nghe Ngài giảng dạy về Bánh của Sự Sống, họ đều rời bỏ Ngài! “Ăn sung và chán lý bởi Đức Chúa Giê-xu mà đến” (1:17). Bởi ân sung Chúa Giê-xu nuôi những kẻ đói khát. Bởi lẽ thật Ngài dạy họ Đạo Ngài. Họ chỉ muốn lương thực cho thể xác, không cần lương thực cho tâm linh, nên đã lìa bỏ Ngài.

“Ngài tự hiểu thấu mọi điều trong lòng người ta,” đó là điều được bày tỏ nhiều lần trong *Phúc Âm Giảng*. Chúa Giê-xu biết rõ cá tính của Si-mê-ôn (1:42). Ngài biết bản chất của Na-tha-na-ên (1:46tt), và Ngài nói với người đàn bà Sa-ma-ri mọi việc bà đã làm trong quá khứ (4:29). Ngài biết rằng các nhà lãnh đạo Do Thái không hề có lòng kính mến Đức Chúa Trời (5:42), và Ngài biết có một môn đệ giả (6:64). Ngài nhìn thấy sự ăn năn trong lòng người đàn bà tà dâm (8:10-11), và âm mưu giết Ngài trong lòng kẻ thù (8:40). Nhiều lần giảng dạy ở Phòng Cao, Ngài bày tỏ cho các môn đệ biết tư tưởng bên trong cùng những nghi vấn của họ.

## 36 / Giảng

Khi theo dõi *Phúc Âm Giảng*, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu từ ánh sáng rực rỡ trong sự yêu mến của công chúng, Ngài bị đẩy dần vào bóng tối tăm của sự chống nghịch, ruồng bỏ. Ban đầu, người ta dễ dàng chạy theo đám đông để xem Ngài làm phép lạ. Sau đó, lời Ngài đi vào lòng người, tố cáo tội lỗi trong họ; và điều này dẫn đến sự tin nhận hoặc chống đối. Không thể có thái độ trung lập, con người phải có sự chọn lựa! Và hầu hết mọi người đều quyết định chống nghịch Ngài.

Thật vậy, Chúa Giê-xu biết rõ lòng người. “Nếu các người không thấy phép lạ và điềm lạ, thì các người chẳng tin!” (4:48). Những kẻ chỉ muốn xem phép lạ Ngài, không muốn biết đến Lời Ngài, chẳng bao giờ hưởng được sự sống của Ngài. “Thấy mới tin” không phải là phương cách của người tin Chúa (11:20 và 20:29). Trước tiên, chúng ta hãy tin, rồi chúng ta sẽ thấy. Phép lạ chỉ có thể đưa chúng ta đến Lời Ngài (5:36-38), và Lời Ngài sinh ra đức tin cứu rỗi (*Rô-ma* 10:17).

Sự hiểu thấu lòng người của Chúa chúng ta là một minh chứng về thần tính của Ngài, vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy lòng Người. Chương Kinh Thánh ngắn ngủi này chuẩn bị cho chúng ta hiểu cuộc nói chuyện quan trọng của Chúa với Ni-cô-đem, được chép ở đoạn kế tiếp. Chú ý từ *người* lặp lại trong *Giăng* 2:25 và 3:1. Ni-cô-đem muốn biết nhiều hơn về Chúa Giê-xu, nhưng cuối cùng ông biết nhiều hơn về con người mình!

## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 2

---

#### *Giăng 2*

1. Khi mới biết về Chúa Giê-xu, đặc điểm nào của Ngài tác động bạn mạnh nhất?
2. Nếu bạn là một trong những môn đồ của Chúa lúc đó, bạn sẽ nghĩ gì về Ngài? Tại sao?
3. Đọc các câu 1-12. Việc Chúa Giê-xu dự tiệc cưới cho bạn biết điều gì về Ngài?
4. Tại sao bà Ma-ri báo cho Chúa biết rượu đã hết?
5. Tác giả Wiersbe cho thấy rằng Chúa Giê-xu thi hành những công việc đã định trước theo một thời khóa biểu nhất định. Xin cho biết ý nghĩa chữ “giờ” trong câu 4.
6. Chúa Giê-xu biến nước thành rượu. Đây là dấu lạ đầu tiên Thánh Giăng ghi trong sách này. Dấu lạ này chỉ về điều gì?
7. Đọc các câu 13-22. Tại sao Chúa Giê-xu nổi giận với những người buôn bán trong sân đền thờ?
8. Tại đây Chúa Giê-xu đã bày tỏ nhiệt tình của Ngài với Đức Chúa Trời như thế nào?
9. Cùng với hành động, Chúa Giê-xu đã tuyên bố điều gì và có ý nghĩa ra sao?
10. Đọc các câu 23-25. Tại sao Sứ đồ Giăng đề cập đến việc Chúa Giê-xu nhận biết mọi người?
11. Vinh quang, nhiệt tình, và sự nhận biết của Chúa Giê-xu tác dụng thế nào đến cách bạn sống trong tuần này?



## Một Vấn Đề Sinh Tử

Giăng 3

Benjamin Franklin không chỉ là một chính trị gia, một nhà phát minh lừng lẫy, ông còn là một nhà báo danh tiếng nhận nhiều bức thư từ những nhân vật nổi tiếng khắp thế giới. Ngày kia, ông nhận được một bức thư có thể xem là ý nghĩa nhất mà từ trước đến nay ông chưa hề thấy trên bàn làm việc mình. Đó là thư của George Whitefield, nhà truyền đạo người Anh nổi tiếng. Trong thư, Whitefield viết:

“Tôi nhận thấy ông ngày càng nổi tiếng trong giới học thức. Vì ông đã có những thành công trong việc khám phá những bí ẩn của điện năng, giờ đây tôi tha thiết nài xin ông hãy chú tâm khám phá bí ẩn của sự tái sinh. Đó là sự nghiên cứu có ý nghĩa và thú vị nhất. Khi đã nắm vững nó rồi, ông sẽ được đền bù công lao mình một cách phong phú!”

Sự tái sinh là một trong những chủ đề chính ở *Giăng 3*. Hơn thế, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu trong ba vai trò khác nhau trong đoạn này: Ngài là Giáo Sư (c. 1-21), Chàng Rể (c. 22-30) và Chứng Nhân (c. 31-36)

### 1. Chúa Giê-xu – Vị Giáo Sư

*Giăng 3:1-21*

<sup>1</sup> Trong vòng người Pha-ri-si, có người tên là Ni-cô-đem, là một người trong những kẻ cai trị dân Giu-đa. <sup>2</sup> Ban đêm, người này đến cùng Đức Chúa Jê-sus mà nói rằng: Thưa thầy, chúng tôi biết thầy là giáo sư từ Đức Chúa Trời đến; vì

## Một Vấn Đề Sinh Tử / 39

những phép lạ thầy đã làm đó, nếu Đức Chúa Trời chẳng ở cùng, thì không ai làm được. <sup>3</sup> Đức Chúa Jêsus cất tiếng đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, nếu một người chẳng sanh lại, thì không thể thấy được nước Đức Chúa Trời. <sup>4</sup> Ni-cô-đem thưa rằng: Người đã già thì sanh lại làm sao được? Có thể nào trở vào lòng mẹ và sanh lần thứ hai sao? <sup>5</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời. <sup>6</sup> Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt; hễ chi sanh bởi Thánh Linh là thần. <sup>7</sup> Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với người: Các người phải sanh lại. <sup>8</sup> Gió muốn thổi đâu thì thổi, người nghe tiếng động; nhưng chẳng biết gió đến từ đâu và cũng không biết đi đâu. Hễ người nào sanh bởi Thánh Linh thì cũng như vậy.

<sup>9</sup> Ni-cô-đem lại nói: Điều đó làm thế nào được? <sup>10</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Người là giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên, mà không hiểu biết những điều đó sao! <sup>11</sup> Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, chúng ta nói điều mình biết, làm chứng điều mình đã thấy; còn các người chẳng hề nhận lấy lời chứng của chúng ta.

<sup>12</sup> Ví bằng ta nói với các người những việc thuộc về đất, các người còn chẳng tin thay; huống chi ta nói những việc thuộc về trời, thì các người tin sao được?

<sup>13</sup> Chưa hề có ai lên trời, trừ ra Đấng từ trời xuống, ấy là Con người vốn ở trên trời. <sup>14</sup> Xưa Môi-se treo con rắn lên nơi đồng vắng thế nào, thì Con người cũng phải bị treo lên dường ấy, <sup>15</sup> hầu cho hễ ai tin đến Ngài đều được sự sống đời đời. <sup>16</sup> Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời.

<sup>17</sup> Vả, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế gian, chẳng phải để đoán xét thế gian đâu, nhưng hầu cho thế gian nhờ Con ấy mà được cứu. <sup>18</sup> Ai tin Ngài thì chẳng bị đoán xét đâu; ai không tin thì đã bị đoán xét rồi, vì không tin đến danh Con một Đức Chúa Trời. <sup>19</sup> Vả, sự đoán xét đó là như vậy: Sự sáng đã đến thế gian, mà người ta ưa sự tối tăm hơn sự sáng, vì việc làm của họ là xấu xa.

<sup>20</sup> Bởi vì phạm ai làm ác thì ghét sự sáng và không đến cùng sự sáng, e rằng công việc của mình phải trách móc chăng. <sup>21</sup> Nhưng kẻ nào làm theo lẽ thật thì đến cùng sự sáng, hầu cho các việc của mình được bày tỏ ra, vì đã làm trong Đức Chúa Trời.

Chúng ta đã xem qua đoạn chuyển tiếp từ *Giăng* 2:23-25 đến 3:1. Ni-cô-đem là người đầu tiên chú ý đến Chúa Giê-xu bởi những phép lạ của Ngài. Ông muốn biết nhiều hơn về Chúa và những lời giáo huấn của Ngài. Bản thân Ni-cô-đem cũng là "Giáo Sư của dân Y-sơ-ra-ên" (3:10), và ông rất tôn trọng vị Giáo sư đến từ Ga-li-lê.

Ni-cô-đem là người Pha-ri-si, có nghĩa là ông đã sống theo những luật lệ tôn giáo khe khắt nhất. Không phải mọi người



Pha-ri-si đều là kẻ giả hình (người ta có thể suy luận như vậy từ lời quở trách của Chúa Giê-xu chép ở *Ma-thi-ơ* 23:1-39). Chứng cứ cho thấy Ni-cô-đem rất thành thật khi tìm hiểu về lẽ thật. Ông đến với Chúa Giê-xu vào ban đêm, không phải vì sợ kẻ khác nhìn thấy, nhưng có lẽ vì ông muốn có một cuộc nói chuyện thoải mái và yên tĩnh với vị Giáo Sư “đến từ Đức Chúa Trời.” Việc Ni-cô-đem sử dụng đại danh từ “chúng tôi” và được Chúa đáp lại bằng “các ngươi” (*Giăng* 3:7) cho thấy Ni-cô-đem đại diện cho những chức sắc tôn giáo. Ông là người có phẩm chất đạo đức cao, có niềm khao khát tôn giáo sâu sắc, nhưng vẫn là người rất mù lòa thuộc linh.

Để cho Ni-cô-đem biết những điều cơ bản về sự cứu rỗi, Chúa Giê-xu sử dụng bốn hình ảnh minh họa khác nhau:

*Sự sinh ra* (*Giăng* 3:7). Chúa mở đầu bằng hình ảnh “sự sinh ra”, là một kinh nghiệm quen thuộc của nhiều người. “Sự sinh lại” cũng có nghĩa là sự sinh “từ trên cao.” Dù loài người kinh nghiệm sự sinh ra trên đất, nhưng nếu họ muốn lên trời, họ phải kinh nghiệm sự sinh thuộc linh siêu nhiên từ trên trời.

Một lần nữa chúng ta thấy sự mù lòa của tội nhân. Là người đứng đầu trong nhà hội có tri thức thâm sâu, Ni-cô-đem vẫn không hiểu điều Đấng Christ muốn nói đến! Ngài nói về sự sinh thuộc linh, nhưng Ni-cô-đem chỉ nghĩ đến sự sinh về mặt thuộc thể. Tình trạng ngày nay vẫn thế. Khi nói về tái sinh người ta chỉ bàn luận về nguồn gốc tôn giáo của gia đình, chức vị trong giáo hội, những lễ nghi tôn giáo mà thôi.

Là Vị Giáo Sư đầy kiên nhẫn, Chúa sử dụng lời của Ni-cô-đem để giải thích sâu xa hơn về sự tái sinh. Sự sinh ra từ nước là sự sinh thuộc thể (“trở vào lòng mẹ và sinh lần thứ hai”), nhưng được tái sinh là được sinh bởi Đức Thánh Linh. Nếu có cha mẹ sinh con về thể xác, thì cũng có “cha mẹ” sinh “con thuộc linh”: đó là Thánh Linh của Đức Chúa Trời (3:5) và lời Đức Chúa Trời. Thánh Linh của Đức Chúa Trời nhận lấy Lời của Đức Chúa Trời, và khi tội nhân tin nhận Chúa, Thánh Linh sẽ đem sự sống của Đức Chúa Trời cho người đó.



## Một Vấn Đề Sinh Tử / 41

Chúa không dạy rằng sự tái sinh đến bởi phép báp-têm bằng nước. Trong Tân Ước, phép báp-têm liên hệ đến sự chết, không phải sự sinh ra; và không thể có loại nước trần gian nào có thể làm thay đổi tình trạng thuộc linh bên trong con người. Điểm nhấn mạnh trong Giăng 3:14-21 là niềm tin, vì sự cứu rỗi đến bởi đức tin (*Ê-phê-sô* 2:8,9). Bằng chứng về sự cứu rỗi là sự hiện diện của Đức Thánh Linh ở trong người tin nhận (*Rô-ma* 8:9), và Thánh Linh bước vào đời sống bạn khi bạn tin nhận Chúa (*Ê-phê-sô* 1:13,14; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:43-48).

Phép báp-têm bằng nước thể hiện sự vâng phục của chúng ta đối với Đấng Christ, cũng như để làm chứng về Ngài (*Ma-thi-ơ* 28:18-20; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:41). Tuy nhiên không nên xem đó là điều cần thiết để được cứu rỗi; nếu không, có lẽ chẳng thánh nhân nào trong thời Cựu Ước được cứu rỗi và số phận của tên cướp trên cây thập tự cũng vậy (*Lu-ca* 23:39-43). Trong mọi thời đại, dù *chứng cứ bên ngoài* của đức tin rất đa dạng, nhưng chỉ có một con đường cứu rỗi: đó là niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời.

Việc sinh con của loài người phải trải qua đau đớn (*Giăng* 16:21), vậy sự sinh ra từ trời cũng vậy. Đấng Christ phải chịu đau đớn trên thập giá để chúng ta có thể trở nên những thành viên trong gia đình của Đức Chúa Trời (*Ê-sai* 53:11). Những tín hữu có lòng sốt sắng đều phải chịu nhọc nhằn trong sự cầu nguyện và làm chứng khi dẫn dắt tội nhân đến với Đấng Christ (*I Cô-rinh-tô* 4:15; *Ga-la-ti* 4:19).

Con cái thừa hưởng bản tính cha mẹ, nên con cái Đức Chúa Trời cũng vậy. Chúng ta là những người “dự phần bản tính Đức Chúa Trời” (*II Phi-e-rơ* 1:4). Bản tính quyết định sự khao khát. Đó là lý do Cơ Đốc nhân có sự ham thích những điều thuộc về Đức Chúa Trời (*I Phi-e-rơ* 2:2-3). Cơ Đốc nhân không muốn quay lại với những sự ô uế ở thế gian, là những điều từng lôi cuốn mình (*II Phi-e-rơ* 2:20-22). Cơ Đốc nhân sống nhờ Lời Đức Chúa Trời để trưởng thành về thuộc linh (*Hê-bơ-rơ* 5:11-14).

Đĩ nhiên, sự sinh ra bao hàm cả sự sống; nên sự sinh thuộc linh từ trời cũng bao hàm sự sống của Đức Chúa Trời. Giảng sử dụng danh từ *sự sống* ba mươi sáu lần trong Phúc Âm. Đối lập với sự sống là sự chết, nên người không tin nơi Chúa Giê-xu sẽ không có sự sống của Đức Chúa Trời, tức sự sống đời đời và sung mãn. *Không thể tạo ra những Cơ Đốc nhân, nếu không có những con trẻ sinh ra!* Cách duy nhất để bước vào gia đình của Đức Chúa Trời, đó là phải trải qua sự tái sinh (Giăng 1:11-13).

Sự sống cũng liên quan đến tương lai, và chúng ta được tái sinh để có “sự trồng cấy sống” (I Phi-e-rơ 1:3). Một trẻ sơ sinh không bị luật pháp kết tội, vì nó không có quá khứ! Khi bạn được tái sinh trong gia đình Đức Chúa Trời, tội lỗi bạn được tha thứ và được quên đi, tương lai bạn rạng rỡ với một hy vọng sống.

Có lẽ trên gương mặt Ni-cô-đem đã lộ vẻ ngạc nhiên lẫn bối rối, vì Chúa phán rằng: “Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với ngươi: các ngươi phải sinh lại” (3:7). Nhưng Ni-cô-đem vốn xuất thân là người Do Thái! Ông thuộc dòng dõi giao ước của Đức Chúa Trời! (Rô-ma 9:4-5). Hẳn là xuất thân của ông đáng hãnh diện hơn người ngoại bang hay người Sa-ma-ri! Hơn thế, đời sống ông rất mẫu mực với tư cách một người Pha-ri-si tin kính! Có lẽ ông nghĩ rằng Chúa Giê-xu muốn nói với người Rô-ma rằng họ phải được tái sinh, chứ không phải dân Do Thái!

*Gió* (Giăng 3:8-13). Đây là minh họa thứ hai Chúa Giê-xu đưa ra. Có thể một cơn gió ban đêm thổi qua ngay khi Chúa Giê-xu và Ni-cô-đem ngồi trên tầng cao trò chuyện. Từ “gió” theo ngôn ngữ Hê-bơ-rơ và Hy Lạp đều có nghĩa là “thần linh.” Một trong những biểu tượng về Thánh Linh Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh là “gió” hoặc “hơi thở” (*Gióp* 33:4; *Giăng* 20:22; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:2). Giống như gió, Đức Thánh Linh là vô hình nhưng có quyền năng. Bạn không thể giải thích hay tiên đoán sự chuyển động của gió.



Khi Chúa Giê-xu nói đến biểu tượng này, lẽ ra Ni-cô-đem phải nhớ đến đoạn Kinh Thánh Ê-xê-chi-ên 37:1-14. Vị tiên tri này thấy một trống kia đầy những hài cốt, nhưng khi ông nói tiên tri với gió, Thánh Linh Đức Chúa Trời đã khiến những hài cốt ấy sống lại. Chính sự đồng công của Đức Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời, sự sống đã xuất hiện. Dân Y-sơ-ra-ên (trong đó có Ni-cô-đem và các cộng sự của ông) như những kẻ đã chết và vô hy vọng. Dù họ là những người đạo đức và tin kính trong dân tộc, họ vẫn cần phải có sự sống của Đức Thánh Linh.

Sự tái sinh từ trời là điều thiết yếu (“Các người phải sinh lại”), nhưng cũng là một sự mâu nhiệm. Mỗi người được tái sinh bởi Đức Thánh Linh giống như gió vậy. Bạn không thể giải thích rõ ràng hay phán đoán về gió hoặc về con cái Đức Chúa Trời. Đối với vấn đề này, sự sinh của con người vẫn là một sự mâu nhiệm dù chúng ta đều biết về cơ thể con người và sinh lý học. Mỗi đời sống mới đều thú vị và khác biệt.

Ni-cô-đem đến “vào ban đêm,” và ông vẫn ở trong bóng tối tăm. Dù được Chúa giảng giải, ông cũng không hiểu ý nghĩa sự tái sinh. Chúa khẳng định rằng sự hiểu biết về Kinh Thánh Cựu Ước của Ni-cô-đem lẽ ra đã giúp ông nhìn thấy ánh sáng của lẽ thật (Giăng 3:10). Ôi, “giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên” này chỉ biết những sự kiện ghi trong Kinh Thánh, nhưng không hiểu được những lẽ thật!

Nan đề ở đây là gì? Trước hết, các nhà lãnh đạo không chấp nhận thẩm quyền của lời chứng của Chúa Giê-xu (3:11). Chúng ta sẽ thấy có sự mâu thuẫn về thẩm quyền trong những bài học tới. Các nhà lãnh đạo này tuyên bố họ tin Môi-se, nhưng không tin Chúa Giê-xu (5:37-47). Những người Pha-ri-si quan tâm đến sự vinh hiển của loài người hơn vinh hiển Đức Chúa Trời (Giăng 12:37-50).

“Ví bằng ta nói với các người những việc thuộc về đất, các người còn chẳng tin thay; huống chi ta nói những việc thuộc về trời, thì các người tin sao được?” (Giăng 3:12).



## 44 / Giảng

*Con rắn.* Hình ảnh minh họa thứ ba Chúa sử dụng, đó là hình ảnh *con rắn bị treo lên nơi đồng vắng* (3:14-18). Câu chuyện trong sách *Dân Số Ký* 21:4-9 hẳn rất quen thuộc với Ni-cô-đem. Đây là câu chuyện về tội lỗi, bởi dân Y-sơ-ra-ên đã chống nghịch Đức Chúa Trời nên phải bị đoán phạt. Đức Chúa Trời khiến con rắn lửa đến cắn dân chúng, làm nhiều người bị chết. Đây cũng là câu chuyện về ân sủng, vì Môi-se cầu thay cho dân chúng và Đức Chúa Trời đã ban một giải pháp. Ngài bảo Môi-se làm một con rắn đồng, treo lên cây sào để mọi người nhìn xem. Người nào bị rắn cắn mà nhìn lên con rắn đồng, sẽ được chữa lành tức thời. Vì vậy, đây cũng là câu chuyện về đức tin, khi dân chúng nhìn bằng đức tin, họ sẽ được cứu.

Động từ “treo lên” có ý nghĩa kép: bị đóng đinh (*Giăng* 8:28; 12:32-34) và được vinh hiển. Qua Phúc Âm, Giảng cho thấy sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá thật ra là cách làm vinh danh Ngài (12:23tt). Thập tự giá không phải là nơi kết thúc vinh hiển nhưng là cách để Ngài được vinh hiển (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:23-24).

Con rắn bị treo lên cây sào thế nào, Con Đức Chúa Trời cũng sẽ bị treo lên thập tự giá thế ấy. Vì sao? Vì Ngài muốn cứu chúng ta khỏi tội lỗi và sự chết. Ở trại quân Y-sơ-ra-ên, giải pháp về “vấn nạn rắn cắn” không phải bằng kế hoạch giết rắn, uống thuốc, vờ như không có rắn, đưa ra luật diệt rắn hay leo lên cây sào. Giải pháp duy nhất chỉ là: nhìn lên con rắn bị treo bằng đức tin!

Cả thế gian đã bị tội lỗi cắn nuốt, “tiền công của tội lỗi là sự chết” (*Rô-ma* 6:23). Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến chịu chết không chỉ vì dân Y-sơ-ra-ên, nhưng vì cả thế gian. Làm thế nào để một người được sinh từ Đức Chúa Trời? Người ấy được cứu khỏi sự hư mất đời đời bằng cách nào? Đó là: tin nơi Chúa Giê-xu và nhìn xem Ngài bằng đức tin.

Vào ngày 6 tháng 1 năm 1850, một cơn bão tuyết hầu như đã làm tê liệt thành phố Colchester tại Anh quốc, khiến một

cậu thiếu niên nọ không thể đến nhà thờ nơi cậu thường thờ phượng. Vì vậy, cậu đành đến một nhà nguyện của Hội Giám Lý gần đó. Hôm ấy mục sư vắng mặt. Một tín hữu thay mặt mục sư chia xẻ. Đoạn Kinh Thánh người ấy đọc là Ê-sai 45:22 “Hỡi các người hết thảy ở các nơi đầu cùng đất, hãy nhìn xem ta và được cứu!” Những ngày tháng qua, dù đã được dạy dỗ trong Hội Thánh (cha và ông nội của cậu bé đều là nhà truyền đạo), cậu vẫn cảm thấy khốn khổ và bị cáo trách trong lòng, không biết chắc mình có được cứu rỗi hay không.

Người giảng luận trong nhà nguyện vì không có sự chuẩn bị nên ông chỉ nói vắn tắt và đơn sơ. Ông vẫn lặp lại câu Kinh Thánh này và nói lớn: “Người ta không cần phải đến trường để học cách nhìn, vì ai cũng có thể nhìn được, cả đến đứa trẻ cũng nhìn được!” Lúc này, chợt thấy cậu bé ngồi phía dưới, ông chỉ vào cậu bé: “Này cậu bé, trông cậu khốn khổ quá, hãy nhìn xem Chúa Giê-xu Christ!” Cậu bé ấy đã lấy đức tin nhìn vào Chúa Giê-xu. Cậu bé ấy về sau là nhà truyền giáo lừng danh Charles Haddon Spurgeon.

Ranh giới giữa sự hư mất và sự sống, giữa sự kết án và sự cứu rỗi là đức tin nơi Chúa Giê-xu. Lẽ ra, Chúa Giê-xu có thể đến thế gian với cương vị Quan Án để đoán phạt mọi tội nhân chống nghịch. Nhưng Ngài đã đến với thế gian này bằng tình yêu để làm Đấng Christ *chết thay chúng ta trên thập tự giá!* Ngài trở nên “con rắn bị treo lên” nơi đồng vắng. Con rắn thời Môi-se đem đến sự sống thể xác cho những người Do Thái hấp hối, nhưng Chúa Giê-xu Christ ban sự sống đời đời cho bất cứ ai tin nhận Ngài. Ngài dành sự cứu rỗi cho cả thế giới!

*Ánh sáng và bóng tối.* Hình ảnh thứ tư Chúa sử dụng là ánh sáng và bóng tối (*Giăng* 3:19-21). Đây là một trong những hình ảnh được nhắc đến nhiều nhất trong *Phúc Âm Giăng* (1:4-13). Vì sao tội nhân không muốn bước vào “ánh sáng của sự sống”? Vì họ ưa thích sự tối tăm hơn. Họ muốn chịu theo tội lỗi, và điều này khiến họ xa cách với sự sáng. Vì tội nhân càng đến gần sự sáng, tội lỗi họ càng bị phơi bày. Không



## 46 / Giảng

phải những “vấn đề tri thức” khiến người ta không tin nhận Chúa, nhưng sự mù lòa về đạo đức và thuộc linh đã khiến con người ưa thích sự tối tăm và ghét sự sáng.

Bạn để ý xem, cuối cùng Ni-cô-đem mới thật sự “đến cùng sự sáng.” Từ nơi bóng đêm của sự bối rối (3:1-21), ông đã bước ra ánh sáng của sự xưng nhận khi đồng cảm với Chúa Giê-xu nơi đồi Gô-gô-tha (19:38-42). Ni-cô-đem nhận biết rằng Đấng Christ bị treo lên thật sự là Con Đức Chúa Trời.

### 2. Chúa Giê-xu—Chàng Rể

*Giăng 3:22-30*

<sup>22</sup> Kế đó, Đức Chúa Jê-sus đi với môn đồ đến đất Giu-đê; Ngài ở với môn đồ tại đó, và làm phép báp-têm. <sup>23</sup> Giảng cũng làm phép báp-têm tại Ê-nôn, gần Sa-lim, vì ở đó có nhiều nước, và người ta đến đặng chịu phép báp-têm. <sup>24</sup> Bấy giờ Giảng chưa bị bỏ vào ngục.

<sup>25</sup> Vả, môn đồ của Giảng có cãi lầy với một người Giu-đa về lễ tinh sạch. <sup>26</sup> Họ đến cùng Giảng và nói rằng: Thưa thầy, kia, người ở cùng thầy bên kia sông Giô-đanh, mà thầy đã làm chứng cho, bây giờ đương làm phép báp-têm, và ai nấy đều đến cùng người. <sup>27</sup> Giảng trả lời rằng: Ví chẳng từ trên trời ban cho, thì không một người nào có thể lãnh chi được. <sup>28</sup> Chính các người làm chứng cho ta rằng ta đã nói: Ấy không phải ta là Đấng Christ, nhưng ta đã được sai đến trước Ngài. <sup>29</sup> Ai mới cưới vợ, nấy là chàng rể, nhưng bạn của chàng rể đứng gần và nghe người, khi nghe tiếng của chàng rể thì rất đổi vui mừng; ấy là sự vui mừng trọn vẹn của ta đó. <sup>30</sup> Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống.

Cho đến lúc Giảng Báp-tít bị vua Hê-rốt bắt giam vào ngục, chức vụ của ông trùng lặp với chức vụ của Chúa Giê-xu. Giảng không muốn ai đi theo ông, vì công tác của ông nhằm cho mọi người biết Chiên Con của Đức Chúa Trời và kêu gọi họ tin nhận Ngài. Nhưng khi hai nhà truyền đạo nổi tiếng cùng tham gia một công việc tương tự, thật dễ cho cả bạn bè lẫn kẻ thù bị cuốn hút vào việc cạnh tranh hay so sánh.

Dường như có một vài môn đệ của Giảng bắt đầu tranh cãi. Vấn đề khởi đầu từ quan điểm giáo lý—vấn đề về sự tinh sạch—nhưng sau đó chuyển sang những quan điểm cá nhân. Trong *Giăng 3:25*, một vài cổ bản ghi là “một người Do Thái”



thay vì “những người Do Thái.” Có thể người Do Thái không được nêu danh tánh này là Ni-cô-đem chăng? Chúng ta không thể xác định chắc chắn, nhưng có thể là như vậy.

Vấn đề về sự tinh sạch rất quan trọng đối với dân Do Thái (*Mác* 7:1-23). Theo luật pháp Cựu Ước, họ phải giữ cho tinh sạch theo nghi thức nếu muốn phục vụ Đức Chúa Trời và làm đẹp lòng Ngài. Tiếc thay, người Pha-ri-si đã áp đặt thêm nhiều hình thức đến nỗi trở thành một ách nặng nề cho dân chúng.

Vô tình các môn đệ Giăng đẩy ông vào tình thế tranh cạnh với Chúa Giê-xu! “Ai nấy đều đến cùng người!” (3:26) nghe như lời than vãn đầy chán nản. Thật thú vị khi bốn nhân vật nổi tiếng trong Kinh Thánh phải đối diện với sự so sánh tranh cạnh này là: Môi-se (*Dân Số Ký* 11:26-30) Giăng Báp-tít (*Giăng* 3:26-30), Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 9:46-50) và Phao-lô (*Phi-líp* 1:15-18). Người lãnh đạo thường chịu phiền toái do những đồ đệ cực đoan của mình hơn là những kẻ chỉ trích.

Giăng dàn xếp cuộc tranh cãi gay gắt này ra sao? Trước hết, Giăng quả quyết rằng: mọi chức vụ và ơn phước đều đến từ Đức Chúa Trời, nên không ai có thể tranh cạnh được (*Giăng* 3:27). Phao-lô cũng đồng một tư tưởng như vậy (*I Cô-rinh-tô* 3:1-9; 4:1-7). Những sự ban cho và mọi cơ hội đều đến từ Đức Chúa Trời, nên chỉ có Ngài đáng được quy vinh hiển.

Giăng dùng một hình ảnh thật tuyệt vời khi so sánh Chúa Giê-xu như chàng rể, và bản thân ông như bạn chàng rể (*Giăng* 3:29). Khi chàng rể gặp cô dâu, công việc của người bạn xem như đã hoàn tất. Nếu bạn chàng rể lấn át vị trí của chàng rể, đó là điều thiếu khôn ngoan. Niềm vui của Giăng là được nghe tiếng Chàng Rể và biết rằng Chàng Rể tuyên nhận Cô Dâu của mình. Thậm chí, trước khi ra đời, Giăng đã vui mừng trong Chúa (*Lu-ca* 1:44). Giăng thỏa lòng được làm tiếng kêu rao truyền cho mọi người biết Chúa Giê-xu là Ngôi Lời trở nên xác thịt (*Giăng* 1:23). Ngài là Sự Sáng, còn Giăng Báp-tít là người làm chứng về Sự Sáng ấy (1:6-8).

Tôi thường đọc những thông cáo báo chí, các bài điểm

sách cùng với những tập tài liệu của các hội nghị. Đôi lúc tôi cảm thấy bối rối vì những điều mình đọc. Đa số các diễn giả là những người từng chu du khắp thế giới hoặc là những diễn giả nổi tiếng, đã nói chuyện trước hàng ngàn thánh giá. Họ luôn được người ta ái mộ, nên công việc của họ được mô tả ở mức độ mà nếu đem so sánh, ta sẽ thấy Phao-lô vẫn còn rất bé nhỏ.

Có một vị mục sư hội trưởng lão ở Melbourne – Australia giới thiệu J. Hudson Taylor với những lời ca ngợi tận mây xanh. Taylor bước lên bục và nhỏ nhẹ nói: “Thưa các bạn, tôi là đây tờ hèn mọn của một Vị Chủ tiếng tăm lừng lẫy.” Nếu Giảng Báp-tít nơi thiên đàng nghe lời nói ấy, hẳn ông sẽ cất tiếng “Ha-lê-lu-gia!”

Hình ảnh Chàng Rể có lẽ rất ý nghĩa đối với dân Do Thái, vì Đức Chúa Trời đã có “một giao ước hôn nhân” cùng dân tộc này (*Ê-sai* 54:5; 62:4; *Giê-rê-mi* 2:2; 3:20; *Ê-xê-chi-ên* 16:8; *Ô-sê* 2:19). Dân Do Thái đã bội nghịch lời giao ước, nên Đức Chúa Trời tạm thời lìa bỏ họ. Ngày nay, Đức Chúa Trời đang kêu gọi một dân tộc cho danh Ngài, đó là Hội Thánh, vợ hứa của Đấng Christ (*II Cô-rinh-tô* 11:1-3; *Ê-phê-sô* 5:22-33). Ngày nào đó, Chàng Rể sẽ đến tuyên bố và rước Cô Dâu về nhà trên trời (*Khải Thị* 19:6-9; 21:9).

Từ “phải” được sử dụng theo ba cách đây ý nghĩa trong đoạn này. Có một từ “phải” dành cho tội nhân (*Giăng* 3:7), một từ “phải” dành cho Đấng Christ (3:14) và một từ “phải” dành cho tôi tớ (3:30).

### 3. Chúa Giê-xu – Đấng Làm Chứng Về Đức Chúa Trời *Giăng* 3:31-36

<sup>31</sup> Đấng từ trên cao đến là trên hết mọi loài. Kẻ từ đất đến là thuộc về đất, và nói ra cũng như là thuộc về đất; còn Đấng từ trời đến thì trên hết mọi loài. <sup>32</sup> Ngài làm chứng về điều Ngài đã thấy và nghe; song không có ai nhận lấy lời chứng của Ngài. <sup>33</sup> Ai đã nhận lấy lời chứng của Ngài thì làm chứng chắc rằng Đức Chúa Trời là thật. <sup>34</sup> Vì Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến thì rao truyền lời của Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Trời ban Thánh Linh cho Ngài không chừng



## Một Vấn Đề Sinh Tử / 49

mục. <sup>35</sup> Cha yêu Con, và đã giao hết mọi vật trong tay Con. <sup>36</sup> Ai tin Con, thì được sự sống đời đời; ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng còn thanh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó.

Các học giả Kinh Thánh bất đồng về việc ai là người nói những lời ghi trong *Giăng* 3:31-36, *Giăng* Báp-tít hay là sứ đồ *Giăng*. Một số nhà nghiên cứu Kinh Thánh cho rằng 3:16-21 là lời của sứ đồ *Giăng*, không phải của Chúa Giê-xu. Trong những bản sao Kinh Thánh xưa, không có dấu ngoặc kép, nhưng vì cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời hà hơi, nên vấn đề ai nói những lời ấy là điều không quan trọng.

Trọng tâm của phân đoạn này là lời chứng, một trong những chủ đề chính trong *Phúc Âm Giăng*. Từ “làm chứng” được sử dụng bốn mươi bảy lần. *Giăng* làm chứng về Chúa Giê-xu (1:7; 5:33), nhưng Ngài cũng làm chứng về chân lý. Vì sao chúng ta cần chú ý lời chứng của Ngài? Vì nhiều lý do.

Trước hết, Ngài là *Đấng từ trên cao* (3:31). Không phải Ngài đơn giản chỉ là người được sự kêu gọi từ trời, hay được ban quyền phép từ trời, nhưng Ngài chính là Đấng từ trời *xuống*. Lời tuyên bố này đã khiến dân Do Thái tranh cãi gay gắt, vì họ biết rằng Chúa xưng Ngài là Con Đức Chúa Trời (6:38-42). Dĩ nhiên *Giăng* Báp-tít không phải là người từ trời nên không tuyên bố như Chúa Giê-xu. Không sứ giả nào của Đức Chúa Trời sống trên đất là người “từ trời.” Chỉ có Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có thể tuyên bố về Ngài và minh chứng được lẽ thật ấy.

Là Đấng từ trời đến, nên Chúa Giê-xu là đại diện của Đức Chúa Cha. Vì vậy, chối bỏ lời chứng Ngài cũng đồng nghĩa với chối bỏ Đức Chúa Trời (5:23). Chúng ta đều biết lời chứng Ngài là thật, vì Ngài là Đức Chúa Trời chân thật. Chúng ta có thể tin lời ấy và đứng vững trên Lời ấy.

Lý do thứ hai, chúng ta phải nhận lời chứng của Ngài bởi đó là *lời chứng trực tiếp* (3:32-33). Ngài chia sẻ mọi điều đã thấy và nghe từ nơi Cha trên trời (8:38). Những ai nhận lời chứng của Ngài và *làm theo*, đều kinh nghiệm lời chứng của



## 50 / Giảng

Ngài là lẽ thật (7:17). Đừng chỉ học lời Ngài bằng lý trí mà không áp dụng vào nếp sống thường nhật. Chỉ khi nào chúng ta vâng theo lời Ngài và áp dụng vào thực tiễn, chúng ta sẽ hiểu rõ lẽ thật của Lời Ngài và kinh nghiệm quyền năng của Lời ấy.

Lý do thứ ba, Đức Chúa Cha đã ban thẩm quyền cho Con Ngài (Giăng 3:34-35). Đức Chúa Trời sai Con Ngài (một chủ đề khác trong Phúc Âm Giăng); ban cho Lời Ngài, Thánh Linh và mọi sự (13:3). Quả là sứ mạng đặc biệt! Chối bỏ lời chứng của Con nghĩa là chống nghịch Đấng có quyền tối thượng trong vũ trụ!

Chúng ta thường nghĩ đến tình yêu Đức Chúa Trời dành cho thế giới hư mất (3:16), nhưng Giăng cũng nhắc ta nhớ đến tình yêu Đức Chúa Trời dành cho Con Ngài. Chúa Giê-xu là "Con yêu dấu" của Cha trên trời (*Ma-thi-ơ* 3:17; *Mác* 1:11; *Lu-ca* 3:22). Vì yêu Con, Cha đã ban cho Con mọi sự, cũng như bày tỏ mọi sự cho Con (*Giăng* 5:20). Đó là tình yêu ban cho tất cả, không giữ lại điều gì.

Vì vậy, khi nhận lời chứng của Chúa Giê-xu, chúng ta được hưởng tình yêu và mọi sự thuộc về Ngài. Chối bỏ lời chứng của Đấng Christ là phạm tội nghịch cùng tình yêu và sự sáng. Không lấy gì làm lạ khi Chúa đã khóc về thành Giê-ru-sa-lem (*Ma-thi-ơ* 23:37-39). Dân Y-sơ-ra-ên đã chối bỏ lời chứng Ngài - sứ điệp và phép lạ của Ngài - sự từ chối của họ khiến họ phải chịu đoán phạt.

Cuối cùng, nếu nhận lời chứng của Ngài, chúng ta sẽ thoát khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời (*Giăng* 3:36). Đây là chỗ duy nhất trong Phúc Âm và các thư tín được Giăng sử dụng từ *cơn thịnh nộ* (Giăng sử dụng từ này sáu lần trong sách *Khải thị*). Câu Kinh Thánh trên có ý nghĩa tương đương với *Giăng* 3:18, cho thấy không thể có tình trạng trung lập trước lời chứng của Chúa Giê-xu: hoặc tin Ngài, hoặc chối bỏ Ngài. Chúng ta chỉ có một sự lựa chọn!

"Sự sống đời đời" không chỉ là sự vĩnh cửu nơi thiên đàng.

Người tin nhận Chúa ngay bây giờ có thể nhận sự sống ấy! Đó là sự sống của Đức Chúa Trời trong lòng người tin nhận. Đối lập với sự sống đời đời là sự chết đời đời, là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Không phải đến khi chết, con người mới vào địa ngục và chịu sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời nơi hỏa ngục. “Ai không tin đã bị đoán xét rồi” (Giăng 3:8). Án lệnh đã được công bố, nhưng bản án chưa được thi hành. Vì sao? Vì Đức Chúa Trời là Đấng đầy lòng nhân nhượng, Ngài vẫn đang kêu gọi tội nhân ăn năn (II Phi-e-rơ 3:9).

Khi xem lại chương 3, bạn sẽ thấy sứ đồ Giăng muốn nhấn mạnh về mối tương giao riêng tư với Chúa Giê-xu.

Đó là *mối tương giao sống*, khởi đầu bằng sự tái sinh, là sự sinh từ trời. Khi tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ vào đời sống mình, bạn sẽ sống bằng sự sống của Ngài và trở nên con cái trong gia đình Đức Chúa Trời.

Đó cũng là *mối tương giao ngọt ngào*, vì Ngài là Chàng Rể và chúng ta là nàng dâu. Giống như Giăng Báp-tít, chúng ta ao ước Chúa Giê-xu phải dấy lên, chúng ta phải hạ xuống. Ngài đáng nhận mọi vinh hiển và sự ngợi khen!

Đây cũng là *mối tương giao có hiểu biết*, vì Ngài là Đấng làm chứng chân thật về chân lý của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Vui mừng thay khi tiếp nhận Lời Ngài, suy ngẫm và ứng dụng vào đời sống mình!

Nhưng đừng quên cái giá của những hạnh phước này. Để chúng ta được sinh trong gia đình Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu phải chịu chết. Để chúng ta được bước vào mối tương giao ngọt ngào của sự cứu rỗi, Ngài phải chịu sự khinh ghét và kết án của loài người. Để chúng ta có thể kinh nghiệm sự tha thứ và sự sống đời đời, Ngài phải bị treo lên cây thập tự.

Mong rằng chúng ta không bao giờ xem thường những điều này.

“Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống” (Giăng 3:30).



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 3

---

#### Giảng 3

1. Thế giới ngày nay cố tìm sự cứu rỗi ở đâu?
2. Đọc các câu 1-21. Ông Ni-cô-đem là ai? Ông giống như ai?
3. Một người có tầm cỡ và danh tiếng như Ni-cô-đem khi đến hỏi ý kiến của một thầy Ra-bi hẳn phải có tâm trạng nào?
4. Tại sao Chúa Giê-xu coi Ni-cô-đem như một người chẳng biết gì về tôn giáo?
5. Chúa Giê-xu tỏ ra tự tin đối với một vị ra-bi lớn khác cho thấy Ngài nhận biết mình là ai?
6. Chúa Giê-xu dùng minh họa nào để cắt nghĩa về sự cứu rỗi cho Ni-cô-đem?
7. Mỗi minh họa trên giúp bạn hiểu thêm gì về sự cứu rỗi?
8. Đọc *Dân Số Ký* 21:4-9. Tại sao Chúa Giê-xu chọn minh họa này để dạy Ni-cô-đem về sự cứu rỗi?
9. Đọc các câu 22-30. Giảng Báp-tít nói gì về chức vụ của ông khi so sánh với chức vụ của Chúa Giê-xu?

10. Làm sao để “Chúa dấy lên còn ta phải hạ xuống” như Giăng Báp-tít đã làm?
11. Đọc các câu 31-36. Tại sao chúng ta cần chú ý đến lời chứng của Chúa Giê-xu về lẽ thật?
12. Trong chương này, Giăng nhấn mạnh rằng mối liên hệ giữa cá nhân chúng ta với Chúa Giê-xu là một mối liên hệ sống, yêu thương, và học hỏi? Bạn kinh nghiệm mối liên hệ này thế nào?



## Người Sa-ma-ri

### Tội Lỗi

Giăng 4

Trong chương 4 này, Chúa Giê-xu đến với những hạng người khác nhau: người đàn bà Sa-ma-ri tội lỗi, các môn đệ của Ngài, quan thị vệ và gia đình ông. Những người này có một điểm chung là *đức tin* của họ nơi Chúa Giê-xu Christ. Giăng viết Phúc Âm này nhằm chứng tỏ cho người đọc thấy rằng những con người có bản chất và giai cấp khác nhau đã đến với Chúa Giê-xu và tin nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy cùng gặp những con người này và tìm xem đức tin của họ khởi đầu và phát triển ra sao, và đức tin họ giúp ích bản thân họ và những người khác như thế nào.

### 1. Người Đàn Bà Sa-ma-ri

Giăng 4:1-30

<sup>1</sup> Khi Chúa đã hay rằng người Pha-ri-si có nghe đồn Ngài gọi và làm phép báp-têm được nhiều môn đồ hơn Giăng, <sup>2</sup> (kỳ thiệt không phải chính Đức Chúa Jê-sus làm phép báp-têm, nhưng là môn đồ Ngài), <sup>3</sup> thì Ngài lìa xứ Giu-đê trở về xứ Ga-li-lê. <sup>4</sup> Vả, Ngài phải đi ngang qua xứ Sa-ma-ri. <sup>5</sup> Vậy Ngài đến một thành thuộc về xứ Sa-ma-ri, gọi là Si-kha, gần đồng ruộng mà Gia-cốp cho Giô-sép là con mình. <sup>6</sup> Tại đó có cái giếng Gia-cốp. Nhân đi đường mỗi mệt, Đức Chúa Jê-sus ngồi gần bên giếng; bấy giờ độ chừng giờ thứ sáu.

<sup>7</sup> Một người đàn bà Sa-ma-ri đến múc nước. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy

cho ta uống. <sup>8</sup> Vì môn đồ Ngài đã đi ra phố để mua đồ ăn. <sup>9</sup> Người đàn bà Sa-ma-ri thưa rằng: Ủa kìa! Ông là người Giu-đa, mà lại xin uống nước cùng tôi, là một người đàn bà Sa-ma-ri sao? (Số là, dân Giu-đa chẳng hề giao thiệp với dân Sa-ma-ri.) <sup>10</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Ví bằng người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời, và biết người nói: "Hãy cho ta uống" là ai, thì chắc người sẽ xin người cho uống, và người sẽ cho người nước uống. <sup>11</sup> Người đàn bà thưa: Hỡi Chúa, Chúa không có gì mà múc, và giếng thì sâu, vậy bởi đâu có nước uống ấy? <sup>12</sup> Tổ phụ chúng tôi là Gia-cốp để giếng này lại cho chúng tôi, chính người uống giếng này, cả đến con cháu cùng các bầy vật người nữa, vậy Chúa há lớn hơn Gia-cốp sao? <sup>13</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Phàm ai uống nước này vẫn còn khát mãi; <sup>14</sup> nhưng uống nước ta sẽ cho, thì chẳng hề khát nữa. Nước ta cho sẽ thành một mạch nước trong người đó, văng ra cho đến sự sống đời đời. <sup>15</sup> Người đàn bà thưa: Lạy Chúa, xin cho tôi nước ấy, để cho tôi không khát và không đến đây múc nước nữa.

<sup>16</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy đi, gọi chồng người, rồi trở lại đây. <sup>17</sup> Người đàn bà thưa rằng: Tôi không có chồng. Đức Chúa Jê-sus lại phán: Người nói rằng: Tôi không có chồng, là phải lắm; <sup>18</sup> vì người đã có năm đời chồng, còn người mà người hiện có, chẳng phải là chồng người; điều đó người đã nói thật vậy. <sup>19</sup> Người đàn bà thưa rằng: Lạy Chúa, tôi nhìn thấy Chúa là một đấng thiêng tri. <sup>20</sup> Tổ phụ chúng tôi đã thờ lạy trên hòn núi này; còn dân Giu-đa lại nói rằng nơi đáng thờ lạy là tại thành Giê-ru-sa-lem. <sup>21</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hỡi người đàn bà, hãy tin ta, giờ đến, khi các người thờ lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi này, cũng chẳng tại thành Giê-ru-sa-lem. <sup>22</sup> Các người thờ lạy sự các người không biết, chúng ta thờ lạy sự chúng ta biết, vì sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến. <sup>23</sup> Nhưng giờ hầu đến, và đã đến rồi, khi những kẻ thờ phượng thật lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ phượng Cha: Ấy đó là những kẻ thờ phượng mà Cha ưa thích vậy. <sup>24</sup> Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ lạy. <sup>25</sup> Người đàn bà thưa: Tôi biết rằng Đấng Mê-si (nghĩa là Đấng Christ) phải đến; khi Ngài đã đến, sẽ rao truyền mọi việc cho chúng ta. <sup>26</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Ta, người đang nói với người đây, chính là Đấng đó.

<sup>27</sup> Khi đó, môn đồ tới, đều sững sờ về Ngài nói với một người đàn bà; nhưng chẳng ai hỏi rằng: Thầy hỏi người ấy điều chi? Hay là: Sao thầy nói với người? <sup>28</sup> Người đàn bà bèn bỏ cái vò của mình lại và vào thành, nói với người tại đó rằng: <sup>29</sup> Hãy đến xem một người đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm; ấy chẳng phải là Đấng Christ sao? <sup>30</sup> Chúng bèn từ trong thành ra và đến cùng Đức Chúa Jê-sus.

Vì cơ người Pha-ri-si muốn gây sự tranh cạnh giữa Chúa Giê-xu và Giảng Báp-tít (3:25-30), nên Chúa Giê-xu phải rời xứ Giu-đê để đến Ga-li-lê. Ngài có thể đi một trong ba con đường:

đọc theo mé biển, qua sông Giô-đanh và lên xứ Bê-ri-a (Perea) hoặc đi xuyên qua xứ Sa-ma-ri. Dân Do Thái chính thống luôn tránh mặt dân Sa-ma-ri, vì giữa hai dân này có sự thù ghét nhau từ lâu.

Dân Sa-ma-ri là dân lai tạp, nửa dòng máu Do Thái và nửa dòng máu dân ngoại. Dân này phát triển kể từ khi mười chi phái ở phía Bắc bị dân A-si-ri lưu đày năm 727 TC. Bị dân Do Thái không nhìn nhận vì gia phả không rõ ràng, dân Sa-ma-ri đành phải lập đền thờ và nghi lễ thờ phượng riêng của họ tại núi Ghê-ri-xin. Điều này càng khơi thêm ngọn lửa thành kiến. Một số người Pha-ri-si quá thù hận dân Sa-ma-ri đến nỗi đã cầu nguyện rằng: sẽ không có một người Sa-ma-ri nào hồi sinh vào thời kỳ sống lại! Khi kẻ thù muốn sỉ nhục Chúa Giê-xu, chúng đã gọi Ngài là “người Sa-ma-ri” (8:48).

Vốn luôn sống thì theo giờ đã được Đức Chúa Trời định sẵn, Chúa Giê-xu phải đến xứ Sa-ma-ri. Vì nơi ấy Ngài sẽ gặp một người đàn bà, đưa bà đến với đức tin sống, một đức tin thật có thể ảnh hưởng cho cả làng. Chúa chúng ta là Đấng đối xử công bình với mọi người. Trước đây, Ngài đã giải đáp thắc mắc cho một người Do Thái mẫu mực (3:1-21), và giờ đây Ngài làm chứng cho một người đàn bà Sa-ma-ri tội lỗi!

Ngài đến giếng Gia-cốp lúc mười hai giờ trưa. Khi các môn đệ đi mua thức ăn, Chúa có ý chờ đợi tại giếng nước này. Ngài ở trong tình trạng mệt mỏi và đói khát. Giếng không chỉ bày tỏ Chúa là Con Đức Chúa Trời, Ngài còn là con người thật sự. Ngài kinh nghiệm mọi hoàn cảnh của cuộc sống chúng ta nên Ngài luôn thông cảm với chúng ta.

Khi đọc cuộc đối thoại giữa Chúa và người đàn bà này, bạn hãy chú ý xem sự hiểu biết của bà về Chúa Giê-xu phát triển ra sao cho đến khi biết rằng Ngài là Đấng Christ. Bà đã trải qua bốn bước kinh nghiệm.

Ngài là “người Do Thái” (Giăng 4:7-10). Thời đó, người đàn ông, đặc biệt là thầy dạy luật không được phép nói chuyện với một người đàn bà xa lạ (4:27). Nhưng Chúa Giê-xu không



để tâm đến tập quán xã hội, vì sự cứu rỗi đời đời dành cho một linh hồn đang bị đe dọa. Hẳn người đàn bà rất ngạc nhiên khi Chúa xin nước. Bà cố tìm ra một ý nghĩa khác. Ngài *thật sự* muốn tìm kiếm điều gì?

Chi tiết được Giảng đóng ngoặc ở cuối *Giăng* 4:9 cốt dành cho độc giả người ngoại. Việc các môn đệ ra phố mua đồ ăn (4:8) chứng tỏ người Do Thái cũng có giao thiệp ít nhiều với dân Sa-ma-ri, vì vậy Giảng không có ý cường điệu. Mấy chữ trong dấu ngoặc có thể hiểu rằng “đừng cầu xin điều gì nơi dân Sa-ma-ri,” hoặc “đừng dùng chung vật dụng với dân Sa-ma-ri.” Tại sao Chúa Giê-xu là người Giu-đa lại muốn dùng cái gàu ô uế của người đàn bà này để kiếm một ngụm nước?

Dĩ nhiên lời yêu cầu của Chúa chỉ là cách để mở đầu cuộc trò chuyện và chia xẻ cho người đàn bà này chân lý về “nguồn nước sống.” Khi làm chứng, Chúa không mở đầu như “lời chào hàng,” nhưng Ngài ứng biến theo từng hoàn cảnh. Với Ni-cô-đem, Ngài nói về sự tái sinh, nhưng với người đàn bà này, Ngài nói về nguồn nước sống.

Chúa bày tỏ cho bà thấy rằng bà không có sự hiểu biết về ba vấn đề quan trọng: Ngài là ai? Ngài sẽ ban điều gì? Và bà có thể nhận điều đó bằng cách nào? Trước mặt bà là sự hiện diện của một Đức Chúa Trời hằng sống, muốn ban sự sống đời đời cho bà! Người Sa-ma-ri cũng ở trong sự tối tăm như người Do Thái vậy (1:26). Tuy nhiên, Lời Chúa khiến bà quan tâm, vì vậy bà bị lôi cuốn vào cuộc nói chuyện với Chúa Giê-xu.

“*Chúa há lớn hơn Gia-cốp sao?*” (*Giăng* 4:11-15). Chúa muốn nói về nguồn nước tâm linh, nhưng người đàn bà này hiểu lời Ngài theo nghĩa đen. Một lần nữa, chúng ta thấy con người cứ luôn lẫn lộn giữa vấn đề thuộc thể và thuộc linh! Hơn thế nữa bà quan tâm đến cách Chúa có được nước, thay vì chỉ đơn giản xin Ngài cho uống nước ấy.

Tất nhiên Chúa Giê-xu lớn hơn Gia-cốp, và Ngài còn “lớn hơn” cả cái giếng này nữa! Lời đáp của Ngài có thể được

hiểu rằng: “Ai uống nước này vẫn còn khát mãi (mọi điều thế gian ban cho vẫn không đủ) nhưng uống nước ta sẽ cho, thì chẳng hề khát nữa!” (4:13-14). Thật vậy, mọi sự ở thế gian không bao giờ làm con người thỏa mãn hoàn toàn. Ngày nay nơi âm phủ, con người cũng đang kêu la: “Tôi khát!”

Chúng ta biết rằng *sự sống* là một trong những ý niệm chính của *Phúc Âm Giảng*. Ông sử dụng từ này ít nhất ba mươi sáu lần. Campbell Morgan nói rằng, để duy trì sự sống, con người cần không khí, nước và thực phẩm (Chúng ta có thể thêm vào ánh sáng). Những điều này cũng được ban cho trong Chúa Giê-xu. Ngài cung cấp cho chúng ta “hơi thở” (Thánh Linh) của Đức Chúa Trời (3:8; 20:22). Ngài là Bánh của sự sống (6:48), sự sáng của sự sống (1:4,5). Ngài cũng ban cho ta nước của sự sống nữa.

Phản ứng nhất thời của người đàn bà là xin Chúa nước sống. Thật ra, bà không hiểu mình muốn nói gì. Hạt giống của Đạo đã rơi vào đất đá sỏi, và chồi non lú lên nhưng chưa bám rễ (*Ma-thi-ơ* 13:20-21). Tình trạng của bà có tiến triển, nhưng vẫn phải trải qua thời gian dài mới có sự thông hiểu. Vì vậy Chúa Giê-xu rất kiên nhẫn đối với bà.

“*Một Đấng tiên tri*” (*Giăng* 4:16-24). Cách duy nhất để chuẩn bị cho vùng đất của lòng người dễ dàng tiếp nhận hạt giống Đạo là phải xới đất lên bằng sự kết tội. Đó là lý do Chúa Giê-xu bảo người đàn bà đi gọi chồng đến. Ngài muốn bà phải thừa nhận tội lỗi mình. Trước hết phải có sự kết tội, sự ăn năn và rồi sẽ dẫn đến một đức tin được cứu rỗi. Chúa Giê-xu thức tỉnh bà, khơi dậy những cảm xúc trong bà, nhưng Ngài cũng đụng đến lương tâm bà, điều đó có nghĩa là Ngài giải quyết vấn đề tội lỗi của bà.

“Tôi không có chồng” là câu nói ngắn nhất của bà suốt cuộc nói chuyện! Vì sao? Bởi giờ đây bà bị kết tội nên miệng “phải ngậm lại” (*Rô-ma* 3:19). Nhưng đây hẳn là điều tốt nhất đã xảy đến cho bà.

Tuy nhiên, thay vì lắng nghe lời Chúa, bà cố đưa Ngài đi



“đường vòng” bằng cách bàn luận về sự khác nhau giữa tôn giáo của người Do Thái và người Sa-ma-ri. Bàn luận về tôn giáo có lẽ dễ chịu hơn là đối diện với tội lỗi! Tuy vậy, một lần nữa Chúa cho bà thấy sự tối tăm về thuộc linh của bà: bà không biết thờ phượng ai, thờ phượng ở đâu và thờ phượng bằng cách nào! Ngài tuyên bố rằng không phải mọi hình thức tôn giáo đều làm Đức Chúa Trời đẹp lòng, và có những kẻ thờ phượng hành động theo cách thiếu hiểu biết và vô tín.

Niềm tin duy nhất được Đức Chúa Trời chấp nhận là niềm tin đến từ dân Do Thái. Kinh Thánh xuất phát từ Do Thái và Đấng Christ cũng là người Do Thái. Những Cơ Đốc nhân đầu tiên là người Do Thái. Một nhân viên mộ đạo làm việc trong phi trường nói với tôi rằng Đấng cứu rỗi thế gian từ Hàn quốc đến, nhưng Chúa Giê-xu phán: “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (*Giăng* 4:22). Những ai có Đức Thánh Linh ngự vào và sống theo chân lý là những người thờ phượng đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Thật là câu nói gây ấn tượng khi cho rằng sự thờ phượng sẽ không còn giới hạn trong đến thờ dân Do Thái. Câu nói của Chúa là hợp với *Giăng* 2:19-21 và cũng là lời của Ê-tiên trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:48-50. Rõ ràng, *Phúc Âm Giăng* bày tỏ rằng có một cửa lễ mới (*Giăng* 1:29), một đền thờ mới (2:19-21; 4:20-24), một sự tái sinh (3:1-7), và nguồn nước mới (4:11). Dân Do Thái khi đọc *Phúc Âm* này phải hiểu rằng qua Chúa Giê-xu, Đức Chúa Trời đã lập một kế hoạch mới. Luật pháp của giao ước cũ đã được làm trọn và bước sang trang mới.

*Đấng Christ* (*Giăng* 4:25-30). Dù thiếu hiểu biết, người đàn bà vẫn tin một chân lý: Đấng Mết-si-a sẽ đến bày tỏ mọi điều trong lòng người. Chúng ta không biết bà học lễ thật này từ đâu, nhưng hạt giống gieo trong lòng bà đến giờ này bắt đầu kết quả. Chúa phán với bà: “Ta, người đang nói với người đây chính là Đấng đó” (câu 26). Ngài đã công khai tuyên bố danh Thánh của Đức Chúa Trời!



Lúc này, người đàn bà tin nhận Chúa Giê-xu và được đổi mới. Bà nôn nóng muốn chia sẻ niềm tin mình với người khác nên chạy vào làng cho mọi người biết rằng bà đã gặp Đấng Christ. Khi chúng ta suy ngẫm về sự hiểu biết chân lý thuộc linh đơn sơ của người đàn bà, sự sốt sắng làm chứng của người đàn bà đã khiến chúng ta phải xấu hổ. Đức Chúa Trời đã sử dụng lời chứng đơn sơ của bà khiến nhiều người chạy đến giếng nước mong gặp Chúa Giê-xu. Các Ra-bi Do Thái cho rằng thà những lời luật pháp bị thiêu cháy hơn là phân phát nó cho một người đàn bà! Nhưng Chúa Giê-xu không đồng tình với thành kiến hẹp hòi ấy.

Vì sao người đàn bà để lại vò nước khi vội vã vào thành? Trước hết, bà có mạch nước sống trong lòng nên rất thoải mái. Bà cũng có ý sẽ trở lại; và trong thời gian này, Chúa cùng các môn đệ có thể dùng vò để uống nước thỏa mãn cơn khát. Những hàng rào kỳ thị và những mâu thuẫn trước đây giờ đã bị phá vỡ! Tất cả đều hiệp một trong đức tin và tình yêu thương.

Người đàn bà không đặt niềm tin nơi Chúa ngay lúc đầu. Chúa vẫn kiên nhẫn với bà. Qua đó Ngài đã làm một tấm gương cho chúng ta noi theo trong công việc riêng của mình. Hẳn bà là người có hy vọng được cứu rất mong manh, vậy mà Đức Chúa Trời đã dùng bà để cứu hầu hết cả làng!

## 2. Các Môn Đệ

*Giăng 4:31-38*

<sup>31</sup> Song le, môn đồ nài nỉ một bên Ngài mà rằng: Thưa thầy, xin hãy ăn. <sup>32</sup> Ngài đáp rằng: Ta có một thứ lương thực để nuôi mình mà các ngươi không biết.

<sup>33</sup> Vậy môn đồ nói với nhau rằng: Có ai đã đem chi cho thầy ăn chẳng? <sup>34</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Đồ ăn của ta tức là làm theo ý muốn của Đấng sai ta đến, và làm trọn công việc Ngài. <sup>35</sup> Các ngươi há chẳng nói rằng còn bốn tháng nữa thì tới mùa gặt sao? Song ta nói với các ngươi: Hãy nhướng mắt lên và xem đồng ruộng, đã vàng sẵn cho mùa gặt. <sup>36</sup> Con gặt đã lãnh tiền công mình và thâu chứa hoa lợi cho sự sống đời đời, hầu cho người gieo giống và con gặt được cùng nhau vui vẻ. <sup>37</sup> Vì đây người ta có thể nói rằng: Người này thì gieo, người kia thì gặt, là rất phải. <sup>38</sup> Ta đã sai các ngươi gặt nơi mình không làm; kẻ khác đã làm, còn các ngươi thì đã vào tiếp lấy công lao của họ.

Khi các môn đệ đem thức ăn trở về, họ ngạc nhiên khi thấy Ngài nói chuyện với một người đàn bà, đặc biệt là người Sa-ma-ri! Nhưng họ không dám cắt ngang cuộc nói chuyện, vì biết Ngài hành động theo ý đã định, không cần sự can thiệp nào của họ. Sau khi người đàn bà đi khỏi, họ nài nỉ Ngài ăn với họ vì biết Ngài đã đói.

Lời đáp của Ngài “Ta có một lương thực để nuôi mình mà các ngươi không biết” (*Giăng* 4:32), cũng như những lời đáp khác của Ngài thường khiến các môn đệ khó hiểu. Họ nghĩ rằng Ngài nói đến một thức ăn thật, nhưng không biết Ngài kiếm từ đâu. Khi ấy, Ngài giải thích rằng lương thực của Ngài là làm theo ý muốn Cha trên trời. Trong trường hợp này, việc dẫn người đàn bà đến sự cứu rỗi là chất bổ dưỡng thật cho linh hồn Ngài. Các môn đệ chỉ thỏa mãn với bánh thuộc thể, nhưng Chúa Giê-xu thỏa lòng với sự làm trọn công việc của Cha Ngài.

Philip Brooks nói rằng: “Hãy tìm kiếm chất bổ dưỡng cho sự sống của bạn qua công việc của sự sống.” Ý muốn Đức Chúa Trời phải là nguồn năng lực và thỏa lòng cho con cái Ngài, giống như đang dự một buổi tiệc linh đình vậy. Nếu điều gì chúng ta làm khiến chúng ta mệt mỏi hơn là được gây dựng, thì ta nên tự hỏi liệu đó có phải là ý muốn Đức Chúa Trời dành cho chúng ta hay không.

Chúa chúng ta không xem ý muốn Đức Chúa Trời như một gánh nặng hay một công tác nhằm chán. Ngài xem công việc ấy như chính thực phẩm của linh hồn mình. Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời đã nuôi dưỡng và làm thỏa lòng linh hồn Ngài. “Hỡi Đức Chúa Trời tôi, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa” (*Thi Thiên* 40:8). Người đàn bà Sa-ma-ri giờ đây cũng đang làm theo ý muốn Đức Chúa Trời và tìm thấy sự vui mừng cùng thỏa lòng trong tâm linh.

Chúa Giê-xu chuyển hình ảnh thức ăn sang hình ảnh của đồng ruộng trong mùa gặt, chỉ về nguồn lương thực. Ngài lặp lại các châm ngôn quen thuộc của dân Do Thái nói về sự chờ



## 62 / Giăng

đợi mùa gặt. Ngài muốn nói đến những người trong làng, họ đã đến với Ngài nhờ lời chứng của người đàn bà Sa-ma-ri. Các môn đệ đi vào thành chỉ để mua thức ăn cho mình, nhưng không hề rao giảng Phúc Âm. Chính người đàn bà Sa-ma-ri đã thay thế họ!

Mùa gặt là hình ảnh quen thuộc trong Kinh Thánh, thường được dùng để nói về công tác thu phục linh hồn tội nhân. Ví dụ về người gieo giống và cỏ lùng (*Ma-thi-ơ* 13:1-30) có liên quan đến chủ đề trên, và Phao-lô cũng dùng hình ảnh này trong các thư tín (*Rô-ma* 1:13; *I Cô-rinh-tô* 3:6-9; *Ga-la-ti* 6:9). Chúng ta phải gieo hạt giống của Đạo Đức Chúa Trời vào lòng người nghe và cố gắng chăm sóc hạt giống ấy bằng tình yêu thương và sự cầu nguyện. Đến kỳ, hạt giống ấy có thể kết quả cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Khi các môn đệ đến thành Si-kha xứ Sa-ma-ri, chắc hẳn họ cho rằng “Không thể có mùa gặt ở đây! Dân này rất ghét người Do Thái của chúng ta, vậy sẽ chẳng ích lợi gì khi rao giảng cho họ!” Thế nhưng kết quả ngược với suy nghĩ họ, mùa gặt đã sẵn sàng, chỉ chờ con gặt trung tín đến thu hoạch mà thôi! Khi làm chứng cho Chúa Giê-xu, chúng ta thường cảm thấy chưa phải lúc hay chưa đúng chỗ. Cần có đức tin để gieo hạt giống này, nên chúng ta phải làm chứng về Chúa dù ở trong những hoàn cảnh dường như bất lợi. Bạn hãy đọc và suy ngẫm *Truyền Đạo* 11:4.

Không hề có sự cạnh tranh trong mùa gặt của Chúa, mỗi chúng ta đều được giao một nhiệm vụ và tất cả đều cộng tác với nhau (*I Cô-rinh-tô* 3:6-9). Người trồng, kẻ tưới, mỗi người đều sẽ lãnh phần thưởng tùy công việc mình làm.

*Giăng* 4:38 cho thấy đã có những người đến làm việc trước tại Sa-ma-ri và dọn đường sẵn cho mùa gặt này. Chúng ta không biết họ là ai và cũng không cần phải biết, vì Đức Chúa Trời hẳn sẽ thưởng công xứng đáng cho họ. Có lẽ một số những người này đã nghe *Giăng Báp-tít* hoặc các môn đồ của *Giăng* giảng. Họ đã đến với vùng đất khô cằn này. Một số nhà khảo



cổ học xác định vị trí của “Ê-nôn gần Sa-lim” nơi Giảng Báp-tít làm phép báp-têm (3:23) gần Si-chem, nơi này rất gần thành Si-kha và giếng Gia-cốp. Nếu đúng như vậy, Giảng Báp-tít đã khai hoang vùng đất này để gieo giống, còn Chúa Giê-xu và các môn đệ là người thu hoạch. Đương nhiên, người đàn bà này cũng góp phần gieo giống qua hành động làm chứng cho nhiều người khác.

Các môn đệ đã học một bài học quý giá, khích lệ họ rất nhiều vào những năm sau đó. Họ không đơn độc khi phục vụ Chúa, vì vậy không bao giờ xem bất cứ cơ hội làm chứng nào là vô ích và mất thời gian cả. Cần phải có đức tin để khai khẩn đất và gieo giống, nhưng Đức Chúa Trời cũng hứa ban một mùa gặt cho chúng ta (*Thi Thiên* 126:5, 6; *Ga-la-ti* 6:4). Trong những năm sau, Phi-e-rơ và Giảng đã bước vào một mùa gặt khác giữa xứ Sa-ma-ri (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:5-25). Những người gieo giống có thể không nhìn thấy mùa gặt, nhưng những kẻ thu hoạch sẽ dâng lời cảm tạ Đức Chúa Trời về những kẻ gieo giống trung tín.

Từ “công lao” trong *Giăng* 4:38 và “mệt mỏi” trong *Giăng* 4:6 có cùng gốc trong tiếng Hy Lạp. Gieo giống, chăm sóc và thu hoạch là những công việc khó nhọc, không chỉ ở lãnh vực tự nhiên mà còn ở lãnh vực thuộc linh nữa. Không có chỗ cho kẻ lười biếng trong mùa gặt! Công việc thật khó nhọc, vậy mà con gặt quá ít!

### 3. Người Sa-ma-ri

*Giăng* 4:39-42

<sup>39</sup> Có nhiều người Sa-ma-ri ở thành đó tin Ngài, vì cơ lời đàn bà đã làm chứng về Ngài mà rằng: Ngài đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm. <sup>40</sup> Vậy, các người Sa-ma-ri đã đến cùng Ngài, xin Ngài vào trọ nơi mình; Ngài bèn ở lại đó hai ngày. <sup>41</sup> Khi đã nghe lời Ngài rồi, người tin Ngài càng đông hơn nữa. <sup>42</sup> Họ nói với người đàn bà rằng: Ấy không còn phải vì điều người đã nói với chúng ta mà chúng ta tin đâu; vì chính chúng ta đã nghe Ngài, và biết rằng chính Ngài thật là Cứu Chúa của thế gian.

## 64 / Giảng

Nhiều người Sa-ma-ri tin nhận vì lời chứng của người đàn bà. Sau đó có thêm nhiều người tin theo khi họ nghe chính Chúa giảng dạy. Họ vui mừng đến nỗi nài xin Ngài ở lại với họ. Ngài ở cùng họ trong hai ngày. Trong thời gian ngắn ngủi ấy lời Ngài đã khiến đời sống họ kết quả.

Thật quan trọng khi những con người mới tin nhận này đặt niềm tin trong Lời Chúa - Kinh Thánh. Những người Sa-ma-ri này bắt đầu đời sống thuộc linh khi tin nơi lời chứng của người đàn bà. Nhưng sau đó họ tin lời Chúa qua sự dạy dỗ của chính Đấng Christ. Sự cứu rỗi của họ không phải là sự cứu rỗi gián tiếp. Họ biết mình được cứu trực tiếp bởi họ đã tin sứ điệp của Ngài. “Vì chính chúng ta đã nghe Ngài” (*Giăng* 4:42) – đó là lời chứng đầy vui mừng của họ.

Có lẽ bạn tưởng những người Sa-ma-ri này có đức tin rất hạn hẹp, chỉ xem Chúa Giê-xu là Đấng Christ của dân Do Thái và Sa-ma-ri. Nhưng họ xưng nhận Ngài là “Cứu Chúa của cả thế gian” (4:42). Chỉ mới tiếp nhận Chúa có vài ngày thôi nhưng họ đã có khả năng rõ ràng về công tác truyền giảng! Thật vậy, tầm nhìn của họ còn rộng hơn sự hiểu biết của các sứ đồ!

Bạn sẽ thấy thú vị nếu dõi theo chuyến đi của Chúa Giê-xu đến xứ Sa-ma-ri. Ngài từ Giê-ru-sa-lem (2:23), đến xứ Giu-đê (3:22), từ đó Ngài đến xứ Sa-ma-ri (4:4) và được dân này gọi Ngài là “Cứu Chúa của thế gian.” Hành trình này hoàn toàn giống với *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:8 “Các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê xứ Sa-ma-ri cho đến cùng trái đất.” Ngài đã làm gương cho chúng ta và nếu noi theo Ngài, Ngài sẽ dắt chúng ta vào mùa gặt.

Người đàn bà Sa-ma-ri vô danh này là một tín hữu sống kết quả: bà sinh nhiều trái (“nhiều người tin Ngài”), kết nhiều trái hơn (“càng đông người tin”), và ngày nay tiếp tục kết quả nhiều hơn cho vinh hiển của Đức Chúa Trời (xem *Giăng* 15:1-5). Không ai biết rõ có bao nhiêu tội nhân đến với Đấng Christ



nhờ lời chứng của người đàn bà được chép trong chương 4 này.

#### 4. Quan Thị Vệ

Giăng 4:43-54

<sup>43</sup> Khỏi hai ngày ấy, Đức Chúa Jê-sus từ đó đi qua xứ Ga-li-lê <sup>44</sup> (vì chính Ngài đã phán rằng một người tiên tri chẳng bao giờ được tôn kính trong quê hương mình). <sup>45</sup> Khi đã đến xứ Ga-li-lê, Ngài được dân xứ ấy tiếp rước tử tế, bởi dân đó đã thấy mọi điều Ngài làm tại thành Giê-ru-sa-lem trong ngày lễ; vì họ cũng có đi dự lễ.

<sup>46</sup> Vậy, Ngài lại đến thành Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, là nơi Ngài đã hóa nước thành rượu. Nguyên ở tại thành Ca-bê-na-um, có một quan thị vệ kia, con trai người mắc bệnh. <sup>47</sup> Quan đó nghe Đức Chúa Jê-sus đã từ xứ Giu-đê đến xứ Ga-li-lê, bèn tìm đến và xin Ngài xuống đặng chữa cho con mình gần chết. <sup>48</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Nếu các người không thấy phép lạ và điềm lạ, thì các người chẳng tin! <sup>49</sup> Quan thị vệ trả lời rằng: Lạy Chúa, xin Chúa xuống trước khi con tôi chưa chết! <sup>50</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy đi, con của người sống. Người đó tin lời Đức Chúa Jê-sus đã phán cho mình, bèn đi. <sup>51</sup> Người đang đi dọc đường, các đầy tớ người đến đón mà rằng: Con trai chủ sống. <sup>52</sup> Người bèn hỏi họ con trai mình đã thấy khá nhằm giờ nào. Họ trả lời rằng: Bữa qua, hồi giờ thứ bảy, cơn rét lui khỏi. <sup>53</sup> Người cha nhận biết rằng ấy là chính giờ đó Đức Chúa Jê-sus đã phán cùng mình rằng: Con của người sống; thì người với cả nhà đều tin. <sup>54</sup> Ấy là phép lạ thứ hai mà Đức Chúa Jê-sus đã làm, khi Ngài từ xứ Giu-đê trở về xứ Ga-li-lê.

Chúa tiếp tục hành trình đến Ga-li-lê (4:3) và trở lại thành Ca-na. Ga-li-lê thường được gọi là "*Galil ha goyim* - Ga-li-lê của dân ngoại." Rõ ràng Chúa nhận thấy xứ Giu-đê (quê hương Chúa) có sự thù địch ngày càng tăng của các chức sắc tôn giáo, dù chưa có sự chống đối ra mặt trong thời gian đầu. Giu-đê chưa hề nhìn nhận Ngài dù Ngài được sinh ra tại Bết-lê-hem. Người ta chỉ biết Ngài như vị tiên tri xứ Ga-li-lê (*Giăng* 7:52; *Ma-thi-ơ* 21:11). Ngài hiểu rằng hưởng ứng của dân chúng đối với chức vụ Ngài ở Giê-ru-sa-lem rất giả dối và hời hợt (*Giăng* 2:23-25), và điều này không làm vinh danh Ngài.

Vì sao Chúa trở lại thành Ca-na? Có lẽ Ngài muốn chăm sóc "hạt giống" Ngài gieo ra ở đây khi dự tiệc cưới. Na-tha-



na-ên xuất thân từ thành Ca-na, nên có lẽ đây cũng là lý do riêng để Chúa thăm thành này. Tại đây, Ngài gặp quan thị vệ thành Ca-bê-na-um, cách Ca-na khoảng 20 dặm. Vị quan này đã nghe đồn về phép lạ của Chúa nên đã lặn lội từ xa đến để xin Ngài chữa bệnh cho đứa con trai đang hấp hối. Phép lạ đầu tiên tại thành Ca-na xảy ra do lời yêu cầu của mẹ Ngài (2:1-5) và phép lạ thứ hai do lời cầu xin của một người cha (4:47).

Vị quan này là người Do Thái hay người ngoại? Chúng ta không rõ điều này, cũng không biết đích xác chức vị của ông trong quốc gia ra sao. Có lẽ ông là một vị quan trong triều Hê-rốt. Dù quốc tịch hay địa vị xã hội ra sao, ông vẫn là con người bất lực, rất cần sự cứu giúp của Đấng Christ. Ông cứ khẩn thiết nài xin Chúa đến thành Ca-bê-na-um để chữa bệnh con trai ông.

Câu 48 không phải là lời quở trách vị quan này, nhưng là lời than vãn của Chúa về tình trạng thuộc linh của con người nói chung, đặc biệt là xứ Giu-đê và xứ Ga-li-lê. “Thấy mới tin” luôn là một triết lý thực dụng của thế gian hư mất và cả thế giới mộ đạo nữa! Quan thị vệ tin rằng Chúa có thể chữa lành con trai ông. Tuy nhiên, ông đã mắc hai sai lầm trong tư tưởng: Chúa phải đến Ca-bê-na-um mới cứu được đứa trẻ, và nếu cậu bé chết trong lúc Chúa còn đang trên đường đi mọi cố gắng đều hóa ra vô ích.

Chúng ta phải khâm phục đức tin của vị quan này. Chúa chỉ phán “Hãy đi! Con của người sống.” Thế là ông tin theo và quay về nhà. Người đàn bà Sa-ma-ri và cả vị quan vô danh này chắc hẳn đã khiến Chúa rất đẹp lòng khi họ tin Lời Ngài và hành động theo lời phán ấy.

Đứa con trai được chữa lành ngay lúc Chúa phán; vì vậy các đầy tớ chạy đi báo tin mừng cho quan thị vệ. (Một lần nữa, chính những kẻ đầy tớ chứng kiến mọi việc xảy ra – 2:9; 15:15). Cậu bé được chữa lành vào giờ thứ bảy, theo giờ Rô-ma là 7 giờ tối. Chắc hẳn người cha không đi đường ban đêm,

vì nguy hiểm, và các đầy tớ cũng vậy. Vậy, đức tin của người cha mạnh đến nỗi ông có thể trì hoãn trở về, dầu lòng ông mong muốn gặp con trai yêu dấu của mình.

Ngày hôm sau, khi người cha gặp các đầy tớ, tin vui họ mang đến khẳng định niềm tin của ông. Bạn hãy để ý, người cha chỉ nghĩ sự chữa lành của Chúa sẽ đến từ từ (“bắt đầu khả quan”), nhưng các đầy tớ kể rằng cậu bé lành bệnh hoàn toàn và tức khắc.

Người cha khởi đầu *niềm tin bằng sự khủng hoảng*. Ông sắp mất con và chỉ còn biết trông cậy nơi Chúa Giê-xu. Nhiều người đã đến với Ngài trong tình trạng vô vọng, nhưng Ngài chẳng từ chối một ai. Sự hoang mang của quan thị vệ đã trở nên một đức tin mạnh mẽ: ông tin Lời phán của Chúa và lòng rất bình an. Thậm chí ông có thể trì hoãn giờ về vì biết rằng con mình đã thoát khỏi cơn hiểm nghèo.

Đức tin mạnh mẽ của quan thị vệ đã trở nên một đức tin *xác quyết*. Cậu bé được chữa lành hoàn toàn, sự chữa lành này xảy ra ngay khi Chúa phán. Sự thật này đã khiến quan thị vệ và cả nhà ông tin theo Chúa. Ông tin Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời và chia xẻ niềm tin ấy cho cả gia đình. Niềm tin của ông đã gây *ảnh hưởng* đến những người khác khi ông chia xẻ cho mọi người.

Đây là một trong nhiều phép lạ Chúa Giê-xu thực hiện “từ xa.” Ngài cũng chữa lành đầy tớ thầy đội (*Ma-thi-ơ* 8:5-13, người này cũng sống tại Ca-bê-na-um) và con gái người đàn bà Ca-na-an theo cách ấy (*Ma-thi-ơ* 15:21-28). Họ là những người ngoại, và theo cách nói thuộc linh, họ là người “ngày trước cách xa” (*Ê-phê-sô* 2:12-13). Có lẽ quan thị vệ cũng là người ngoại.

*Giăng* 4:54 không khẳng định sự chữa lành này là phép lạ thứ hai của Chúa Giê-xu vì như vậy sẽ mâu thuẫn với *Giăng* 2:23 và 3:2. Đây là phép lạ thứ hai Chúa thực hiện tại thành *Ca-na xứ Ga-li-lê* (xem 2:1-11). Ngài đã ban nhiều ân huệ cho dân xứ này.



Chúng ta cần lưu ý rằng hai phép lạ trên được thực hiện nơi riêng tư, không phải trước đám đông. Bà Ma-ri, các môn đệ và những đầy tớ biết rượu ngon từ đâu đến, nhưng khách mời không hề biết. (Dĩ nhiên, có lẽ sau đó các đầy tớ đã kể chuyện này cho người khác). Con trai quan thị vệ được chữa lành tại Ca-bê-na-um, không phải Ca-na, nhưng khi ấy tin đồn đã lan nhanh và mọi người đều biết.

Phép lạ đầu tiên Chúa làm tại tiệc cưới bày tỏ quyền năng Ngài trên *thời gian*. Đức Chúa Cha vẫn luôn hóa nước thành rượu, nhưng phải mất một hoặc hai mùa mới hoàn tất. Chúa Giê-xu làm ra rượu trong nháy mắt. Điều này có nghĩa rằng phép lạ của Chúa Giê-xu là bản sao *tức khắc* các công việc Cha vẫn thường làm. “Cha ta làm việc cho đến bây giờ, ta đây cũng làm việc như vậy” (*Giăng* 5:17). Cha trên trời đã hóa bánh ra nhiều từ mùa này qua mùa khác, nhưng Con Ngài hóa bánh trong nháy mắt.

Trong phép lạ thứ hai, Chúa bày tỏ quyền năng Ngài trên *không gian*. Ngài không bị giới hạn chỉ vì Ngài ở Ca-na và đứa bé bị bệnh ở Ca-bê-na-um. Việc người cha tin lời phán của Chúa và đến ngày hôm sau mới biết kết quả, đó là chứng cứ về đức tin mạnh mẽ của ông. Ông tin cậy nơi lời Chúa, và chúng ta cũng phải có đức tin ấy.

## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 4

---

#### *Giảng 4*

1. Bạn đã tin điều gì qua lời chứng của người khác?
2. Đọc các câu 1-42. Tại sao Chúa Giê-xu đi ngang qua Sa-ma-ri trong khi đa số dân Do Thái thì tránh đường này?
3. Tại sao Chúa xin người đàn bà Sa-ma-ri nước uống? Bà ta đáp ứng ra sao?
4. Nhận biết của người đàn bà Sa-ma-ri về Chúa tiến triển như thế nào?
5. Người đàn bà càng biết Chúa càng ảnh hưởng đến đức tin như thế nào?
6. Khi biết được Chúa Giê-xu là ai, bà có hành động cụ thể nào?
7. Lời chứng của bà có hiệu quả như thế nào? Tại sao?
8. Đọc các câu 43-54. Quan thị vệ đã bày tỏ đức tin nơi Chúa Giê-xu như thế nào?
9. Phép lạ này dạy chúng ta điều gì về Chúa Giê-xu?
10. Bạn có thể làm gì để học biết nhiều hơn về Chúa Giê-xu để nhờ đó đức tin của bạn được tăng trưởng?



# Đấng Bình Đẳng Với Đức Chúa Trời

## Giăng 5

Hai phép lạ đầu tiên của Chúa Giê-xu được Giăng ghi chép mang tính riêng tư. Chỉ có các đầy tớ và môn đệ biết Chúa biến nước thành rượu. Những người hầu, quan thị vệ và chỉ gia đình ông biết Chúa đã chữa lành đứa con trai bệnh nặng. Phép lạ Chúa thực hiện trong chương 5 không chỉ trước nhiều người chứng kiến, nhưng Ngài còn làm phép lạ ấy trong ngày Sa-bát và gây sự chống đối từ phía các nhà lãnh đạo tôn giáo. Chúng ta thấy đây là khởi đầu của sự “bất bở chính thức” chống lại Chúa Giê-xu. Đây là một màn kịch có ba “hồi” rất lý thú.

### 1. Sự Chữa Lành

*Giăng 5:1-15*

<sup>1</sup> Kể đó, có một ngày lễ của dân Giu-đa, Đức Chúa Jê-sus lên thành Giê-ru-sa-lem, <sup>2</sup> Số là, tại thành Giê-ru-sa-lem, gần cửa Chiên, có một cái ao, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Bê-tết-đa, xung quanh ao có năm cái vòm cửa. <sup>3</sup> Những kẻ đau ốm, mù quáng, tàn tật, bại xuội nằm tại đó rất đông, (chờ khi nước động; <sup>4</sup> vì một thiên sứ thỉnh thoảng giáng xuống trong ao, làm cho nước động; lúc nước đã động rồi, ai xuống ao trước hết, bất kỳ mắc bệnh gì, cũng được lành). <sup>5</sup> Nơi đó, có một người bị bệnh đã được ba mươi tám năm. <sup>6</sup> Đức Chúa Jê-sus thấy người nằm, biết rằng đau đã lâu ngày, thì phán: Người có muốn lành chăng? <sup>7</sup> Người bệnh thưa rằng: Lạy Chúa, tôi chẳng có ai để quăng tôi xuống ao trong khi nước động; lúc tôi đi đến, thì kẻ khác đã xuống ao trước tôi rồi. <sup>8</sup> Đức Chúa Jê-sus

## Đấng Bình Đẳng Với Đức Chúa Trời / 71

phán rằng: Hãy đứng dậy, vác giường người và đi. <sup>9</sup> Tức thì người ấy được lành, vác giường mình và đi. Và, bấy giờ là ngày Sa-bát.

<sup>10</sup> Các người Giu-đa bèn nói với kẻ được chữa lành rằng: Nay là ngày Sa-bát, người không phép mang giường mình đi. <sup>11</sup> Người trả lời rằng: Chính người đã chữa tôi được lành biểu tôi rằng: Hãy vác giường người và đi. <sup>12</sup> Họ hỏi rằng: Người đã biểu người: Hãy vác giường và đi, là ai? <sup>13</sup> Nhưng người đã được chữa lành không biết là ai: Vì Đức Chúa Jêsus đã lẩn trong đám đông tại chỗ đó.

<sup>14</sup> Sau lại, Đức Chúa Jêsus gặp người đó trong đền thờ, bèn phán rằng: Kia, người đã lành rồi, đừng phạm tội nữa, e có sự gì càng xấu xa xảy đến cho người chăng. <sup>15</sup> Người đó đi nói với các người Giu-đa rằng ấy là Đức Chúa Jêsus đã chữa lành cho mình.

Khi viếng thăm ngôi nhà thờ St. Anne ở Giê-ru-sa-lem, bạn sẽ thấy người ta đã khai quật nơi đây và tìm ra dấu vết của ao Bê-tết-đa ngày xưa. Tiếng Hê-bơ-rơ của tên *Bê-tết-đa* có nhiều cách viết khác nhau và được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Một số cho rằng nó có nghĩa là “nhà của tình thương” hay “nhà ân sủng,” nhưng số khác nói rằng đó là “chỗ của hai nguồn nước.” Chứng cứ về lịch sử và khảo cổ học cho thấy trước đây có hai hồ nước kế cận nhau cung cấp nước cho cả vùng này.

Ao Bê-tết-đa này nằm gần phía đông bắc của thành phố cũ, gần Cửa Chiên (*Nê-hê-mi* 3:1; 12:39). Có lẽ Giăng đã tìm ra một ý nghĩa thuộc linh nào đó đối với vị trí này, vì ông đã cho người đọc biết rằng Chúa Giê-xu là “Chiên Con của Đức Chúa Trời” (*Giăng* 1:29).

Chúng ta không biết Chúa lên Giê-ru-sa-lem để dự lễ nào, nhưng điều đó không quan trọng. Mục đích của Chúa không phải để duy trì truyền thống tôn giáo, nhưng để chữa lành một người và thực hiện phép lạ làm nền tảng cho bài giảng của Ngài trước đám đông. Phép lạ này chứng minh điều Ngài phán ở *Giăng* 5:24 – đó là quyền năng của Lời Ngài và sự sống đời đời.

Một số bản dịch Kinh Thánh bỏ đi phần cuối *Giăng* 5:3, và tron câu 4, nhưng biến cố này (kể cả lời của người bại trong 5:7) sẽ chẳng có mấy ý nghĩa nếu những câu này bị bỏ đi. Tại

sao nhiều người đặc biệt là người bại nhiều năm như vậy cứ trụ tại một chỗ nếu không có gì đặc biệt xảy ra? Bạn có thể nghĩ rằng sau ba mươi tám năm chờ đợi không có gì xảy ra, người bại này sẽ dời đi chỗ khác và thôi hy vọng. Chúng ta phải có sự khôn ngoan để thấy rằng có điều kỳ diệu nào đó đã giữ những con người bệnh tật này tại ao với hy vọng được chữa lành.

Theo sự mô tả của Giảng, họ là những con người “đau ốm, mù lòa, què quặt, bại xuội” (*Giăng* 5:3). Quả thật, tội lỗi đã gây nên thảm trạng trên thế gian! Nhưng sự chữa lành là một trong những công việc được báo trước của Đấng Mết-si-a (*Ê-sai* 35:3-6). Nếu các nhà lãnh đạo tôn giáo hiểu biết Kinh Thánh, có thể họ đã nhận biết Đấng Cứu Chuộc của mình; nhưng tâm linh họ đã bị mù lòa.

Dù nhìn phép lạ này ở góc độ nào, đó vẫn là một minh chứng về ân sủng của Đức Chúa Trời. Ân sủng đã khiến Chúa Giê-xu đến ao Bê-tết-đa. Có ai muốn trà trộn với những con người tuyệt vọng khốn cùng! Ngài không chữa lành tất cả, nhưng Ngài chọn một người và chữa cho người đó. Hành động Chúa đến với người bại này, chuyện trò, chữa lành ông và còn gặp lại ông lần nữa trong đền thờ, đó là chứng cứ về ân sủng và lòng thương xót vô hạn của Ngài.

Giăng cho biết người bại liệt đã mắc bệnh ba mươi tám năm. Có lẽ qua đó, Giăng nhìn thấy hình ảnh dân Do Thái đi trong đồng vắng suốt ba mươi tám năm (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 2:14). Theo cách nói thuộc linh, dân Y-sơ-ra-ên là dân tộc bất lực, đang mòn mỏi chờ đợi một điều gì đó xảy đến.

Chúa Giê-xu biết rõ tình trạng của người bại (*Giăng* 2:23-24), và Ngài hỏi rằng ông có muốn được chữa lành hay không. Bạn có thể nghĩ người này sẽ đáp lại cách nhiệt thành: “Vâng, tôi muốn được lành!” Trái lại, ông ta bắt đầu viện lý do! Ông đã ở trong tình trạng bi thảm này quá lâu đến nỗi ý chí ông cũng bị tê liệt như thân thể ông vậy. Tuy nhiên, nếu so sánh câu 6 với câu 40, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu cũng có một bài



học thuộc linh. Thật vậy, người bại này đại diện cho tình trạng thuộc linh bi thảm của dân tộc Do Thái.

Chúa chữa lành người bại bằng quyền năng của lời phán Ngài. Ngài bảo người bại làm một việc ngoài khả năng ông ta, nhưng trong lời truyền của Ngài có quyền năng linh nghiệm (*Hê-bơ-rơ* 4:12; *Mác* 3:5). Sự chữa lành xảy ra tức thì, và chắc hẳn có sự chứng kiến của nhiều người quanh ao nước. Chúa không dừng lại để chữa lành thêm bất cứ ai khác, nhưng Ngài “đi khỏi” (*Giăng* 5:13) để tránh xảy ra rắc rối (Tiếng Hy Lạp có nghĩa là “lẩn tránh”).

Nếu Chúa không thực hiện phép lạ này trong ngày Sa-bát, chắc sẽ không có vấn đề gì đáng nói. Dĩ nhiên Ngài có thể đến đây trước một ngày, hay chờ cho hết ngày Sa-bát, nhưng Ngài muốn gây chú ý cho các chức sắc đền thờ. Sau đó, Ngài cũng cố tình chữa lành người mù trong ngày Sa-bát (*Giăng* 9:1-14). Các thầy thông giáo đã nêu lên danh sách ba mươi chín điều cấm kỵ trong ngày Sa-bát, trong số đó có việc cấm gánh vác vật nặng. Thay vì chung niềm vui được lành bệnh của người bại, các nhà lãnh đạo này lại tố cáo ông ta phạm luật, vì đã vác giường đi trong ngày Sa-bát!

Chúng ta không thể hiểu rõ mối liên hệ giữa người bại này với Chúa Giê-xu ra sao. Không có chứng cứ gì cho thấy ông tin Chúa và được thay đổi, nhưng cũng không thể nói rằng ông nghịch lại với Đấng Christ. Thật ra, ông không biết ai đã chữa lành cho mình cho đến lúc gặp Chúa Giê-xu trong đền thờ. Hẳn ông đến đền thờ để dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời và dâng Ngài của lễ thích hiệp. Thật kỳ lạ khi người này không chịu tìm kiếm mối liên hệ mật thiết hơn với Đấng đã chữa lành mình. Nhiều người cũng từng đón nhận ơn phước cách nhưng không, nhưng lại vô tâm với Đấng Ban Cho.

Phải chăng người này “thông báo” cho người Giu-đa biết về Chúa Giê-xu vì sợ hãi? Chúng ta không rõ điều này. Người Giu-đa chẳng bận tâm đến người được chữa lành này, họ chỉ nhắm vào mục đích tố cáo Chúa Giê-xu. Không giống như

## 74 / Giảng

người mù được chữa lành trong chương 9, người bại được lành này không bị rút phép thông công. Lời Chúa phán ở 5:14 cho thấy tình trạng thuộc thể bị đày của ông ta là hậu quả của tội lỗi. Ngài không có ý cho rằng tội lỗi người này được tha như Ngài từng nói với người bại được dòng từ mái nhà xuống (*Mác* 2:1-12). Dù kinh nghiệm được một phép lạ kỳ diệu, cũng chưa hẳn là được cứu rỗi và hưởng Nước thiên đàng!

### 2. Sự Tranh Luận

*Giăng* 5:16-18

<sup>16</sup> Nhân đó dân Giu-đa bắt bớ Đức Chúa Jê-sus, vì cớ Ngài làm những sự ấy trong ngày Sa-bát. <sup>17</sup> Nhưng Ngài phán cùng họ rằng: Cha ta làm việc cho đến bây giờ, ta đây cũng làm việc như vậy. <sup>18</sup> Bởi cớ đó, dân Giu-đa càng kiếm cách nữa để giết Ngài, chẳng những vì Ngài phạm ngày Sa-bát thôi, mà lại vì Ngài gọi Đức Chúa Trời là Thân Phụ mình, làm ra mình bằng Đức Chúa Trời.

Các nhà lãnh đạo Do Thái không truy tố người được chữa lành dù ông ta phạm luật Sa-bát, họ chỉ muốn bắt bớ Chúa Giê-xu. Với tư cách là những người bảo vệ tôn giáo, một số thành viên của Tòa Công Luận (hội đồng quản trị trong giáo hội) có nhiệm vụ tìm hiểu những người giảng đạo và giáo sư mới đến trong xứ, nhằm ngăn chặn tình trạng tiên tri giả trà trộn vào dẫn dụ dân chúng. Họ đã dò xét chức vụ của Giảng Báp-tít (*Giăng* 1:19tt), và giờ đây lại theo dõi chức vụ của Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu đã chữa lành cho một người bị quỷ ám trong ngày Sa-bát (*Lu-ca* 4:31-37), vì vậy tòa Công Luận đã để tâm nghi ngờ. Vài ngày sau khi thực hiện phép lạ chép trong chương 5, Chúa đã bênh vực cho các môn đệ về việc họ bứt bông lúa mì trong ngày Sa-bát (*Ma-thi-ơ* 12:1-8). Ngài cũng chữa lành một người bị teo tay trong ngày Sa-bát (*Ma-thi-ơ* 12:9-14). Ngài không ngại đối đầu với những truyền thống lễ nghi của người Pha-ri-si và các thầy thông giáo. Ngày Sa-bát là ngày Đức Chúa Trời ban cho con người, thế nhưng họ đã biến ngày ấy thành nhà tù của những lễ luật và cấm đoán.

Khi họ tố cáo Chúa Giê-xu về những hành động vi phạm



luật pháp, Ngài chỉ đáp Ngài đang làm những gì cha Ngài đang làm (*Giăng* 5:17). Sự yên nghỉ trong ngày Sa-bát của Đức Chúa Trời đã bị tội lỗi loài người phá vỡ (*Sáng Thế Ký* 3:1-24); và kể từ khi loài người phạm tội, Đức Chúa Trời luôn tìm kiếm tội nhân hư mất để cứu họ. Khi Chúa phán “Cha ta” thay vì nói “Cha chúng ta” như dân Do Thái thường dùng, Ngài muốn tuyên bố rằng Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời.

Các nhà lãnh đạo Do Thái hiểu ngay lời tuyên bố của Chúa, nên họ từ chỗ tố cáo Ngài phạm luật Sa-bát, đã cáo Ngài thành tội lộng ngôn, vì Ngài tuyên bố mình là Đức Chúa Trời. Những nhà thần học cho rằng Chúa Giê-xu chưa bao giờ xưng Ngài là Đức Chúa Trời hẳn sẽ rất bối rối khi xem đoạn Kinh Thánh này.

Dĩ nhiên bản án dành cho tội lộng ngôn này sẽ là tử hình. Chính tại đây, “sự bắt bớ chính thức” bắt đầu, dẫn đến việc Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá. Những ngày kế tiếp, Chúa thường chạm trán với những kẻ thù nuôi ý đồ giết Ngài (*Giăng* 7:19, 25; 8:37, 59). Ngài bị họ ghét một cách vô cớ (15:18-25). Họ chỉ nghĩ đến ý định giết Ngài, chẳng quan tâm đến những việc tốt đẹp Ngài đã làm cho những kẻ khốn cùng vô vọng.

Ngài tự nhận mình ngang hàng với Đức Chúa Trời, bởi chính Ngài là Đức Chúa Trời. Đây là chủ đề lớn của *Phúc Âm Giăng*. Các nhà lãnh đạo Do Thái không thể bác bỏ được lời chứng của Ngài, nên lập mưu giết Ngài. Sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu chính thức khẳng định thần tính Ngài, và biến vũ khí của kẻ thù thành sức mạnh đánh trả chính họ.

Nhà văn người Anh George Mac Donald nói rằng *Giăng* 5:17 giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc về những phép lạ của Chúa Giê-xu. Ngài thực hiện *tức thì* những điều Cha trên trời vẫn luôn làm đều đặn. Ví dụ, trong thiên nhiên Đức Chúa Trời hoá nước thành rượu từng giai đoạn, nhưng Chúa Giê-xu thực hiện trong nháy mắt. Qua năng lực trong thiên nhiên, Đức Chúa Trời chữa lành những thân thể hư hoại, nhưng còn Chúa Giê-xu chữa lành kẻ bệnh hoạn trong tức khắc. Thiên nhiên



tạo ra bánh cách tuần hoàn, bắt đầu gieo hạt rồi đến khi gặt hái, nhưng Chúa Giê-xu hóa bánh ra nhiều cách nhanh chóng bằng đôi tay Ngài.

### 3. Những Lời Tuyên Bố

*Giăng 5:19-47*

<sup>19</sup> Vậy, Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán cùng họ rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, Con chẳng tự mình làm việc gì được; chỉ làm điều chi mà Con thấy Cha làm; vì mọi điều Cha làm, Con cũng làm y như vậy.

<sup>20</sup> Cha yêu Con và tỏ cho mọi điều Cha làm: Cha sẽ tỏ cho Con công việc lớn lao hơn những việc nầy nữa, để các ngươi lấy làm lạ lùng. <sup>21</sup> Và, Cha khiến những kẻ chết sống lại và ban sự sống cho họ thể nào, thì Con cũng ban sự sống cho kẻ Con muốn thể ấy. <sup>22</sup> Cha cũng chẳng xét đoán ai hết, nhưng đã giao trọn quyền phán xét cho Con, <sup>23</sup> đặng ai nấy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính Cha vậy. Ai không tôn kính Con, ấy là không tôn kính Cha, là Đấng đã sai Con đến.

<sup>24</sup> Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai nghe lời ta mà tin Đấng đã sai ta, thì được sự sống đời đời, và không đến sự phán xét, song vượt khỏi sự chết mà đến sự sống. <sup>25</sup> Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, giờ đến, và đã đến rồi, khi những kẻ chết sẽ nghe tiếng của Con Đức Chúa Trời, và những kẻ nghe sẽ được sống.

<sup>26</sup> Vì như Cha có sự sống trong mình, thì Cha cũng đã ban cho Con có sự sống trong mình vậy. <sup>27</sup> Cha đã ban quyền thi hành sự phán xét cho Con, vì là Con người. <sup>28</sup> Chớ lấy điều đó làm lạ; vì giờ đến, khi mọi người ở trong mồ mả nghe tiếng Ngài và ra khỏi; <sup>29</sup> ai đã làm lành thì sống lại để được sống, ai đã làm dữ thì sống lại để bị xét đoán. <sup>30</sup> Ta không thể tự mình làm nổi việc gì; ta xét đoán theo điều ta nghe, và sự xét đoán ta là công bình, vì ta chẳng tìm ý muốn của ta, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai ta.

<sup>31</sup> Nếu ta tự mình làm chứng lấy, thì sự làm chứng ấy không đáng tin. <sup>32</sup> Có người khác làm chứng cho ta, và ta biết rằng chứng người đó làm cho ta là đáng tin. <sup>33</sup> Các ngươi có sai sứ đến cùng Giăng, thì người đã làm chứng cho lẽ thật.

<sup>34</sup> Còn ta, lời chứng mà ta nhận lấy chẳng phải bởi người ta; nhưng ta nói vậy, đặng các ngươi được cứu. <sup>35</sup> Giăng là đuốc đã thấp và sáng, các ngươi bằng lòng vui tạm nơi ánh sáng của người. <sup>36</sup> Nhưng ta có một chứng lớn hơn chứng của Giăng; vì các việc Cha đã giao cho ta làm trọn, tức là các việc ta làm đó, làm chứng cho ta rằng Cha đã sai ta. <sup>37</sup> Chính Cha, là Đấng đã sai ta, cũng làm chứng về ta. Các ngươi chưa hề nghe tiếng Ngài, chưa hề thấy mặt Ngài, <sup>38</sup> và đạo Ngài không ở trong các ngươi, vì các ngươi không tin Đấng mà Ngài đã sai đến. <sup>39</sup> Các ngươi dò xem Kinh Thánh, vì tưởng bởi đó được sự sống đời đời: Ấy là Kinh Thánh làm chứng về ta vậy. <sup>40</sup> Các ngươi không muốn đến cùng ta để được sự sống!

## Đấng Bình Đẳng Với Đức Chúa Trời / 77

<sup>41</sup> Ta chẳng cầu vinh hiển bởi người ta mà đến đâu; <sup>42</sup> nhưng ta biết rằng các người chẳng có sự yêu mến Đức Chúa Trời ở trong các người. <sup>43</sup> Ta đã nhân danh Cha ta mà đến, các người không nhận lấy ta. Nếu có kẻ khác lấy danh riêng mình mà đến, thì các người sẽ nhận lấy. <sup>44</sup> Các người vẫn chịu vinh hiển lẫn của nhau, không tìm kiếm vinh hiển bởi một mình Đức Chúa Trời đến, thì thế nào các người tin được? <sup>45</sup> Chớ ngỡ rằng ấy là ta sẽ tố cáo các người trước mặt Cha, người sẽ tố cáo các người, là Môi-se, là người mà các người đã trông cậy. <sup>46</sup> Vì nếu các người tin Môi-se, cũng sẽ tin ta; bởi ấy là về ta mà người đã chép. <sup>47</sup> Nhưng nếu các người chẳng tin những lời người chép, các người há lại tin lời ta sao?

Đáp lại lời tố cáo, Chúa Giê-xu đưa ba lời xác nhận có ý nghĩa chứng minh cho địa vị làm Con Đức Chúa Trời của Ngài:

Thứ nhất, Ngài tuyên bố bình đẳng với Đức Chúa Trời (Giăng 5:19-23). Thay vì chối bỏ lời buộc tội, Ngài xác nhận sự thật đó! Nếu hôm nay có ai đó cũng tuyên bố như vậy, chúng ta sẽ cho rằng đây là người bị chứng tâm thần hoặc chỉ nói đùa. Lẽ dĩ nhiên, Chúa không hề tâm thần, và Ngài có mọi bằng chứng tỏ rằng Ngài đang tuyên bố một cách nghiêm túc. Hoặc Ngài là Con Đức Chúa Trời, hoặc Ngài là kẻ nói dối. Nếu Ngài nói dối, bạn sẽ giải thích ra sao về những việc tốt lành Ngài đã làm cho những kẻ khốn khổ? Hơn nữa, không ai tin cậy kẻ nói dối. Nếu Ngài nói dối, làm sao các môn đệ của Chúa đều sẵn sàng chết cho Ngài?

Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là một với Cha trong mọi việc Ngài làm. Nếu chữa bệnh trong ngày Sa-bát là tội lỗi, vậy Đức Chúa Trời mới là Đấng đáng trách! Chúa Giê-xu không hành động điều gì do ý Ngài, nhưng làm những gì Cha trên trời đang thực hiện. Cha và Con đồng công với nhau, làm cùng công việc theo một cách giống nhau. “Ta với Cha là một” (Giăng 10:30).

Khi hiện thân làm người trên đất, Chúa Giê-xu phó thác mình cho Cha trong mọi sự. “Đây này, tôi đến để làm theo ý muốn Chúa” (Ê-phê-rơ 10:8). Ngài đã từ bỏ vinh hiển và quyền tự do sử dụng các thuộc tính thiên thượng của mình. Trong đồng vắng, Sa-tan cám dỗ để buộc Ngài dùng đến quyền năng



thiên thượng cho chính mình, nhưng Ngài từ chối, không hành động tự do theo ý mình. Trong mọi sự Ngài hoàn toàn vâng theo ý Cha và Thánh Linh Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời không chỉ bày tỏ cho Con công việc Ngài và giúp Con thực hiện công việc ấy, nhưng Cha còn chia sẻ tình yêu cho Con (*Giăng* 5:20). Ba sách Phúc Âm *Ma-thi-ơ*, *Mác*, *Lu-ca* mở đầu bằng lời phán của Đức Chúa Trời dành cho Chúa Giê-xu “Con yêu dấu của ta,” và *Giăng* nhắc lại ý niệm này ở *Giăng* 3:35. Chúng ta thường nghĩ đến tình yêu Đức Chúa Trời dành cho thế gian hư mất (3:16), nhưng cũng nên nhớ đến tình yêu Cha trên trời dành cho “Con yêu dấu” của Ngài.

Vì yêu Con, Cha bày tỏ công việc Ngài cho Con. Các nhà lãnh đạo Do Thái mù quáng không hiểu công việc Chúa Giê-xu làm, vì họ không biết Cha, cũng không nhận ra Con. Thật sự, Cha còn có chương trình cho những việc lớn hơn, là những việc họ không thể ngờ. Có lẽ Chúa đang nghĩ đến việc chữa lành La-xa-rô khi nhắc đến vấn đề kẻ chết được sống lại trong *Giăng* 5:21.

Dưới mắt nhà lãnh đạo Do Thái, việc Chúa tuyên bố Ngài có quyền khiến kẻ chết sống lại là tội lộng ngôn vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có quyền ấy. Họ cho rằng Đức Chúa Trời là Đấng giữ ba chìa khoá lớn: chìa khoá mở trời và giáng mưa (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 28:12), chìa khoá mở lòng mẹ và ban sự sinh sản (*Sáng Thế Ký* 30:22) và chìa khoá mở cửa mồ khiến kẻ chết sống lại (*Ê-xê-chi-ên* 37:13). Đến giai đoạn này trong các sách Phúc Âm, Chúa vẫn chưa thực hiện phép lạ nào khiến kẻ chết sống lại, nên lời tuyên bố của Ngài càng gây thêm sự chống đối mạnh mẽ.

*Giăng* 5:21 chắc hẳn mang nhiều ý nghĩa vượt hơn việc khiến kẻ chết sống lại về thuộc thể, vì Chúa muốn liên hệ sâu xa đến sự sống thuộc linh mà Ngài có thể ban cho những kẻ chết về tâm linh. Ngài giải thích rõ về lẽ thật này như đã chép trong *Giăng* 5:24-29.



## Đấng Bình Đẳng Với Đức Chúa Trời / 79

Vậy, Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài bình đẳng với Cha trong việc làm, và Ngài cũng tuyên bố mình bình đẳng với Cha trong việc xét đoán (5:22). Đối với người Do Thái chính thống, Đức Chúa Trời là “Đấng đoán xét cả thế gian” (*Sáng Thế Ký* 18:25); và không ai dám áp dụng danh hiệu oai nghiêm ấy cho chính mình. Chỉ có Chúa Giê-xu làm điều ấy! Qua lời tuyên bố Ngài là Đấng xét đoán, Ngài cũng muốn nói rằng: Ngài là Đức Chúa Trời. “Vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 17:31).

Chúa Giê-xu còn tuyên bố quyền bình đẳng của Ngài với Cha trong một lãnh vực khác, đó là *được tôn kính giống như Cha* (*Giăng* 5:23). Việc Ngài là Đấng đoán xét được chỉ định từ trước, cũng đủ để con người phải tôn kính Ngài. Thật là lời tuyên bố hùng hồn: Nếu không tôn kính Con, bạn sẽ không tôn kính Cha! Những kẻ “mộ đạo” nào cho rằng mình thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng chối bỏ thần tính của Đấng Christ, những kẻ ấy sẽ không có Cha và Con. Không bởi Chúa Giê-xu, bạn không thể biết Đức Chúa Trời, thờ phượng và phục vụ Ngài.

Thứ hai, *Chúa Giê-xu còn tuyên bố Ngài có quyền khiến kẻ chết sống lại* (*Giăng* 5:24-29). Ngài bắt đầu lời mình bằng lời uy nghi “quả thật, quả thật” (xem 5:19, 24, 25). Hơn 20 lần trong *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ thấy Chúa sử dụng cách nói trang trọng này. Ngài như muốn nói rằng: “Hãy để tâm đến điều này. Điều ta sắp nói rất quan trọng!”

Trong phần Kinh Thánh hấp dẫn này, Chúa nói đến bốn sự sống lại khác nhau (xem 5:24-25; *Ê-phê-sô* 2:1-10). Ngài mô tả sự sống lại của tội nhân trong sự sống đời đời. Tội nhân hư mất tựa như một xác chết không có sự sống và vô phương cứu chữa. Dù cho người lo việc tang lễ có tắm rửa xác chết, nó vẫn là xác chết! Không có vấn đề “xác chết này tệ hơn xác chết nọ” Nếu đã chết, bạn là người chết! Tội nhân hư mất không thể tự cứu mình và dĩ nhiên không thể ban cho chính

mình sự sống.

Những tội nhân đã chết được sống lại ra sao? Bởi Lời Đức Chúa Trời và tin Con Ngài. Bởi Lời Chúa, kẻ bại tại ao nước được chữa lành (*Giăng* 5:8). Khi Lời Ngài được phán ra, kẻ chết được sống lại (*Lu-ca* 7:11-17; 8:49-56; *Giăng* 11:41-44). Lời Ngài là “Lời sống và linh nghiệm” (*Hê-bơ-rơ* 4:12) khiến tội nhân hư mất sống lại từ cõi chết thuộc linh. “Sự sống đời đời” nghĩa là người được sống sẽ không bao giờ chết về mặt tâm linh nữa và cũng không bị đoán phạt (*Rô-ma* 8:1). Nghe Lời Chúa và tin theo đồng nghĩa với được cứu rỗi, nhưng chối bỏ Lời Ngài là chuốc cho mình sự xét đoán (*Giăng* 12:48).

Sự sống lại thứ hai là sự phục sinh của Chúa Giê-xu (*Giăng* 5:26). Sự sống của chúng ta bắt nguồn từ một sự sống khác, nhưng sự sống của Ngài chính là “nguồn cội” của mọi sự sống: “Trong Ngài có sự sống” (*Giăng* 1:4). Mồ mả không thể giữ được Ngài vì Ngài là “Chúa của sự sống” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:24; 3:15). Ngài đã phó sự sống mình và có quyền lấy lại (*Giăng* 10:17-18). Vì là cội nguồn của sự sống, Ngài có thể ban phát sự sống cho mọi kẻ tin nhận Ngài.

Sự sống lại thứ ba, gọi là sự sống lại trong kỳ sau rốt khi những người tin Chúa được sống lại từ cõi chết (*Giăng* 5:28-29). Lễ thật này được giải thích ở *ITê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18 và *ICô-rinh-tô* 15:1-58. Hãy nhớ rằng sự sống lại này không phải là sự tái tạo. Đừng cho rằng Đức Chúa Trời sẽ “chấp vá những mảnh da thịt của người chết lại với nhau”. Thân thể sống lại là thân thể mới, vinh hiển, phù hợp với môi trường mới trên thiên đàng. Sự chết chưa phải là kết thúc cuối cùng của người tin Chúa. Người ấy cũng sẽ không sống nơi thiên đàng như một linh hồn không có xác. Đức Chúa Trời cứu rỗi con người cách trọn vẹn, linh hồn và cả thể xác (*Rô-ma* 8:23; *Phi-líp* 3:20-21). Sự sống lại này sẽ xảy ra khi Chúa Giê-xu tái lâm nơi không trung để kêu gọi những kẻ thuộc về Ngài.

Sự sống lại thứ tư là sự sống lại để chịu xét đoán (*Giăng* 5:29b). Sự sống lại này dành cho kẻ hư mất, xảy ra trước khi



Chúa Giê-xu mở ra trời và đất mới (*Khải Thị* 20:11-15). Thật đáng kinh khiếp, khi mọi kẻ chết “lớn và nhỏ” đứng hầu trước Chúa Giê-xu! Cha trên trời đã giao quyền xét đoán cho Con (*Giăng* 5:22) và cũng ban cho Ngài quyền thi hành sự xét đoán này (*Giăng* 5:27). Hôm nay, Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Thế, nhưng ngày kia, Ngài sẽ ngồi nơi ghế của Đấng xét đoán.

Danh hiệu “Con Người” được sử dụng trong *Giăng* 5:27 có liên hệ với *Đa-ni-ên* 7:13-14, và là danh nói về Đấng Mết-si-a. Danh hiệu này được sử dụng mười hai lần trong *Phúc Âm Giăng* và hơn tám mươi lần trong cả bốn sách Phúc Âm. Dân Do Thái đều biết đến danh hiệu này trong sách *Đa-ni-ên*. Vì vậy, khi Chúa nói đến danh hiệu ấy, họ hiểu Ngài muốn tuyên bố rằng Ngài là Đấng Mết-si-a, Đấng Xét Đoán.

Những người thuộc về Chúa sẽ sống với thân thể mới để đồng cai trị với Đấng Christ trong sự vinh hiển. Những kẻ vô tín sẽ sống với thân thể mới - nhưng không phải là thân thể vinh hiển - để chịu đoán xét và chịu khổ trong thân thể ấy. Những thân thể từng phục vụ cho tội lỗi phải chịu hậu quả của tội lỗi!

Chúa Giê-xu có quyền khiến kẻ chết sống lại, chứng tỏ Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời, nghĩa là: Ngài là Đức Chúa Trời.

Thứ ba, Chúa tuyên bố rằng *có những chứng cứ xác thực làm chứng về thần tính Ngài* (*Giăng* 5:30-47). Từ làm chứng là từ trọng tâm được *Giăng* sử dụng bốn mươi bảy lần. Chúa đã làm chứng về chính mình Ngài, nhưng Ngài biết rằng họ không tin nên Ngài đưa ra ba lời chứng.

Chứng cứ thứ nhất là *Giăng Báp-tít* (*Giăng* 5:30-35), người mà các nhà lãnh đạo tôn giáo đã chất vấn kỹ càng (*Giăng* 1:15). Thật ra, vào cuối kỳ chức vụ, Chúa Giê-xu đã chứng tỏ cho các cấp cầm quyền hiểu rõ lời chứng của *Giăng Báp-tít* (*Ma-thi-ơ* 21:23-27). *Giăng Báp-tít* biết Chúa Giê-xu là ai, và ông trung tín rao giảng điều mình biết cho dân *Y-sơ-ra-ên*. *Giăng* tuyên bố Giê-xu là Chúa (*Giăng* 1:23), Chiên Con của



## 82 / Giảng

Đức Chúa Trời (1:29, 36) và Con Đức Chúa Trời (1:34).

Giăng là “ngọn đèn thấp lên và cháy sáng” (Chúa Giê-xu là Sự Sáng, 8:12), và dân Do Thái háo hức về công việc của Giăng. Tuy nhiên, nhiệt tình ấy cũng nguội lạnh dần. Không ai muốn tình nguyện giải cứu Giăng khi ông bị vua Hê-rốt giam cầm. Các nhà lãnh đạo xem Giăng như “người nổi danh trong vùng” (*Ma-thi-ơ* 11:7-8), nhưng không muốn tiếp nhận sứ điệp ăn năn của ông để được đổi mới. Những người thu thuế và kẻ có tội đến cùng Giăng, tiếp nhận sứ điệp và được thay đổi, còn các lãnh đạo tôn giáo đến thờ không muốn đầu phục Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 21:28-32).

Mỗi khi Đức Chúa Trời lập lên một lãnh đạo thuộc linh để dẫn dắt dân chúng, luôn luôn có tình trạng dân chúng chỉ muốn núp mình dưới vinh quang của người lãnh đạo, nhưng không đầu phục thẩm quyền của người ấy. “Đám đông hỗn tạp” đi theo Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập là những người kinh ngạc trước phép lạ, nhưng không đầu phục Đức Chúa Trời. Các tiên tri, các sứ đồ và những lãnh đạo nổi tiếng trong lịch sử Hội Thánh đều phải chịu đựng những kẻ hời hợt muốn đi theo đám đông, nhưng không muốn vâng theo lẽ thật. Những Hội Thánh lớn hôm nay cũng có sự hiện diện của những con người này.

Chứng cứ thứ hai là những phép lạ của Chúa (*Giăng* 5:36). Giăng đã chọn ra bảy trong các phép lạ ghi lại trong Phúc Âm của ông để chứng minh Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (*Giăng* 20:30-31), Chúa Giê-xu cũng phán rằng công việc của Ngài là việc của Cha trên trời (5:17-20; 14:10). Cả Ni-cô-đem cũng thừa nhận phép lạ của Chúa khiến ông nhìn biết Ngài là Đấng “từ Đức Chúa Trời đến” (3:2).

Kinh Thánh cũng ghi chép những phép lạ do những con người bình thường thực hiện: Môi-se, Ê-li, Phao-lô. Phải chăng những phép lạ này cũng chứng minh rằng họ được Đức Chúa Trời sai đến? Đúng vậy (xem *Hê-bơ-rơ* 2:3, 4), nhưng không ai tuyên bố mình chính là Con Đức Chúa Trời. Không tôi tớ

nào của Đức Chúa Trời có thể thực hiện công việc quyền năng của Ngài lại dám tuyên bố như vậy. Lời tuyên bố của Chúa Giê-xu được chứng minh bằng những công việc quyền năng của Ngài và bằng đời sống trọn lành của Ngài. Chứng cứ ấy cho thấy lời tuyên bố của Ngài là sự thật.

Chúa Giê-xu cho biết Cha trên trời đã giao Ngài một nhiệm vụ cụ thể khi hiện diện trên đất. “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (*Giăng* 17:4). Ngài không chỉ thực hiện công việc theo thời khóa biểu do Cha qui định, mà còn làm theo chương trình của Cha trên trời. Ngài phải hoàn tất những công việc cụ thể trong ý muốn của Cha.

Theo luật pháp Cựu Ước, một lời chứng phải có sự xác nhận của hai hay ba người (*Dân Số Ký* 35:30; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 17:6), và Chúa Giê-xu đã đáp ứng yêu cầu ấy khi Ngài đưa ra ba lời chứng đáng tin cậy.

Chứng cứ thứ ba và cuối cùng là Lời của Đức Chúa Trời (*Giăng* 5:37-47). Dân Do Thái rất tôn kính Lời Đức Chúa Trời, đặc biệt là Luật pháp Môi-se đã viết ra. Môi-se nghe tiếng Đức Chúa Trời và chứng kiến vinh quang của Ngài; nhưng chúng ta nghe tiếng Ngài và ngắm xem vinh hiển Ngài qua chính Lời linh nghiệm của Ngài (*I Phi-e-rơ* 1:12-21). Cả Cựu Ước làm chứng về Chúa Giê-xu; tuy nhiên những kẻ tin theo và học Lời đó lại không nhận biết Đấng Mết-si-a của mình. Vì sao?

Trước hết, họ không để cho Lời khơi dậy niềm tin trong lòng mình (*Giăng* 5:38). *Giăng* 5:39 nói lên một thực trạng, không phải là mệnh lệnh, và có thể hiểu: “Các người dò xem Kinh Thánh vì tưởng trong đó có sự sống đời đời.” Các thầy thông giáo Do Thái tìm tòi để biết Lời Đức Chúa Trời, nhưng không hề biết Đức Chúa Trời của Lời ấy. Họ đếm từng chữ cái của bản văn Kinh Thánh, nhưng không hiểu lẽ thật thuộc linh chứa đựng trong đó.

Khi phục vụ Chúa qua đài phát thanh, tôi thường nhận những bức thư của một số người bất đồng với cách giải nghĩa hoặc



áp dụng Kinh Thánh của tôi, thậm chí bày tỏ sự giận dữ cao độ! (Tôi không thể trích dẫn lời lẽ tôi đã đọc từ những người tự nhận mình là Cơ Đốc nhân). Đáng buồn thay khi việc học Kinh Thánh của chúng ta khiến chúng ta trở nên kiêu căng và đầy lòng khiêu khích thay vì khiêm nhường và muốn phục vụ kẻ khác, kể cả những kẻ bất đồng quan điểm với chúng ta. Dấu hiệu của việc học Kinh Thánh thật không phải là sự hiểu biết làm cho kiêu căng, nhưng là sự yêu thương làm gương tốt cho người khác (*I Cô-rinh-tô* 8:1).

Các lãnh đạo Do Thái đã *quan niệm* sai lầm: họ không nhìn biết Đấng Christ trong Kinh Thánh (xem *II Cô-rinh-tô* 3:14-18; 4:3-6). *Ý chí* của họ cũng bị lạc lối: họ không tin nơi Đấng Christ. Vì không có Lời Chúa trong *lòng*, họ cũng không muốn tiếp nhận Đấng Christ vào lòng. Họ là những kẻ theo đạo, tự cho mình là công bình, nhưng không được cứu.

Họ cũng mắc sai lầm thứ ba: thiếu sự yêu mến trong *lòng*. Các người chẳng có sự yêu mến Đức Chúa Trời ở trong các người” (*Giăng* 5:42). Điều này có nghĩa rằng họ không kinh nghiệm được tình yêu Đức Chúa Trời dành cho mình, và cũng không bày tỏ lòng yêu mến của bản thân đối với Đức Chúa Trời. Họ tự nhận là người yêu mến Chúa, nhưng thái độ của họ đối với Chúa Giê-xu chứng tỏ tình yêu của họ là sự giả dối.

Thái độ của họ đối với Lời Đức Chúa Trời làm đức tin họ bị nghẹt ngòi, và thái độ của họ đối với bản thân cũng như đối với tha nhân cũng vậy. Người Pha-ri-si rất thích được kẻ khác tôn kính mình (xem *Ma-thi-ơ* 23:1-12), và không muốn tìm kiếm vinh hiển từ Đức Chúa Trời. Họ không tôn kính Con (*Giăng* 5:23) chỉ vì Ngài không tôn kính họ! Vì chối bỏ Con Đức Chúa Trời chân thật là Đấng nhân danh Cha mà đến, ngày nào đó họ sẽ tiếp nhận Christ giả là kẻ lấy danh riêng mà đến (5:43; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:1-17; *Khải Thị* 13:1-18). Nếu khước từ những gì chân thật, chúng ta sẽ nhận những điều gian dối!

Chúa kết thúc bài giảng sâu sắc bằng lời khuyến cáo các

lãnh đạo Do Thái rằng Môi-se, người họ kính trọng sẽ xét đoán họ, không cứu được họ. Chính Lời Kinh Thánh họ từng sử dụng để bảo vệ tư tưởng mình sẽ làm chứng nghịch cùng họ. Dân Do Thái *biết* những lời Môi-se viết nhưng thật sự không *tin* nơi lời ấy. Có lời Chúa trong tay hay trong đầu và giữ lời ấy trong lòng là hai việc hoàn toàn khác nhau. Chúa Giê-xu là Ngôi Lời trở thành xác thịt (*Giăng* 1:14) và Lời được chép ra làm chứng cho Ngôi Lời đã hiện thân trong xác thịt. “Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi Đấng tiên tri mà cất nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh Thánh” (*Lu-ca* 24:27).

Lời chứng từ *Giăng* Báp-tít, từ các phép lạ kỳ diệu, từ lời Đức Chúa Trời tất cả đều bày tỏ rằng Chúa Giê-xu thật sự là một với Cha và chính là Con Đức Chúa Trời.

Chúa chúng ta không sợ hãi trước lời tố cáo của những lãnh đạo tôn giáo. Nếu kiểm tra lại sự hài hòa giữa các sách Phúc Âm, bạn sẽ thấy rằng sau những sự kiện chép ở chương 5, Chúa Giê-xu lại có chủ ý phạm đến ngày Sa-bát. Ngài cho phép các môn đệ bứt bông lúa mì và chữa lành người teo tay trong ngày Sa-bát (*Ma-thi-ơ* 12:1-14). Những việc này có thể xảy ra ở Ga-li-lê, nhưng tin đồn đã đến tai các quan trưởng tại Giê-ru-sa-lem và xứ Giu-đê.

Việc chữa bệnh trong ngày Sa-bát lại được nhắc đến (*Giăng* 7:21-23). Các lãnh đạo cứ bảo vệ cho truyền thống tôn giáo thay vì phải hiểu lẽ thật (xem *Mác* 7:1-13). Tuy nhiên, trước khi xét đoán họ, có lẽ chúng ta nên tra xét lại đời sống mình và tình trạng Hội Thánh mình. Phải chăng chúng ta cũng đang hài lòng với hình thức thờ phượng quen thuộc đến nỗi không nhìn biết lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời? Phải chăng chúng ta quá quan tâm đến “bài học Kinh Thánh” đến nỗi không nhìn thấy Đấng Christ qua Kinh thánh? Tri thức về Kinh Thánh của chúng ta cho chúng ta một “cái đầu vĩ đại” hay “một tấm lòng nóng cháy”?



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 5

---

### Giảng 5

1. Hội Thánh bạn có những luật lệ bất thành văn nào? (ví dụ: không được khiêu vũ)
2. Đọc các câu 1-15. Giới Pha-ri-si thời Chúa Giê-xu có nhiều luật lệ, chẳng hạn không được làm việc trong ngày Sa-bát. Nhưng khi thấy người bại, mối quan tâm chính của Chúa Giê-xu là gì?
3. Khi người Do Thái thấy phép lạ này, họ nghĩ điều gì trước?
4. Có khi nào bạn trì hoãn công việc đáng lý phải làm ngay, rồi sau đó nhận ra là mình sai lầm? Tại sao bạn lại phải trì hoãn như thế?
5. Tại sao bạn nghĩ rằng Chúa Giê-xu quyết định chữa lành người này trong ngày Sa-bát thay vì đợi qua ngày sau?
6. Đọc các câu 16-47. Bằng cách nào Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời?
7. Chúa dùng những chứng cứ nào để hậu thuẫn cho lời tuyên bố của Ngài?
8. Mỗi chứng cứ có hiệu quả như thế nào?
9. Bằng cách nào để những thành kiến văn hóa của bạn không cản trở việc tìm hiểu lẽ thật và sự trưởng thành thuộc linh?

## Đám Đông Lìa Bỏ Chúa

Giăng 6

Vì *Phúc Âm Giăng* được viết có chọn lọc (*Giăng* 20:30-31), nên ông đã bỏ bớt những sự kiện khác trong cuộc đời Chúa Giê-xu không liên quan đến mục đích của *Phúc Âm Giăng*. Giữa sự kiện Chúa chữa lành người bại (5:1-47) và việc Ngài hóa bánh nuôi năm ngàn người, đã xảy ra những sự kiện khác được chép ở *Lu-ca* 6:1-9:10 và *Mác* 3:1-6:30. Trong khoảng thời gian này Chúa Giê-xu giảng “Bài Giảng Trên Núi” (*Ma-thi-ơ* 5:1-7:29) và đưa ra những ví dụ về Nước Trời (*Ma-thi-ơ* 13:1-52).

Việc nuôi năm ngàn người là một phép lạ có ý nghĩa lớn được chép ở cả bốn sách *Phúc Âm*. Đám đông theo Chúa Giê-xu trong nhiều ngày, nghe Ngài dạy dỗ và chứng kiến phép lạ Ngài làm. Ngài muốn lánh mặt để nghỉ ngơi, nhưng nhu cầu của đoàn dân khiến Ngài động lòng (*Mác* 6:31-34). Bởi sự thương xót, Ngài đã đến giúp đỡ đoàn dân đông qua ba phương diện.



## 1. Chúa Giê-xu Hóa Bánh Nuôi Đoàn Dân Đông

Giăng 6:1-14

<sup>1</sup> Rồi đó, Đức Chúa Jê-sus qua bờ bên kia biển Ga-li-lê, là biển Ti-bê-ri-át.

<sup>2</sup> Một đoàn dân đông theo Ngài, vì từng thấy các phép lạ Ngài làm cho những kẻ bệnh. <sup>3</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus lên trên núi, ngồi đó với môn đồ.

<sup>4</sup> Và, lễ Vượt Qua, là lễ của dân Giu-đa gần tới. <sup>5</sup> Đức Chúa Jê-sus ngược mắt lên, thấy một đoàn dân đông đến cùng mình, bèn phán với Phi-líp rằng: Chúng ta sẽ mua bánh ở đâu, để cho dân này có mà ăn? <sup>6</sup> Ngài phán điều đóặng thử Phi-líp, chớ Ngài đã biết điều Ngài sẽ làm rồi. <sup>7</sup> Phi-líp thưa rằng: Hai trăm đơ-ni-ê bánh không đủ phát cho mỗi người một ít. <sup>8</sup> Một môn đồ, là Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ, thưa rằng: <sup>9</sup> Đây có một đứa con trai, có năm cái bánh mạch nha và hai con cá; nhưng đông người dường nầy, thì ngần ấy có thấm vào đâu?

<sup>10</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Hãy truyền cho chúng ngồi xuống. Và, trong nơi đó có nhiều cỏ. Vậy, chúng ngồi xuống, số người ước được năm ngàn.

<sup>11</sup> Đức Chúa Jê-sus lấy bánh, tạ ơn rồi, bèn phân phát cho những kẻ đã ngồi; Ngài cũng lấy cá phát cho chúng nữa, ai muốn bao nhiêu mặc ý. <sup>12</sup> Khi chúng đã ăn được no nê, Ngài phán với môn đồ rằng: Hãy lượm những miếng còn thừa, hầu cho không mất chút nào. <sup>13</sup> Vậy, môn đồ lượm những miếng thừa của năm cái bánh mạch nha, sau khi người ta đã ăn rồi, chứa đầy mười hai giỏ.

<sup>14</sup> Những người đó thấy phép lạ Đức Chúa Jê-sus đã làm, thì nói rằng: Người nầy thật là đáng tiên tri phải đến thế gian.

Dĩ nhiên, nan đề khó giải quyết ở đây là làm sao để đáp ứng nhu cầu của đoàn dân đông ngần ấy? Có bốn cách giải quyết được nêu ra.

Thứ nhất các môn đệ đề nghị Chúa cho dân chúng về (*Mác* 6:35-36). Bỏ mặc nan đề đó! (*Ma-thi-ơ* 15:23). Chúa biết những con người đói khát này sẽ đói xủ trên đường nếu không ai cho họ ăn. Trời đã tối (*Ma-thi-ơ* 14:15) và không đủ thời gian để họ trở về.

Giải pháp thứ hai do Phi-líp đề nghị khi ông trả lời “câu hỏi ướm thử” của Chúa (*Giăng* 6:5): phải quyền tiền để mua thức ăn cho dân chúng. Phi-líp tính toán và rồi cho rằng cần phải có một số tiền tương đương với hai trăm ngày công. Và ngay cả với số đó cũng không thể làm thỏa mãn những con người đang đói khát chờ đợi ở đây (*Ma-thi-ơ* 14:21). Chúng ta thường nghĩ rằng tiền bạc đáp ứng được mọi nhu cầu. Dĩ nhiên, Chúa

chỉ muốn thử đức tin của Phi-líp mà thôi.

Giải pháp thứ ba do Anh-rê đề nghị, nhưng ông hoàn toàn không hiểu nan đề sẽ được giải quyết ra sao. Ông tìm thấy một cậu bé mang theo phần ăn khiêm nhường: năm cái bánh và hai con cá. Một lần nữa, Anh-rê lại bận rộn với việc dẫn người đến với Chúa Giê-xu (xem *Giăng* 1:40-42; 12:20-22). Chúng ta không biết Anh-rê đã gặp cậu bé này bằng cách nào, nhưng thật vui mừng vì ông đã gặp cậu bé. Dù Anh-rê không nổi bật trong các sách Phúc Âm nhưng ông đúng là người của quần chúng, người giúp giải quyết nan đề.

Giải pháp thứ tư đến từ Chúa chúng ta, và đó là giải pháp hợp lý. Ngài nhận phần thức ăn nhỏ nhoi của cậu bé, chúc phước, bẻ bánh và trao cho các môn đệ để họ cho đoàn dân ăn! Phép lạ xảy ra từ bàn tay của Đấng Christ, không phải từ các môn đệ. Ngài hóa bánh ra nhiều, còn các môn đệ chỉ vui mừng phân phát. Không chỉ có đoàn dân được no nê thỏa mãn, nhưng các môn đệ còn nhặt được mười hai giỏ bánh đầy cho bữa ăn sắp tới. Chúa không muốn lãng phí bất cứ điều gì.

Bài học thực tiễn thật rõ ràng: khi gặp nan đề, bạn hãy trao cho Chúa Giê-xu mọi điều bạn có và để Ngài hành động phần còn lại. Hãy bắt đầu từ những gì bạn có, nhưng sẵn sàng trao hết cho Ngài. Cậu bé nhỏ kia thật đáng khen vì đã dâng phần thức ăn của mình cho Chúa Giê-xu. Mẹ của cậu bé cũng đáng cho chúng ta noi gương vì bà cho đứa con mình một cái gì đó để dâng hiến cho Chúa. Đối với Chúa Giê-xu, phần ăn đơn sơ này cũng có giá trị như bình dầu quý giá đã được đổ ra (*Giăng* 12:1tt).

Nhưng có phải Chúa Giê-xu thật sự đã làm một phép lạ? Có lẽ lòng rộng rãi của cậu bé khiến những người khác xấu hổ đến nỗi họ phải đem ra phần ăn đã giấu trước đó để chia sẻ cho những người xung quanh. Vô lý! Chúa biết rõ lòng con người (*Giăng* 2:24; 6:61, 64, 70) và Ngài tuyên bố rằng họ đang dối. Nếu có thức ăn giấu kín, chắc hẳn Ngài đã biết. Hơn thế, đoàn dân nhận biết đây là một phép lạ nên muốn



## 90 / Giảng

tôn Ngài làm Vua! (*Giăng* 6:14-16). Nếu đây chỉ là kết quả của tâm lý quần chúng thì đoàn dân đã không phản ứng theo cách đó. Nếu đây không phải là một phép lạ đáng tin, hẳn Giăng chẳng bao giờ chọn sự kiện này vào trong số những dấu lạ.

Thật ý nghĩa khi có hai lần Giăng nhắc đến sự kiện Chúa tạ ơn (6:11,23). Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca đều thuật rằng Chúa Giê-xu ngược mắt lên trời để tạ ơn. Làm vậy, Ngài nhắc nhở đoàn dân rằng chính Đức Chúa Trời là nguồn ban phát mọi vật thực cần thiết. Đây cũng là bài học dành cho chúng ta: thay vì phàn nàn về những gì mình thiếu thốn, chúng ta phải cảm tạ Đức Chúa Trời về những gì mình có, thì Ngài sẽ khiến chúng dư dật hơn!

### 2. Chúa Giê-xu Rời Khỏi Đoàn Dân

*Giăng* 6:15-21

<sup>15</sup> Bấy giờ Đức Chúa Jê-sus biết chúng có ý đến ép Ngài để tôn làm vua, bèn lui ở một mình trên núi.

<sup>16</sup> Đến chiều, môn đồ xuống nơi bờ biển, <sup>17</sup> và vào trong một chiếc thuyền, sang thẳng bờ bên kia, hướng về thành Ca-bê-na-um. Trời chợt tối, mà Đức Chúa Jê-sus còn chưa đến cùng các môn đồ. <sup>18</sup> Gió thổi ào ào, đến nổi biển động dữ dội. <sup>19</sup> Khi các môn đồ đã chèo ra độ chừng hai mươi lăm hay là ba mươi ếch-ta-đơ, thấy Đức Chúa Jê-sus đi trên mặt biển, gần tới chiếc thuyền, thì sợ hãi.

<sup>20</sup> Nhưng Ngài phán rằng: Ấy là ta đây, đừng sợ chi! <sup>21</sup> Bấy giờ, môn đồ muốn rước Ngài vào thuyền; tức thì chiếc thuyền đậu vào bờ, là nơi định đi.

Chúa Giê-xu giục môn đệ lên thuyền (*Ma-thi-ơ* 14:22; *Mác* 6:45) vì Ngài biết họ gặp rắc rối. Đám đông giờ đây đã bị kích động và muốn tôn Ngài làm Vua. Dĩ nhiên một số môn đệ rất thích cơ hội để được nổi danh và có uy thế hơn! Giu-đa sẽ là bộ trưởng tài chánh, và Phi-e-rơ có thể được bổ nhiệm làm thủ tướng trong vương quốc mới này! Nhưng đó không phải là chương trình của Đức Chúa Trời, và Chúa Giê-xu đã lập tức rời đám đông. Nếu không, hẳn nhà cầm quyền Rô-ma sẽ xen vào.

Chúa Giê-xu có biết cơn bão sắp kéo đến chăng? Dĩ nhiên là có. Thế sao Ngài lại đưa bạn hữu mình vào nguy hiểm? Sự thật hoàn toàn ngược lại: Ngài đã giải cứu họ khỏi một hiểm họa còn lớn hơn thế, đó là nguy cơ bị đám đông cuồng nhiệt “cuốn đi.” Cơn bão này có một nguyên nhân khác: Chúa muốn đời sống chúng ta được quân bình, nếu không chúng ta sẽ trở nên kiêu ngạo và sa ngã. Các môn đệ đã kinh nghiệm niềm vui lớn lao được dự phần vào một phép lạ kỳ diệu. Giờ đây, họ phải đối diện với cơn bão để học cách tin cậy Chúa nhiều hơn. Phép lạ Chúa nuôi năm ngàn người là một bài học, nhưng cơn bão là cuộc kiểm nghiệm sau bài học.

Lắm lúc chúng ta bị đưa vào một cơn bão vì không vâng lời Chúa, điển hình là tình trạng của Giô-na. Tuy nhiên cũng có lúc bão tố xảy đến vì chúng ta đã *vâng lời* Chúa. Khi ấy, chúng ta có thể tin chắc Đấng Christ sẽ cầu thay cho chúng ta, và đến giải cứu chúng ta. Có lẽ, nhiều năm sau, khi ghi lại sự kiện này, Giăng đã nhìn thấy trong đó bức tranh về Đấng Christ và Hội Thánh Ngài. Đấng Christ đang ở trên trời cầu thay cho chúng ta, còn chúng ta ở trong cơn bão của cuộc sống, cố gắng bơi vào bờ. Ngày kia, Chúa sẽ ngự đến đưa chúng ta vào bờ bình yên. Mọi cơn bão sẽ qua đi!

Thật ra, chính trong sự kiện này đã có nhiều phép lạ. Chúa đi bộ trên mặt biển, Phi-e-rô cũng làm được như vậy (*Ma-thi-ơ* 14:28-32) Chúa khiến bão biển lặng, và tức khắc thuyền cập bến bờ bên kia. Dĩ nhiên, mọi sự xảy ra giữa ban đêm để chỉ có Chúa Giê-xu và các môn đệ chứng kiến. Ngài dẫn dân Ngài vào đồng cỏ (*Giăng* 6:10) và giờ đây đặt họ nơi “mê nước bình tịnh” (*Thi Thiên* 23:2). Ngài là Người Chấn Chiên tuyệt vời biết bao!

Khi đọc các sách Phúc Âm, bạn để ý thấy rằng Chúa Giê-xu không bao giờ bị phấn khích trước sự hoan hô nồng nhiệt của đoàn dân đông. Ngài biết động cơ của họ không trong sáng và đa số đều theo Ngài chỉ để xem phép lạ chữa lành của Ngài. Đối với dân Rô-ma, “thực phẩm và tiêu khiển” là



phương châm giúp con người sống hạnh phúc. Ngày nay, con người cũng đang thỏa mãn với loại thực phẩm ấy. Hãy cho họ được ăn và tiêu khiển họ sẽ hạnh phúc! Hằng năm, Rô-ma đã dành riêng chín mươi ba ngày để tổ chức những trò tiêu khiển công cộng do ngân khố quốc gia chi phí. Cho dân chúng tiêu khiển hẳn ít tốn kém hơn chống lại họ và bắt giam họ!

Chúng ta đừng bao giờ để bị lừa dối bởi “lòng ngưỡng mộ” Chúa Giê-xu của một số người hôm nay. Rất ít người nhận Ngài là Đấng Christ. Nhiều người cần đến Ngài như là Đấng Chữa Bệnh hoặc Chu Cấp, hoặc Đấng giải cứu họ khỏi những nan đề do họ gây ra. “Các người không muốn đến cùng ta để được sự sống” (Giăng 5:40).

### 3. Chúa Giê-xu Dạy Đổ Đoàn Dân

Giăng 6: 22-71

<sup>22</sup> Đoàn dân ở bờ biển bên kia, đã nhận rằng ở đó chỉ có một chiếc thuyền, và Đức Chúa Jê-sus không vào thuyền với môn đồ Ngài, chỉ một mình môn đồ đi mà thôi. <sup>23</sup> Qua ngày sau, có mấy chiếc thuyền khác từ thành Ti-bê-ri-át lại gần nơi chúng đã ăn bánh khi Chúa tạ ơn rồi, <sup>24</sup> đoàn dân thấy Đức Chúa Jê-sus không ở đó, môn đồ cũng không, bèn vào mấy thuyền kia mà đi qua thành Ca-bê-na-um để tìm Đức Chúa Jê-sus. <sup>25</sup> Chúng vừa tìm được Ngài tại bờ bên kia biển, bèn thưa rằng: Lạy thầy, thầy đến đây bao giờ? <sup>26</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, các người tìm ta chẳng phải vì đã thấy mấy phép lạ, nhưng vì các người đã ăn bánh và được no. <sup>27</sup> Hãy làm việc, chớ vì đồ ăn hay hư nát, nhưng vì đồ ăn còn lại đến sự sống đời đời, là thứ Con người sẽ ban cho các người; vì ấy là Con, mà Cha, tức là chính Đức Chúa Trời, đã ghi ấn tín của mình.

<sup>28</sup> Chúng thưa rằng: Chúng tôi phải làm chi cho được làm công việc Đức Chúa Trời? <sup>29</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Các người tin Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến, ấy đó là công việc Ngài.

<sup>30</sup> Chúng bèn nói rằng: Thế thì thầy làm phép lạ gì, để cho chúng tôi thấy và tin? Thầy làm công việc gì? <sup>31</sup> Tổ phụ chúng ta đã ăn ma-na trong đồng vắng, theo như lời chép rằng: Ngài đã ban cho họ ăn bánh từ trên trời xuống. <sup>32</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, Môi-se chưa hề cho các người bánh từ trên trời đâu; nhưng Cha ta ban cho các người bánh thật, là bánh từ trên trời xuống. <sup>33</sup> Bởi chưng bánh Đức Chúa Trời là bánh từ trên trời giáng xuống, ban sự sống cho thế gian. <sup>34</sup> Chúng thưa rằng: Lạy Chúa, xin ban bánh đó cho chúng tôi luôn luôn! <sup>35</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Ta là bánh của

sự sống; ai đến cùng ta chẳng hề đói, và ai tin ta chẳng hề khát. <sup>36</sup> Nhưng ta đã nói: Các ngươi đã thấy ta, mà chẳng tin. <sup>37</sup> Phàm những kẻ Cha cho ta sẽ đến cùng ta, kẻ đến cùng ta thì ta không bỏ ra ngoài đâu. <sup>38</sup> Vì ta từ trên trời xuống, chẳng phải để làm theo ý ta, nhưng làm theo ý Đấng đã sai ta đến. <sup>39</sup> Vả, ý muốn của Đấng đã sai ta đến, là hề sự gì Ngài đã ban cho ta, thì ta chớ làm mất, nhưng ta phải làm cho sống lại nơi ngày sau rốt. <sup>40</sup> Đây là ý muốn của Cha ta, phàm ai nhìn Con và tin Con, thì được sự sống đời đời; còn ta, ta sẽ làm cho kẻ ấy sống lại nơi ngày sau rốt.

<sup>41</sup> Nhưng vì Ngài đã phán: Ta là bánh từ trên trời xuống, nên các người Giu-đa lầm bầm về Ngài, <sup>42</sup> mà rằng: Ấy chẳng phải là Jêsus, con của Giô-sép, mà chúng ta đều biết cha mẹ người chẳng? Vậy, thế nào người nói được rằng: Ta đã từ trên trời mà xuống? <sup>43</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Các ngươi chớ lầm bầm với nhau. <sup>44</sup> Ví bằng Cha, là Đấng sai ta, không kéo đến, thì chẳng có ai được đến cùng ta, và ta sẽ làm cho người đó sống lại nơi ngày sau rốt. <sup>45</sup> Các sách tiên tri có chép rằng: Ai nấy đều sẽ được Đức Chúa Trời dạy dỗ. Hễ ai đã nghe Cha và học theo Ngài thì đến cùng ta. <sup>46</sup> Ấy chẳng phải kẻ nào đã từng thấy Cha, trừ ra Đấng từ Đức Chúa Trời mà đến; Đấng ấy đã thấy Cha. <sup>47</sup> Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, hề ai tin thì được sự sống đời đời.

<sup>48</sup> Ta là bánh của sự sống. <sup>49</sup> Tổ phụ các ngươi đã ăn ma-na trong đồng vắng, rồi cũng chết. <sup>50</sup> Đây là bánh từ trời xuống, hầu cho ai ăn chẳng hề chết. <sup>51</sup> Ta là bánh hằng sống từ trên trời xuống; nếu ai ăn bánh ấy, thì sẽ sống vô cùng; và bánh mà ta sẽ ban cho vì sự sống của thế gian tức là thịt ta.

<sup>52</sup> Bởi đó, các người Giu-đa cãi lờ với nhau, mà rằng: Lẽ nào người này lấy thịt mình cho chúng ta ăn sao? <sup>53</sup> Đức Chúa Jêsus bèn phán cùng họ rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu các ngươi không ăn thịt của Con người, cũng không uống huyết Ngài, thì chẳng có sự sống trong các ngươi đâu. <sup>54</sup> Ai ăn thịt và uống huyết ta thì được sự sống đời đời; nơi ngày sau rốt, ta sẽ khiến người đó sống lại. <sup>55</sup> Vì thịt ta thật là đồ ăn, huyết ta thật là đồ uống. <sup>56</sup> Người nào ăn thịt ta và uống huyết ta, thì ở trong ta, và ta ở trong người. <sup>57</sup> Như Cha, là Đấng hằng sống, đã sai ta đến, và ta sống bởi Cha; cũng một thể ấy, người nào ăn ta, sẽ sống bởi ta vậy. <sup>58</sup> Đây là bánh từ trên trời xuống. Bánh đó chẳng phải như ma-na mà tổ phụ các ngươi đã ăn, rồi cũng chết; kẻ nào ăn bánh này sẽ sống đời đời.

<sup>59</sup> Đức Chúa Jêsus phán những điều đó lúc dạy dỗ trong nhà hội tại thành Ca-bê-na-um. <sup>60</sup> Có nhiều môn đồ nghe Ngài, thì nói rằng: Lời này thật khó; ai nghe được? <sup>61</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus tự mình biết môn đồ lầm bầm về việc đó, bèn phán rằng: Điều đó xui các ngươi vấp phạm sao? <sup>62</sup> Vậy, nếu các ngươi thấy Con người lên nơi Ngài vốn ở khi trước thì thế nào? <sup>63</sup> Ấy là thần linh làm cho sống, xác thịt chẳng ích chi. Những lời ta phán cùng các ngươi đều là thần linh và sự sống. <sup>64</sup> Song trong vòng các ngươi có kẻ không tin. Vì Đức Chúa Jêsus biết từ ban đầu, ai là kẻ không tin, ai là kẻ sẽ phản Ngài. <sup>65</sup> Ngài lại phán rằng: Chính vì cố đó, mà ta đã nói cùng các ngươi rằng nếu Cha chẳng ban cho,



thì chẳng ai tới cùng ta được.

<sup>66</sup> Từ lúc ấy, có nhiều môn đồ Ngài trở lui, không đi với Ngài nữa. <sup>67</sup> Đức Chúa Jêsus phán cùng mười hai sứ đồ rằng: Còn các người, cũng muốn lui chăng? <sup>68</sup> Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, chúng tôi đi theo ai? Chúa có những lời của sự sống đời đời; <sup>69</sup> chúng tôi đã tin, và nhận biết rằng Chúa là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời. <sup>70</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Ta há chẳng đã chọn các người là mười hai sứ đồ sao? Mà một người trong các người là quỷ! <sup>71</sup> Vả, Ngài nói về Giu-đa con Si-môn Ích-ca-ri-ốt; vì chính hắn là một trong mười hai sứ đồ, sau sẽ phản Ngài.

Qua phép lạ này, Chúa muốn dạy dỗ đoàn dân. Đây chính là “ân sủng và lễ thật” (*Giăng* 1:17) Ngài muốn bày tỏ cho con người. Bởi ân sủng, Ngài hóa bánh nuôi đoàn dân đông. Nhưng bởi lễ thật, Ngài dạy họ Lời Đức Chúa Trời. Họ chỉ muốn có thức ăn, không cần lễ thật. Cuối cùng, họ đều bỏ Ngài và không muốn đồng hành với Ngài. Ngài đã mất họ chỉ qua một bài giảng.

Ngày kế tiếp bắt đầu bằng một bí ẩn. Chúa Giê-xu đến thành Ca-bê-na-um bằng cách nào? Đoàn dân chứng kiến các môn đệ lên thuyền hưởng về Ca-bê-na-um và lạc trong cơn bão. Đoàn dân cũng thấy Chúa Giê-xu đi lên núi một mình. Nhưng qua hôm sau, cả Chúa Giê-xu và các môn đệ đều *gặp nhau* tại thành Ca-bê-na-um! Chắc chắn Ngài không đi quanh bờ hồ, cũng không chứng cứ nào cho thấy Ngài lên thuyền khác. Có những thuyền khác cập bến, dĩ nhiên do cơn bão làm trôi đến, nhưng Chúa Giê-xu không ở trong thuyền nào.

Có lẽ một số người đã về nhà sau khi được ăn no nê, còn một số khác ở lại để xem việc Chúa sắp làm. Bài giảng của Chúa có thể bắt đầu bên ngoài, sau đó cuộc bàn luận diễn ra trong nhà hội (*Giăng* 6:59). Đoàn dân đông như thế khó lòng dự nhóm, tuy nhiên, dòng người cứ tụ tập bên ngoài để nghe.

Bài giảng về “bánh của sự sống” này thật sự là một cuộc hội thoại giữa Chúa Giê-xu và dân chúng, đặc biệt là các lãnh đạo tôn giáo Do Thái (“người Giu-đa”). Trong chương 6, chúng ta thấy có bốn phản ứng của quần chúng đối với Chúa Giê-

xu: tìm kiếm (*Giăng* 6:22-40), làm bầm (*Giăng* 6:41-51), cãi lẽ (*Giăng* 6:52-59) và trở lui (*Giăng* 6:60-71).

Tìm kiếm (*Giăng* 6:22-40). Có lẽ các môn đệ ngạc nhiên vì có nhiều người còn ở lại sau cơn bão để tìm kiếm Thầy, nhưng Chúa Giê-xu không ngạc nhiên vì điều này. Ngài biết rõ rằng ban đầu đoàn dân đi theo Ngài chỉ vì những phép lạ Ngài đã làm (*Giăng* 6:2), nhưng giờ đây mục đích của họ là thức ăn! Thậm chí nếu họ chỉ bị lôi cuốn bởi phép lạ, ít ra họ cũng có cơ may được cứu rỗi. Đó cũng là khởi điểm của Ni-cô-đem (*Giăng* 3:1-2). Nhưng giờ đây, mối quan tâm của họ đã giảm xuống ở mức độ thức ăn.

Chúa cho biết có hai loại thức ăn: Thức ăn cho thân thể, cần thiết nhưng không tối quan trọng; và thức ăn cho con người bề trong, nghĩa là tâm linh, thức ăn này không thể thiếu được. Điều cần cho con người không phải là thức ăn, nhưng là *sự sống*. Sự sống chính là một tặng phẩm. Thức ăn chỉ để duy trì sự sống, nhưng Chúa Giê-xu *ban cho* con người sự sống đời đời. Ê-sai đã viết: “Sao các người trả tiền để mua đồ không phải là bánh? Sao các người đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no?” (*Ê-sai* 55:2).

Đoàn dân đã nắm lấy từ *làm việc* và gán cho nó nghĩa sai lầm là làm việc để được cứu rỗi. Họ hoàn toàn không hiểu từ *ban cho*. Đắm chìm trong tôn giáo luật pháp, họ cho rằng phải làm một “công việc nào đó” đó mới hưởng được sự sống đời đời. Chúa Giê-xu khẳng định rằng chỉ có một “công việc” cần làm đó là tin nơi Đấng Christ. Khi một người tin nơi Đấng Christ, người ấy không phải cậy việc thiện để mong được cứu rỗi. Dĩ nhiên không có sự khoe mình trong việc tin, vì đó là điều Đức Chúa Trời *thực hiện để đáp lại đức tin của chúng ta* (*Ê-phê-sô* 2:8-10).

Đoàn dân bắt đầu bằng việc tìm kiếm Chúa, nhưng sau đó lại tìm dấu lạ của Ngài. “Người Do Thái đòi phép lạ” (*I Cô-rinh-tô* 1:22). Các thầy dạy luật nói rằng khi Đấng Mết-si-a đến, Ngài sẽ lập lại phép lạ ban ma-na (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 16:1-



36). Nếu Chúa Giê-xu thật sự là Đấng được Đức Chúa Trời sai đến (*Giăng* 6:29, 38, 57), vậy hãy để Ngài chứng minh chân lý đó bằng cách khiến ma-na từ trời rơi xuống. Họ muốn “thấy mới tin.” Nếu đức tin chỉ dựa trên phép lạ, mà không dựa trên lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời, nó sẽ đưa con người đi lạc lối; cả Sa-tan cũng có thể làm được “mọi thứ phép lạ giả dối” (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:8-10). Cũng hãy xem *Giăng* 2:18-25; 4:48.

*Giăng* 6:31 trích từ *Thi Thiên* 78:24, đó là *Thi Thiên* nói về sự vô tín và chống nghịch của dân Y-sơ-ra-ên. Để trả lời họ, Chúa Giê-xu giải thích rõ ràng để họ có thể hiểu được chân lý Ngài muốn nói. Không phải Môi-se, nhưng chính Đức Chúa Trời đã ban ma-na xuống. Dân chúng không nên nhìn vào Môi-se, nhưng phải chăm xem Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã ban ma-na trong quá khứ, giờ đây Ngài cũng ban bánh thật qua thân vị Chúa Giê-xu. Sự kiện quá khứ đã chấm dứt, nhưng kinh nghiệm thuộc linh trong hiện tại đang tiếp diễn!

Đoạn, Chúa Giê-xu liên hệ đến ý nghĩa của bánh này: Ngài chính là bánh hằng sống thật ban xuống từ trời, Ngài đến thế gian không chỉ vì dân Y-sơ-ra-ên, nhưng vì cả thế gian. Ngài đến không chỉ để duy trì sự sống, nhưng để ban sự sống! Trong bài giảng này, có bảy lần Chúa đề cập đến việc Ngài “từ trên trời xuống” (*Giăng* 6:33, 38, 41, 42, 50, 51, 58), lời phán ấy chứng tỏ Ngài là Đức Chúa Trời. Ma-na thời Cựu Ước là hình bóng về “bánh thật,” đó là Chúa Giê-xu.

Cuộc nói chuyện này bắt đầu từ chỗ đoàn dân tìm kiếm Chúa, rồi tìm kiếm dấu lạ. Nhưng sau khi nghe Ngài, họ muốn tìm thứ “bánh thật” Chúa nói đến. Tuy nhiên, giống như người đàn bà Sa-ma-ri, họ không nghĩ đến sự cứu rỗi (4:15). Người đàn bà này cần có nước hằng sống để không phải đi múc nước ở giếng nữa! Đoàn dân muốn có bánh để không phải làm việc khó nhọc nữa. Ngày nay, con người vẫn cần Chúa Giê-xu chỉ vì lợi lộc Ngài có thể ban cho.

Đáp lại lời cầu xin thiếu suy nghĩ của đoàn dân, Chúa dùng hai từ quan trọng trong bài giảng: *đến và tin*. Đến với Chúa

đồng nghĩa với tin nơi Ngài, và tin nơi Ngài có nghĩa là đến với Ngài. Tin không phải là vấn đề của lý trí, như thể nhất trí với học thuyết nào đó. Tin có nghĩa là đến với Đấng Christ và đầu phục Ngài. Cuối bài giảng, Chúa minh họa việc *đến và tin* bằng cách nói về việc *ăn và uống*. Đến với Chúa Giê-xu và tin nhận Ngài nghĩa là tiếp nhận Ngài vào lòng giống như bạn tiếp nhận thức ăn và thức uống vậy.

Trong *Phúc Âm Giăng*, bảy lần Giăng ghi lại lời tuyên bố TA LÀ của Chúa Giê-xu. Các Phúc Âm khác không hề ghi lại lời tuyên xưng này. *Giăng* 6:35 là lời tuyên bố đầu tiên được ghi lại. (Sáu lần còn lại, xem *Giăng* 8:12; 10:7-9, 11-14; 11:25-26; 14:6; 15:1, 5). Đức Chúa Trời bày tỏ về Ngài cho Môi-se với danh xưng "TA LÀ Đấng Tự Hữu Hằng Hữu" (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:14). Đức Chúa Trời là Đấng tự hữu "hiện có, đã có, và còn đến..." (*Khải Thị* 1:8). Khi Chúa Giê-xu phán "TA LÀ...", Ngài muốn tuyên bố mạnh mẽ rằng chính Ngài là Đức Chúa Trời.

*Giăng* 6:37-40 chứa đựng lời giải thích của Chúa Giê-xu về quá trình cứu rỗi cá nhân. Đây là một trong những lời thâm thúy nhất của Ngài, nên chúng ta không mong gì hiểu tường tận tất cả. Chúa Giê-xu giải thích rằng sự cứu rỗi bao hàm quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người. Đức Chúa Cha giao phó loài người cho Con (*Giăng* 6:37, 39; 17:2, 6, 9, 11-12, 24), nhưng con người phải *đến* với Ngài, nghĩa là *tin nhận* Ngài. Ngài bảo đảm rằng ai tin Ngài sẽ không bị hư mất nhưng được sống lại trong ngày sau rốt. Dù sự chết cũng không thể cướp đi sự cứu rỗi của chúng ta! (Nói về "ngày sau rốt," hãy xem *Giăng* 6:40, 44, 54. Chúa Giê-xu muốn đề cập đến sự tái lâm của Ngài cùng những sự kiện cuối cùng, là cao điểm của chương trình Đức Chúa Trời dành cho loài người).

Theo quan điểm thiên cận của con người, chúng ta không thể hiểu làm sao quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và trách nhiệm con người có thể đi đôi với nhau; nhưng đối với Đức



Chúa Trời, chẳng có gì mâu thuẫn cả. Khi Charles Spurgeon được một tín hữu trong Hội Thánh hỏi rằng làm thế nào ông hòa hợp được hai vấn đề này, ông đáp: “Các bạn ơi tôi chưa hề cố gắng hòa hợp.” Chính bởi ý muốn Đức Chúa Trời khiến tội nhân được cứu (*I Ti-mô-thê* 2:4; *II Phi-e-rơ* 3:9) và những ai tin cậy nơi Đấng Christ được bảo đảm trong sự cứu rỗi. Chúa Giê-xu không bao giờ bỏ ra ngoài những người đã chịu tiếp nhận sự sống đời đời của Ngài ban.

*Làm bầm* (*Giăng* 6:41-51). Chúa tuyên bố “vì ta từ trên trời xuống” (*Giăng* 6:38) khiến các lãnh đạo tôn giáo cảm thấy khó chịu vì họ biết đó là lời tuyên bố về thần tính Đức Chúa Trời. Họ nghĩ mình biết Chúa Giê-xu, biết Ngài là ai, và xuất thân từ đâu (xem *Ma-thi-ơ* 13:53-58; *Giăng* 7:40-43). Dĩ nhiên, theo *luật pháp* Chúa Giê-xu là con Giô-sép, nhưng Ngài không phải là con thật, bởi Ngài được sinh bởi một nữ đồng trinh (*Luce* 1:34-38). Các nhà lãnh đạo xem Chúa là người ở thành Na-xa-rét xứ Ga-li-lê, không phải ở Bết-lê-hem thuộc xứ Giu-đê; và họ cho rằng Giô-sép là cha đẻ của Ngài. Nếu họ xem xét lại vấn đề này, hẳn sẽ biết Ngài thật sự là ai.

Thậm chí trong thời Môi-se, dân Do Thái đã nổi tiếng về tính hay làm bầm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:24; 17:3; *Dân Số Ký* 14:2). Có lẽ các nhà lãnh đạo và vài người dân đã vào nhà hội để tiếp tục cuộc tranh cãi. Vấn đề chính của họ là “Ngài từ đâu đến?” Năm lần, Chúa Giê-xu phán rằng Ngài “từ trên trời xuống”, nhưng họ đều không tin.

Chúa Giê-xu giải thích thêm về phương cách tội nhân đến với Đức Chúa Trời: Bởi chân lý của Lời Đức Chúa Trời (*Giăng* 6:44-45). Đức Chúa Trời dùng Lời Ngài kéo tội nhân đến với Ngài. Chúa Giê-xu đã trích dẫn *Ê-sai* 54:13 (hoặc có lẽ *Giê-rê-mi* 31:33-34) để minh chứng cho điều Ngài muốn nói: “Ai nấy đều sẽ được Đức Chúa Trời dạy dỗ.” Bởi sự dạy dỗ của Lời Ngài, Đức Chúa Trời kéo con người đến với Đấng Christ (xem *Giăng* 5:24, và chú ý về việc nghe Lời Ngài). Khi Đức Chúa Trời hành động, tội nhân nghe, biết và đến. Một mẫu

nhệm chẳng? Đúng vậy. Một lễ thật phước hạnh chẳng? Đúng vậy.

Về cơ bản, đây cũng là sứ điệp Ngài đã công bố sau khi chữa lành người bại (xem 5:37-40). Đoàn dân muốn *xem* một điều gì đó, nhưng nhu cầu thật của họ là phải *biết* điều gì đó. Qua Lời Chúa, chúng ta có thể “thấy” Đức Chúa Trời, và tiếp nhận đức tin để đến với Đấng Christ và tin cậy Ngài (*Rô-ma* 10:17).

Khi Chúa Giê-xu xưng Ngài là “Bánh Hằng Sống,” Ngài không muốn nói rằng Ngài giống như ma-na. *Ngài tuyên bố rằng Ngài còn vĩ đại hơn thế.* Ma-na chỉ duy trì cuộc sống của dân Do Thái, nhưng Chúa Giê-xu ban sự sống cho cả thế giới. Dân Do Thái ăn ma-na mỗi ngày rồi cũng chết, nhưng khi bạn tiếp nhận Chúa Giê-xu vào lòng, bạn sẽ sống đời đời. Ma-na chỉ là tặng phẩm của Đức Chúa Trời ban xuống, nhưng khi Chúa Giê-xu đến, Ngài đã ban chính mình Ngài. Đức Chúa Trời chẳng tốn kém khi ban ma-na từ trời xuống, nhưng khi ban Con Ngài, Ngài đã trả một giá đắt nhất. Dân Do Thái phải ăn ma-na mỗi ngày, nhưng tội nhân tin nhận Đấng Christ *chỉ một lần* là được ban sự sống đời đời.

Hình ảnh của Chúa Giê-xu có thể nhìn thấy qua ma-na. Ma-na là điều bí ẩn đối với dân Do Thái, thật ra từ *ma-na* có nghĩa là “cái chi vậy?” (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 16:15). Chúa Giê-xu là một sự mầu nhiệm cho những ai gặp Ngài. Ma-na từ trời rơi xuống vào ban đêm, và Chúa Giê-xu đến thế gian này khi mọi tội nhân đang trong bóng tối của thuộc linh và đạo đức. Ma-na có dạng nhỏ (sự khiêm nhường của Ngài), tròn (sự vĩnh hằng của Ngài) và trắng (sự thánh khiết của Ngài). Thực phẩm này nếm có vị ngọt (*Thi Thiên* 34:8), đáp ứng nhu cầu của con người một cách thỏa đáng.

Ma-na được ban xuống cho một dân chống nghịch, là tặng phẩm nhân từ của Đức Chúa Trời. Nhiệm vụ của họ chỉ là cúi xuống và nhặt lên. Nếu không nhặt ma-na lên, *họ sẽ giảm trên nó.* Chúa không ở xa bất cứ tội nhân nào. Tội nhân chỉ



cần khiêm cung và nhận tặng phẩm của Đức Chúa Trời!

Cuối sứ điệp, Chúa nói đến *thịt* Ngài. Từ này được Chúa sử dụng sáu lần nữa trước khi kết thúc bài giảng. *Giăng* 6:51 là lời tuyên bố rằng Con Đức Chúa Trời sẽ dâng chính Ngài làm của lễ “vì sự sống của thế gian.” Sự chết thay của Chúa Giê-xu là một chân lý trọng tâm trong *Phúc Âm Giăng*. Ngài chết vì thế gian (3:16; 6:51), vì bầy chiên Ngài (10:11, 15), vì dân Ngài (11:50-52) và vì bạn hữu Ngài (15:12). Phao-lô áp dụng sự chết thay ấy cho bản thân mình, chúng ta cũng cần làm vậy: “Đấng đã yêu tôi và đã phó chính mình Ngài vì tôi” (*Ga-la-ti* 2:20). Chúng ta không nên giới hạn công việc của Đấng Christ trên thập tự giá. Ngài hy sinh không chỉ vì tội chúng ta, nhưng cũng vì tội lỗi toàn thế giới (*I Giăng* 2:2).

*Cãi lẽ* (*Giăng* 6:52-59). Từ này có nghĩa như “chống lại và tranh cãi.” Những kẻ nghe bài giảng của Chúa là người Do Thái chính thống, họ biết rõ về luật Đức Chúa Trời cấm ăn thịt người hay uống bất cứ huyết gì (*Sáng Thế Ký* 9:3-4; *Lê-vi Ký* 17:10-16; 19:26). Qua *Phúc Âm Giăng*, chúng ta biết thêm một điển hình nữa về việc con người hiểu sai một lẽ thật thuộc linh khi giải thích theo nghĩa đen (xem *Giăng* 2:19-21; 3:4; 4:11). Chúa Giê-xu muốn phán rằng: “Cũng như khi các người ăn và uống vào thân thể, vật thực sẽ trở thành một của người, vậy các người phải tiếp nhận ta vào con người bên trong của mình hầu ta có thể ban cho các người sự sống.”

Một số nhà giải kinh cho biết Chúa Giê-xu muốn nói về Tiệc Thánh, nghĩa là chúng ta ăn thịt uống huyết Ngài khi dự phần ăn bánh uống chén. Tôi không cho rằng Chúa ngụ ý Tiệc Thánh khi Ngài phán những lời này.

Trước hết vì sao Ngài phải bàn luận về Tiệc Thánh với đám người vô tín bất đồng kia? Thậm chí, Ngài vẫn chưa chia xẻ lẽ thật đó với các môn đệ! Sao Ngài phải quăng viên ngọc quý giá trước mặt heo?

Thứ nhì, Ngài nói rõ rằng Ngài không nói theo nghĩa đen (6:63). Ngài sử dụng hình ảnh tương đồng với con người để

nói lên một lẽ thật thuộc linh giống như Ngài từng dạy Ni-cô-dem và người đàn bà Sa-ma-ri vậy.

Thứ ba, Chúa Giê-xu chỉ giải thích đơn giản rằng việc ăn và uống này là *điều tối cần thiết* cho sự sống đời đời. Ngài không đưa ra một ngoại lệ nào khác. Nếu Ngài muốn nói đến luật lệ của hội thánh hoặc thánh lễ, chắc những ai chưa dự sẽ chết về tâm linh và đi vào địa ngục! Trong số những người này có mọi thánh đồ thời Cựu Ước, tên cướp trên thập tự giá, và vô số những tín hữu qua đời trong hoàn cảnh cấp bách (bệnh viện, tai họa đột ngột...). Tôi không thể tin rằng Đức Chúa Trời nhân từ của chúng ta lại không cứu những người không có cơ hội dự lễ thờ phượng ở nhà thờ!

Một yếu tố khác, đó là thì của động từ ở *Giăng* 6:50, 51, 53. Đây là thì bất định của ngữ pháp Hy Lạp diễn tả một việc đã xảy ra và trong tương lai có thể xảy ra nhiều lần nữa. Tiệc Thánh là việc được lặp đi lặp lại nhiều lần. Hãy nhớ rằng Hội Thánh đầu tiên dự Tiệc Thánh mỗi ngày (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:46).

Thật ý nghĩa khi từ *thịt* chưa bao giờ được dùng trong những đoạn tường thuật lại Tiệc Thánh của Chúa, dù trong các sách Phúc Âm hay trong *I Cô-rinh-tô* 11:23-34. Từ được dùng lại là “thân thể.” Nếu người nào đó cho rằng Chúa muốn nói về Tiệc Thánh, người ấy phải tin rằng bằng cách nào đó bánh và rượu nho biến thành chính thân thể và huyết của Đấng Christ, vì Ngài từng phán: “Người nào ăn bánh *Ta*, sẽ sống bởi *Ta* vậy” (*Giăng* 6:57). “Phép lạ” này xảy đến ra sao? Bí quyết nào để thực hiện được phép lạ này? Tại sao nó không rõ ràng?

Những bài giảng của Chúa trong *Phúc Âm Giăng* chứa đựng rất nhiều biểu tượng và hình ảnh. Nếu giải thích lời Ngài theo nghĩa đen, thì chúng ta cũng sẽ phạm sai lầm giống như đoàn dân nghe lời Chúa lúc ban đầu.

*Trở lui* (*Giăng* 6:60-71). Lời Chúa dạy không khó hiểu, nhưng khó chấp nhận khi bạn hiểu ra. Các nhà lãnh đạo Do



Thái không hiểu, và cũng không chấp nhận lời dạy của Ngài. Lời dạy của Ngài làm cho họ cảm thấy bị xúc phạm. Họ khó chịu trước sự kiện Chúa nói Ngài từ trời xuống. Họ kinh hoàng trước ý tưởng cho rằng họ phải ăn thịt, uống huyết Ngài để có được sự cứu rỗi. Nhưng nếu họ không chấp nhận hai vấn đề này, họ sẽ làm gì khi thấy Ngài trở về trời?

Chúa giải thích rằng ngôn ngữ Ngài sử dụng mang tính chất thuộc linh và có nghĩa bóng, không theo nghĩa đen. Không hề có sự cứu rỗi trong “thịt.” Thật ra, trong Tân Ước không nói điều gì tốt về thịt. Không có điều lành ở trong xác thịt (*Rô-ma* 7:18), và chúng ta đừng tin cậy nơi xác thịt (*Phi-líp* 3:3).

Vậy, làm thế nào chúng ta có thể “ăn thịt và uống huyết Chúa”? *Qua Lời Ngài*. “Những lời ta phán cùng các người đều là thần linh và sự sống” (*Giăng* 6:63). “Ngôi lời đã trở nên xác thịt” (*Giăng* 1:14). Chúa cũng phán lời tương tự: “Ai nghe lời Ta mà tin Đấng đã sai Ta, thì được sự sống đời đời” (5:24). Đã học qua *Giê-rê-mi* 31:31-34, lẽ ra các thầy thông giáo phải hiểu ý niệm về việc tiếp nhận lời Chúa vào lòng mình.

Sau khi Chúa giảng sứ điệp này, đa số môn đệ Chúa đều trở lui. Họ trở lại với lối sống cũ, tôn giáo cũ và tình trạng vô vọng trước đây. Chúa Giê-xu là “đường đi” (*Giăng* 14:6) nhưng họ không muốn đồng hành với Ngài. Không có gì đáng ngạc nhiên đối với Chúa, vì Ngài biết rõ lòng người.

Khi Chúa hỏi mười hai sứ đồ rằng họ có muốn bỏ Ngài mà đi chẳng, Phi-e-rơ lên tiếng khẳng định niềm tin của các môn đồ. Họ còn đi đâu nữa? “Chúa có những lời của sự sống đời đời” (*Giăng* 6:68). Phi-e-rơ hiểu được sứ điệp của Chúa! Ông biết Chúa Giê-xu muốn nói đến *Lời Ngài*, không phải thịt và huyết theo nghĩa đen.

Phi-e-rơ là một trong số những người tuyên xưng đức tin, nhìn biết Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (xem 1:34, 49; 3:18; 5:25; 9:35; 10:36; 11:4, 27; 19:7; 20:31). Sai lầm duy nhất của ông là làm chứng thay cho cả nhóm. Phi-e-rơ tin chắc rằng tất cả sứ đồ đều là người tin theo Chúa. Điều này chứng

tỏ rằng Giu-đa tỏ ra rất đáng tin cậy. Thậm chí Phi-e-rơ không hề biết Giu-đa là kẻ vô tín.

Sự giảng dạy về Lời Đức Chúa Trời luôn luôn là một cuộc sàng lọc tấm lòng của kẻ nghe. Đức Chúa Trời đem tội nhân đến Đấng Christ bằng quyền phép của chân lý, là Lời Ngài. Những ai khước từ Lời Chúa, cũng đồng nghĩa với khước từ Đấng Christ. Ai tiếp nhận lời Ngài sẽ tiếp nhận Đấng Christ và kinh nghiệm sự tái sinh, sự sống đời đời.

Bạn có cảm thấy nhu cầu đói khát tâm linh bên trong không? Bạn có sẵn sàng thừa nhận nhu cầu ấy và đến với Đấng Christ không? Nếu có, Ngài sẽ cứu bạn và khiến bạn được thỏa mãn mãi mãi!



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 6

---

### Giảng 6

1. Phản ứng đầu tiên của bạn là gì khi gặp một tình trạng nan giải?
2. Đọc các câu 1-14. Các môn đồ của Chúa đề nghị giải pháp nào trước tình trạng nan giải?
3. Chúa dạy họ điều gì qua giải pháp của Ngài?
4. Khác biệt chính yếu giữa thái độ của các môn đồ và của Chúa Giê-xu là gì?
5. Đọc các câu 15-21. Tại sao Chúa Giê-xu có ý định sai các môn đồ ra đi trong bão tố?
6. Đọc các câu 22-71. Tại sao dân chúng đi tìm Chúa?
7. Chúa muốn nói gì qua câu nói “Ta là bánh của sự sống”?
8. Các lãnh tụ tôn giáo phản ứng thế nào trước lời dạy của Chúa Giê-xu? Tại sao?
9. Các môn đồ của Chúa phản ứng thế nào trước lời dạy của Ngài? Tại sao?
10. Chúa muốn bạn đối phó thế nào trước một tình trạng nan giải hoặc một lẽ thật khó chấp nhận?

## Chống Đối Trong Kỳ Lễ

*Giăng 7*

Lễ Lều Tạm kỷ niệm hành trình của dân Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng, đồng thời cũng là dịp hướng lòng về vương quốc của Đấng Mết-si-a trong tương lai. Dân chúng ở trong trại làm bằng nhánh cây để nhớ lại sự chăm sóc bảo vệ của Đức Chúa Trời đối với họ trong gần bốn mươi năm (*Lê-vi Ký* 23:33-34).

Sau Lễ Thối Kèn và Lễ Chuộc Tội, Lễ Lều Tạm là mùa lễ hội của dân Do Thái. Khu vực đền thờ rực sáng với những cây nến lớn nhắc nhở dân chúng về trụ lửa dẫn đường. Mỗi ngày các thầy tế lễ đem nước từ ao Si-lô-ê về, và rót nước ra từ ché vàng, để dân chúng nhớ về sự ban nước kỳ diệu từ vầng đá.

Kỳ lễ này có thể là thời điểm hoan hỉ của dân chúng, nhưng cũng là thời gian gây trở ngại cho Chúa Giê-xu, vì nó khởi đầu cuộc chống đối công khai mạnh mẽ nhắm vào Chúa và chức vụ Ngài. Kể từ khi người bại được chữa lành trong ngày Sa-bát, các nhà lãnh đạo Giu-đa luôn tìm kế giết Ngài (*Giăng* 7:1, 19-20, 25, 30, 32, 44 để ý 8:37, 40). Ngài ở lại xứ Ga-li-lê, là nơi an toàn cho Ngài hơn, nhưng Ngài không thể cứ ở mãi nơi đây vì Ngài cũng phải dự kỳ lễ này.



Chương 7 gồm ba thời điểm trước kỳ lễ (*Giăng* 7:1-10), trong kỳ lễ (*Giăng* 7:11-36) và cuối kỳ lễ (*Giăng* 7:37-52). Diễn tiến của mỗi thời điểm có thể được bày tỏ bằng ba từ: vô tín, tranh luận và bất đồng.

## 1. Trước Kỳ Lễ: Vô Tín

*Giăng* 7:1-10

<sup>1</sup> Kế đó, Đức Chúa Jêsus đi khắp xứ Ga-li-lê. Ngài không ưng đi trong xứ Giu-đê, bởi dân Giu-đá vẫn tìm phương giết Ngài.

<sup>2</sup> Và, ngày lễ của dân Giu-đá, gọi là lễ Lều tạm gần đến. <sup>3</sup> Anh em Ngài nói rằng: Hãy đi khỏi đây, và qua xứ Giu-đê, để cho các môn đồ cũng được xem công việc thầy làm. <sup>4</sup> Khi nào người ta muốn tỏ mình ra, thì không ai làm kín giấu việc gì. Vì thầy làm những sự đó, hãy tỏ mình cho thiên hạ. <sup>5</sup> Bởi chứng chính các anh em Ngài không tin Ngài. <sup>6</sup> Đức Chúa Jêsus phán cùng anh em rằng: Thì giờ ta chưa đến; còn về các người, thì giờ được tiện luôn luôn. <sup>7</sup> Thế gian chẳng ghét các người được; nhưng ghét ta, vì ta làm chứng nầy về họ rằng công việc họ là ác. <sup>8</sup> Các người hãy lên dự lễ nầy, còn ta chưa lên dự lễ đó, vì thì giờ ta chưa trọn. <sup>9</sup> Ngài nói xong, cứ ở lại xứ Ga-li-lê.

<sup>10</sup> Lúc anh em Ngài đã lên dự lễ rồi, thì Ngài cũng lên, nhưng đi cách kín giấu, không tố lộ.

Bà Ma-ri đã sinh ra những đứa con kế tiếp và Giô-sép là cha ruột của họ. Như vậy, Chúa Giê-xu là anh cùng mẹ khác cha của họ (*Ma-thi-ơ* 13:55-56; *Mác* 6:1-6). Không ngờ các em Chúa Giê-xu đã sống chung với Ngài những năm tháng qua nhưng không nhận ra bản tính độc đáo của Ngài. Hẳn họ đã biết những phép lạ của Ngài cũng như bao người khác (*Giăng* 7:3-4). Có mối liên hệ mật thiết nhất với Chúa, có cơ hội thuận tiện nhất để dò xét và thử Ngài, vậy mà họ vẫn vô tín!

Giờ đây, các em Chúa lên đường dự một kỳ lễ tôn giáo nhưng lại chối bỏ Đấng Mết-si-a của mình! Con người thật dễ dàng tuân theo truyền thống, và đánh mất lẽ thật vĩnh cửu. Trong khi những người thu thuế và kẻ có tội vui mừng nghe lời Chúa, các em Chúa cười nhạo Ngài.

Quan điểm của họ giống người thế gian: Nếu anh muốn có người ủng hộ mình thì hãy tận dụng mọi cơ hội để làm một điều gì ngoan mục. Giê-ru-sa-lem đây áp kẻ hành hương từ

bốn phương đến, đúng là một môi trường lý tưởng để Chúa bày tỏ chính Ngài và thu phục môn đệ. Các em Chúa dĩ nhiên biết rằng có nhiều môn đệ đã bỏ Ngài (*Giăng* 6:66). Đây là cơ hội để Chúa bù đắp lại những mất mát của Ngài. Trước đó ba năm, Sa-tan cũng đã gợi ý với Chúa giống như vậy (*Ma-thi-ơ* 4:1).

Chúa Giê-xu từng từ chối lời đề nghị của dân chúng muốn tôn Ngài làm Vua (*Giăng* 6:15), và Ngài sẽ không theo ý họ ở bất cứ hình thức nào. Những kẻ nổi danh có thể đã thành công bởi sự tán dương của dân chúng, nhưng tôi tớ Đức Chúa Trời khôn ngoan hơn thế. Nếu thực hiện phép lạ suốt kỳ lễ tại thành phố lớn này, Chúa hẳn có thể tập hợp được đám đông, bày tỏ chính Ngài là Đấng Mết-si-a và thắng được kẻ thù. Dĩ nhiên suy nghĩ này chỉ xuất phát từ thâm tâm và tâm trí mù quáng của kẻ vô tín. Những kẻ vô tín ấy đã làm ứng nghiệm lời tiên tri trong sách *Thi Thiên* 69:18, “Tôi đã trở nên một kẻ lạ cho anh em tôi, một người ngoại bang cho các con trai mẹ tôi” (Vì Chúa không phải là con ruột Giô-sép, nên Ngài không thể nói “các con trai của Cha tôi”).

Đây chưa phải là thời điểm thích hợp để Chúa chứng minh về Ngài cho thế gian (*Giăng* 14:22). Sẽ có một ngày, Ngài trở lại để “mọi mắt sẽ trông thấy” (*Khải Thị* 1:7). Chúng ta thấy rằng Ngài đã sống theo một “thời khóa biểu thiêng liêng” do Cha trên trời định trước (*Giăng* 2:4; 7:6, 8, 30; 8:20; 12:23; 13:1; 17:1).

Chúa luôn thận trọng vì biết rằng các chức sắc tôn giáo muốn giết Ngài. Dù họ là những lãnh đạo trong giáo hội, họ vẫn thuộc về thế gian, những kẻ luôn thù ghét Ngài vì tội lỗi họ bị Ngài vạch trần. Qua phẩm cách và chức vụ Chúa Giê-xu, Ngài bày tỏ sự hời hợt, rỗng tuếch của hình thức tôn giáo vô nghĩa. Ngài kêu gọi dân chúng trở lại lẽ thật của Đức Chúa Trời. Lịch sử cho thấy giáo hội thường bắt bớ các tiên tri của Đức Chúa Trời là những người được sai đến để cứu họ.

Một số bản dịch Kinh Thánh không có chữ *chưa* trong *Giăng*



7:8, nhưng điều này vẫn không làm thay đổi sức mạnh của lời tuyên bố ấy. Chúa hẳn không nói dối, cũng không lẩn tránh nhưng Ngài hết sức thận trọng. Nếu Ngài cho các em mình biết kế hoạch của Ngài, liệu tin ấy có lan đến tai các nhà lãnh đạo chẳng? “Ta sẽ đến dự lễ khi giờ ta được trọn,” đó là ý nghĩa Ngài muốn nói. Sau khi các em Chúa đi dự lễ, Ngài đến Giê-ru-sa-lem “cách kín giấu” để tránh gây sự chú ý.

Qua những hành động của Chúa, chúng ta thấy một hình ảnh minh họa tuyệt vời về quyền tể trị của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của loài người. Đức Chúa Trời có chương trình dành cho Con Ngài, nên không điều gì có thể phá vỡ chương trình ấy được. Chúa Giê-xu không thử Đức Chúa Trời bằng cách lao vào kỳ lễ, cũng không trì hoãn khi giờ đã trọn cho Ngài dự lễ. Để biết thời điểm theo ý muốn Đức Chúa Trời, cần phải có sự sáng suốt về thuộc linh.

## 2. Trong Kỳ Lễ: Cuộc Tranh Luận

*Giăng 7: 11-36*

<sup>11</sup> Vậy, các người Giu-đa tìm Ngài trong ngày lễ, và nói rằng: Nào người ở đâu?

<sup>12</sup> Trong đám đông có tiếng xôn xao bàn về Ngài. Người thì nói: Ấy là một người lành; kẻ thì nói: Không phải; người phỉnh dối dân chúng! <sup>13</sup> Song chẳng ai dám nói về Ngài tỏ tường, vì sợ dân Giu-đa.

<sup>14</sup> Giữa kỳ lễ, Đức Chúa Jê-sus lên đền thờ dạy dỗ. <sup>15</sup> Các người Giu-đa sửng sờ mà nói rằng: Người này chưa từng học, làm sao biết được Kinh Thánh?

<sup>16</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Đạo lý của ta chẳng phải bởi ta, nhưng bởi Đấng đã sai ta đến. <sup>17</sup> Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta. <sup>18</sup> Kẻ nói theo ý mình, thì tìm vinh hiển riêng mình; nhưng kẻ tìm vinh hiển của Đấng đã sai mình đến, mới là chân thật, và chắc trong mình không có điều gì không công bình đâu.

<sup>19</sup> Môi-se há chẳng ban luật pháp cho các người sao? Mà trong các người không có một ai tuân theo luật pháp! Cớ sao các người kiếm thế giết ta? <sup>20</sup> Dân chúng trả lời rằng: Người bị quỷ ám, nào ai là người tìm thế giết người? <sup>21</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp lại rằng: Ta đã làm một việc, các người thấy đều lấy làm lạ. <sup>22</sup> Môi-se đã truyền phép cắt bì cho các người (phép đó không phải bởi Môi-se, nhưng bởi tổ tông), và các người làm phép cắt bì cho người đàn ông trong ngày Sa-bát!

<sup>23</sup> Nếu người đàn ông chịu phép cắt bì ngày Sa-bát, cho khỏi phạm luật pháp

Môi-se, thì sao ta chữa cho cả mình người bệnh được lành trong ngày Sa-bát, mà các người lại nổi giận? <sup>24</sup> Đứng cứ bề ngoài mà xét đoán, nhưng phải xét đoán theo lẽ công bình.

<sup>25</sup> Có mấy kẻ trong dân thành Giê-ru-sa-lem nói rằng: Đó có phải là người mà người ta tìm giết chẳng? <sup>26</sup> Kia, người nói tự do, mà không ai nói chi người hết. Dễ thường các quan đã nhận thật người là Đấng Christ? <sup>27</sup> Thế mà, chúng ta biết người nầy từ đâu lại; song khi Đấng Christ sẽ đến, thì không ai biết Ngài từ đâu đến.

<sup>28</sup> Bấy giờ, Đức Chúa Jê-sus đang dạy trong đền thờ, thì kêu lên rằng: Các người quen ta, các người biết ta từ đâu lại! Ta đã đến chẳng phải tự ta, nhưng Đấng đã sai ta đến là thật, mà các người không biết Ngài. <sup>29</sup> Ta thì biết Ngài; vì ta từ Ngài đến, và Ngài là Đấng đã sai ta đến. <sup>30</sup> Vậy, họ kiếm thế bắt Ngài; nhưng không ai tra tay trên Ngài, vì giờ Ngài chưa đến. <sup>31</sup> Song trong vòng dân chúng nhiều kẻ tin Ngài, nói rằng: Khi Đấng Christ đến, sẽ có làm nhiều phép lạ hơn người nầy đã làm chẳng? <sup>32</sup> Người Pha-ri-si nghe lời đoàn dân nghị luận về Ngài, thì mấy thầy tế lễ cả đồng tình với họ, cất lính đi bắt Ngài.

<sup>33</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Ta còn ở với các người ít lâu nữa; rồi ta đi về cùng Đấng sai ta đến. <sup>34</sup> Các người sẽ kiếm ta mà chẳng thấy, và nơi ta ở, các người không thể đến được. <sup>35</sup> Các người Giu-đa nói với nhau rằng: Thế thì người sẽ đi đâu mà ta không tìm được? Có phải người sẽ đi đến cùng những kẻ lưu lạc trong dân Gờ-réc và dạy dân Gờ-réc chẳng? <sup>36</sup> Người đã nói rằng: Các người sẽ tìm ta, mà chẳng thấy, và nơi ta ở, các người không thể đến được, ấy là nghĩa làm sao?

Cuộc tranh luận về Chúa Giê-xu liên quan đến ba nhóm người. Nhóm thứ nhất dĩ nhiên là các nhà lãnh đạo Do Thái (“người Giu-đa”) sống ở Giê-ru-sa-lem, có nhiệm vụ trong đền thờ. Ngoài họ còn có người Pha-ri-si và các thầy tế lễ cả (đa số là người Sa-đu-sê) cũng như các thầy thông giáo. Những người này có sự bất đồng về thần học, nhưng có chung một điểm: cùng chống nghịch Chúa Giê-xu và muốn giết Ngài. Cũng có những ngoại lệ như Ni-cô-đem và Giô-sép người A-ri-ma-thê (Giăng 19:38-42).

Nhóm thứ hai là “dân chúng” (7:12, 20, 31-32). Đây là số người dự lễ, đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng. Nhiều người không để tâm đến thái độ của các nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem. Bạn thấy Giăng 7:20 cho biết dân chúng ngạc nhiên vì thấy có người muốn giết Chúa Giê-xu. Họ không hề hay biết tin đồn trong thành nên rất ngỡ ngàng khi hay rằng Chúa Giê-



xu bị các chức sắc xem là người phạm luật.

Nhóm thứ ba là dân Do Thái cư trú trong thành Giê-ru-sa-lem (*Giăng* 7:25). Dĩ nhiên họ có vẻ đứng về phía các chức sắc tôn giáo này.

Cuộc tranh luận đã bắt đầu từ trước khi Chúa đến Giê-ru-sa-lem, đặc biệt nhằm vào *phẩm cách* Ngài (*Giăng* 7:11-13). Các lãnh đạo tôn giáo vẫn truy tìm Chúa, còn đám đông cứ tranh cãi về việc Ngài là người nhân lành hay kẻ lừa dối. Ngài phải là một trong hai, vì một người thật sự tốt lành sẽ không lừa dối. Đúng vậy, Chúa Giê-xu hoặc là Đấng như Ngài từng tuyên bố, hoặc Ngài là kẻ nói dối.

Nhưng khi Chúa bắt đầu dạy dỗ công khai trong đền thờ, cuộc tranh cãi chuyển hướng sang *đạo lý* của Ngài (*Giăng* 7:14-19). Đương nhiên, phẩm cách và đạo lý phải đi đôi với nhau. Thật đại dột nếu tin nơi những lời dạy dỗ của một kẻ nói dối! Người Do Thái kinh ngạc về lời dạy dỗ của Chúa vì Ngài không học trường lớp nào dành cho các Ra-bi-của họ. Vì Ngài không được “công nhận hợp lệ” nên kẻ thù cho rằng lời dạy dỗ của Ngài chỉ là ý riêng và không giá trị gì. Người ta thường đồn rằng Chúa Giê-xu dạy dỗ có thẩm quyền, trong khi đó sự dạy dỗ của các thầy thông giáo và Pha-ri-si chỉ dựa trên thẩm quyền của các Ra-bi danh tiếng.

Chúa Giê-xu giải thích rằng đạo lý Ngài từ Đức Chúa Trời đến. Ngài từng khẳng định mình và Cha trên trời bình đẳng trong việc làm và trong sự xét đoán (*Giăng* 5:17, 30). Giờ đây, Ngài tuyên bố rằng sự dạy dỗ của Ngài cũng từ Cha mà đến, và Ngài còn tuyên bố lời kỳ diệu ấy lần nữa (8:26, 38). Khi giảng lời Đức Chúa Trời, tôi có thể tuyên bố thẩm quyền của Kinh Thánh, không phải của lời giải nghĩa Kinh Thánh do tôi nói. Thật hợp lẽ khi Chúa có thể tuyên bố quyền tối cao trong mọi lời Ngài dạy dỗ!

Nhưng không phải *mọi* giáo sư dạy đạo đều tuyên bố tương tự như Chúa Giê-xu sao? Vậy, làm thế nào chúng ta biết Ngài đang dạy chúng ta lẽ thật? *Chỉ bởi làm theo điều Ngài bảo*

*chúng ta!* Lời Đức Chúa Trời tự chứng minh sự chân thật cho những ai thành tâm vâng theo. Nhà truyền giáo Anh quốc F. W. Robertson nói rằng “sự vâng lời là một phần của tri thức thuộc linh”. *Giăng* 7:17 chép: “Nếu ai bằng lòng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý Ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là Ta nói theo ý Ta”. Đây cũng là lời giải thích tại sao các quan trưởng Giu-đa không hiểu lời Chúa: bởi họ có cái đầu bướng bỉnh và không muốn đầu phục Ngài (*Giăng* 5:40).

Có phải Chúa đề nghị một “cuộc thử nghiệm thực tiễn” đối với chân lý thiêng liêng? Phải chăng Ngài muốn nói: “Hãy thử đi! Nếu hiệu nghiệm, đó là lẽ thật!” Và như vậy, nếu kết quả không hiệu nghiệm, Lời Chúa là giả dối ư? Kiểu thử nghiệm này chắc sẽ dẫn đến một tình trạng mơ hồ, vì bất cứ kẻ mê muội nào cũng có thể nói “Tôi đã thử những điều giáo hội dạy và nó hiệu nghiệm!”

Không, lời phán của Chúa chúng ta sâu sắc hơn thế. Ngài không đề nghị một “thử nghiệm” hời hợt, nhưng là sự phò thác riêng tư và sâu sắc của con người đối với lẽ thật. Dân Giu-đa cậy nơi học thức và quyền thế nên tiếp nhận đạo lý của họ cách gián tiếp, nhưng Chúa Giê-xu khẳng định rằng chúng ta kinh nghiệm thẩm quyền của chân lý một *cách riêng tư*. Các nhà lãnh đạo Giu-đa muốn *giết* Chúa, nhưng đồng thời cũng tự cho mình hiểu lẽ thật Đức Chúa Trời và vâng theo! Điều đó cho thấy một cái đầu minh mẫn và có tri thức chưa hẳn có một tấm lòng thánh khiết hay một tư tưởng thánh thiện. Có những tội phạm nguy hiểm nhất thế giới cũng là những người có học thức cao và rất thông minh.

Sa-tan cho A-đam và Ê-va sự hiểu biết, nhưng đó là sự hiểu biết dựa trên sự bất tuân (*Sáng Thế Ký* 3:5). Chúa Giê-xu cho chúng ta sự hiểu biết để vâng lời: trước tiên là mang lấy trách nhiệm và sau đó vui mừng khi biết lẽ thật Đức Chúa Trời. Tiến sĩ G. Campbell Morgan đã nói một câu hữu lý: “Khi con người hoàn toàn và trọn vẹn đầu phục ý muốn Đức Chúa



Trời, và muốn làm theo ý muốn Ngài trên hết mọi sự, họ sẽ nhận biết rằng sự dạy dỗ của Đấng Christ là linh nghiệm, đó là sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời”.

Nếu thật sự tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ chẳng quan tâm đến việc “vinh quang” thuộc về ai. Mọi lẽ thật đều từ Đức Chúa Trời, và chỉ có Ngài là Đấng đáng được vinh hiển về điều Ngài dạy dỗ chúng ta. Không một giáo sư hay nhà truyền đạo nào đáng được người ta ngợi khen về những điều chỉ đến từ Đức Chúa Trời. Nếu người ấy theo đuổi vinh quang, điều đó chứng tỏ sự dạy dỗ của người ấy phát xuất theo ý riêng, không từ Đức Chúa Trời. Đây là nguồn gốc của các tà phái và sự phân rẽ Hội Thánh: có người “phát minh” ra một học thuyết, kiêu hãnh về học thuyết ấy và sử dụng nó để chia rẽ con dân Chúa!

Cuộc tranh cãi đầu tiên giới hạn trong vòng người Giu-đa, nhưng sau đó khách thập phương đến thành Giê-ru-sa-lem cũng dự vào (*Giăng* 7:20). Chúa Giê-xu đã thẳng thắn cho biết các nhà lãnh đạo muốn giết Ngài vì Ngài phạm luật Sa-bát và xưng mình ngang hàng Đức Chúa Trời (*Giăng* 5:10-18). Dân Do Thái chính thống đã phạm luật Sa-bát khi để con trai mình làm phép cắt bì trong ngày ấy, vậy sao Ngài lại không thể chữa bệnh cho kẻ khác trong ngày Sa-bát? “Cớ sao các người kiếm thế giết ta?”

Dĩ nhiên khách dự lễ không biết mưu giết Chúa Giê-xu của các nhà lãnh đạo nên nghi ngờ lời phán của Ngài. Nhưng phản ứng của họ chứa đựng một sự tố cáo nặng nề, cho rằng Ngài bị quỷ ám. Đây không phải là lời tố cáo mới mẻ, vì các nhà lãnh đạo từng vu cáo cho Chúa như thế từ trước (*Ma-thi-ơ* 9:34; 10:25; 11:18-19; 12:24). “Người hấn bị điên nên mới tin là có người tìm thế giết người?”

Chúa dùng chính luật pháp Môi-se để bác bỏ lý lẽ kẻ thù, nhưng biết rằng họ không thừa nhận. Vì sao? Vì mức độ xét đoán của họ không thành thật. Họ chỉ quan sát bên ngoài sự kiện mà xét đoán, dựa trên cơ sở mơ hồ, thiếu tính xác thực.

Đáng buồn thay khi hôm nay có quá nhiều người phạm sai lầm tương tự như vậy. Ngược với *Giăng 7:24*, *Giăng 7:17* kêu gọi chúng ta hãy thật lòng đến với lễ thật.

Dân cư trú tại Giê-ru-sa-lem cũng tham gia bàn luận (*Giăng 7:25*). Họ biết các nhà cầm quyền muốn giết Chúa Giê-xu, nên rất ngạc nhiên vì Ngài giảng dạy công khai và không ai đụng đến Ngài. Phải chăng các nhà cầm quyền tin Ngài thật là Đấng Mết-si-a được Đức Chúa Trời sai đến? Vậy, vì sao họ không thờ phượng Ngài cũng như dẫn dắt kẻ khác đến với Ngài?

Câu hỏi của dân chúng (*Giăng 7:25*) hàm ý câu trả lời phủ nhận: “Không, nhà cầm quyền không tin người ấy là Đấng Christ.” Họ đi đến một kết luận có vẻ hợp lý:

1. Không ai biết Đấng Christ từ đâu đến.
2. Chúng ta biết Giê-xu Na-xa-rét từ đâu đến.
3. Kết luận: Giê-xu không thể là Đấng Mết-si-a.

Một lần nữa, dân chúng không thể hiểu chân lý vì họ bị che mắt bởi những sự kiện sai lầm mà họ cho rằng đáng tin cậy. Chúa đã trải qua sự chống đối tương tự như vậy trong nhà hội ở Ca-bê-na-um (*Giăng 6:42tt*). Cả những giáo sư hiểu biết - “chuyên gia xây dựng” - cũng không nhận biết “Hòn đá góc nhà” dù họ đã nghiên cứu “Bản thiết kế” của Đức Chúa Trời hằng bao thế kỷ qua! (*Công Vụ Các Sứ Đồ 4:11*)

Lúc này, Chúa cất tiếng lên cho mọi người đều nghe (xem thêm *7:37*). Có lẽ Ngài nói bằng một giọng mỉa mai: “Vâng, các người nghĩ mình đã biết ta và nơi xuất thân của ta! Nhưng thật sự các người không hề biết gì!” Ngài giải thích lý do họ không biết Ngài: vì không biết Cha! Đây là một lời lên án mạnh mẽ đối với dân Do Thái chính thống; vì họ luôn tự hào mình biết rõ Đức Chúa Trời chân thật, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Chúa muốn dẫn chứng xa hơn: Ngài mạnh mẽ xác quyết rằng Ngài không chỉ biết Cha, nhưng còn được Cha sai đến. Một lần nữa, Ngài tuyên bố mình là một với Đức Chúa Trời!



Ngài không đơn giản được *sinh* ra trên đất như bao người bình thường khác, nhưng Ngài được Cha *sai* đến trần gian. Điều này có nghĩa là Ngài đã hiện hữu từ trước khi giáng sinh trên đất.

Đây đúng là một cao điểm trong chức vụ Ngài, vì vậy một vài nhà lãnh đạo muốn cho người bắt Ngài, nhưng “giờ Ngài chưa đến”. Nhiều người từ xa đến tin theo Ngài. Niềm tin này dựa trên những phép lạ, nhưng ít ra đó là bước khởi đầu (xem *Giăng* 2:23; 6:2, 26). Lúc đầu Ni-cô-đem quan tâm đến Chúa Giê-xu vì những phép lạ Ngài làm (*Giăng* 3:1-2) nhưng kết quả là ông đã công khai xưng nhận đức tin mình nơi Đấng Christ.

Người Pha-ri-si và các thầy tế lễ cả là những người đứng đầu Do Thái giáo, rất bức tức vì những người tin nơi Chúa Giê-xu. Rõ ràng, những kẻ tin này không ngại nói về những điều họ biết (*Giăng* 7:13, 32). Lúc này, các nhà lãnh đạo sai người đi bắt Chúa, nhưng Chúa Giê-xu mới là người “bắt” họ! Ngài cảnh cáo rằng họ chỉ có “một ít lâu” để nghe lẽ thật, để tin, và được cứu (*Giăng* 12:35tt). Người gặp nguy hiểm không phải là Chúa Giê-xu, nhưng chính là những ai muốn bắt Ngài!

Như những bài giảng trước, dân chúng không hiểu điều Chúa phán. Trong vòng sáu tháng nữa, Ngài sẽ trở về với Cha trên trời. Khi ấy người Do Thái không tin Chúa sẽ không thể theo Ngài. Có một sự tương phản giữa *Giăng* 7:34 “nơi ta ở, các ngươi không thể đến được” và *Giăng* 14:3 “hầu cho ta ở đâu thì các ngươi cũng ở đó!”

Nếu những kẻ này sẵn lòng vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời, họ đã biết chân lý. Chẳng còn bao lâu nữa, mọi sự sẽ quá muộn.

### 3. Cuối Kỳ Lễ: Sự Bất Đồng

*Giăng* 7:37-52

<sup>37</sup> Ngày sau cùng, là ngày trọng thể trong kỳ lễ, Đức Chúa Jê-sus ở đó, đứng kêu lên rằng: Nếu người nào khát, hãy đến cùng ta mà uống. <sup>38</sup> Kẻ nào tin ta thì

sông nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình, y như Kinh Thánh đã chép vậy. <sup>39</sup> Ngài phán điều đó chỉ về Đức Thánh Linh mà người nào tin Ngài sẽ nhận lấy; bởi bấy giờ Đức Thánh Linh chưa ban xuống, vì Đức Chúa Jê-sus chưa được vinh hiển. <sup>40</sup> Trong đoàn dân có nhiều người nghe những lời đó, thì nói: Người nầy thật là đáng tiên tri. Người khác thì nói: Ấy là Đấng Christ. <sup>41</sup> Người khác nữa lại nói: Đấng Christ há từ Ga-li-lê mà đến sao? <sup>42</sup> Kinh Thánh há chẳng nói rằng Đấng Christ phải ra từ dòng dõi vua Đa-vít, làng Bết-lê-hem, là làng vua Đa-vít sao? <sup>43</sup> Vậy, dân chúng cãi lẽ nhau về Ngài. <sup>44</sup> Có mấy kẻ trong đám dân muốn bắt Ngài, nhưng không ai đặt tay trên mình Ngài.

<sup>45</sup> Vậy bọn lính trở về cùng các thầy tế lễ cả và các người Pha-ri-si. Những người nầy hỏi họ rằng: Sao các ngươi không điếu người đến? <sup>46</sup> Bọn lính thưa rằng: Chẳng hề có người nào đã nói như người nầy! <sup>47</sup> Những người Pha-ri-si nói rằng: Các ngươi cũng đã bị phỉnh dỗ sao? <sup>48</sup> Có một người nào trong các quan hay là trong những người Pha-ri-si tin đến người đó chẳng? <sup>49</sup> Song lũ dân nầy không biết luật chi cả, thật là dân đáng rủa! <sup>50</sup> Ni-cô-đem (là người trước có đến cùng Đức Chúa Jê-sus và là một người trong đám họ) nói rằng: <sup>51</sup> Luật chúng ta há bắt tội một người nào chưa tra hỏi đến, và chưa biết điều người ấy đã làm, hay sao? <sup>52</sup> Họ trả lời rằng: Người cũng là người Ga-li-lê sao? Người hãy tra xét, sẽ thấy rằng chẳng có tiên tri nào từ xứ Ga-li-lê mà ra hết.

Ngày cuối cùng của kỳ lễ là ngày thứ Bảy, một ngày rất đặc biệt. Khi ấy các thầy tế lễ đi quanh bàn thờ bảy lần, hát *Thi Thiên* 118:25. Đây là lần cuối họ lấy nước về và đổ nước ra. Khi họ đổ nước ra, nước đó là dấu hiệu về nước Môi-se đã lấy từ vầng đá, cũng là lúc Chúa cất tiếng mời gọi những tội nhân khao khát nguồn nước sống đến với Ngài.

“Ngày trọng thể” này, ngày hai mươi mốt tháng thứ bảy, được xem chính là ngày tiên tri A-ghe đã nói lời tiên tri đặc biệt về đền thờ (*A-ghe* 2:1-9). Sự ứng nghiệm sau cùng phải chờ đến khi Đấng Christ tái lâm trên đất, nhưng khi Chúa Giê-xu đến đền thờ cũng làm ứng nghiệm một phần lời tiên tri ấy. *Hê-bơ-rơ* 12:26-29 trích dẫn *A-ghe* 2:6-7 để nói đến sự tái lâm của Chúa.

Chúa Giê-xu nhắc đến kinh nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên chép trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:1-7. Nước đó chỉ là hình ảnh về Thánh Linh Đức Chúa Trời. Người tin Chúa không chỉ uống được nước hằng sống, nhưng còn trở nên những mạch nước chia sẻ cho một thế giới mỗi mòn vì khát! “Mạch nước” Ngài



hứa ban (*Giăng* 4:14) giờ trở nên sông nước tuôn trào! Tuy không có lời tiên tri nào cụ thể chỉ rõ về “sông nước” trong lòng người tin nhận, nhưng có một số câu Kinh Thánh tương đương với ý niệm này: *Ê-sai* 12:3; 15:1-9; 32:2; 44:3; 58:11 và *Xa-cha-ri* 14:8. Hãy để ý rằng *Xa-cha-ri* 14:16tt nói đến Lễ Lều Tạm trong tương lai khi Chúa làm Vua vinh hiển.

Nước để uống là một trong những biểu tượng về Đức Thánh Linh được dùng trong Kinh Thánh (Nước để tẩy uế là dấu hiệu về Lời Đức Chúa Trời - *Giăng* 15:3; *Ê-phê-sô* 5:26). Nước làm thỏa mãn cơn khát và khiến mọi vật kết quả, cũng vậy Thánh Linh Đức Chúa Trời làm cho tâm linh con người thỏa mãn và giúp ta sống kết quả. Tại kỳ lễ, dân Do Thái cứ tái diễn một nghi lễ chẳng bao giờ làm thỏa mãn con người. Chúa Giê-xu đã hứa ban cho họ nước sống và sự thỏa lòng mãi mãi.

Lời tuyên bố và kêu gọi của Chúa đem lại kết quả ra sao? Dân chúng bất đồng nhau: một số tin Ngài và số khác muốn bắt Ngài. Ngài là “người nhân lành” hay “người phỉnh dỗ dân chúng” (*Giăng* 7:12)? Ngài là “Đấng Christ” chăng? (*Giăng* 7:31). Ngài là “đấng tiên tri” đã được báo trước? (*Giăng* 7:40; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 18:15). Nếu họ thật lòng muốn xem xét chứng cứ, họ sẽ khám phá Ngài chính là Đấng Christ Con Đức Chúa Trời. Họ chỉ xem Ngài là người Ga-li-lê (*Giăng* 1:45-46; 7:52) nhưng thật ra Ngài sinh tại Bết-lê-hem (6:42).

Những người coi đền thờ trở về cùng các thầy tế lễ với tay không. Chắc hẳn việc bắt Chúa Giê-xu chẳng có gì khó khăn đối với họ, nhưng họ đã không làm vậy. Điều gì ngăn trở họ? Họ thú nhận “Chẳng hề có người nào đã nói như người này!” (7:46). Nói cách khác “Giê-xu này vĩ đại hơn là một con người! Chỉ là một con người thì không thể nào nói được như Ngài”). Họ đã bị “bắt phục” bởi Lời Đức Chúa Trời được phán ra từ miệng Con Đức Chúa Trời!

Một lần nữa, các nhà lãnh đạo không thật lòng nhìn vào sự kiện, nhưng chỉ xét đoán dựa trên thành kiến và cách xem xét sự kiện hời hợt của họ. Gán tội cho người khác (và phỉ báng

họ) có lẽ dễ dàng hơn lắng nghe họ trình bày sự thật! “Có một số người tin Giê-xu, vậy thì đã sao? Những kẻ tầm thường này chẳng biết luật lệ gì cả! Có người nào *cao trọng* - như chúng ta - lại tin Giê-xu ấy? Dĩ nhiên là không!” Có lẽ họ đã lý luận như vậy khi cố gắng phủ nhận lời chứng của người mù được Chúa chữa lành (*Giăng* 9:34).

Bạn đừng ngạc nhiên khi thấy “giới trí thức” không muốn tin nhận Chúa Giê-xu hay các chức sắc trong giáo hội chối từ Ngài. Đức Chúa Trời đã giấu lẽ thật với “kẻ khôn ngoan, người sáng dạ” nhưng bày tỏ cho “những con trẻ” thuộc linh, những người khiêm cung đầu phục Ngài (*Ma-thi-ơ* 11:25-27). Khi được Đức Chúa Trời cứu vớt, Phao-lô là thầy dạy luật rất khôn ngoan khi Chúa cứu ông, nhưng ông đã phải bị “đánh gục” trước khi nhận biết Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời từ kẻ chết sống lại. Mời bạn đọc *I Cô-rinh-tô* 1:26-31 để biết lời giải thích của Phao-lô về trở ngại của việc đem những “kẻ khôn ngoan, người sáng dạ” đến với Đấng Christ.

Rõ ràng các nhà lãnh đạo đã sai lính đi bắt Chúa một lần nữa, nhưng Ni-cô-đem đã can ngăn. Người này được nhắc đến ba lần trong *Phúc Âm Giăng*, và mỗi lần đều được biết là “người tới cùng Đức Chúa Giê-xu trong ban đêm” (xem *Giăng* 3:1-2; 19:39). Có lẽ Ni-cô-đem đã suy ngẫm và học được nhiều điều kể từ buổi nói chuyện lần đầu tiên với Chúa Giê-xu, nên ông không ngại bảo vệ cho lẽ thật.

Ni-cô-đem biết chắc hội đồng tôn giáo không muốn nghe Chúa Giê-xu. Họ đã định tội và muốn bắt Chúa Giê-xu trước khi tra xét Ngài theo luật pháp và lẽ công bình! Khi bảo vệ lẽ thật, hẩn Ni-cô-đem đã nhớ những lời Kinh Thánh ở Cựu Ước trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:1; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:16-17; 19:15-21.

Ni-cô-đem muốn họ xem xét điều gì về Chúa Giê-xu? Về công việc Ngài và Lời Ngài. Chúa Giê-xu là Giáo Sư và là Đấng làm phép lạ, đã thu hút Ni-cô-đem đến với Ngài (*Giăng* 3:2). Thật ra, Chúa đã bày tỏ công việc Ngài để làm chứng



cho thần tính Ngài (*Giăng* 5:32), và nhiều lần kêu gọi con người hãy chú ý đến Lời Ngài phán. Cả hai điều này hỗ trợ nhau, vì phép lạ bày tỏ sứ điệp Ngài, và sứ điệp Ngài giải thích cho ý nghĩa thuộc linh của phép lạ.

Bạn có thể nghe được giọng mỉa mai và khinh thường trong câu đáp của các bậc cầm quyền: “Người cũng là một tên Ga-li-lê hèn hạ và đáng khinh bỉ sao?” Họ không muốn thừa nhận lý lẽ của Ni-cô-đem khi ông đề nghị một cuộc xét xử công bằng, nhưng chỉ phản ứng bằng cách nhạo báng ông. Đây là mảnh khốe tranh luận từ xưa: Khi không thể bác bẻ một lý lẽ, hãy tấn công kẻ lý luận.

Họ thách thức Ni-cô-đem tra xét những lời tiên tri, để xem có lời nào nói về một đấng tiên tri xuất thân từ Ga-li-lê. Dĩ nhiên, tiên tri Giô-na là người Ga-li-lê, và Chúa Giê-xu từng phán rằng Giô-na là hình ảnh của chính Ngài trong sự chết, chôn và sống lại (*Ma-thi-ơ* 12:38-41). Có lẽ Ni-cô-đem đã đọc sách *Ê-sai* 9:1, 2 (xem *Ma-thi-ơ* 4:12-16) và bắt đầu tìm ra những lời tiên tri quan trọng nói về Đấng Mết-si-a trong Cựu Ước. Nếu vậy, hẳn ông tin rằng Chúa Giê-xu Na-xa-rét chính là Con Đức Chúa Trời.

Chúng ta cảm thấy nuối tiếc cho những người trong đoạn Kinh Thánh này, những con người đáp ứng với Chúa Giê-xu một cách sai lầm. Những người em của Chúa đối cùng Ngài bằng sự vô tín; những kẻ khác tranh cãi về Ngài, và cuối cùng dẫn đến sự bất đồng chia rẽ. Nếu họ muốn nhận chân lý và hành động bằng sự vâng phục chân thật, hẳn họ sẽ quỳ nơi chân Chúa để xưng Ngài là Đấng Mết-si-a Con Đức Chúa Trời.

Ngày nay, con người vẫn vi phạm sai lầm này, và để cho thành kiến và những nhận định hời hợt che khuất chân lý. Đừng để điều ấy xảy đến cho bạn!

## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 7

---

#### Giảng 7

1. Có khi nào bạn chia sẻ Phúc Âm với một người khác và người ấy thấy bị tổn thương? Theo bạn, tại sao người ấy phản ứng như thế?
2. Đọc các câu 1-10. Các em của Chúa Giê-xu phản ứng thế nào với Ngài cũng như sự dạy dỗ của Ngài?
3. Chúa muốn nói gì qua câu “Thì giờ của ta chưa đến”?
4. Đọc các câu 11-59. Lời dạy của Chúa Giê-xu về chính Ngài gồm những điểm chính yếu nào?
5. Ngài tuyên bố gì về nguồn gốc những lời dạy của Ngài?
6. Lời mời gọi của Chúa trong các câu 37-39 quan trọng ra sao?
7. Dân chúng Do Thái và các lãnh đạo của họ đáp ứng thế nào đối với tư cách, lời dạy, và lời mời gọi của Chúa Giê-xu? Tại sao?
8. Đọc câu 17. Bằng cách nào sự vâng lời Đấng Christ chứng tỏ cho bạn thấy Đấng Christ là ai?
9. Bạn làm sao để không ngã lòng khi làm chứng cho người khác dầu họ nổi giận phản đối?



## Tương Phản Và Mâu Thuẫn

*Giăng 8*

Câu chuyện về người đàn bà tà dâm phải chăng là một phần thuộc Kinh Thánh? Nếu vậy, câu chuyện này nằm ở đâu trong Phúc Âm? Một số các cổ bản Kinh Thánh không ghi lại *Giăng* 7:53-8:11. Có những bản ghi lại câu chuyện này, nhưng câu chuyện không luôn luôn thuộc về phần đoạn này trong *Phúc Âm Giăng*. Đa số các học giả Kinh Thánh đều cho rằng đoạn Kinh Thánh này là một phần Kinh Thánh được linh cảm (như Tiến sĩ F. F. Bruce nói rằng “đây đích thực là một phần của tài liệu Phúc Âm”) cho dù nó nằm ở sách nào đi nữa.

Đối với đa số chúng ta, câu chuyện chép lại ở đây là rất thích hợp! Thật ra, diễn tiến của cả đoạn này khởi phát từ sự kiện gây chú ý trong đền thờ. Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là sự sáng của thế gian (*Giăng* 8:12), và Lời Ngài phán về sự xét đoán theo xác thịt cùng sự xét đoán theo chân lý, hẳn là những lời hợp lý ở đoạn này (8:15, 16). Câu “chết trong tội lỗi mình” (8:21, 24) được nhắc lại rõ ràng có liên quan đến sự xét đoán người đàn bà; và đoạn Kinh Thánh kết thúc với việc họ tìm cách ném đá Chúa Giê-xu cho thấy một sự tương đương hoàn

hảo với phần mở đầu câu chuyện. Nếu bỏ đi phần 7:52-8:12, đoạn Kinh Thánh sẽ bị thay đổi một cách đột ngột, thiếu chuyển tiếp.

Một lần nữa Chúa biết Ngài có mâu thuẫn với các chức sắc đền thờ. Lần này, họ đặt một cái bẫy, mong có đủ chứng cứ bắt Ngài và giết đi. Tuy nhiên, âm mưu ấy bị thất bại, dẫn đến một cuộc tranh luận gay gắt. Trong đoạn này chúng ta thấy có nhiều điểm tương phản bày tỏ lòng nhân từ của Đấng Christ và sự độc ác của loài người.

### 1. Ân Điển Và Luật Pháp

*Giăng 8:1-11*

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus lên trên núi Ô-li-ve.

<sup>2</sup> Nhưng đến tảng sáng, Ngài trở lại đền thờ; cả dân sự đều đến cùng Ngài, Ngài bèn ngồi dạy dỗ họ.

<sup>3</sup> Bấy giờ, các thầy thông giáo và các người Pha-ri-si dẫn lại cho Ngài một người đàn bà đã bị bắt đang khi phạm tội tà dâm; họ để người giữa đám đông, <sup>4</sup> mà nói cùng Đức Chúa Jêsus rằng: Thưa thầy, người đàn bà này bị bắt quả tang về tội tà dâm. <sup>5</sup> Vả, trong luật pháp Môi-se có truyền cho chúng ta rằng nên ném đá những hạng người như vậy; - còn thầy, thì nghĩ sao? <sup>6</sup> Họ nói vậy để thử Ngài, hầu cho có thể kiện Ngài. Nhưng Đức Chúa Jêsus cúi xuống, lấy ngón tay viết trên đất. <sup>7</sup> Vì họ cứ hỏi nữa, thì Ngài ngược lên và phán rằng: Ai trong các người là người vô tội, hãy trước nhứt ném đá vào người. <sup>8</sup> Rồi Ngài lại cúi xuống cứ viết trên mặt đất. <sup>9</sup> Khi chúng nghe lời đó, thì kế nhau mà đi ra, những người có tuổi đi trước; Đức Chúa Jêsus ở lại một mình với người đàn bà, người vẫn đương đứng chính giữa đó. <sup>10</sup> Đức Chúa Jêsus bấy giờ lại ngược lên, không thấy ai hết, chỉ có người đàn bà, bèn phán rằng: Hỡi mẹ kia, những kẻ cáo người ở đâu? Không ai định tội người sao? <sup>11</sup> Người thưa rằng: Lạy Chúa, không ai hết. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ta cũng không định tội người; hãy đi, đừng phạm tội nữa.

Lễ Lều Tạm đã kết thúc, nhưng Chúa Giê-xu lợi dụng cơ hội này để giảng dạy cho mọi người từ xa đến dự lễ tại đền thờ. Suốt kỳ lễ, mọi người đều biết rằng Ngài không những dự lễ mà còn công khai dạy dỗ trong đền thờ (xem *Lu-ca* 21:37). Ngài dạy dỗ trong nơi nhóm lại của phụ nữ tại nơi kho (*Giăng* 8:20). Các thầy thông giáo cùng người Pha-ri-si biết nơi Ngài



giảng dạy, nên cùng nhau bày mưu bắt Chúa.

Có lẽ đôi gian phu dâm phụ không bị bắt “quả tang” khi phạm tội, nên chúng ta không biết người đàn ông (không bị truy tố) này có nằm trong âm mưu của các chức sắc hay không. Theo luật pháp, cả hai kẻ phạm tội đều phải bị ném đá (*Lê-vi Ký 20:10; Phục Truyền Luật Lệ Ký 22:22*), không chỉ riêng người đàn bà. Thật đáng nghi ngờ khi người đàn ông kia chạy thoát. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã xử lý vấn đề thật tàn nhẫn, thậm chí cản trở sự giảng dạy của Chúa và lôi người đàn bà vào giữa đám đông huyền nao.

Dĩ nhiên, các nhà lãnh đạo Do Thái muốn đưa Chúa Giê-xu vào thế “tiến thoái lưỡng nan”. Nếu Ngài phán “Vâng, người đàn bà này phải bị ném đá!” Khi ấy điều gì sẽ xảy đến cho uy tín Ngài mà người ta từng biết là “bạn của người thu thuế và kẻ có tội?” Dân chúng hẳn sẽ bỏ Ngài không bao giờ tiếp nhận sứ điệp tốt lành về sự tha thứ của Ngài nữa.

Nhưng nếu Ngài phán “Không nên ném đá bà ta!” Thì, Ngài đã công khai phạm luật và sẽ bị bắt. Hơn một lần, các nhà lãnh đạo này đã gài Chúa vào thế chống lại Luật Môi-se, và giờ đây dường như họ đã thách thức Ngài ra mặt (xem *Giăng 5:39-47; 6:32tt; 7:40tt*).

Thay vì xét xử người đàn bà, Chúa Giê-xu đã xét xử các kẻ muốn xét xử. Có lẽ Ngài rất phẫn nộ về cách họ xét xử người đàn bà. Ngài cũng biết rằng những kẻ giả hình này chỉ kết tội kẻ khác, và không thấy tội lỗi chính mình. Chúng ta không rõ Ngài viết gì trên nền đất của đền thờ. Phải chăng Ngài chỉ muốn nhắc họ nhớ lại Mười Điều Răn vốn được viết ra “bởi ngón tay Đức Chúa Trời” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 31:18*) và Ngài là Đức Chúa Trời? Hay Ngài muốn nhắc họ nhớ lời khuyến cáo ở *Giê-rê-mi 17:13*?

Theo luật pháp Do Thái, những kẻ truy tố phải ném đá tội nhân trước hết (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 17:7*). Chúa Giê-xu không có ý đòi hỏi chỉ có những người vô tội mới được xét xử người đàn bà, vì chỉ có Ngài là con người vô tội hoàn toàn.

Ngày nay nếu các quan án buộc phải là người hoàn hảo, có lẽ sẽ không có ai làm thẩm phán! Ở đây, Ngài đề cập đến *tội lỗi cụ thể của người đàn bà*, một tội lỗi mà người ta có thể phạm trong tư tưởng cũng như trong thể xác (*Ma-thi-ơ 5:27-30*). Bị lương tâm kết án, những kẻ tố cáo lạng lẽ rời khỏi hiện trường, chỉ còn lại Chúa Giê-xu và người đàn bà. Chúa tha thứ cho bà và khuyên bà đừng phạm tội nữa (*Giăng 5:14*).

Chúng ta đừng hiểu lầm rằng Chúa Giê-xu “dễ dãi đối với tội lỗi” hoặc Ngài đã mâu thuẫn với Luật Pháp. Để có thể tha thứ cho người đàn bà này, Chúa Giê-xu sẽ phải chết thay tội lỗi bà. Sự tha thứ ban cho vô điều kiện nhưng cái giá của nó không phải rẻ! Hơn thế, Chúa đã làm trọn luật pháp hầu cho không ai có thể lên án Ngài đi ngược lại những lời dạy dỗ hay làm mất giá trị của sự dạy dỗ ấy. Khi áp dụng luật pháp đối với người đàn bà, và không áp dụng cho *bản thân mình*, các lãnh đạo Do Thái đã phạm cả quy tắc và tinh thần của luật pháp. Vậy mà họ cứ nghĩ rằng mình đang bảo vệ Môi-se!

“Luật Pháp cho người ta biết tội lỗi” (*Rô-ma 3:20*). Chúng ta phải bị Luật Pháp kết tội trước khi có thể được tha thứ bởi ân sủng của Đức Chúa Trời. Luật Pháp và ân sủng không đối nghịch nhau nhưng hỗ trợ cho nhau. Không ai được cứu rỗi bởi tuân theo Luật Pháp, nhưng cũng không ai được cứu bởi ân sủng mà trước hết không bị luật pháp kết án. Phải có sự kết tội trước khi có sự thay đổi.

Sự tha thứ bởi ân sủng của Đấng Christ không phải là cơ để con người phạm tội. Lời Chúa phán “Hãy đi, đừng phạm tội nữa!” “Nhưng Chúa có lòng tha thứ cho, để người ta kính sợ Chúa” (*Thi Thiên 130:4*). Chắc hẳn kinh nghiệm về sự tha thứ bởi ân sủng sẽ khích lệ tội nhân ăn năn, sống một đời sống vâng phục và thánh khiết để quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời.



## 2. Ánh Sáng Và Bóng Tối

Giăng 8:12-20

<sup>12</sup> Đức Chúa Jêsus lại cất tiếng phán cùng chúng rằng: Ta là sự sáng của thế gian; người nào theo ta, chẳng đi trong nơi tối tăm, nhưng có ánh sáng của sự sống. <sup>13</sup> Người Pha-ri-si bèn nói rằng: Thầy tự làm chứng về mình, thì lời chứng thầy không đáng tin. <sup>14</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Dầu ta tự làm chứng về mình, nhưng lời chứng ta là đáng tin, vì ta biết mình đã từ đâu mà đến và đi đâu; song các người không biết ta từ đâu mà đến, cũng chẳng hay ta đi đâu. <sup>15</sup> Các người xét đoán theo xác thịt; ta thì không xét đoán người nào hết. <sup>16</sup> Nếu ta xét đoán ai, sự xét đoán của ta đúng với lẽ thật; vì ta không ở một mình, nhưng Cha là Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta. <sup>17</sup> Vả, có chép trong luật pháp của các người rằng lời chứng hai người là đáng tin: <sup>18</sup> Ta tự làm chứng cho ta, và Cha là Đấng đã sai ta đến cũng làm chứng cho ta. <sup>19</sup> Chúng thưa cùng Ngài rằng: Cha của thầy ở đâu? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Các người chẳng biết ta, và cũng chẳng biết Cha ta. Nếu các người biết ta, thì cũng biết Cha ta nữa.

<sup>20</sup> Đức Chúa Jêsus phán mọi lời đó tại nơi Kho, đương khi dạy dỗ trong đền thờ; và không ai tra tay trên Ngài, vì giờ Ngài chưa đến.

Đây là lần thứ hai Chúa tuyên bố TA LÀ, và lời Ngài chắc hẳn rất thích hợp trong phần đầu (câu 1-11) của chương 8 này. Có lẽ mặt trời vừa mọc lên (8:2), nên Chúa so sánh Ngài với mặt trời rạng rỡ. Như vậy một lần nữa Ngài tuyên bố chính Ngài là Đức Chúa Trời, vì đối với dân Do Thái, mặt trời là dấu hiệu chỉ về Giê-hô-va Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 84:11; *Ma-thi-ơ* 4:2). Trong thái dương hệ của chúng ta, chỉ có một mặt trời, là trung tâm và nguồn sự sống. Vậy, cũng chỉ có một Đức Chúa Trời, Đấng trung tâm của mọi sự và mọi nguồn sự sống (*Giăng* 1:4). “Đức Chúa Trời là sự sáng” (*I Giăng* 1:5). Nơi đâu có sự sáng chiếu soi, tội lỗi con người sẽ bị bày tỏ ra (*Ê-phê-sô* 5:8-14).

Lời tuyên bố TA LÀ cũng liên quan đến lễ Lều Tạm. Suốt kỳ lễ những ngọn nến lớn được thắp sáng trong đền thờ lúc ban đêm để nhắc dân chúng về trụ lửa dẫn đường dân Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng. Thật ra *Giăng* đã kết hợp ba “hình ảnh về đồng vắng”: ma-na (chương 6); nước từ vầng đá (chương 7) và trụ lửa (chương 8).

“Theo” Chúa có nghĩa là tin nơi Ngài và nhờ cậy Ngài; và kết quả là người tin Ngài sẽ bước đi trong “*sự sống và sự sáng*”. Những kẻ không được cứu bước đi trong tối tăm vì họ ưa thích bóng tối. Một trong những chủ đề chính của *Phúc Âm Giăng* là sự sáng thuộc linh đang chiếu soi, nhưng con người không nhận biết được, và họ chối từ sự sáng (*Giăng* 1:4-5).

Không phải mọi nhà lãnh đạo Do Thái đều bỏ đi, chắc chắn một số khác đã xuất hiện khi người đàn bà rời khỏi. Như thường lệ họ tranh cãi với Chúa Giê-xu. Lần này, họ cáo Ngài về việc Ngài tự làm chứng cho bản thân, cho rằng mình là sự sáng của thế gian; và tòa án Do Thái không chấp nhận một người làm chứng cho bản thân.

Nhưng, sự sáng *tự nó* bày tỏ ra! Những kẻ nào không nhìn thấy ánh sáng, đều là kẻ mù lòa!

Tôi nhớ lại lần đầu tiên khi đi máy bay vào ban đêm. Tôi bị mê mẩn bởi dải đèn màu lấp lánh trong các thành phố phía dưới. Khi máy bay rời New York đi trong đêm, tôi ngạc nhiên vì vẫn có thể nhìn thấy những chấm sáng ấy cách xa nhiều dặm. Tôi chợt hiểu ra vì sao trong thời chiến tranh người ta phải tắt đèn vì phi công địch có thể nhìn thấy điểm sáng nhỏ nhất và phát hiện ra mục tiêu. Ánh sáng tự bày tỏ chính nó, cho bạn biết sự hiện diện của nó.

Có lẽ người Pha-ri-si đã trích dẫn lời Chúa (*Giăng* 5:31tt), nhưng lập tức lý lẽ họ bị Chúa bẻ bác lại. Một trong những từ chính trong phân đoạn này là từ *làm chứng*, và được sử dụng bảy lần. Chúa cho biết lời chứng của họ không đáng tin vì sự xét đoán của họ sai lầm. Họ xét đoán chỉ dựa trên hình thức bên ngoài, theo cách của con người, nhưng Chúa xét đoán dựa trên sự hiểu biết về tâm linh. Cách họ xét xử người đàn bà tà dâm chứng tỏ họ không hiểu Luật Pháp, cũng không nhận biết tư tưởng tội lỗi của chính mình.

Vì họ muốn lợi dụng Luật Pháp để kết tội người đàn bà, đồng thời gài bẫy Chúa, Chúa cũng dùng Luật để đáp lời họ. Chúa trích dẫn một nguyên tắc ở *Phục Truyền Luật Lệ Ký*



## 126 / Giảng

17:6; 19:15 và *Dân Số Ký* 35:30, cho biết việc định tội sẽ được thực hiện khi có hai người làm chứng. Chúa có hai chứng cứ: Ngài làm chứng và cả *Cha Ngài* nữa. Qua *Giăng* 5:37-47, chúng ta thấy rằng lời chứng của Đức Chúa Cha thể hiện qua Lời Ngài.

Thật tội nghiệp cho những chuyên gia Luật Pháp này! Họ không biết Đấng Mết-si-a đang hiện diện trước mặt họ! Họ tuyên bố rằng họ hiểu biết Luật Pháp Đức Chúa Trời, nhưng lại không biết Đức Chúa Trời của Luật pháp. Họ không hề giữ lời Ngài trong lòng (5:38), cũng không kinh nghiệm được tình yêu của Ngài (5:42). Họ không biết Cha, nên cũng không biết Con.

Chúa chưa bao giờ trả lời câu hỏi họ đặt ra “Cha của thầy ở đâu?” (c.19). Từ *cha* được sử dụng hai mươi mốt lần trong đoạn này, vì vậy Chúa Giê-xu không lẫn tránh vấn đề nhưng ngược lại Ngài đối diện vấn đề một cách thẳng thắn. Ngài biết “cha” họ không phải là Đức Chúa Trời - nhưng là ma quỷ. Những kẻ đội lốt tôn giáo này là con cái ma quỷ!

Những âm mưu kế tiếp của họ nhằm bắt Chúa Giê-xu đều bị Cha trên trời ngăn trở, vì giờ hy sinh của Ngài chưa đến. Khi tôi tớ Đức Chúa Trời sống theo ý muốn Ngài, người ấy có thể phục vụ cách mạnh mẽ và bình an!

### 3. Sự Sống Và Sự Chết

*Giăng* 8:21-30

<sup>21</sup> Ngài lại phán cùng chúng rằng: Ta đi, các ngươi sẽ tìm ta; và các ngươi sẽ chết trong tội lỗi mình. Các ngươi không thể đến được nơi ta đi. <sup>22</sup> Người Giu-đa bèn nói rằng: Người đã nói: Các ngươi không thể đến được nơi ta đi, vậy người sẽ tự tử sao? <sup>23</sup> Ngài phán rằng: Các ngươi bởi dưới mà có; còn ta bởi trên mà có. Các ngươi thuộc về thế gian này; còn ta không thuộc về thế gian này. <sup>24</sup> Nên ta đã bảo rằng các ngươi sẽ chết trong tội lỗi mình; vì nếu các ngươi chẳng tin ta là Đấng đó, thì chắc sẽ chết trong tội lỗi các ngươi. <sup>25</sup> Chúng bèn hỏi Ngài rằng: Vậy thầy là ai? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Như lời ta đã nói với các ngươi từ ban đầu. <sup>26</sup> Ta có nhiều sự nói và đoán xét về các ngươi; nhưng Đấng đã sai ta đến là thật, và điều chi ta nghe bởi Ngài, ta truyền lại cho thế gian. <sup>27</sup> Chúng không hiểu rằng Ngài phán về Cha. <sup>28</sup> Vậy Đức Chúa Jêsus phán rằng: Khi các ngươi

treo Con người lên, bấy giờ sẽ biết ta là ai, và biết ta không tự mình làm điều gì, nhưng nói điều Cha ta đã dạy ta. <sup>29</sup> Đáng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta, chẳng để ta ở một mình, vì ta hằng làm sự đẹp lòng Ngài.

<sup>30</sup> Bởi Đức Chúa Jê-sus nói như vậy, nên có nhiều kẻ tin Ngài.

Chúa Giê-xu từng nói về việc Ngài sẽ rời khỏi họ (3:34), nhưng những người Giu-đa này đã hiểu sai lời Ngài. Một lần nữa, Ngài khuyến cáo họ rằng Ngài sẽ rời khỏi họ, họ không thể theo Ngài, và sẽ chết trong tội lỗi mình! Họ đã bỏ lỡ những cơ hội Đức Chúa Trời ban bởi tranh cãi với Ngài, thay vì tin cậy Ngài. Chẳng bao lâu nữa, những cơ hội ấy sẽ chấm dứt.

Giờ đây dân Giu-đa lại không hiểu sự dạy dỗ của Ngài. Họ nghĩ rằng Ngài định tự tử. Đối với người Do Thái, tự tử là hành động đáng khinh miệt vì họ được dạy rằng phải quý trọng sự sống. Nếu Chúa phạm tội này, Ngài sẽ bị tòa xét xử; và họ lý luận rằng đây là lý do vì sao họ không thể theo Ngài.

Thật ra, chính *những* kẻ chất vấn Ngài sắp phải đứng trước tòa phán xét! Chúa Giê-xu sẽ về cùng Cha Ngài trên trời, không ai có thể đến được nơi ấy nếu không tin nhận Đấng Christ. Lý do Chúa Giê-xu và các nhà lãnh đạo Do Thái phải đi đến hai nơi khác nhau, vì *nguồn gốc* của họ khác Ngài: Ngài từ thiên đàng đến, nhưng họ là kẻ thuộc về đất. Chúa Giê-xu *hiện diện trong* thế gian này, nhưng Ngài không thuộc về thế gian (xem *Giăng* 17:14-16).

Những ai tin nhận Chúa đều là công dân thiên quốc (*Phi-líp* 3:20-21; *Lu-ca* 10:20). Lòng yêu mến và mối quan tâm của kẻ tin hướng về thiên đàng. Nhưng những kẻ vô tín sẽ thuộc về thế gian; thật ra, Chúa Giê-xu gọi họ là “con đời này” (*Lu-ca* 16:8). Bởi không tin nhận Đấng Christ và không được tha tội, họ phải gánh số phận “chết trong tội lỗi mình”. Những tín hữu sẽ “chết trong Chúa” vì đã “sống trong Chúa” (*Khải Thị* 14:13), kẻ vô tín phải chết trong tội lỗi mình vì đã sống trong tội lỗi.

Thật không ngờ rằng những “chuyên gia” thuộc linh này lại có thể hỏi rằng “Thầy là ai?” Chúa đã bày tỏ mọi chứng cứ



cho họ biết rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, nhưng họ cố tình chối bỏ. Câu trả lời của Chúa có thể hiểu, "Ta chính là Đấng ta đã từng tuyên bố." Nói cách khác, "Tại sao ta phải cho các người biết những điều khác hay chứng cứ khác khi các người chưa thật tâm xem xét chứng cứ ta đã bày tỏ ra?"

Chúa nhiều lần tuyên bố thẳng thắn về thần tính Ngài (*Giăng* 8:26). Ngài tuyên bố rằng Ngài sẽ là Đấng xét đoán và sự xét đoán (đối với dân Do Thái) chỉ thuộc về Đức Chúa Trời. Ngài tuyên bố Ngài được Đức Chúa Trời sai đến và mọi điều Ngài dạy dỗ đều đến từ Đức Chúa Trời. Các chức sắc kia phản ứng ra sao trước những lời khẳng định mạnh mẽ về thần tính của Chúa? Họ chẳng hiểu gì cả! Đức Chúa Trời bày tỏ lẽ thật Ngài cho "con trẻ, không phải cho những "người khôn ngoan, kẻ sáng dạ" (*Lu-ca* 10:21).

Giờ đây Chúa nói về sự chết của Ngài khi "bị treo lên" thập giá (*Giăng* 3:14; 12:32). Từ được dịch "bị treo lên" có nghĩa kép là: "treo lên trong tình trạng đóng đinh," và "nâng lên trong sự tôn quý và vinh hiển". Chúa thường ghép hai nghĩa trên lại với nhau vì qua sự đóng đinh Ngài nhìn thấy sự vinh hiển, không chỉ là thương khó (12:23; 13:30-31; 17:1). Phi-e-rơ cũng lặp lại sự kết hợp này "chịu khổ và vinh hiển" trong thư tín đầu tiên của ông.

Chúa Giê-xu bày tỏ Ngài cho dân Do Thái qua sự chết, chôn, sống lại và thăng thiên của Ngài. Đây là thông điệp Phi-e-rơ rao truyền vào lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-47), không chỉ về sự chết của Chúa mà còn về sự sống lại và vinh hiển của Ngài. Một người lính La Mã chứng kiến mọi sự tại đồi Gô-gô-tha cũng phải thú nhận: "Người này quả thật là Con Đức Chúa Trời" (*Mác* 15:39). Hội Thánh đầu tiên đã noi gương Chúa (*Lu-ca* 24:25-27), rao truyền về sự thương khó và vinh hiển của Đấng Christ đã được dự đoán trong những lời tiên tri Cựu Ước.

Chúa Giê-xu đưa ra thêm hai lời tuyên bố kỳ diệu: Ngài không chỉ được Cha sai đến, nhưng còn được Cha luôn ở cùng

vì Ngài hằng làm đẹp lòng Cha (*Giăng* 8:29). Chắc hẳn kẻ thù Chúa đã phản ứng dữ dội trước lời phán này, nhưng một số người tin nơi Ngài. Chúng ta không thể biết được đây phải là niềm tin thật hay không (2:23-25), nhưng Lời Chúa phán với họ chứng tỏ họ hiểu điều mình làm.

Sự cứu rỗi là vấn đề về sự sống hoặc sự chết. Những ai sống trong tội lỗi và chối bỏ Đấng Christ phải chết trong tội lỗi mình. Không có sự lựa chọn nào khác! Chúng ta hoặc tiếp nhận sự cứu rỗi trong ân sủng, hoặc chịu sự kết án dưới Luật Pháp Đức Chúa Trời; hoặc bước đi trong sự sáng để được sự sống đời đời, hoặc bước đi trong sự tối tăm và chết đời đời!

#### 4. Tự Do Và Nô Lệ

*Giăng* 8:31-47

<sup>31</sup> Bấy giờ Ngài phán cùng những người Giu-đa đã tin Ngài, rằng: Nếu các người hằng ở trong đạo ta, thì thật là môn đồ ta; <sup>32</sup> các người sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ buông tha các người. <sup>33</sup> Người Giu-đa thưa rằng: Chúng tôi là dòng dõi Áp-ra-ham, chưa hề làm tội mọi ai, vậy sao thầy nói rằng: Các người sẽ trở nên tự do? <sup>34</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, ai phạm tội lỗi là tôi mọi của tội lỗi. <sup>35</sup> Vả, tôi mọi không ở luôn trong nhà, mà con thì ở đó luôn. <sup>36</sup> Vậy nếu Con buông tha các người, các người sẽ thật được tự do. <sup>37</sup> Ta biết rằng các người là dòng dõi Áp-ra-ham, nhưng các người tìm thế để giết ta, vì đạo ta không được chỗ nào ở trong lòng các người. <sup>38</sup> Ta nói điều ta đã thấy nơi Cha ta; còn các người cứ làm điều đã học nơi Cha mình.

<sup>39</sup> Chúng trả lời rằng: Cha chúng tôi tức là Áp-ra-ham, Đức Chúa Jêsus phán rằng: Nếu các người là con Áp-ra-ham, thì chắc sẽ làm công việc của Áp-ra-ham. <sup>40</sup> Nhưng hiện nay, các người tìm mưu giết ta, là người lấy lẽ thật đã nghe nơi Đức Chúa Trời mà nói với các người; Áp-ra-ham chưa hề làm điều đó!

<sup>41</sup> Các người làm công việc của cha mình. Chúng nói rằng: Chúng tôi chẳng phải là con ngoại tình; chúng tôi chỉ có một Cha, là Đức Chúa Trời. <sup>42</sup> Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ví bằng Đức Chúa Trời là Cha các người thì các người sẽ yêu ta, vì ta bởi Đức Chúa Trời mà ra và từ Ngài mà đến; bởi chúng ta chẳng phải đã đến tự mình đâu, nhưng ấy chính Ngài đã sai ta đến. <sup>43</sup> Tại sao các người không hiểu lời ta? Ấy là bởi các người chẳng có thể nghe được đạo của ta.

<sup>44</sup> Các người bởi cha mình, là ma quỷ, mà sanh ra; và các người muốn làm nên sự ưa muốn của cha mình. Vừa lúc ban đầu nó đã là kẻ giết người, chẳng bền giữ được lẽ thật, vì không có lẽ thật trong nó đâu. Khi nó nói dối, thì nói theo tánh riêng mình, vì nó vốn là kẻ nói dối và là cha sự nói dối. <sup>45</sup> Nhưng vì ta nói lẽ thật,



nên các người không tin ta.

<sup>46</sup> Trong các người có ai bắt ta thú tội được chăng? Nếu ta nói lẽ thật, sao các người không tin ta? <sup>47</sup> Ai ra bởi Đức Chúa Trời, thì nghe lời Đức Chúa Trời; cho nên các người chẳng nghe, tại các người không thuộc về Đức Chúa Trời.

“Người Giu-đa” trong *Giăng* 8:33 chỉ về ai? Trong những câu trước đó, Chúa nói về những người “tin Ngài” (*Giăng* 8:30), và Ngài khuyến cáo họ cứ ở trong Lời—làm môn đồ Ngài - để được sự cứu rỗi. Nếu chúng ta vâng theo Lời Chúa, sự hiểu biết thuộc linh của chúng ta sẽ tăng trưởng. Khi ấy, chúng ta sẽ được tự do không bị tội lỗi ràng buộc. Sự sống đem đến sự hiểu biết, và sự hiểu biết dẫn đến sự tự do.

“Người Giu-đa” (*Giăng* 8:32) không thể chỉ về những người Giu-đa tin theo Đạo, vì họ không thể tranh cãi với Cứu Chúa của mình. Nếu lấy câu *Giăng* 8:37 làm chuẩn, “Người Giu-đa” có lẽ nói về các lãnh đạo Do Thái vô tín, chống đối Chúa suốt cuộc giảng luận (*Giăng* 8:13, 19, 22, 25). Cũng vẫn như trước đây, họ không hiểu sứ điệp của Ngài. Chúa muốn nói về sự tự do thuộc linh, không bị ràng buộc bởi tội lỗi, nhưng họ chỉ nghĩ về sự tự do theo quan niệm chính trị.

Lời họ tự xưng là con cháu Áp-ra-ham chưa hề làm tội mọi cho ai hoàn toàn mâu thuẫn với lịch sử được chép trong Kinh Thánh Cựu Ước. Dân Do Thái đã bị bầy cường quốc thống trị, theo sách *Các Quan Xét* ghi lại. Mười chi phái phía Bắc bị quân A-si-ri bắt đi lưu đày, và hai chi phái phía Nam bị bắt làm nô lệ ở Ba-by-lôn bảy mươi năm. Và ngay lúc bấy giờ, dân Do Thái cũng đang ở dưới gót sắt Rô-ma! Đối với những kẻ kiêu ngạo trong lớp áo tôn giáo này, thật khó lòng thừa nhận những thất bại và nhu cầu của mình!

Chúa Giê-xu giải thích rằng sự khác nhau giữa tự do và tội mọi về thuộc linh chính là vấn đề con cá: hay là tội tở trong nhà. Tội tở có thể sống trong nhà nhưng không thuộc về gia đình đó, người ấy không có một tương lai bảo đảm (Có lẽ lúc này Chúa nhớ đến I-sác và Ích-ma-ên, *Sáng Thế Ký* 21:1-21). “Ai phạm tội lỗi là nô lệ của tội lỗi” (*Giăng* 8:34). Các lãnh

đạo tôn giáo không chỉ chết trong tội lỗi họ, nhưng ngay lúc này họ đang sống trong ách của tội lỗi!

Vậy nô lệ của tội lỗi làm sao để được tự do? Chỉ nhờ cậy nơi Con. Ngài buông tha tội mọi bằng cách nào? Bởi quyền năng của Lời Ngài. Bạn hãy chú ý trọng tâm đặt vào Lời Chúa trong *Giăng* 8:38-47, và Ngài cũng đã cho biết “Lẽ thật sẽ buông tha các ngươi” (*Giăng* 8:32). Nhưng các lãnh đạo đã khước từ Lời Chúa.

Ở phần còn lại của phân đoạn này, bạn sẽ thấy cuộc tranh luận tập trung vào từ *cha*. Chúa Giê-xu xác định Cha Ngài là Đấng trên trời, nhưng Ngài khẳng định những kẻ giả hình có cha từ địa ngục, đó là Sa-tan. Dĩ nhiên, dân Do Thái tự nhận họ là con cái Áp-ra-ham (*Lu-ca* 3:8tt), nhưng Chúa Giê-xu phân biệt rõ ràng giữa “dòng dõi Áp-ra-ham” (con cháu về mặt thể xác) và “con cháu Áp-ra-ham” (con cháu về mặt thuộc linh bởi đức tin; *Ga-la-ti* 3:6-14)

Các lãnh đạo Do Thái tuyên bố họ thuộc dòng dõi Áp-ra-ham, nhưng chẳng hề giống Áp-ra-ham. Họ lúc nào cũng muốn giết Chúa Giê-xu, còn Áp-ra-ham là người “bạn của Đức Chúa Trời,” và tương giao với Ngài trong tình yêu (*Ê-sai* 41:8). Ông lắng nghe chân lý từ Đức Chúa Trời và vâng theo, còn những lãnh đạo Do Thái này lại chối bỏ lẽ thật.

Bản tính chịu ảnh hưởng của huyết thống. Muốn biết bản tính của một người nên xem người ấy là con cái của ai. Nếu Đức Chúa Trời là Cha bạn, bạn sẽ dự phần bản tính Ngài (*I Phi-e-rơ* 1:1-4), nhưng nếu Sa-tan là cha bạn, bạn sẽ mang bản chất tội lỗi của nó. Chúa không nói rằng *mọi* tội nhân là con cái ma quỷ, dù họ đều là con của sự thịnh nộ và bất tuân (*Ê-phê-sô* 2:1-3). Trong phân đoạn này và ẩn dụ cổ lũng (*Ma-thi-ơ* 13:24-32, 36-43), Chúa phán rằng người Pha-ri-si và những kẻ tin theo giả dối là con cái ma quỷ. Sa-tan là kẻ mạo danh thiên sứ sáng láng (*II Cô-rinh-tô* 11:13-15) nên nó cũng truyền cho con cái nó sự công bình giả dối hầu những kẻ đó chẳng bao giờ bước vào cổng thiên đàng được (*Rô-ma* 10:1-4).



Là con cái ma quỷ, đặc điểm của các lãnh đạo Do Thái là gì? Họ chối bỏ chân lý (*Giăng* 8:40) và muốn giết Chúa Giê-xu vì Ngài nói ra chân lý. Họ không yêu mến Đức Chúa Trời (*Giăng* 8:42), cũng không hiểu lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu, (*Giăng* 8:43, 47). Con cái của Sa-tan có thể rất sành về những truyền thống tôn giáo, nhưng không hiểu gì về Lời Đức Chúa Trời.

Sa-tan là kẻ nói dối và kẻ giết người. Nó từng nói với tổ phụ đầu tiên của chúng ta (“Đức Chúa Trời há phán như vậy sao?”), và gây ra sự chết. Ca-in là con cái của ma quỷ (*I Giăng* 3:12) vì là kẻ nói dối và giết người. Ca-in giết em mình là A-bên và nói dối về điều đó (*Sáng Thế Ký* 4:1-24). Có gì đáng ngạc nhiên khi những chức sắc đền thờ này làm chứng dối về Chúa Giê-xu, tìm kiếm chứng cứ giả dối và khiến người ta giết Ngài?

Tình trạng nô lệ tệ hại nhất là kẻ nô lệ không nhận ra rằng mình đang chịu nô lệ. Một người có thể tưởng rằng mình đang được tự do, nhưng thật sự đang bị nô lệ. Người Pha-ri-si và các lãnh đạo Do Thái cho rằng họ tự do, nhưng thật ra họ đang làm tôi mọi về mặt thuộc linh trong xiềng xích của tội lỗi và Sa-tan. Họ không muốn đối diện với chân lý, nhưng chỉ có lẽ thật mới có thể giải thoát họ mà thôi.

## 5. Tôn Kính Và Sĩ Nhục

*Giăng* 8:48-59

<sup>48</sup> Người Giu-đa thưa rằng: Chúng tôi nói thấy là người Sa-ma-ri, và bị quỷ ám, há không phải sao? <sup>49</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Ta chẳng phải bị quỷ ám, nhưng ta tôn kính Cha ta, còn các ngươi làm nhục ta. <sup>50</sup> Ta chẳng tìm sự vinh hiển ta, có một Đấng tìm và đoán xét. <sup>51</sup> Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu kẻ nào giữ lời ta, sẽ chẳng thấy sự chết bao giờ. <sup>52</sup> Người Giu-đa nói rằng: Bây giờ chúng tôi thấy rõ thấy bị quỷ ám; Áp-ra-ham đã chết, các đấng tiên tri cũng vậy, mà thầy nói: Nếu kẻ nào giữ lời ta sẽ chẳng hề chết! <sup>53</sup> Thầy lại trọng hơn cha chúng tôi, Áp-ra-ham, là người đã chết sao? Các đấng tiên tri cũng đã chết; thầy mạo xưng mình là ai? <sup>54</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Nếu ta tự tôn vinh, thì sự vinh hiển ta chẳng ra gì; ấy là Cha ta làm vinh hiển ta, là Đấng

các người xưng là Đức Chúa Trời của mình. <sup>55</sup> Dầu vậy, các người chưa biết Ngài đâu; còn ta thì biết. Và nếu ta nói rằng ta không biết Ngài, ta sẽ cũng nói dối như các người vậy; song ta biết Ngài, và ta giữ lời Ngài. <sup>56</sup> Cha các người là Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta; người đã thấy rồi, và mừng rỡ. <sup>57</sup> Người Giu-đa nói rằng: Thấy chưa đây năm mươi tuổi, mà đã thấy Áp-ra-ham! <sup>58</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, trước khi chưa có Áp-ra-ham, đã có ta. <sup>59</sup> Bây giờ chúng lấy đá đặng quăng vào Ngài; nhưng Đức Chúa Jêsus đi lên trong chúng, ra khỏi đền thờ.

Các nhà lãnh đạo không có cách nào bẻ bác được Lời Chúa, nên tấn công vào con người Ngài. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng lời nói của các lãnh đạo trong *Giăng* 8:41 “Chúng tôi chẳng phải là con ngoại tình” là lời gièm pha về sự ra đời và tư cách của Chúa Giê-xu. Thật bà Ma-ri đã mang thai trước khi kết hôn với Giô-sép. Những lời công kích trong *Giăng* 8:48 càng rõ ràng hơn. Đối với người Do Thái, bị gọi là người Sa-ma-ri là sự sỉ nhục nặng nề, đã vậy còn bị gọi là kẻ bị quỷ ám càng nhục nhã hơn.

Bạn chú ý sẽ thấy Chúa chẳng quan tâm đến lời gièm pha về chủng tộc (rõ ràng, khi họ gọi Ngài là người Sa-ma-ri họ muốn gán cho Ngài là kẻ tà giáo). Dù họ bất kính với Ngài, nhưng Ngài vẫn tôn kính Cha trong mọi sự. Ngài từng giải thích rõ ràng không thể có tình trạng tôn kính Cha mà không tôn kính Con (*Giăng* 5:23). Họ tìm kiếm vinh hiển cho bản thân, nhưng Chúa tìm kiếm vinh hiển của Đức Chúa Trời (*Giăng* 5:41-44). Tôn giáo đặt trọng tâm vào truyền thống, mà không hề có Đấng Christ, thì chỉ là “hội của những người tâng bốc lẫn nhau” bởi con người ưa thích người khác tán tụng mình.

Chúa Giê-xu đã khuyến cáo họ rằng họ sẽ chết trong tội lỗi mình vì sự vô tín. Giờ đây, Ngài kêu gọi họ tin nơi Lời Ngài để “chẳng thấy sự chết bao giờ” (*Giăng* 8:51). Ngài đã nói điều này khi giảng dạy trong nhà hội (*Giăng* 6:39-40, 44, 54). Một lần nữa các nhà lãnh đạo không có cái nhìn sâu sắc về thuộc linh để có thể hiểu ý Chúa. Áp-ra-ham đã chết dù ông là một người tin kính, và các tiên tri cũng chết. Kiểu lý



luận này chỉ càng khiến họ nghĩ rằng Chúa bị quỷ ám! (*Giăng* 7:20).

Khi xưng mình là Chúa của sự chết, Chúa muốn khẳng định Ngài là Đức Chúa Trời (*Giăng* 5:21-29). Ngài không tìm vinh hiển cho mình, nhưng Cha trên trời làm vinh hiển Con Ngài. Thật sự, Áp-ra-ham (người được họ xưng là cha) đã nhìn thấy ngày của Chúa và nức lòng mừng rỡ! Thay vì vui mừng, người ta lại chống nghịch và muốn giết Ngài.

Bằng cách nào Áp-ra-ham đã “nhìn thấy” ngày của Chúa, tức đời sống và chức vụ Ngài trên đất? Ông nhìn bằng đức tin (*Hê-bơ-rơ* 11:10, 13-16). Đức Chúa Trời không ban cho Áp-ra-ham khả tượng đặc biệt nào về đời sống và chức vụ của Chúa Giê-xu nhưng ban cho ông một khả năng nhận thức về thuộc linh để “nhìn thấy” những sự kiện tương lai này. Chắc hẳn ông đã thấy sự giáng sinh của Đấng Christ qua sự ra đời kỳ diệu của con trai ông, là Y-sác. Hẳn ông cũng nhìn thấy đôi Gô-gô-tha khi dâng Y-sác cho Đức Chúa Trời (*Sáng Thế Ký* 22). Qua chức vụ tế lễ của Mên-chi-xê-đéc (*Sáng Thế Ký* 14:17-24), Áp-ra-ham có thể nhìn thấy chức tế lễ thánh khiết của Đấng Christ. Qua tiệc cưới của Y-sác, Áp-ra-ham có thể nhìn thấy hình ảnh về Tiệc Cưới Chiên Con (*Sáng Thế Ký* 24).

Lời khẳng định của Chúa trong *Giăng* 8:58 có thể hiểu “Ta là Đấng hiện hữu trước khi Áp-ra-ham ra đời”. Một lần nữa, Ngài tuyên bố về ngôi vị là Con Đức Chúa Trời, điều mà các nhà lãnh đạo đã nghe Ngài nói nhiều lần. Ngài đã xem mình ngang hàng với Đức Chúa Trời (*Giăng* 5:18) và đây là tội lộng ngôn, đáng tội chết (*Lê-vi Ký* 24:16). Chúa Giê-xu được sự bảo vệ của Đức Chúa Trời, nên Ngài thần nhiên bỏ đi, vì giờ Ngài chưa đến. Thật chúng ta phải kính phục sự dạn dĩ của Chúa khi Ngài bày tỏ chân lý và mời gọi những kẻ mộ đạo mù quáng tin nhận Ngài để được tự do.

Những người khó chinh phục nhất cho Đấng Christ là những người không nhận biết nhu cầu của mình. Họ đang ở dưới sự kết án của Đức Chúa Trời, vậy mà vẫn cứ cậy nơi lễ nghi tôn

giáo để mong được cứu. Họ đang bước đi trong sự tối tăm và không bước theo ánh sáng của sự sống. Họ đang “sống mà như đã chết” vì ách của tội lỗi. Dầu họ thực hiện những lễ nghi tôn giáo, họ vẫn đang sỉ nhục Cha và Con. Họ là những con người đóng đinh Chúa Giê-xu, và Ngài gọi họ là con cái của ma quỷ.

Còn bạn là con cái của ai? Phải chăng Cha bạn là Đức Chúa Trời vì bạn đã tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ vào đời sống? (*Giăng* 1:12-13). Hay Sa-tan là cha bạn vì bạn cậy nơi một sự công bình giả dối, sự công bình bởi việc làm, không phải sự công bình bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu?

Nếu Đức Chúa Trời là Cha bạn, thì thiên đàng là nhà bạn. Nếu Ngài không phải là Cha bạn, thì địa ngục sẽ là số phận dành cho bạn.

Đây thật sự là một vấn đề sống chết!



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 8

---

### Giảng 8

1. Cơ Đốc giáo thường gặp những chống đối nào?
2. Đọc các câu 1-11. Bằng cách nào những người Pha-ri-si gài bẫy Chúa Giê-xu?
3. Trong trường hợp này, Chúa có những lựa chọn nào?
4. Tại sao Chúa Giê-xu có thẩm quyền cho người đàn bà tà dâm ra đi?
5. Đọc các câu 12-20. Chúa muốn nói gì qua câu nói: "Ta là ánh sáng của thế gian"?
6. Cho biết những điểm chính trong lập luận của Chúa đối với người Pha-ri-si?
7. Chúa Giê-xu dùng những chứng cứ nào để hậu thuẫn cho quan điểm của Ngài?
8. Đọc các câu 21-30. Chúa Giê-xu tuyên bố điều gì về thần tính của Ngài?
9. Đọc các câu 31-59. Chúa dạy gì về tự do và nô lệ?
10. Người Do Thái phản ứng lại những điều dạy dỗ của Chúa bằng cách nào? Tại sao?
11. Bằng cách nào bạn có thể dùng lẽ thật trong Lời Chúa để trả lời các phản bác chống lại Cơ Đốc giáo?

## Sự Thách Thức Của Người mù

Giăng 9

Chúa chúng ta đã thực hiện nhiều phép lạ để đáp ứng nhu cầu con người. Mặt khác, Ngài cũng sử dụng những phép lạ ấy làm “bệ phóng” truyền đi sứ điệp về chân lý thuộc linh. Sau hết, những phép lạ của Ngài chính bằng cơ chứng tỏ Ngài thật sự là Đấng Mết-si-a. “Kẻ mù được thấy” là một trong những phép lạ về quyền phép của Đấng Mết-si-a (*Ma-thi-ơ* 11:5) như chúng ta sẽ thấy trong chương này. Chúa dùng phép lạ này làm cơ sở cho bài giảng ngắn về sự mù lòa thuộc linh (*Giăng* 9:39-41) và bài giảng dài hơn về người chần chừ thật và giả (*Giăng* 10:1-18).

Người chúng ta gặp ở chương Kinh Thánh này là người bị mù *thuở mới sinh*. Anh ta chưa bao giờ được ngắm xem vẻ đẹp sáng tạo của Đức Chúa Trời hay nhìn thấy gương mặt những người thân yêu của mình. Khi Chúa đến, mọi việc thay đổi, và chàng thanh niên được sáng mắt. Dầu vậy, phép lạ kỳ diệu nhất không phải là việc mở mắt người mù, nhưng là việc Chúa mở tấm lòng của anh để đến với Đấng Christ. Khi xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời anh mất tất cả, nhưng anh vẫn bằng lòng.



Cách dễ nhất để có thể hiểu sứ điệp của chương này là chúng ta nên theo dõi từng diễn biến trong nhận thức của người thanh niên này về Chúa Giê-xu.

## 1. “Người Mang Tên Giê-xu”

*Giăng 9: 1-12*

<sup>1</sup> Đức Chúa Jê-sus vừa đi qua, thấy một người mù từ thuở sanh ra. <sup>2</sup> Môn đồ hỏi Ngài rằng: Thưa thầy, ai đã phạm tội, người hay là cha mẹ người, mà người sanh ra thì mù như vậy? <sup>3</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Đó chẳng phải tại người hay tại cha mẹ đã phạm tội; nhưng ấy để cho những việc Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người. <sup>4</sup> Trong khi còn ban ngày, ta phải làm trọn những việc của Đấng đã sai ta đến; tối lại, thì không ai làm việc được. <sup>5</sup> Đương khi ta còn ở thế gian, ta là sự sáng của thế gian.

<sup>6</sup> Nói xong, Ngài nhổ xuống đất, lấy nước miếng trộn thành bùn, và đem xúc trên mắt người mù. <sup>7</sup> Đoạn, Ngài phán cùng người rằng: Hãy đi, rửa nơi ao Si-lô-ê (nghĩa là chịu sai đi). Vậy, người đi đến ao đó, rửa, và trở lại, thì được thấy rõ.

<sup>8</sup> Xóm giềng người mù và những kẻ trước kia từng thấy người đi ăn mày đều nói rằng: Này có phải là người vẫn ngồi ăn xin đó chăng? <sup>9</sup> Người thì nói: Ấy là hắn; kẻ lại nói: Không phải, song một người nào giống hắn. Người mù nói rằng: Chính tôi đây.

<sup>10</sup> Chúng bèn hỏi người rằng: Tại sao mắt người đã mở được? <sup>11</sup> Người trả lời rằng: Người tên gọi là Jê-sus kia đã hòa bùn, xúc mắt tôi, và nói rằng: Hãy đi đến rửa nơi ao Si-lô-ê. Vậy, tôi đi đến, rửa tại đó, rồi thấy được. <sup>12</sup> Chúng hỏi rằng: Người ấy ở đâu? Người trả lời rằng: Tôi không biết.

Vào thời ấy, việc duy nhất mà một người bị mù có thể làm được là đi ăn xin; và đây cũng là điều người mù này làm khi Chúa Giê-xu đi qua (*Giăng 9:8*). Chắc chắn ở đó có nhiều người mù mong được chữa lành nhưng Chúa chỉ chọn người ấy (xem *Lu-ca 4:25-27*). Rõ ràng người này và cha mẹ anh là người được mọi người xung quanh biết đến. Chúa chữa lành người mù ngay trong ngày Sa-bát (*Giăng 9:14*), như thế một lần nữa Ngài công khai khiêu khích các nhà lãnh đạo tôn giáo (*Giăng 5:9tt*).

Các môn đệ không xem người mù là đối tượng đáng thương nhưng như một đề tài cho cuộc tranh cãi về thần học. Con

người thật dễ dàng bàn luận một đề tài mơ hồ như “tội lỗi” hơn là sẵn sàng phục vụ nhu cầu của người khác. Họ tin chắc rằng sự mù lòa bẩm sinh của người này do tội lỗi của chính anh ta hoặc của cha mẹ anh, nhưng Chúa không hài lòng với tư tưởng của họ.

Xét cho cùng, mọi nan đề về thân thể con người đều là kết quả của tội lỗi chúng ta trong A-đam. Bởi sự bất tuân A-đam đã đem tội lỗi và sự chết vào thế gian (*Rô-ma* 5:12tt). Dầu vậy, phê phán bệnh tật nào đó do tội lỗi của một người nào đó không thuộc phạm vi và quyền hạn của con người. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể biết lý do những người sinh ra bị tàn tật, và chỉ có Ngài mới thay đổi những bệnh tật ấy trở nên nguồn phước hạnh cho con người để quy vinh hiển danh Ngài.

Chắc hẳn người này và cha mẹ anh có lúc đã phạm tội, nhưng Chúa không xem tội lỗi họ là nguyên nhân của sự mù lòa. Ngài cũng không phán rằng Đức Chúa Trời muốn người này mù lòa để rồi trong những năm sau đó Chúa Giê-xu có thể thực hiện một phép lạ. Vì trong các nguyên bản không có dùng các dấu chấm câu, nên chúng ta tự do đọc *Giăng* 9:3-4 cách này: “Đó chẳng phải tại người này hay tại cha mẹ đã phạm. Nhưng ấy để cho công việc của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người, trong khi còn ban ngày, ta phải làm trọn những việc của Đấng đã sai ta đến.”

Cách chữa lành của Chúa thật kỳ diệu: Ngài thoa bùn trên mắt người mù và bảo anh ta đi rửa. Trước đó Chúa đã chữa lành cho hai người mù chỉ bằng hành động rờ mắt họ (*Ma-thi-ơ* 9:27-31), và chữa cho một người mù khác bằng cách thấm nước miếng trên mắt người ấy (*Mác* 8:22-26). Dù vẫn là quyền năng chữa bệnh ấy, nhưng Chúa chữa bệnh theo những phương cách khác nhau. Nếu không, con người chỉ quan tâm đến cách chữa bệnh, và không nhận được sứ điệp của Ngài qua sự chữa bệnh.

Có ít nhất hai lý do Chúa dùng đến bùn đất. Thứ nhất, đây là hình ảnh về sự *Nhập Thể* của Chúa Giê-xu. Đức Chúa Trời



đã tạo dựng con người đầu tiên từ bụi đất và Ngài đã sai con Ngài đến trần gian như là một con người thật. Hãy chú ý trọng tâm ý nghĩa của thuật ngữ “Si-lô-ê” - “chịu sai đi.” Và liên hệ điều này với *Giăng* 9:4 “...những việc của Đấng đã sai ta đến” (cũng xem *Giăng* 3:17, 34; 5:36; 7:29; 8:18, 42). Chúa dùng hình ảnh đơn sơ này chỉ về việc Ngài được Cha sai đến thế gian.

Lý do hai, bùn đất là thứ gây *khó chịu*, thôi thúc người mù tin và vâng lời. Khi mắt bạn bị ngứa ngáy khó chịu, bạn sẽ tự nhiên lấy tay dụi vào mắt. Bạn có thể so sánh “sự khó chịu” này với sự cáo trách của Đức Thánh Linh khi Ngài dùng luật pháp Đức Chúa Trời để xét đoán tội nhân.

Nhưng sự chữa lành này lại dẫn đến vấn đề *xác nhận*: phải chăng người này thật sự là người ăn mày mù? Ai đã khiến người ấy thấy được? Cuối chương 9, mâu thuẫn càng gia tăng quanh hai thắc mắc ấy. Các lãnh đạo tôn giáo không muốn đối diện với sự thật rằng Chúa Giê-xu đã chữa lành cho người mù này, và anh ta đã nhìn thấy.

Ở chương này, người ta hỏi người mù đến bốn lần: *Làm thế nào* mắt người đã mở được? (*Giăng* 9:10, 15, 19, 26). Đó là những người hàng xóm và người Pha-ri-si. Chưa hài lòng với câu trả lời của người mù, người Pha-ri-si lại tiếp tục chất vấn cha mẹ anh và chính anh một lần cuối. Mọi điều này trông có vẻ đúng qui cách và hợp lý, nhưng đó là thủ đoạn né tránh của dân chúng và các nhà lãnh đạo. Người Pha-ri-si muốn xóa bỏ chứng cứ này, còn dân chúng sợ nói ra sự thật!

Họ đều đặt một câu hỏi không hợp lý! Lẽ ra họ không nên hỏi rằng “*Thế nào?*” nhưng phải hỏi “*Ai...?*” Nhưng chúng ta thường có khuynh hướng hỏi “*Thế nào?*” vì muốn hiểu được qui trình của một phép lạ thay vì chỉ tin nơi Đấng Christ, Đấng duy nhất có thể thực hiện phép lạ ấy. Ni-cô-đem muốn biết làm thế nào để trở vào lòng mẹ (3:4, 9). Dù có thể hiểu được qui trình của phép lạ, cũng không chắc rằng chúng ta đã kinh nghiệm được phép lạ ấy.

Khi được yêu cầu kể lại phép lạ, người mù được chữa lành này chỉ đơn giản kể những điều xảy ra. Anh ta chỉ biết người đã chữa lành cho mình “tên gọi là Giê-xu”. Anh chưa từng thấy Chúa, nhưng dĩ nhiên đã nghe được tiếng Ngài. Anh ta không biết gì về Chúa và cũng không biết Ngài đi đâu. Lúc này, anh được chữa lành nhưng vẫn chưa được cứu rỗi. Sự sáng đã lộ dạng, nhưng sẽ còn rạng rỡ hơn cho đến khi anh ta gặp được mặt Chúa và thờ phượng Ngài (xem *Châm Ngôn* 4:18).

Có ít nhất mười hai lần trong *Phúc Âm Giảng*, Chúa Giê-xu được gọi là “người” (xem *Giăng* 4:29; 5:12; 8:40; 9:11, 24; 10:33; 11:47, 50; 18:14, 17, 29; 19:5). Sứ đồ Giảng khẳng định Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời, đồng thời ông cũng nhắc nhở chúng ta rằng Chúa Giê-xu là con người thật. Sự nhập thể của Ngài không phải là một ảo ảnh (*I Giăng* 1:1-4).

## 2. “Một Đấng Tiên Tri”

*Giăng* 9:13-23

<sup>13</sup> Chúng dẫn người trước đã mù đó đến cùng người Pha-ri-si. <sup>14</sup> Và, ấy là ngày Sa-bát mà Đức Chúa Jê-sus đã hòa bùn và mở mắt cho người đó. <sup>15</sup> Người Pha-ri-si lại hỏi người thế nào được sáng mắt lại. Người rằng: Người ấy rà bùn vào mắt tôi, tôi rửa rồi thấy được. <sup>16</sup> Có mấy kẻ trong những người Pha-ri-si bèn nói rằng: Người nầy không phải từ Đức Chúa Trời đến đâu, vì không giữ ngày Sa-bát. Nhưng kẻ khác rằng: Một kẻ có tội làm phép lạ như vậy thế nào được? Rồi họ bèn chia phe ra. <sup>17</sup> Bấy giờ chúng hỏi người mù nữa rằng: Còn người, về người đã làm sáng mắt người đó, thì người nói làm sao? Người trả lời rằng: Ấy là một đấng tiên tri.

<sup>18</sup> Song le, người Giu-đa không tin rằng người ấy trước đã mù mà được sáng lại, cho đến khi gọi cha mẹ người đến. <sup>19</sup> Họ gạn hỏi rằng: Đây có quả thật là con trai các người mà các người nói rằng nó mù từ thuở sanh ra chăng? Thế thì, sao bây giờ nó sáng vậy? <sup>20</sup> Cha mẹ người trả lời rằng: Chúng tôi nhìn biết là con trai chúng tôi đó đã mù từ thuở sanh ra; <sup>21</sup> nhưng hiện nay tại làm sao thấy được, thì chúng tôi không rõ. Chúng tôi cũng không biết ai mở mắt nó nữa. Hãy hỏi nó, nó đã đủ tuổi, chính nó sẽ nói cho. <sup>22</sup> Cha mẹ người nói vậy, vì sự dân Giu-đa; bởi dân Giu-đa đã định rằng hề ai xưng Đức Chúa Jê-sus là Đấng Christ, thì phải bị đuổi ra khỏi nhà hội. <sup>23</sup> Ấy vì cơ đó nên cha mẹ người nói rằng: Nó đã đủ tuổi, hãy hỏi nó.



Những người Pha-ri-si vốn là bảo vệ niềm tin tôn giáo, nên việc chất vấn người được chữa lành là điều hợp lẽ. Họ tìm hiểu về phép lạ này hết sức chi tiết, và đây chính là bằng cứ chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu thật đã chữa lành người mù. Vì người đó vốn mù lòa từ lúc mới sinh, phép lạ càng kỳ diệu hơn. Vì nếu người này bị mù vì bệnh tật hoặc vì bị thương, mắt của anh ta có thể bất ngờ hồi phục. Kẻ thù Chúa luôn xem xét tỉ mỉ những phép lạ Ngài thực hiện.

Nhưng việc Chúa chữa lành người mù trong ngày Sa-bát khiến người Pha-ri-si hết sức chú ý. Làm việc trong ngày Sa-bát là phạm luật, vì vậy qua hành động hòa bình, xúc bình và chữa lành người mù, Chúa Giê-xu bị xem là đã làm ba lần phạm luật! Thay vì phải ngợi khen Đức Chúa Trời, người Pha-ri-si cố tìm chứng cứ để bắt bớ Chúa Giê-xu.

Khi con người không muốn đối diện với sự thật nhưng lần tránh vấn đề vì sợ hãi (*Giăng* 9:22), thì không thể nào có một kết luận thống nhất được. Lần nữa, Chúa Giê-xu là nguyên nhân của sự chia rẽ (9:16; 7:12, 13). Các lãnh đạo tôn giáo xét đoán trên cơ sở duy nhất: không ai phạm luật Sa-bát có thể là tiên tri thật của Đức Chúa Trời. Họ là những con người có suy nghĩ phiến diện, chẳng khác gì một số người trong giáo hội hôm nay. Người Pha-ri-si không biết rằng Chúa Giê-xu muốn ban cho dân chúng một điều kỳ diệu hơn cả ngày Sa-bát, đó là sự yên nghỉ thuộc linh từ Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 11:28-30).

Người mù được lành không sợ hãi trước sự ngăm đe của người Pha-ri-si. Khi được hỏi về suy nghĩ của bản thân đối với Chúa Giê-xu, anh ta dạn dĩ đáp “Ấy là một đấng tiên tri” (*Giăng* 9:17, 4:19). Một số tiên tri thời Cựu Ước như Môi-se, Ê-li, Ê-li-sê đã làm được phép lạ. Dân Do Thái xem các tiên tri như người thuộc về Đức Chúa Trời, có thể làm những việc kỳ diệu bởi quyền năng Đức Chúa Trời ban cho.

Nhưng các lãnh đạo tôn giáo không muốn người ta tôn Chúa bằng danh hiệu cao quý ấy: “Người này không phải từ

Đức Chúa Trời đến đâu...” (Giăng 9:16). Có lẽ, họ có thể khiến người ta không tin phép lạ Ngài. Nếu vậy, họ sẽ rao với mọi người rằng Ngài đã lập mưu lừa dối dân chúng. Ngài đã khéo léo tráo đổi những người ăn mày, người được chữa lành này không phải là người ăn mày vốn mù lòa từ lúc mới sinh.

Cách hay nhất để tạo được chứng cứ giả dối trên, là chất vấn cha mẹ của người ăn xin này. Họ gọi hai ông bà vào và hỏi hai câu (1) “Đây có quả thật là con trai các người... chăng?” và (2) “Thế thì sao bây giờ nó sáng vậy?” Nếu ông bà không trả lời câu hỏi nào, ông bà sẽ gặp rắc rối. Nếu ông bà trả lời ngược lại sự mong đợi của các lãnh đạo, ông bà cũng gặp trở ngại. Thật là nan giải!

Họ từ tốn đáp câu thứ nhất: Đó là con trai của họ, và nó mù từ lúc mới sinh (Giăng 9:20). Nhưng ở câu hỏi thứ hai, họ trả lời một cách tránh né: họ không biết con trai mình được chữa lành như thế nào, và cũng không biết người nào đã chữa lành (Giăng 9:21). Sau đó, họ dùng chiến thuật “đùn đẩy” bằng cách yêu cầu các người Pha-ri-si hỏi trực tiếp con trai họ, vì dù sao “nó đã đủ tuổi!”

Điều gì ở đằng sau sự chất vấn và những câu trả lời khôn khéo ấy? Đó là vì sợ con người. Chúng ta đã thấy điều này trong lễ Lễ Tạ (Giăng 7:13) và sẽ gặp lại lần nữa trong lễ Vượt Qua cuối cùng của Chúa (12:42). Những người này muốn tìm sự tôn trọng của con người, không phải tôn trọng từ Đức Chúa Trời (5:44). Chắc hẳn, bị dứt phép thông công trong nhà hội là điều quan trọng, nhưng chối bỏ chân lý và bị hư mất đời đời là điều còn tệ hại hơn nhiều! “Sợ sợ loài người gài bẫy” (Châm Ngôn 29:25). Người Pha-ri-si muốn gài bẫy Chúa Giê-xu, và cha mẹ của người mù cố tránh cái bẫy khác, nhưng tất cả đang mắc bẫy của chính mình! Ông bà ấy lẽ ra nên hành động theo lời khuyên ở Ê-sai 51:7, 12.

Người Pha-ri-si có thể khoe khoang về địa vị của họ. Dầu sao, họ đã có Luật Pháp Môi-se cũng như truyền thống Do Thái hằng bao thế kỷ qua. Nhưng họ không hiểu rằng Chúa



## 144 / Giảng

Giê-xu đã làm trọn mọi sự luật pháp đòi hỏi và giờ đây Ngài đang đem đến một điều mới mẻ. Thời Môi-se là thời kỳ chuẩn bị; nhưng vào kỳ Chúa Giê-xu, mọi sự được hoàn tất (*Giăng* 1:17).

### 3. “Người Của Đức Chúa Trời”

*Giăng* 9:24-34

<sup>24</sup> Vậy, người Pha-ri-si gọi người trước đã mù một lần nữa, mà nói rằng: Hãy ngợi khen Đức Chúa Trời, chúng ta biết người đó là kẻ có tội. <sup>25</sup> Người trả lời rằng: Tôi chẳng biết người có phải là kẻ có tội chẳng, chỉ biết một điều, là tôi đã mù mà bây giờ lại sáng. <sup>26</sup> Họ lại hỏi rằng: Người đã làm điều gì cho người? Mở mắt người thế nào? <sup>27</sup> Người trả lời rằng: Tôi đã nói với các ông rồi, mà các ông chẳng nghe tôi. Cớ sao các ông muốn nghe lại lần nữa? Há cũng muốn làm môn đồ người chẳng? <sup>28</sup> Họ bèn mắng nhiếc người, mà rằng: Ấy, chính người là môn đồ người; còn chúng ta là môn đồ của Môi-se. <sup>29</sup> Chúng ta biết Đức Chúa Trời đã phán cùng Môi-se, nhưng người này, thì chúng ta chẳng biết bởi đâu đến. <sup>30</sup> Người trả lời rằng: Người đã mở mắt tôi, mà các ông chẳng biết người bởi đâu đến, ấy là sự lạ lắm! <sup>31</sup> Chúng ta vẫn biết Đức Chúa Trời chẳng nhậm lời kẻ có tội, mà nếu ai kính sợ Đức Chúa Trời, làm theo ý muốn Ngài, thì Ngài nhậm lời. <sup>32</sup> Người ta chẳng bao giờ nghe nói có ai mở mắt kẻ mù từ thuở sanh ra. <sup>33</sup> Nếu người này chẳng phải đến từ Đức Chúa Trời, thì không làm gì được hết. <sup>34</sup> Chúng trả lời rằng: Cả mình người sanh ra trong tội lỗi, lại muốn dạy dỗ chúng ta sao! Đoạn, họ đuổi người ra ngoài.

Nôn nóng muốn xét xử, người Pha-ri-si gọi người mù được chữa lành vào, và lần này họ bắt anh phải thề. “Hãy ngợi khen Đức Chúa Trời” (*Giăng* 9:24b), là hình thức thề của người Do Thái tại tòa xét xử (*Giô-suê* 7:19). Tuy nhiên, các quan tòa này tác động đến mọi người ngay từ đầu! “Chúng ta biết người đó là kẻ có tội!” Họ muốn khuyên anh ta nên hợp tác với tòa án, nếu không, anh ta có thể bị rút phép thông công. Nhưng người này vốn kiên quyết chứ không nhút nhát. Từng kinh nghiệm một phép lạ, anh không ngại gì kể lại cho họ mọi điều đã xảy ra.

Anh ta không đề cập đến tính cách Chúa Giê-xu, vì điều đó không thuộc hiểu biết và kinh nghiệm của anh. Anh chỉ biết một điều duy nhất: giờ đây anh có thể nhìn thấy. Lời chứng

của anh (*Giăng* 9:25) khiến tôi nhớ đến đoạn *Thi Thiên* 27. Mời bạn đọc *Thi Thiên* này trong tinh thần của *Giăng* 9. Với quan điểm của người được chữa lành, hãy xem chương Kinh Thánh ấy có ý nghĩa biết bao!

Đến lần thứ tư, câu hỏi được đặt ra “Người mở mắt người thế nào?” (xem *Giăng* 9:10, 15, 19; 26). Tôi có thể hình dung người được chữa lành trở nên nôn nóng vào lúc này. Xét cho cùng, anh đã từng sống trong tối tăm mù lòa, và giờ đây anh có nhiều điều anh cần được xem. Hẳn anh không muốn mất thời gian trong một tòa án của nhà hội, nhìn những bộ mặt giận dữ và phải trả lời những câu hỏi cù rích!

Chúng ta thật khâm phục sự dạn dĩ của người này vì anh đã hỏi những người Pha-ri-si câu gắt kia rằng họ có muốn đi theo Chúa Giê-xu hay không. Biết trước họ sẽ chối từ, nhưng anh vẫn dạn dĩ hỏi họ điều ấy. Không thể bẻ bác được chứng cứ, các quan tòa bắt đầu rửa sả kẻ làm chứng; và một lần nữa Môi-se bị đem ra đối chứng (*Giăng* 5:46). Người Pha-ri-si thậm trọng tự cho mình là người bảo thủ, nhưng thật ra họ là kẻ “thủ cựu.” Người bảo thủ thực sự sẽ xem xét những điều tốt đẹp nhất trong quá khứ và vận dụng chúng, đồng thời cũng hiểu biết về những điều mới mẻ Đức Chúa Trời đang hành động. Những điều mới nảy sinh từ những điều cũ kỹ (*Ma-thi-ơ* 13:52). Người thủ cựu chỉ giữ lại những gì thuộc quá khứ, và bảo vệ nó. Người này không muốn có sự thay đổi nào và chống lại những điều mới mẻ Đức Chúa Trời đang hành động. Nếu người Pha-ri-si thật sự hiểu về Môi-se, có lẽ họ đã biết Chúa Giê-xu và công việc của Ngài.

Các lãnh đạo biết rõ về Môi-se, nhưng không biết gì về Chúa Giê-xu. Họ không biết nguồn gốc của Ngài từ đâu. Chính Ngài đã cho họ biết Ngài từ thiên đàng do Cha trên trời sai đến (*Giăng* 6:33,38,41-42, 50-51). Họ cho rằng Ngài là con ruột của Ma-ri và Giô-sép, người Na-xa-rét (*Giăng* 6:42; 7:41-42). Họ chỉ xét đoán “theo xác thịt” (*Giăng* 8:15), không có cái nhìn sâu sắc về thuộc linh.



Đối với người được chữa lành, anh không thể ngờ rằng những người Pha-ri-si lại không biết ai đã mở mắt cho anh! Đã có mấy ai đi trong thành Giê-ru-sa-lem mở mắt người mù được? Thay vì tìm hiểu về phép lạ, các lãnh đạo tôn giáo này lẽ ra nên tìm hiểu Đấng đã thực hiện phép lạ để biết Ngài. Các “chuyên gia” này muốn bỏ đi Hòn Đá được ban xuống cho họ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:12).

Người ăn xin mù đã dạy cho các “chuyên gia” kia một bài thần học thực dụng. Có lẽ anh nhớ đến *Thi Thiên* 66:18 “Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi.” Chúa Giê-xu bị họ gọi là kẻ có tội (*Giăng* 9:24), nhưng Ngài đã được Đức Chúa Trời sử dụng để mở mắt người mù này.

Anh cũng lý luận thêm: chính Chúa Giê-xu đã chữa lành một người mù từ thuở lọt lòng mẹ. Đối với mọi người, điều này chưa từng xảy ra trước đó. Đức Chúa Trời không chỉ nhậm lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu mà còn ban cho Ngài quyền năng để khiến người mù được sáng mắt. Như vậy, làm sao có thể nói Chúa Giê-xu là người có tội được?

Những kẻ cuồng tín này không muốn đối diện với chứng cứ hay lý lẽ hợp lý nào, bởi lòng họ đã cứng cổ. Nếu người Pha-ri-si thật lòng suy xét mọi việc, họ sẽ biết rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, Đấng họ phải nhờ cậy để được cứu rỗi. Các nhà lãnh đạo lại sỉ vả người được chữa lành và xem anh ta là kẻ “sinh trong tội lỗi”. Dầu vậy, anh ta sẽ không chết trong tội lỗi mình (*Giăng* 8:21, 24) vì ở cuối đoạn này, anh đã tin nhận Chúa Giê-xu. Chúng ta thấy đều sinh ra trong tội lỗi (*Thi Thiên* 51:5), nhưng không nhất thiết phải sống trong tội lỗi (*Cô-lô-se* 3:6-7) hoặc chết trong tội lỗi. Đức tin nơi Chúa Giê-xu sẽ cứu chúng ta khỏi tội và ban cho chúng ta sống tự do đầy vui mừng.

Các lãnh đạo tôn giáo chính thức khai trừ người mù ra khỏi nhà hội. Như vậy, anh ta đã bị phân cách khỏi bạn hữu, gia đình và bị dân Do Thái xem như “kẻ thù thuế và kẻ có tội”. Nhưng Chúa Giê-xu đã đến với những người bị ruồng bỏ, Ngài chẳng bao giờ để họ thất vọng.

#### 4. Con Đức Chúa Trời

*Giăng 9:35-41*

<sup>35</sup> Đức Chúa Jêsus nghe họ đã đuổi người ra, và Ngài có gặp người, bèn phán hỏi rằng: Người có tin đến Con Đức Chúa Trời chăng? <sup>36</sup> Người thưa rằng: Thưa Chúa, người là ai, hầu cho tôi tin đến? <sup>37</sup> Đức Chúa Jêsus phán rằng: Người đã thấy người, và ấy là chính người đương nói cùng người. <sup>38</sup> Người thưa rằng: Lạy Chúa, tôi tin; bèn sấp mình xuống trước mặt Ngài.

<sup>39</sup> Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Ta đã đến thế gian để làm sự phán xét nầy: Hễ ai chẳng thấy, thì thấy; còn ai thấy, lại hóa mù. <sup>40</sup> Mấy người Pha-ri-si bên cạnh Ngài, nghe điều đó, thì nói với Ngài rằng: Còn chúng ta cũng là kẻ mù chăng? <sup>41</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Nếu các người là kẻ mù, thì không có tội lỗi chi hết; nhưng vì các người nói rằng: Chúng ta thấy, nên tội lỗi các người vẫn còn lại.

Người Chăn Chiên hiền lành luôn luôn chăm sóc bầy chiên mình. Chúa Giê-xu biết người được chữa lành đã bị dứt phép thông công, nên Ngài tìm anh để tỏ cho anh về chính Ngài. Bạn nên nhớ rằng anh này nhận ra tiếng nói của Chúa, nhưng chưa hề thấy mặt Ngài.

Giờ đây, sự hiểu biết về Chúa Giê-xu và đức tin của anh này đã đạt đến mức độ cao nhất. Nếu chỉ biết rằng Ngài “tên gọi là Giê-xu” thậm chí là “đấng tiên tri” hay “Người của Đức Chúa Trời”, điều đó vẫn chưa đủ! “Ai tin Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ thì sinh bởi Đức Chúa Trời” (*I Giăng 5:1*). *Giăng* viết Phúc Âm này để chứng minh Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, đồng thời trình bày cho độc giả những chứng cứ về những con người đã gặp Chúa Giê-xu, khẳng định Ngài là Con Đức Chúa Trời. Người ăn xin mù này là một trong số những chứng nhân ấy.

Chúa Giê-xu xưng Ngài là Con Đức Chúa Trời (xem *Giăng 9:35; 5:25*). Người ăn xin tin điều ấy và anh đã được cứu (*9:38*) “Chiên ta nghe tiếng ta” (*10:27*). Người ăn xin không ở tình trạng “thấy rồi tin”, nhưng *nghe* và tin. Không chỉ tin nơi Đấng Christ, anh ta còn thờ lạy Ngài. Nếu Chúa Giê-xu không phải là Đức Chúa Trời, vậy tại sao Ngài chấp nhận sự thờ phượng ấy? Sứ đồ Phi-e-rơ, Phao-lô, Ba-na-ba hẳn đã không chấp nhận



người khác thờ lạy họ như vậy (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:25-26; 14:11-15).

Giăng Báp-tít từng khẳng định Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (*Giăng* 1:31), Na-tha-na-ên cũng vậy (1:49). Chúa Giê-xu tuyên bố về Ngài với danh xưng “Con Đức Chúa Trời” (*Giăng* 5:25; 9:35), Phi-e-rơ xác nhận điều ấy (*Giăng* 6:69). Giờ đây người ăn xin mù được chữa lành đã gia nhập vào nhóm chứng nhân ấy.

Khi Chúa đi đến đâu, người Pha-ri-si đều tìm đến mong có thể bắt bẻ Ngài trong lời nói và việc làm. Hiểu lòng họ, Chúa Giê-xu kết thúc cảnh này bằng một bài giảng ngắn gọn nhưng sâu sắc về sự mù lòa thuộc linh.

*Giăng* 9:39 không hề mâu thuẫn với 3:16-17. Mục đích Chúa đến thế gian là để cứu rỗi con người, nhưng kết quả của việc Ngài đến thế gian khiến một số kẻ không tin sẽ bị kết án. Cùng một mặt trời khiến cho hạt giống nảy nở kết quả, nhưng cũng soi rõ sâu bọ dưới những khe đá. Các lãnh đạo tôn giáo mù lòa và không muốn tiếp nhận mặt trời ấy. Vì vậy, ánh sáng của chân lý càng khiến họ mù lòa hơn. Người ăn xin tiếp nhận hạt giống của Chúa nên anh được sáng mắt cả về thuộc thể lẫn thuộc linh. Không ai mù lòa bằng kẻ không muốn thấy, là kẻ cho rằng mình hiểu mọi chân lý và không cần học gì nữa (9:28, 34).

Người Pha-ri-si lắng nghe Chúa, và sự giảng dạy của Ngài đụng chạm đến họ. Họ liền hỏi “Còn chúng ta cũng là kẻ mù chăng?” Họ hỏi và mong một câu trả lời phủ định. Chúa Giê-xu từng gọi họ là “kẻ mù dẫn đưa kẻ mù” (*Ma-thi-ơ* 15:14) vì vậy họ biết câu trả lời. Họ đã bị mù lòa bởi lòng kiêu ngạo, bởi tự xưng công bình, bởi truyền thống và cách giải nghĩa sai Lời Đức Chúa Trời.

Câu trả lời của Chúa Giê-xu tựa như một nghịch lý. “Nếu các ngươi là kẻ mù, thì không có tội lỗi chi hết, nhưng vì các ngươi nói rằng: chúng ta thấy, nên tội lỗi các ngươi vẫn còn lại” (*Giăng* 9:11). Sự mù lòa ít ra cũng biện minh cho sự không

hay biết những điều đang xảy ra. Nhưng những chức sắc này *thật* biết những điều đang xảy ra. Chúa đã thực hiện nhiều phép lạ, vậy mà họ chẳng để tâm đến chứng cứ ấy hầu có một quyết định đúng đắn.

Chúa Giê-xu là sự sáng của thế gian (*Giăng* 8:12; 9:5). Người nào không nhìn thấy ánh sáng, đó là người mù. Những ai không muốn nhìn, người ấy đã làm cho bản thân trở nên mù lòa. Người ăn xin bị mù về thể xác lẫn tâm linh, nhưng sau đó đôi mắt và tấm lòng của anh được mở ra. Vì sao? Bởi anh đã lắng nghe Lời Chúa, tin theo, vâng lời và kinh nghiệm được ơn phước Đức Chúa Trời. Còn người Pha-ri-si tuy có đôi mắt thuộc thể tốt lành nhưng đôi mắt tâm linh đã mù lòa. Nếu họ lắng nghe lời Chúa và thật tâm suy xét chứng cứ, họ cũng sẽ tin Chúa Giê-xu và được tái sinh.

Người Pha-ri-si đã “thấy” theo nghĩa nào? Họ thấy sự thay đổi của người ăn xin mù lòa và không thể phủ nhận sự lành bệnh của anh ta. Họ thấy những công việc kỳ diệu Chúa Giê-xu thực hiện. Ngay cả Ni-cô-đem, là người trong số họ cũng tỏ ra ngạc nhiên trước những phép lạ ấy (*Giăng* 3:2). Nếu họ xem xét chứng cứ ấy thành thật, hẳn họ đã hiểu lẽ thật. “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, sẽ biết đạo lý ta” (*Giăng* 7:17). “Các người không muốn đến cùng ta để được sự sống!” (*Giăng* 5:40).

Chương 10 là phần tiếp theo bài giảng của Chúa dành cho những người Pha-ri-si. Câu chuyện người mù được chữa lành là nền tảng cho bài giảng này (*Giăng* 10:21). Thật vậy, từ “đuổi ra” ở *Giăng* 9:35 được dịch là “đem ra” ở *Giăng* 10:4. Người mù bị đuổi ra khỏi nhà hội, nhưng được Đấng Chấn Chiên Hiền Lành nhận lấy và đem vào đàn chiên của Ngài. Trọng tâm của chương 10 sắp đến nói về Chúa Giê-xu, Người Chấn Chiên Hiền Lành và chân thật, khác với những người Pha-ri-si là kẻ chặn giã.

Chúng ta không gặp lại người mù được chữa lành này nữa, nhưng chắc hẳn anh đã theo Chúa Giê-xu và gia nhập vào



## 150 / Giảng

nhóm chứng nhân của Chúa. Mong rằng anh ta có thể đem cha mẹ đang sợ hãi của mình đến với Chúa Giê-xu. Bị dứt phép thông công khỏi nhà hội hấn là một kinh nghiệm đau buồn đối với anh, nhưng chắc chắn anh đã tìm thấy sự trợ giúp và khích lệ về tâm linh rất nhiều trong mỗi giao thông với Chúa Giê-xu Christ, điều mà anh chưa từng có qua những nghi lễ của Do Thái giáo.

Ngày nay, vẫn có những con người đứng trước sự lựa chọn giữa Đấng Christ và gia đình, hoặc giữa Đấng Christ và tôn giáo truyền thống của họ. Người mù này đã có sự lựa chọn đúng đắn, dù cái giá phải trả rất đắt.

“Nhưng con đường người công bình giống như sự sáng chiếu rạng,

Càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa” (*Châm Ngôn 4:18*).

## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 9

---

#### *Giảng 9*

1. Những đề tài nào thường được đem ra bàn cãi?
2. Chúa Giê-xu trả lời thế nào về vấn đề thần học liên quan đến người mù từ lúc mới sinh?
3. Mối quan tâm chính của Chúa Giê-xu khi thấy người mù là gì?
4. Cũng như người đàn bà Sa-ma-ri ở giếng nước, người mù phải trải qua nhiều bước để hiểu được Chúa Giê-xu là ai. Các bước đó là gì?
5. Tại sao những lãnh đạo tôn giáo tuy đã được đào luyện kỹ vẫn không nhận biết Đấng Christ là ai?
6. Cho biết sự khác nhau giữa thái độ của người mù và thái độ của người Pha-ri-si đối với Chúa Giê-xu?
7. Tại sao người mù bị trục xuất khỏi Do Thái giáo?
8. Chúa Giê-xu phản ứng ra sao đối với sự trục xuất này?
9. Các môn đồ chỉ muốn bàn cãi về nguyên nhân của bệnh mù? – còn Chúa Giê-xu chỉ muốn chăm sóc người mù? Bạn giống ai nhất? Tại sao?
10. Bằng cách nào bạn có thể sống trong tuần này?



## Người Chăn Hiền Lành Và Bầy Chiên

Giăng 10

Có lẽ bạn nhớ chương trình TV “Candid Camera” diễn ra tại một trường dự bị đại học đặc biệt, nơi các sinh viên đều có trình độ cao hơn trung bình. Các nhân viên chương trình “Candid Camera” với tư cách là cố vấn nghề nghiệp, hướng dẫn các sinh viên ưu tú này chọn lựa ngành nghề thích hợp nhất cho mình. Họ dựa trên các bài trắc nghiệm và phỏng vấn rất đáng tin (đối với sinh viên) để chỉ dẫn các sinh viên.

Một sinh viên nọ nôn nóng chờ đợi “lời phán quyết” của nhà cố vấn. Cậu hy vọng nhà cố vấn sẽ khuyên mình trở thành hiệu trưởng của một trường đại học, chủ tịch ngân hàng, hoặc là một nhà nghiên cứu khoa học. Nhưng không, người cố vấn không nghĩ như vậy. Nếu bạn nhìn thấy vẻ mặt cậu ta khi nghe những lời này: “Này cậu, sau khi xem xét bài trắc nghiệm và phỏng vấn cậu, tôi cho rằng nghề thích hợp nhất dành cho cậu là - nghề chăn chiên.”

Sinh viên này không biết nên cười hay khóc. Có ai muốn mình trở thành một gã chăn chiên đâu? Tại sao phải phí cuộc đời vì “lũ chiên ngu ngốc” đến độ không biết đường về nhà?

*Phúc Âm Giăng 10:1-42* tập trung vào hình ảnh bầy chiên, chuồng chiên và người chăn chiên. Đây là hình ảnh rất nông thôn đượm màu sắc Đông phương, nhưng cũng là hình ảnh

đầy ý nghĩa đối với chúng ta hôm nay và cả thế giới công nghiệp hóa này nữa. Phao-lô đã dùng hình ảnh này khi khuyên nhủ những người lãnh đạo Hội Thánh Ê-phê-sô (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:28). Những chân lý xoay quanh hình ảnh người chăn chiên và bầy chiên luôn xuất hiện suốt Kinh Thánh, rất ý nghĩa với chúng ta hôm nay. Những hình ảnh được Chúa sử dụng giúp ta hiểu Ngài là ai và Ngài muốn làm gì cho chúng ta.

Để tiếp cận với chương Phúc Âm hơi khó hiểu này, ta hãy chú ý đến ba lời tuyên bố của Chúa Giê-xu về chính Ngài.

### 1. “Ta Là Cái Cửa”

*Giăng* 10:1-10

<sup>1</sup> Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, kẻ nào chẳng bởi cửa mà vào chuồng chiên, nhưng trèo vào từ nơi khác, thì người đó là trộm cướp. <sup>2</sup> Nhưng kẻ bởi cửa mà vào, là người chăn chiên. <sup>3</sup> Người canh cửa mở cho, chiên nghe tiếng người chăn; người chăn kêu tên chiên mình mà dẫn ra ngoài. <sup>4</sup> Khi người đã đem chiên ra hết, thì đi trước, chiên theo sau, vì chiên quen tiếng người. <sup>5</sup> Nhưng chiên chẳng theo người lạ; trái lại, nó chạy trốn, vì chẳng quen tiếng người lạ. <sup>6</sup> Đức Chúa Jêsus phán lời ví dụ đó, nhưng chúng không hiểu Ngài muốn nói chi.

<sup>7</sup> Đức Chúa Jêsus lại phán cùng họ rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, ta là cửa của chiên. <sup>8</sup> Hết thấy những kẻ đã đến trước ta đều là quân trộm cướp; nhưng chiên không nghe chúng nó. <sup>9</sup> Ta là cái cửa: Nếu ai bởi ta mà vào, thì sẽ được cứu rỗi; họ sẽ vào ra và gặp đồng cỏ. <sup>10</sup> Kẻ trộm chỉ đến để cướp giết và hủy diệt; còn ta đã đến, hầu cho chiên được sự sống, và được sự sống dư dật.

Chúa giảng bài này khi đối đầu với các lãnh đạo Do Thái, sau khi người mù bị dứt phép thông công khỏi nhà hội (chương 9). Ngài đã nói tóm tắt với họ về sự sáng và sự tối tăm, nhưng giờ đây Ngài chuyển sang hình ảnh người chăn chiên và bầy chiên. Vì sao? Bởi người Do Thái quan niệm rằng “người chăn chiên” giống như một lãnh đạo về thuộc linh hoặc chính trị. Vua và các tiên tri được xem như những “người chăn chiên”. Dân Y-sơ-ra-ên được đặc ân làm “bầy chiên của Chúa” (*Thi Thiên* 100:3). Để biết thêm, bạn có thể đọc *Ê-sai* 56:9-12;



## 154 / Giảng

*Giê-rê-mi* 23:1-4; 25:32-38; *Ê-xê-chi-ên* 34:1-31; *Xa-cha-ri* 11:1-17.

Chúa mở đầu bài giảng bằng một hình ảnh rất quen thuộc và dễ hiểu với mọi người (*Giăng* 10:1-6). Chuồng chiên thường là một mảnh đất được rào kín bằng những tảng đá, có cửa ra vào. Vào đêm, người chăn chiên (hoặc người canh cửa) sẽ canh giữ bầy chiên bằng cách nằm chắn ngang cửa chuồng. Các bầy chiên khác nhau thường ở chung trong một chuồng. Vào buổi sáng, những người chăn đến gọi chiên mình và tập trung chúng lại. Mỗi con chiên đều nhận biết tiếng của chủ nó.

Người chăn chiên thật sẽ đi vào qua cửa chuồng, và người gác cửa chuồng nhận biết người ấy. Kẻ trộm cướp không thể qua cửa chiên nên phải dùng thủ đoạn trèo tường vào. Dù chúng vào được, cũng không thể dẫn dụ chiên vì chiên chỉ nghe theo tiếng chủ nó. Kẻ chăn giả không thể dẫn dắt được bầy chiên, nên phải cướp chúng đi.

Rõ ràng những kẻ nghe Chúa giảng không hiểu điều Ngài nói cũng như lý do Ngài nói điều đó. (Từ “ví dụ” hay “dụ ngôn” (parable) có nghĩa là câu nói có ẩn ý – ví dụ của Chúa ở chương 10 này không giống những câu chuyện được chép ở ba Phúc Âm khác). Chúa dạy điều này khi người mù ăn xin bị dứt phép thông công khỏi nhà hội (*Giăng* 9:34). Những kẻ chăn giả không quan tâm đến anh ta, ngược lại đã đối xử tàn nhẫn và đuổi anh đi. Chúa Giê-xu, Người Chăn Chiên thật đã đến và tiếp nhận anh ta (9:35-58).

Tiếp thay, *Giăng* 10:1 thường được dùng để giải thích rằng chuồng chiên là nơi trên trời và những ai vào đó không bởi Chúa Giê-xu đều bị hư mất. Điều này đúng (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:12) nhưng không phải căn cứ trên câu này. Chúa Giê-xu giải thích rõ rằng chuồng chiên là dân tộc Y-sơ-ra-ên (*Giăng* 10:16), người ngoại là bầy “chiên khác” không thuộc “chuồng” Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã đến với dân tộc Y-sơ-ra-ên theo cách đã ấn định,

như lời tiên tri trong Kinh Thánh. Mọi người chăn bầy thật phải được Đức Chúa Trời kêu gọi và sai đi. Nếu người chăn nói ra Lời Đức Chúa Trời, chiên sẽ nghe tiếng người ấy và không ngại đi theo. Người chăn thật sẽ yêu thương và chăm sóc chiên mình.

Vì dân chúng không hiểu ngôn ngữ biểu tượng của Chúa nên Ngài tiếp tục minh họa kết hợp với một áp dụng *thực tiễn* (*Giăng* 10:7-10). Hai lần Ngài phán “Ta là cửa của chiên”. Ngài là Cánh Cửa chuồng chiên, và có thể khiến chiên rời khỏi chuồng (Do Thái giáo) và *nhập vào* bầy của Ngài. Người Pha-ri-si đuổi người ăn xin ra khỏi nhà hội, nhưng Chúa Giê-xu đã *dắt* người ấy ra khỏi Do Thái giáo để gia nhập vào bầy chiên Đức Chúa Trời!

Người chăn không chỉ dắt chiên đi mà còn dẫn chiên về. Những chiên ấy đã thuộc “một bầy” (không phải “chuồng”), đó là Hội Thánh Ngài. Ngài là cửa cứu rỗi (*Giăng* 10:9), nên ai tin nhận Ngài sẽ thuộc về bầy chiên và chuồng chiên của Chúa, được hưởng đặc ân kỳ diệu khi “vào ra và gặp đồng cỏ”. Khi thật sự hiểu rằng người chăn là “cửa” của chiên, bạn sẽ thấy hình ảnh này rất sống động.

Là Cánh Cửa, Chúa Giê-xu có thể giải thoát tội nhân khỏi ách tội mọi và dắt họ vào sự tự do. Họ có sự cứu rỗi! “Được cứu” nghĩa là được cứu thoát cách bình an và chắc chắn. Từ này thường được dùng để chỉ về một người đã bình phục sau một căn bệnh trầm kha, vượt qua một cơn bão ác liệt, sống sót sau cuộc chiến, hay được tha bổng tại tòa án. Có một số nhà truyền đạo ngày nay muốn gạt bỏ từ “lỗi thời” này, nhưng chính Chúa Giê-xu đã sử dụng từ ấy!

Chúa Giê-xu chính thức muốn nói đến các chức sắc đền thờ thời bấy giờ (*Giăng* 10:8). Ngài không lên án mọi tiên tri hay tội tở nào của Đức Chúa Trời, là người thi hành chức vụ trước khi Ngài đến thế gian. Lời tuyên bố “hết thảy những kẻ đã đến trước ta đều là quân trộm cướp” được viết ở thì hiện tại, không phải quá khứ, chứng tỏ Ngài nhắc đến các chức



sắc dương thời. Họ không phải là người chẵn bầy thật, cũng không được Đức Chúa Trời giao phó nhiệm vụ nào. Họ không hề yêu thương bầy chiên, nhưng hiếp đáp và hắt hủi chiên. Người ăn xin mù là một bằng chứng cụ thể về những hành động “quân trộm cướp” đã làm.

Phúc Âm cho thấy rõ các lãnh đạo Y-sơ-ra-ên thời bấy giờ chỉ chăm lo cho bản thân họ. Người Pha-ri-si là kẻ tham tiền (Lu-ca 16:14), thậm chí hiếp đáp đàn bà góa (Mác 12:40). Họ đã biến đền thờ Đức Chúa Trời thành ổ trộm cướp (Ma-thi-ơ 21:13), lại còn âm mưu giết Chúa Giê-xu để Rô-ma không tức đi những đặc quyền của họ (Giăng 11:49-53).

Người Chẵn Chiên Thật đến cứu chiên, nhưng những kẻ chẵn giả chỉ lợi dụng và hiếp đáp chiên. Kẻ ẩn mình phía sau những kẻ chẵn giả là “kẻ trộm” (Giăng 10:10), có thể đó là Sa-tan. Nhưng ta sẽ thấy rằng trong tay Người Chẵn Chiên Thật và Cha trên trời, chiên thật sự được bình an (Giăng 10:27-29).

Khi bước qua “Cửa Chiên”, bạn sẽ có sự sống và được cứu rỗi. Khi “vào ra” Cửa Chiên, bạn thật sự kinh nghiệm cuộc sống vui thoả trong đồng cỏ xanh tươi của Chúa. Bầy chiên Ngài vui mừng được sống dư dật và tự do. Chúa không những đã phó sự sống của Ngài vì chúng ta, mà còn ban sự sống Ngài cho chúng ta ngay bây giờ!

Trọng tâm của phân đoạn đầu nói về Cửa Chiên. Tiếp theo, Chúa nhấn mạnh hình ảnh “Người Chẵn Chiên” và rao ra lời tuyên bố thứ hai.

## 2. “Ta là Người Chẵn Chiên Hiền Lành”

Giăng 10:11-21

<sup>11</sup> Ta là người chẵn hiền lành; người chẵn hiền lành vì chiên mình phó sự sống mình. <sup>12</sup> Kẻ chẵn thuê chẳng phải là người chẵn, và chiên không phải thuộc về nó, nếu thấy muông sói đến, thì nó bỏ chiên chạy trốn; muông sói cướp lấy chiên và làm cho tản lạc. <sup>13</sup> Ấy vì nó là kẻ chẵn thuê, chẳng lo lắng chi đến chiên.

<sup>14</sup> Ta là người chẵn hiền lành, ta quen chiên ta, và chiên ta quen ta, <sup>15</sup> cũng như

## Người Chăn Hiền Lành Và Bầy Chiên / 157

Cha biết ta, và ta biết Cha vậy; ta vì chiên ta phó sự sống mình. <sup>16</sup> Ta còn có chiên khác chẳng thuộc về chuồng này; ta cũng phải dẫn nó về nữa, chiên đó sẽ nghe tiếng ta, rồi sẽ chỉ có một bầy, và một người chăn mà thôi. <sup>17</sup> Này, tại sao Cha yêu ta: Ấy vì ta phó sự sống mình, để được lấy lại. <sup>18</sup> Chẳng có ai cất sự sống ta đi, nhưng tự ta phó cho; ta có quyền phó sự sống, và có quyền lấy lại; ta đã lãnh mạng lệnh này nơi Cha ta.

<sup>19</sup> Nhân những lời đó, người Giu-đa lại chia phe ra nữa. <sup>20</sup> Phần nhiều trong đám họ nói rằng: Người bị quỷ ám, người là điên; sao các người nghe làm chi?

<sup>21</sup> Kẻ khác nói rằng: Ấy đó chẳng phải là lời nói của một kẻ bị quỷ ám. Quỷ há có thể mở mắt kẻ mù được sao?

Đây là lời tuyên bố “Ta là” thứ tư của Chúa trong *Phúc Âm Giăng* (6:35; 8:12; 10:9). Chắc hẳn khi phán lời này, Chúa muốn làm nổi bật sự tương phản giữa Ngài với những kẻ chăn chiên giả, là kẻ có trách nhiệm với Do Thái giáo thời bấy giờ. Ngài đã gọi họ là “quân trộm cướp” và giờ đây Ngài gọi họ là “kẻ chăn thuê” (*Giăng* 10:12).

Từ “hiền lành” nguyên nghĩa là “bản chất tốt đẹp, đáng yêu, công bằng”. Từ này được dùng để mô tả một điều lý tưởng, một mẫu mực để người khác noi theo. Sự nhân lành của Chúa chúng ta là bản tính vốn có của Ngài. Gọi Ngài là “nhân lành” cũng đồng nghĩa với gọi Ngài là “Đức Chúa Trời” (*Mác* 10:17-18).

Một số nhân vật nổi tiếng được chép trong Kinh Thánh cũng làm nghề chăn chiên như: A-bên, các bậc tổ phụ, Môi-se, Đa-vít. Ngay hôm nay, tại vùng Đất Thánh, bạn sẽ thấy những người chăn chiên dẫn bầy chiên đi và tỏ ra thân thiết với từng con chiên, họ biết rõ cá tính và nhu cầu riêng của mỗi con chiên. Bạn hãy nhớ rằng người chăn chiên không có ý định nuôi chiên để giết nó, trừ khi phải dâng chiên làm của lễ. Họ nuôi chiên để lấy lông, sữa và chiên con.

Chúa Giê-xu bày tỏ bốn nhiệm vụ đặc biệt của Ngài với tư cách là Người Chăn Chiên Hiền Lành.

Thứ nhất, *Ngài phó sự sống vì chiên* (*Giăng* 10:11-13). Dưới hệ thống tôn giáo cũ, chiên phải chết thay cho người chăn. Nhưng giờ đây Người Chăn Chiên Hiền Lành lại chết thay



cho chiêm mình! Qua bài giảng này, Chúa khẳng định năm lần về sự chết thay của Ngài (câu 11, 15, 17-18). Ngài không chết như vị thánh tử đạo, bị con người giết hại, nhưng Ngài chết với tư cách của người thế mạng, vui lòng phó sự sống Ngài vì cơ chúng ta.

Khi Ngài phán rằng Ngài phó sự sống “vì chiêm”, không nên tách rời điều này khỏi phần còn lại trong sự dạy dỗ của Kinh Thánh về thập tự giá. Ngài cũng chết thay cho dân Y-sơ-ra-ên (*Giăng* 11:50-52) và cho cả thế gian (*Giăng* 6:51). Huyết Chúa Giê-xu dù *có đủ* cho sự cứu rỗi tất cả thế gian, nhưng nó *chỉ có hiệu lực* cho những ai tin đến Chúa.

Chúa so sánh Ngài khác xa với kẻ chăn thuê, là người coi sóc đàn chiên để lấy tiền công. Khi nguy hiểm ập đến, kẻ chăn thuê bỏ trốn. Nhưng người chăn chiên thật ở lại bảo vệ đàn chiên mình. Nhóm từ chính là “chiên không thuộc về kẻ đó.” Người Chăn Chiên Hiền Lành *chुộc bầy chiên*, và chiên thuộc về Người vì Người đã phó sự sống vì chiêm mình. Bản chất chiêm vốn rất khờ dại và dễ gặp nguy hiểm nên chúng cần có một người chăn coi sóc chúng.

Trong Kinh Thánh, con cái Đức Chúa Trời được ví như bầy chiên và đây là sự so sánh hợp lý. Chiên là vật nuôi rất sạch sẽ, không như heo hoặc chó (*II Phi-e-rơ* 2:20-22). Chúng không biết tự vệ, và cần có sự chăm sóc của người chăn (*Thi Thiên* 23:1-6). Theo cách nói của Wesley, chúng “có xu hướng đi lang thang,” cần người tìm kiếm và đem về chuồng (*Lu-ca* 15:3-7). Chiên là loài vật sống hiền hoà, rất hữu ích cho người chăn. Nói chung, chúng tượng trưng cho những người tin cậy nơi Chúa Giê-xu và thuộc về bầy chiêm Ngài.

Khác biệt với người chăn chiên nhân lành, người Pha-ri-si không có tình yêu đối với người ăn xin nên đã đuổi anh ta khỏi nhà hội. Chúa Giê-xu tìm đến và quan tâm chăm sóc anh.

Thứ hai, Người Chăn Chiên Hiền Lành không chỉ phó mạng sống vì chiêm, Người còn *quen chiêm mình* (*Giăng* 10:14-15).

Qua *Phúc Âm Giăng*, từ *quen* (hoặc *biết*) có nghĩa rộng hơn là hiểu biết về lý trí. Nó bày tỏ mối tương giao mật thiết giữa Đức Chúa Trời và con cái Ngài (xem *Giăng* 17:3). Người chăn chiên ở Đông phương biết rõ chiên mình, nên cũng biết cách chăm sóc chúng hữu hiệu nhất.

Trước hết, Chúa biết tên chúng ta (*Giăng* 10:3). Ngài biết Si-môn (*Giăng* 1:42) và còn đặt cho ông một tên mới. Ngài gọi Xa-chê bằng chính tên ông (*Lu-ca* 19:5); và khi Ngài kêu tên Ma-ri trong vườn, bà nhận biết Người Chăn của mình (*Giăng* 20:16). Nếu tên tuổi, cá tính (identity) bạn đã từng bị “lạc” vào mớ bòng bong của các hoạt động vi tính, bạn mới có thể khâm phục Người chăn chiên hiền lành, vì đã biết rõ tên từng con chiên của Ngài

Chúa cũng biết bản tính của chúng ta. Mọi con chiên đều có bản tính giống nhau, nhưng mỗi con có cá tính khác nhau. Vì vậy người chăn chiên hiền lành nhận biết những cá tính của chúng. Chiên này có thể sợ chỗ đồi cao, còn chiên khác lại sợ bóng tối ... Người chăn chiên có tinh thần trách nhiệm sẽ xem xét những nhu cầu đặc biệt ấy khi chăn bầy chiên mình.

Có bao giờ bạn để ý đến sự khác nhau giữa mười hai sứ đồ? Phi-e-rô là người bốc đồng và bộc trực, còn Tô-ma luôn dè dặt và nghi ngờ. Anh-rê lại là con người dễ gần gũi với người khác, lúc nào cũng đem người đến với Chúa Giê-xu. Trong khi đó, Giu-đa là kẻ chỉ muốn lợi dụng người khác để kiếm lợi cho bản thân. Chúa Giê-xu biết rõ từng người và cũng biết cách đối xử với họ.

Vì biết cá tính chúng ta. Chúa cũng biết nhu cầu của chúng ta nữa. Chúng ta lại thường không biết rõ nhu cầu của chính mình! *Thi Thiên* 23 là những vần thơ tuyệt vời mô tả cách Đấng Chăn Chiên Hiền Lành chăm sóc bầy chiên Ngài. Nơi đồng cỏ xanh tươi, mé nước bình tịnh và dù trong trũng bóng chết, chiên vẫn không hề sợ hãi vì Người Chăn đang chăm sóc và đáp ứng nhu cầu chúng. Nếu nối *Thi Thiên* 23:1 với câu 6, bạn sẽ thấy chủ đề chính của *Thi Thiên* này “Tôi sẽ



chẳng thiếu thốn gì... trọn đời tôi.”

Khi người chăn chăm sóc chiên, chiên trở nên thân thiết với người hơn. Đấng Chăn Chiên Hiền Lành biết chiên Ngài và chiên cũng biết Ngài. Chiên biết Đấng chăn mình nhiều hơn khi nghe tiếng Ngài (Lời Ngài) và kinh nghiệm sự chăm sóc thường nhật của Ngài. Khi chiên đi theo Người Chăn, chúng học được cách yêu mến và tin cậy Ngài. Chúa yêu “kẻ thuộc về mình” (Giăng 13:1) và bày tỏ tình yêu Ngài qua cách quan tâm chăm sóc họ.

Thứ ba, Đấng Chăn Chiên Hiền Lành *dẫn thêm chiên khác về bầy Ngài* (Giăng 10:16). “Chuồng” là Do Thái giáo (Giăng 10:1), nhưng còn có chuồng khác - là những người ngoại không thuộc giao ước của Y-sơ-ra-ên (*Ê-phê-sô* 2:11). Trong buổi đầu thi hành chức vụ, Chúa Giê-xu đã quan tâm đến “những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên” (*Ma-thi-ơ* 10:5,6; 15:24-27). Người tin Chúa trong ngày lễ Ngũ Tuần đầu tiên là người Do Thái và những cải đạo Do Thái từ nơi khác đến (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:5,14), nhưng Hội Thánh không chỉ giới hạn trong một “bầy chiên Do Thái”. Phi-e-rơ rao thông điệp Phúc Âm đến với người ngoại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:1-11:30). Phao-lô cũng rao giảng Phúc Âm cho dân ngoại ở những nơi xa trong đế quốc La Mã (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:1).

Chỉ có một bầy chiên thuộc về Đấng Chăn Hiền Lành. Đức Chúa Trời có con cái Ngài sống khắp nơi trên thế gian này (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 18:1-11) và Ngài sẽ gọi họ và nhóm hiệp họ lại với nhau.

Sứ điệp truyền giáo trong *Phúc Âm Giăng* thật rõ ràng. “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian” (Giăng 3:16). Chúa Giê-xu từng bất chấp tập quán của con người để làm chứng cho một người đàn bà Sa-ma-ri. Ngài không chấp nhận quan điểm loại bỏ dân ngoại của các lãnh đạo Do Thái. Ngài chết thay cho cả một thế giới hư mất, và mong muốn con cái Ngài cũng đến với những tội nhân hư mất để rao sứ điệp của sự sống đời đời cho họ.

Sau cùng, *Đấng Chăn Chiên Hiền Lành sẽ sống lại* (10:17-18). Sau khi hy sinh để cứu chuộc mọi người, Ngài phục sinh trong vinh hiển. Dưới mắt loài người, dường như Chúa Giê-xu đã bị xử tử; nhưng đối với Đức Chúa Trời, Ngài đã vui lòng phó sự sống mình. Trên thập tự giá Ngài thốt lên rằng “Mọi việc đã được trọn,” khi ấy Ngài vui lòng trao trọn linh hồn cho Cha (*Giăng* 19:30). Ba ngày sau, Ngài lấy lại sự sống và phục sinh từ cõi chết. Cha đã ban cho Ngài quyền phép này trong tình yêu thương.

Có vài chỗ trong Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Cha là Đấng khiến Con Ngài sống lại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:32; *Rô-ma* 6:4; *Hê-bơ-rơ* 13:20). Ở đây, Chúa Giê-xu lại phán rằng Ngài có quyền phục hồi sự sống. Cả hai đều đúng, vì Cha và Con đồng công với nhau (*Giăng* 5:17, 19). Ở bài giảng trước đó, Chúa Giê-xu muốn nói rằng Ngài có quyền khiến mình sống lại từ cõi chết (5:26). Dĩ nhiên chính lời phán ấy đã gây sự chống đối từ phía dân Do Thái, vì chẳng khác nào Chúa Giê-xu muốn nói rằng “Ta là Đức Chúa Trời!”

Những kẻ nghe Chúa Giê-xu dạy dỗ đã phản ứng ra sao? “Người Giu-đa lại chia phe ra nữa” (10:19). Hãy để ý từ *nữa* (9:16; 7:43). Một lần nữa, Chúa Giê-xu bị cáo rằng Ngài bị quỉ ám (7:20; 8:48,52). Người ta sẵn sàng làm bất cứ điều gì để lẫn tránh chân lý!

Vì Chúa Giê-xu là “Cái Cửa”, nên chúng ta có thể nghĩ đến một sự phân cách: khi cửa đóng lại sẽ khiến một số người ở trong và số khác ở ngoài! Ngài là Đấng Chăn Hiền Lành, và Ngài phải phân cách chiên với muông sói. Không thể có thái độ trung lập về Chúa Giê-xu Christ, vì điều chúng ta tin nơi Ngài sẽ quyết định sự sống hoặc sự chết (8:24).

Lời tuyên bố thứ ba của Chúa là lời tuyên bố gây sửng sốt nhất.



## 3. “Ta là Con Đức Chúa Trời”

Giăng 10:22-42

<sup>22</sup> Tại thành Giê-ru-sa-lem có giữ lễ Khánh thành đền thờ. Bấy giờ là mùa đông; <sup>23</sup> Đức Chúa Jêsus đi dạo trong đền thờ, dưới hiên cửa Sa-lô-môn. <sup>24</sup> Người Giu-đa nhóm xung quanh Ngài mà nói rằng: Thấy để chúng tôi nghi ngờ vẫn mãi cho đến khi nào? Nếu thấy là Đấng Christ, hãy nói rõ cho chúng tôi. <sup>25</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Ta đã bảo các ngươi, mà các ngươi không tin; những việc ta nhân danh Cha ta mà làm đều làm chứng cho ta. <sup>26</sup> Nhưng các ngươi không tin ta, vì các ngươi chẳng phải là chiên của ta. <sup>27</sup> Chiên ta nghe tiếng ta, ta quen nó, và nó theo ta. <sup>28</sup> Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta. <sup>29</sup> Cha ta là Đấng lớn hơn hết đã cho ta chiên đó, và chẳng ai cướp nổi chiên đó khỏi tay Cha. <sup>30</sup> Ta với Cha là một.

<sup>31</sup> Người Giu-đa lại lượm đá đặng ném Ngài. <sup>32</sup> Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ta đã làm trước mắt các ngươi lắm việc lành bởi Cha đến; vì việc chi mà các ngươi ném đá ta? <sup>33</sup> Người Giu-đa trả lời rằng: Ấy chẳng phải vì một việc lành mà chúng ta ném đá ngươi, nhưng vì lỗi lộng ngôn: Ngươi là người, mà tự xưng là Đức Chúa Trời. <sup>34</sup> Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Trong luật pháp của các ngươi há chẳng chép rằng: Ta đã phán: Các ngươi là các thần, hay sao? <sup>35</sup> Nếu luật pháp gọi những kẻ được lời Đức Chúa Trời phán đến là các thần, và nếu Kinh Thánh không thể bỏ được, <sup>36</sup> thì ta đây, là Đấng Cha đã biệt ra thánh, và sai xuống thế gian, nói: Ta là Con Đức Chúa Trời, cơ sao các ngươi cáo ta là nói lộng ngôn? <sup>37</sup> Ví bằng ta không làm những việc của Cha ta, thì các ngươi chớ tin ta. <sup>38</sup> Còn nếu ta làm, thì, dầu các ngươi chẳng tin ta, hãy tin những việc ta, để các ngươi hiểu và biết rằng Cha ở trong ta và ta ở trong Cha.

<sup>39</sup> Chúng còn kiếm cách để bắt Ngài nữa; nhưng Ngài tránh khỏi tay họ.

<sup>40</sup> Đoạn, Ngài lại sang bên kia sông Giô-đanh, đến nơi Giảng đã làm phép báp-têm trước hết, và trú tại đó. <sup>41</sup> Có nhiều kẻ đến cùng Ngài, mà nói rằng: Giảng chưa làm một phép lạ nào, nhưng mọi điều Giảng đã nói về người nầy là thật. <sup>42</sup> Tại đó có nhiều người tin Ngài.

Những biến cố chép trong phân đoạn này xảy ra khoảng sau hai tháng rưỡi sau những biến cố được mô tả trong câu 1-21. Giảng để những sự kiện này đi gần nhau vì ở hai bài giảng, Chúa đều dùng hình ảnh người chăn chiên và bầy chiên.

*Cuộc gặp mặt (Giăng 10:22-24)* Lễ cung hiến đền thờ (the feast of dedication) được tổ chức vào tháng 12, gần lễ Giáng Sinh của Cơ Đốc giáo. Lễ này kỷ niệm ngày đền thờ được tái cung hiến do Judas Maccabeaus thực hiện năm 164 TC, sau

khi bị Rô-ma dày xéo. Sự kiện lịch sử này dường như có liên hệ với Lời Chúa Giê-xu phán ở câu 36, vì Ngài được Cha trên trời biệt ra (dedicated) và sai đến thế gian. Các lãnh đạo Do Thái kỷ niệm một sự kiện lớn trong lịch sử nhưng lại đánh mất cơ hội ngay trong đền thờ của chính họ!

Các lãnh đạo vây quanh Chúa trong đền thờ để buộc Ngài phải dừng lại và lắng nghe họ. Họ cho đây là dịp để nói hết mọi lẽ và không muốn Chúa tránh né vấn đề này nữa. Họ cứ nói với Ngài “Thầy để chúng tôi nghĩ vớ vẩn mãi cho đến khi nào? Nếu thầy là Đấng Christ, hãy nói rõ cho chúng tôi”.

Đáp lại họ, Chúa đưa ra lời giải thích (*Giăng* 10:25-38) nhắc họ nhớ những điều Ngài đã dạy họ trước đó. Ngài nhấn mạnh chứng cứ về lời Ngài (“Ta đã bảo các ngươi...”) và việc Ngài làm (xem thêm *Giăng* 5:17tt và 7:14tt).

Lúc này, lời giải thích của Chúa càng lúc trở nên sâu sắc hơn. Ngài bày tỏ cho các quan trưởng Giu-đa biết họ không hiểu Lời Ngài và ý nghĩa của việc Ngài làm là vì họ không phải là chiên của Ngài. Theo quan điểm con người, chúng ta trở thành chiên của Chúa nhờ tin theo Ngài. Nhưng với quan điểm của Đức Chúa Trời, chúng ta tin Chúa bởi vì chúng ta là chiên của Ngài. Có một sự mâu nhiệm mà chúng ta không thể thấu đáo hoặc giải nghĩa được, nhưng chỉ có thể tiếp nhận và vui hưởng (*Rô-ma* 11:33-36). Đức Chúa Trời có bầy chiên của Ngài và Ngài biết rõ những ai thuộc bầy chiên Ngài. Chiên nghe tiếng Ngài và đáp lại.

Khi tội nhân nghe lời Chúa, người ấy không biết gì về sự lựa chọn mâu nhiệm này, nhưng chỉ biết rằng Đấng Christ đã chết thay tội lỗi thế gian và người ấy có thể đón nhận món quà sự sống bởi tin nhận Đấng Christ. Khi tin nhận Ngài, người ấy trở nên con cái trong gia đình Đức Chúa Trời và là chiên trong bầy. Khi ấy, người ấy hiểu rằng mình đã được “chọn trong Đấng Christ từ trước sáng thế” (*Ê-phê-sô* 1:4). Người ấy cũng biết rằng mỗi tội nhân được cứu là một “món quà tình yêu” của Cha trên trời ban cho Con Ngài (xem *Giăng* 10:29;



## 164 / Giảng

17:2, 6, 9, 11-12, 24).

Trong Kinh Thánh, sự lựa chọn của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người hoàn toàn cân xứng nhau; và những điều gì Đức Chúa Trời đã kết hiệp lại, chúng ta đừng tách rời chúng ra.

Chúa tiếp tục giải thích: Chiên Ngài được an toàn trong tay Ngài và trong tay Đức Chúa Cha. “Nó chẳng chết mất bao giờ” là một lời hứa của Chúa (3:16; 6:39; 17:12; 18:9). Những kẻ chặn giả đem đến sự hủy diệt (10:10), nhưng Đấng Chấn Hiền Lành bảo đảm chiên Ngài chẳng bao giờ hư mất.

Sự an toàn của bầy chiên Đức Chúa Trời được bảo đảm ở nhiều phương diện. Trước tiên, chúng ta được “sự sống đời đời,” và sự sống ấy không lệ thuộc bất cứ hoàn cảnh nào và có tính bất diệt. Kế đến, sự sống này là sự ban cho, chúng ta không thể mua hoặc có được. Nếu chúng ta được cứu không bởi việc lành của bản thân, nhưng bởi ân sủng Đức Chúa Trời, vậy chúng ta không thể bị hư mất bởi “những việc làm xấu” của mình (*Rô-ma* 11:6). Nhưng điều quan trọng nhất là, Chúa Giê-xu đã cho chúng ta lời hứa rằng chiên Ngài sẽ không hư mất và lời hứa ấy sẽ không hề qua đi.

Chúng ta cần hiểu rằng Chúa muốn nói về bầy chiên - là những người tin nhận thật sự - không kể những kẻ giả hình. Chó và heo sẽ trở lại ô uế trong tội lỗi chúng (*II Phi-e-rơ* 2:20-22), nhưng chiên là vật tinh sạch sẽ theo Người Chấn vào đồng cỏ xanh tươi. Giáo sư giả sẽ khoe khoang về đức tin và việc làm mình, nhưng chẳng bao giờ có thể bước vào thiên đàng được (*Ma-thi-ơ* 7:13-29). Chúng ta biết có những người xưng mình là người được cứu và sau đó phạm tội trở lại, nhưng họ làm như vậy chỉ chứng tỏ rằng họ chưa bao giờ thật sự bắt đầu tin nhận Chúa. Chúa Giê-xu không bảo đảm sự an toàn cho bất cứ ai không thuộc bầy chiên thật của Ngài.

Khi suy ngẫm lại lời dạy của Chúa về chức vụ Ngài với tư cách là Đấng Chấn Chiên Hiền Lành, bạn sẽ thấy Ngài có mối liên hệ với bầy chiên theo ba ý nghĩa. Ngài có mối liên

hệ *đây yêu thương* vì đã chết thay bầy chiên mình. Mỗi liên hệ của Ngài với bầy chiên cũng là mỗi liên hệ *sống* vì Ngài chăm sóc bầy chiên luôn. Đó cũng là mỗi liên hệ *lâu bền* vì Ngài bảo vệ chiên và không để một con nào hư mất.

Chúa đưa ra một lời tuyên bố mà Ngài biết rằng sẽ khiến kẻ thù sửng sốt và có thêm lý do để nghịch cùng Ngài (*Giăng* 10:30). Đó là “câu trả lời rõ ràng” mà các lãnh đạo đã yêu cầu. “Ta với Cha là một” là lời tuyên bố thật rõ ràng về thần tính của Ngài được chép trong Kinh Thánh. Lời tuyên bố này còn mạnh hơn cả lời Chúa tuyên bố Ngài từ trên trời xuống (chương 6), hoặc Ngài hiện hữu trước Áp-ra-ham (*Giăng* 8:58).

Từ *một* không có nghĩa là Cha và Con là những ngôi vị giống nhau. Đúng ra, Cha và Con là một trong bản chất. Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời và Con là Đức Chúa Trời, nhưng Cha không phải là Con và Con không phải là Cha. Ngài muốn nói về sự hiệp nhất, không phải sự đồng dạng (xem 17:21-24). Các lãnh đạo Do Thái hiểu rõ điều Chúa muốn nói. Một số nhà thần học tự do muốn làm giảm nhẹ lời tuyên bố của Chúa, nhưng những ai nghe lời Chúa đều biết chính xác Ngài muốn phán rằng “Ta là Đức Chúa Trời” (*Giăng* 10:33). Dĩ nhiên, ai nói lời ấy sẽ bị kết tội lộng ngôn và theo luật Do Thái tội lộng ngôn sẽ bị xử chết (xem *Lê-vi Ký* 24:16; *Dân Số Ký* 15:30tt ; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:22).

Chúa sử dụng *Thi Thiên* 82:6 để bác lại lời buộc tội của các lãnh đạo và chặn đứng hành động của họ. *Thi Thiên* 82 là một hình ảnh tại toà xét xử nơi Đức Chúa Trời nhóm các quan án trên đất lại, cho họ biết rằng một ngày nào đó họ cũng sẽ bị xét đoán. Từ Hê-bơ-rơ *elohim* có thể được dịch là “Đức Chúa Trời” (god) hay “quan án” như trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:6 và 22:8-9. Đó cũng là một trong những danh xưng chỉ về Đức Chúa Trời trong Cựu Ước. Các lãnh đạo Do Thái biết ngôn ngữ họ và hiểu rằng Chúa nói đúng sự thật. Nếu Đức Chúa Trời gọi những quan án loài người là “thần” (god) vậy tại sao họ lại ném đá Ngài vì Ngài cũng áp dụng danh ấy cho chính



mình?

*Giăng* 10:36 rất quan trọng vì nó hai lần khẳng định thần tính của Đấng Christ, Thứ nhất, Cha đã biệt Con ra thánh và sai Con đến thế gian. Thứ hai, Chúa Giê-xu đã mạnh mẽ tuyên bố “Ta là Con Đức Chúa Trời” (*Giăng* 5:25). Chúa đã cho họ một “câu trả lời rõ ràng” như họ đã yêu cầu, nhưng họ đã không tin lẽ thật ấy.

Liệu họ có tin không? Chúa đã *mời gọi*, kêu nài họ tin Ngài, dẫn cho chỉ tin dựa trên các phép lạ Ngài làm (10:37,38). Nếu tin nơi phép lạ, họ sẽ biết Cha, và điều đó sẽ mở mắt để biết Con và tin nhận Ngài. Vấn đề chỉ là thật lòng xem xét chứng cứ và sẵn sàng tiếp nhận lẽ thật.

Một lần nữa, họ muốn bắt Ngài (xem *Giăng* 7:44; 8:59) nhưng Ngài lánh khỏi nơi ấy. Ngài không trở lại thành Giê-ru-sa-lem cho đến “Chủ Nhật Lễ Lá” khi Ngài bày tỏ chính mình là Vua của Y-sơ-ra-ên.

Giăng Báp-tít đã từng thi hành chức vụ tại thành Bê-tha-ba-ra (*Giăng* 1:28), nhưng chúng ta không biết rõ ở đâu. Thành Bê-tha-ba-ra ở bên kia sông Giô-đanh, có lẽ cách Giê-ru-sa-lem 18-20 dặm. Một số bản đồ đặt vị trí thành này gần như đối diện với Giê-ru-sa-lem, ở phía Đông của thành Giê-ri-cô.

Vì sao Chúa Giê-xu đến đó? Trước hết, đó là nơi ẩn mình an toàn; các lãnh đạo Do Thái không thể theo Ngài đến đó. Nơi ấy cũng thích hợp để Chúa chuẩn bị cho tuần lễ cuối cùng của Ngài trong chức vụ trên đất, khi Ngài phó mạng sống vì bầy chiên mình. Khi nhớ đến phép báp-têm do Giăng thực hiện và những kinh nghiệm lúc ấy (*Giăng* 1:20-34; *Ma-thi-ơ* 3:13-17), hẳn Chúa đã được củng cố tinh thần mạnh mẽ để chuẩn bị cho sự thương khó Ngài phải chịu.

Dân chúng tiếp tục đến với Chúa Giê-xu và Ngài dạy dỗ họ. Đáng chú ý là lời chứng của Giăng Báp-tít vẫn có kết quả lâu dài kể từ khi ông qua đời! Lời chứng của ông về Chúa Giê-xu đã khiến nhiều người tin nhận Đấng Christ. Dù không làm phép lạ, nhưng Giăng là một chứng nhân trung tín của

## Người Chăn Hiền Lành Và Bầy Chiên / 167

Chúa Giê-xu. “Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống” (*Giăng* 3:30).

Riêng cá nhân bạn có đáp lại ba lời tuyên bố kỳ diệu của Chúa Giê-xu được chép trong chương Kinh Thánh này?

Ngài là Cái Cửa. Bạn đã “bước vào” bằng đức tin để được cứu chưa?

Ngài là Đấng Chăn Chiên Hiền Lành. Bạn nghe tiếng Ngài và tin nhận Ngài chưa? Ngài đã phó mạng sống mình vì chính bạn!

Ngài là Con Đức Chúa Trời. Bạn tin như vậy không? Bạn đã đầu phục Ngài để tiếp nhận sự sống đời đời chưa?

Xin bạn hãy nhớ lời cảnh cáo nghiêm khắc của Ngài: “Nếu các ngươi chẳng tin ta là Đấng đó, thì chắc sẽ chết trong tội lỗi các ngươi” (*Giăng* 8:24).



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 10

---

### Giảng 10

1. Trong quá khứ bạn đã từng “đi theo” những ai?
2. Đọc các câu 1-10. Tại sao Chúa Giê-xu ví như cái cửa vào chuồng chiên?
3. Việc Chúa làm cho bầy chiên khác với người ăn trộm ra sao?
4. Ngày nay những ai được Chúa gọi là kẻ trộm?
5. Đọc các câu 11-21. Chúa muốn nói gì khi Ngài bảo “Ta là người chăn hiền lành”? Ngài giống như người chăn ở điểm nào?
6. Chúa Giê-xu và các lãnh tụ tôn giáo thời Ngài khác nhau ở điểm nào?
7. Vào thời của Chúa, dân chúng rất quen thuộc với hình ảnh người chăn chiên. Nếu là hiện nay thì Chúa tự so sánh Ngài với ai? Tại sao?
8. Đọc các câu 22-42. Dân chúng phản ứng thế nào khi nghe Chúa bảo Ngài là Đấng Mết-si-a đã được hứa? Tại sao họ phản ứng như thế?
9. Bằng cách nào bạn theo Chúa gần hơn trong tuần này?

## Phép Lạ Cuối Cùng - Kẻ Thù Cuối Cùng

Giăng 11

Việc kêu La-xa-rô sống lại từ cõi chết không phải là phép lạ cuối cùng trước khi Chúa bước lên thập giá, nhưng chắc hẳn là một phép lạ kỳ diệu nhất gây chú ý mạnh mẽ cho bạn hữu và kẻ thù Ngài. Giăng chọn phép lạ này làm phép lạ thứ bảy để ghi lại trong Phúc Âm của ông, vì đó thật là phép lạ tốt đỉnh trong chức vụ của Chúa trên đất. Ngài cũng đã từng khiến những người chết sống lại, nhưng La-xa-rô là người ở trong mộ bốn ngày. Với phép lạ ấy, các lãnh đạo Do Thái không thể phủ nhận hay tránh né sự thật được.

Nếu Chúa Giê-xu không thể làm được gì đối với sự chết, thì dẫu cho Ngài có làm được bất cứ điều gì đi nữa cũng vô nghĩa. “Nếu chúng ta chỉ có sự trông cậy trong Đấng Christ về đời này mà thôi, thì trong cả mọi người, chúng ta là kẻ khốn nạn hơn hết” (*I Cô-rinh-tô* 15:19). Kẻ thù cuối cùng của con người là sự chết (*I Cô-rinh-tô* 15:26), nhưng Chúa Giê-xu đã chiến thắng kẻ thù nguy hiểm này hoàn toàn và mãi mãi.

Trọng tâm của *Phúc Âm Giăng* 11 là đức tin. Bạn sẽ thấy động từ *tin* trong đoạn này ít nhất là tám lần. Một chủ đề khác nữa, đó là “sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (*Giăng* 11:4, 40). Qua điều Chúa nói và làm, Ngài muốn củng cố đức tin của ba nhóm người.



## 170 / Giảng

### 1. Các Môn Đệ

*Giăng* 11:1-16

<sup>1</sup> Có một người đau, tên là La-xa-rơ, ở Bê-tha-ni, là làng của Ma-ri và chị người là Ma-thê. <sup>2</sup> Ma-ri là người đã xức dầu thơm cho Chúa, và lấy tóc mình lau chân Ngài; chính anh người là La-xa-rơ đương đau. <sup>3</sup> Vậy, hai chị em sai người đến thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Lạy Chúa, nầy, kẻ Chúa yêu mắc bệnh. <sup>4</sup> Đức Chúa Jê-sus vừa nghe lời đó, bèn phán rằng: Bệnh nầy không đến chết đâu, nhưng vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, hầu cho Con Đức Chúa Trời bởi đó được sáng danh. <sup>5</sup> Và, Đức Chúa Jê-sus yêu Ma-thê, em người, và La-xa-rơ. <sup>6</sup> Khi Ngài nghe người nầy đau, bèn ở lại hai ngày nữa trong nơi Ngài đương ở. <sup>7</sup> Rồi đó, Ngài phán cùng môn đồ rằng: Chúng ta hãy trở về xứ Giu-đê. <sup>8</sup> Môn đồ thưa rằng: Thưa thầy, hôm trước dân Giu-đá tìm ném đá thầy, thầy còn trở lại nơi họ sao! <sup>9</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Trong ban ngày há chẳng phải có mười hai giờ sao? Nếu ai đi ban ngày, thì không vấp, vì thấy sự sáng của thế gian nầy. <sup>10</sup> Nhưng nếu ai đi ban đêm, thì vấp, vì không có sự sáng. <sup>11</sup> Ngài phán như vậy, rồi tiếp rằng: La-xa-rơ, bạn ta, đương ngủ; nhưng ta đi đánh thức người. <sup>12</sup> Môn đồ thưa rằng: Thưa Chúa, nếu người ngủ, chắc sẽ được lành. <sup>13</sup> Và, Đức Chúa Jê-sus phán lời đó chỉ về sự chết của La-xa-rơ; song môn đồ tưởng nói về giấc ngủ thường. <sup>14</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn nói to tưởng cùng môn đồ rằng: La-xa-rơ chết rồi. <sup>15</sup> Ta và các người mừng không có ta tại đó, để cho các người tin; nhưng chúng ta hãy đi đến cùng người. <sup>16</sup> Nhân đó, Tho-ma, gọi là Đi-đim, nói với môn đồ khác rằng: Chúng ta cũng hãy đi tới đó đặng chết với Ngài!

Đôi lúc chúng ta nghĩ các môn đệ Chúa như những “thánh nhân siêu hạng”, nhưng không phải như thế. Họ thường nghi ngờ Chúa mình, và Ngài luôn tìm cách khích lệ đức tin họ. Dù sao, sẽ có một ngày Chúa phải xa họ và họ phải tiếp tục nhiệm vụ Ngài giao phó. Nếu đức tin họ yếu đuối, công việc họ sẽ chẳng bao giờ kết quả.

Chúa Giê-xu ở Bê-tha-ba-ra, cách làng Bê-tha-ni khoảng hai mươi dặm (*Giăng* 1:28; 10:40). Ngày kia, Ngài nghe tin buồn rằng La-xa-rơ là người Ngài yêu mến đang bị bệnh. Nếu người đưa tin đi nhanh và không dừng lại nghỉ chân thì hành trình có thể mất một ngày. Hôm sau, Chúa tiễn người ấy về với lời khích lệ chép ở câu 4. Sau đó Chúa nán lại hai ngày trước khi lên đường đi Bê-tha-ni. Lúc Ngài và các môn đệ đến nơi, La-xa-rơ đã chết được bốn ngày. Như vậy, La-xa-rơ

## Phép Lạ Cuối Cùng - Kẻ Thù Cuối Cùng / 171

đã chết vào *đúng ngày* người đưa tin đến gặp Chúa Giê-xu.

Diễn biến của các sự kiện có thể xảy ra trong những ngày như sau:

Ngày thứ 1: người đưa tin đến gặp Chúa Giê-xu (La-xa-rô chết).

Ngày thứ 2: người đưa tin trở về Bê-tha-ni.

Ngày thứ 3: Chúa nán lại một ngày nữa, sau đó Ngài lên đường.

Ngày thứ 4: Chúa đến Bê-tha-ni.

Khi người đưa tin về đến nhà, La-xa-rô đã chết rồi. Sự điệp anh ta mang về có ý nghĩa gì với hai chị em đau buồn vì lúc ấy người anh của họ đã chết và đã được chôn rồi? Chúa Giê-xu đã khích lệ họ tin Lời Ngài cho dù hoàn cảnh có bi quan thế nào đi nữa.

Dĩ nhiên môn đệ Chúa bối rối về nhiều vấn đề. Trước hết, nếu Chúa yêu La-xa-rô dường ấy, sao Ngài để ông ta lâm bệnh? Hơn nữa, sao Ngài trì hoãn thời gian đến với hai chị em? Ngài không thể chữa lành La-xa-rô từ xa như Ngài đã chữa lành con trai quan thị vệ sao? (*Giăng* 4:43-54). Kinh Thánh cho biết Ngài có mối liên hệ rất thân thiết với gia đình này (*Giăng* 11:3, 5, 36), nhưng hành động Chúa dường như mâu thuẫn với tình yêu Ngài dành cho họ!

Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho người thuộc về Ngài không phải là kiểu tình yêu nuông chiều, nhưng là tình yêu khiến cho trọn vẹn. Vấn đề Ngài yêu chúng ta và chúng ta yêu Ngài không bảo đảm rằng chúng ta sẽ chẳng gặp nan đề hay đau buồn nào trong cuộc sống. Suy cho cùng, Đức Chúa Trời yêu Con Ngài, nhưng vẫn để Con yêu dấu mình uống chén đắng và nếm trải sự đau đớn nhục nhã trên thập tự giá. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng tình yêu và sự đau khổ không thể hòa hiệp với nhau. Hai điều ấy thật sự hiệp nhất trong Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu có thể chặn đứng cơn bệnh của La-xa-rô, thậm chí chữa lành ông bằng lời phán của Ngài ngay nơi Ngài ở,



nhưng Ngài không muốn làm vậy. Qua cơn bệnh của La-xa-rơ, Ngài nhìn thấy cơ hội làm vinh hiển danh Cha trên trời. Điều quan trọng không phải là chúng ta, những Cơ Đốc nhân được thoả mái, nhưng là danh Đức Chúa Trời được tôn cao trong mọi việc chúng ta làm.

Trong lời cầu xin với Chúa, hai chị em không yêu cầu Chúa làm điều họ muốn. Họ chỉ cho Ngài biết nhu cầu mình và nhắc Ngài nhớ đến tình yêu Ngài đối với La-xa-rơ. Họ biết rằng Chúa sẽ gặp nguy hiểm nếu trở lại xứ Giu-đê vì các lãnh đạo Do Thái muốn giết Ngài. Có lẽ hai chị em mong Ngài chỉ cần phán một lời, hẳn anh họ sẽ bình phục.

Sứ điệp Chúa gửi đến cho hai chị em không nói rằng anh họ sẽ không chết. Sứ điệp của Ngài chỉ hứa rằng chết không phải là kết quả *tối hậu*, vì kết quả cuối cùng là danh Chúa được tôn cao. (Hãy để ý rằng một lần nữa, Chúa Giê-xu xưng Ngài là “Con Đức Chúa Trời”). Ngài muốn họ tin chắc nơi lời hứa này. Thật thế, Ngài đã nhắc Ma-thê nhớ lại sứ điệp này của Ngài khi bà có ý cản trở việc mở cửa mồ (*Giăng* 11:40).

Khi đối diện với bệnh tật, thất vọng, chờ đợi, và thậm chí sự chết, nguồn an ủi khích lệ duy nhất của chúng ta là Lời Đức Chúa Trời. Chúng ta phải sống bằng đức tin, không phải bằng những điều trông thấy. Tình trạng của La-xa-rơ dường như vô vọng, nhưng hai chị em biết rằng Chúa Giê-xu là Đấng làm chủ mọi hoàn cảnh. Lời hứa trong *Thi Thiên* 50:15 tương tự với hoàn cảnh này: “Trong ngày gian truân hãy kêu cầu cùng ta; Ta sẽ giải cứu ngươi, và ngươi sẽ ngợi khen ta”.

Vì sao Chúa trì hoãn việc đi đến Bê-tha-ni? Ngài không có ý chờ La-xa-rơ chết, vì ông thật ra đã chết rồi. Ngài sống theo thời biểu thiên thượng (*Giăng* 11:9), chờ đợi Cha trên trời về thời điểm Ngài đến Bê-tha-ni. Việc người chết trong mộ bốn ngày khiến phép lạ Chúa trở nên kỳ diệu hơn và tạo cơ hội thuận lợi cho dân chúng tin theo, trong đó có cả các môn đệ Chúa (*Giăng* 11:15).

Khi Chúa cho biết Ngài sẽ trở lại xứ Giu-đê, các môn đệ tỏ

## Phép Lạ Cuối Cùng - Kẻ Thù Cuối Cùng / 173

ra lo lắng vì biết điều ấy sẽ nguy hiểm cho Ngài (Bê-tha-ni chỉ cách Giê-ru-sa-lem khoảng hai dặm). Nhưng Chúa Giê-xu vui lòng phó sự sống Ngài vì bạn hữu (*Giăng* 15:13). Ngài biết việc trở lại Giu-đê và phép lạ Ngài khiến La-xa-rô sống lại, sẽ khiến sự kiện Ngài bị bắt và chịu chết nhanh chóng xảy đến.

Chúa trấn an sự sợ hãi của các môn đệ, nhắc họ nhớ rằng Ngài sống theo giờ giấc Cha đã định, và không điều gì có thể làm tổn hại họ. Như chúng ta đã biết, đây cũng là một chủ đề quan trọng trong *Phúc Âm Giăng* (2:4; 7:6, 8, 30; 8:20; 12:23; 13:1; 17:1). Các môn đệ không chỉ mù mờ về chương trình của Chúa, mà còn hiểu sai lý do của chuyến viếng thăm này. Họ nghĩ nếu La-xa-rô đang ngủ, vậy ông ta sẽ bình phục! Đây là một thực tế điển hình chứng tỏ họ không thể hiểu chân lý thuộc linh. “Nếu người ngủ, hẳn sẽ bình phục. Chúng ta đừng bận tâm đến Bê-tha-ni!”

Ngài cho họ biết rõ rằng La-xa-rô đã chết. (Đối với người tin Chúa, sự chết được ví như giấc ngủ – xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:60; *I Cô-rinh-tô* 15:51; *I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18). Ngài không có ý nói rằng Ngài vui mừng khi bạn hữu chết, nhưng vui vì Ngài đã không có mặt nơi đó, hầu cho giờ đây Ngài có thể bày tỏ với các môn đệ về quyền năng Ngài. Mục đích cuối cùng là vinh hiển của Đức Chúa Trời và khích lệ đức tin các môn đệ Chúa.

Nếu thái độ của Tô-ma, bày tỏ một dấu hiệu nào đó thì đức tin các môn đệ cần phải được củng cố. Tên Tô-ma theo ngôn ngữ Aramaic nghĩa là “sinh đôi” và theo tiếng Hy Lạp là Đi-đim. Chúng ta không rõ Tô-ma có người anh em sinh đôi nào, nhưng hẳn lúc *chúng ta dường như* là anh em sinh đôi của Tô-ma khi xét lại thái độ vô tín và sự ngã lòng của mình! Chính Tô-ma là người đòi phải được nhìn thấy chứng cứ trước khi tiếp nhận chân lý về sự sống lại của Chúa (*Giăng* 20:24-28).

Tô-ma quả là người đa nghi, nhưng chúng ta phải thừa



## 174 / Giảng

nhận rằng ông có tinh thần sốt sắng: sẵn sàng đi với Chúa Giê-xu trong nguy hiểm và dấn thân mình. Dù không thể tán thành đức tin Tô-ma, nhưng chúng ta hẳn có thể hoan nghênh lòng trung thành và can đảm của ông.

### 2. Hai Chị Em

Giăng 11:17-40

<sup>17</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus đến nơi, thấy đã chôn La-xa-rô trong mộ bốn ngày rồi.

<sup>18</sup> Vả, thành Bê-tha-ni cách thành Giê-ru-sa-lem chỉ độ mười lăm ếch-ta-đơ.

<sup>19</sup> Có nhiều người Giu-đa đã đến đó đặng yên ủi Ma-thê và Ma-ri về sự anh chết. <sup>20</sup> Lúc Ma-thê nghe Đức Chúa Jê-sus đến, thì đi đón Ngài; nhưng Ma-ri thì ngồi tại nhà. <sup>21</sup> Ma-thê thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Lạy Chúa, nếu Chúa có đây, thì anh tôi không chết; <sup>22</sup> mà bây giờ tôi cũng biết mọi điều Ngài sẽ xin Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời ắt ban cho. <sup>23</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Anh ngươi sẽ sống lại. <sup>24</sup> Ma-thê thưa rằng: Tôi vẫn biết rằng đến sự sống lại ngày cuối cùng, anh tôi sẽ sống lại. <sup>25</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Ta là sự sống lại và sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. <sup>26</sup> Còn ai sống và tin ta thì không hề chết. Ngươi tin điều đó chẳng? <sup>27</sup> Người thưa rằng: Lạy Chúa, phải, tôi tin Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, là Đấng phải đến thế gian.

<sup>28</sup> Người nói xong, liền về, lén kêu em là Ma-ri, mà rằng: Thầy ở đằng kia, đương gọi em lại. <sup>29</sup> Ma-ri vừa nghe mấy lời, vội vàng đứng dậy đến cùng Ngài.

<sup>30</sup> Vả, Đức Chúa Jê-sus chưa vào trong làng, nhưng còn đứng nơi Ma-thê đến đón Ngài. <sup>31</sup> Khi những người Giu-đa đương ở trong nhà với Ma-ri và yên ủi người, thấy người đứng dậy đi ra vội vã như vậy, thì theo sau, vì nghĩ rằng người đến mộ đặng khóc. <sup>32</sup> Nhưng Ma-ri, lúc đã tới nơi Đức Chúa Jê-sus đứng, vừa thấy Ngài, thì sấp mình xuống chân Ngài mà nói rằng: Lạy Chúa, nếu có Chúa đây, thì anh tôi không chết! <sup>33</sup> Đức Chúa Jê-sus thấy người khóc, và những người Giu-đa đi với người cũng khóc, bèn đau lòng cảm động mà phán rằng: Các ngươi đã chôn người ở đâu? <sup>34</sup> Chúng thưa rằng: Lạy Chúa, xin hãy lại coi. <sup>35</sup> Đức Chúa Jê-sus khóc. <sup>36</sup> Người Giu-đa bèn nói rằng: Kia, người yêu La-xa-rô là đường nào! <sup>37</sup> Có một vài người trong chúng nói: Người đã mở mắt kẻ mù được, há chẳng có thể cũng làm cho người này không chết sao?

<sup>38</sup> Bấy giờ, Đức Chúa Jê-sus lại đau lòng nữa, bèn đến phần mộ: Mộ bằng một cái hang, trước cửa hang có một hòn đá chặn lại. <sup>39</sup> Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy lăn hòn đá đi. Ma-thê, là em gái kẻ chết, thưa rằng: Lạy Chúa, đã có mùi, vì người nằm đó bốn ngày rồi. <sup>40</sup> Đức Chúa Jê-sus lại phán: Ta há chẳng từng nói với ngươi rằng nếu ngươi tin thì sẽ thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sao?

Không chỉ quan tâm đến đức tin của các môn đệ, Chúa Giê-xu còn quan tâm đến đức tin cả hai chị em Ma-ri và Ma-thê (câu 26, 40). Mỗi kinh nghiệm về sự đau buồn và thử thách đều giúp đức tin chúng ta tăng trưởng, nhưng sự tăng trưởng thuộc linh ấy không tự nhiên có được. Chúng ta phải tích cực hưởng ứng lời Đức Chúa Trời và Thánh Linh Ngài. Chúa Giê-xu ban cho hai chị em một lời hứa (*Giăng* 11:4) và giờ đây Ngài muốn biết mức độ tiếp nhận của họ.

Câu chuyện chép ở *Lu-ca* 10:38-42 cho thấy Ma-ri và Ma-thê có cá tính hoàn toàn khác nhau. Ma-thê là người sốt sắng làm việc, còn Ma-ri là mẫu người suy tư thích ngồi dưới chân Chúa để nghe Ngài dạy dỗ. Chúa không lên án tinh thần phục vụ của Ma-thê, nhưng trách bà vì đã để nhiều việc chi phối mình. Ma-thê cần có những ưu tiên và chú trọng vào những công việc đẹp lòng Đức Chúa Trời. Chúng ta cần có một cuộc sống quân bình như ý của một bài thơ do Wesley viết:

Trung tín với lời khuyên của Chúa,

Tôi vẫn muốn chọn phần tốt đẹp hơn:

Tôi muốn có đôi tay phục vụ ân cần của Ma-thê,

Và tấm lòng yêu thương của Ma-ri.

Chúng ta trông đợi Ma-thê sẽ chạy ra đón Chúa Giê-xu, còn Ma-ri ở trong nhà than khóc với bạn hữu. Vì Ma-ri sau này lặp lại lời chào Chúa giống như Ma-thê (*Giăng* 11:32), dường như họ thường nói với nhau lời này khi chờ Chúa đến. Dù trong câu nói của họ lộ một chút thất vọng, nhưng cũng bày tỏ bằng chứng về đức tin, vì chưa từng có ai chết khi Chúa hiện diện. Chữ “nếu” là một chữ kỳ quặc. Thật viển vông khi trí tưởng tượng điều gì xảy ra, nếu - !

Ma-thê nhanh chóng khẳng định đức tin nơi Chúa Giê-xu (*Giăng* 11:22). Chúa đáp lại đức tin ấy bằng cách bảo đảm với bà rằng La-xa-rô anh bà sẽ sống lại. Ngài đang nói đến hoàn cảnh hiện tại, nhưng Ma-thê lại hiểu lời Ngài theo ý nghĩa của sự sống lại trong ngày sau rốt (*5:28-29; Đa-ni-ên* 12:2, 3). Đây là một điển hình nữa trong *Phúc Âm Giăng* về những người



## 176 / Giảng

thiếu sự hiểu biết thuộc linh và không thể hiểu lời Chúa Giê-xu.

Đây là lần thứ năm Ngài tuyên bố TA LÀ khi đáp lời Ma-thê. Đáng chú ý rằng Chúa không phủ nhận điều Ma-thê nói về sự sống lại trong ngày sau rốt. Sự sống lại của thân thể con người là giáo lý quan trọng trong niềm tin Do Thái giáo chính thống. Nhưng qua lời phán kỳ diệu TA LÀ, Ngài đã thay đổi hoàn toàn giáo lý phục sinh, và khi làm vậy, Ngài đem đến cho Ma-thê nguồn an ủi lớn.

Trước hết, Chúa đem giáo lý về sự sống lại từ chỗ kín giấu ra ánh sáng. Sự mạc khải trong Cựu Ước về sự chết và sự sống lại không rõ ràng hoặc không trọn vẹn; giáo lý này còn “ở trong bóng tối,” có thể nói như vậy. Thật vậy, có một số đoạn trong *Thi Thiên* và *Truyện Đạo* hầu như khiến người ta nghĩ rằng sự chết là một kết thúc và không có gì hy vọng bên kia phần mộ. Các giáo sư giả rất thích sử dụng những đoạn Kinh Thánh này để hỗ trợ cho những tà thuyết của họ, nhưng lại bỏ qua (hoặc cắt nghĩa sai) những giáo lý rõ ràng được chép trong Kinh Thánh Tân Ước. Dẫu sao, không phải Đa-vít hay Sa-lô-môn là người “phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng” (*II Ti-mô-thê* 1:10), nhưng chính là Chúa Giê-xu Christ!

Qua những lời dạy, các phép lạ và sự sống lại của Chúa, Ngài đã cho chúng ta biết rõ ràng về sự sống lại của thân thể con người. Ngài tuyên bố một lần đủ cả rằng sự chết là điều phải xảy đến, có một sự sống sau khi chết, và thân thể con người sẽ được sống lại trong ngày sau rốt bởi quyền năng Đức Chúa Trời.

Chúa thay đổi giáo lý về sự sống lại này theo cách thứ hai: Ngài đem giáo lý ấy ra khỏi sách vở và đặt nó vào một con người là chính Ngài: “Ta là sự sống lại và sự sống!” (*Giăng* 11:25). Khi cảm tạ Đức Chúa Trời về những điều dạy dỗ trong Kinh Thánh (những điều Ma-thê biết là do Kinh Thánh Cựu Ước), chúng ta nhận biết rằng mình được cứu rỗi là do Đấng

## Phép Lạ Cuối Cùng - Kẻ Thù Cuối Cùng / 177

Cứu Chuộc – Chúa Giê-xu, không bởi một giáo lý được chép trong sách. Khi biết Ngài qua đức tin, chúng ta sẽ không sợ hãi bóng của sự chết!

Khi đau bệnh, bạn cần một bác sĩ, không phải một cuốn sách y học hay một công thức nào. Khi bị kiện cáo, bạn cần một luật sư, không phải một cuốn sách luật. Tương tự như vậy, khi đối diện với kẻ thù sau cùng là sự chết, bạn cần có Đấng Christ, không phải một giáo lý được chép trong sách. Trong Chúa Giê-xu Christ, mọi giáo lý đều trở thành hiện thực cho mỗi cá nhân (*I Cô-rinh-tô* 1:30). Khi thuộc về Ngài, bạn sẽ có mọi điều mình cần trong sự sống, sự chết, thời gian và cả sự vĩnh cửu!

Có lẽ sự thay đổi kỳ diệu nhất mà Chúa Giê-xu đã thực hiện, đó là Ngài đã đem giáo lý về sự sống lại trong tương lai vào hiện tại. Ma-thê trông đợi về tương lai, biết rằng La-xa-rô sẽ sống lại và bà sẽ được gặp anh mình. Bạn hữu bà nhớ lại những sự kiện trong quá khứ, và nói rằng: “Người đã mở mắt kẻ mù được, há chẳng có thể cũng làm cho người này không chết sao?” (*Giăng* 11:37). Chúa muốn hướng sự chú ý của họ vào hiện tại: bất cứ nơi đâu Ngài *hiện diện*, nơi ấy đều có quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 6:4; *Galati* 2:20; *Phi-líp* 3:10).

Chúa Giê-xu xác nhận rằng những người tin Ngài một ngày nào đó sẽ sống lại từ cõi chết (*Giăng* 11:25). Và ngay sau đó bày tỏ thêm một lẽ thật khác, đó là người tin Ngài sẽ “không bao giờ chết!” (11:26). Việc ấy sẽ xảy ra như thế nào? Bạn hãy xem câu trả lời ở *I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13,17. Khi Chúa Giê-xu tái lâm trên không trung để rước người tin Ngài đi, những ai đang sống vào thời điểm Chúa đến sẽ không bao giờ chết. Họ sẽ được biến hóa và được cất lên không trung gặp Ngài!

Ma-thê không lưỡng lự xác nhận đức tin mình. Bà gọi Chúa Giê-xu với ba danh hiệu: Chúa, Đấng Christ (Mết-si-a) và Con Đức Chúa Trời. Câu nói “tôi tin” được viết ở thì hiện tại hoàn tất, chỉ rõ một đức tin đã kiên định “Tôi đã tin và sẽ còn tiếp tục tin!”



Chúa đã thấy đức tin của Ma-thê; giờ đây Ngài phải giúp Ma-ri. Vì sao Ma-thê lại “lén” kêu Ma-ri? Có lẽ để giữ an toàn cho Chúa, bởi họ biết các nhà lãnh đạo đang rình bắt Chúa Giê-xu. Khi Ma-ri đứng dậy đón Chúa, bạn hữu nghĩ rằng bà sẽ đến mộ anh để khóc. Họ muốn chia buồn cùng Ma-ri nên đi theo. Bạn hãy hình dung sự ngạc nhiên của họ khi gặp Chúa Giê-xu!

Ma-ri là người được nhắc đến ba lần trong Phúc Âm, mỗi lần bà đều ngồi ở dưới chân Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 10:39; *Giăng* 11:32; 12:3). Ma-ri ngồi dưới chân Chúa để nghe lời Ngài, sắp mình xuống chân Chúa để bày tỏ sự đau khổ, và quỳ dưới chân Ngài để dâng lên Ngài lời ngợi khen và thờ phượng. Những lời duy nhất Ma-ri nói ở *Giăng* 11:32 là lời lặp lại điều Ma-thê đã nói ở câu *Giăng* 11:21.

Ma-ri không thể nói gì nhiều hơn vì đang đau buồn và bắt đầu khóc. Bạn hữu bà cũng khóc với bà như phong tục người Do Thái vẫn làm. Từ được sử dụng ở đây có nghĩa là “khóc lớn tiếng”, “than khóc.” Trước cảnh đó, Chúa Giê-xu đau lòng và “cảm thấy phẫn nộ.” Ngài phẫn nộ vì điều gì? Vì sự hủy diệt mà tội lỗi đã đem vào thế giới do Ngài tạo dựng. Sự chết là kẻ thù và Sa-tan đã sử dụng nỗi kinh khiếp của sự chết làm vũ khí lợi hại cho nó (*Hê-bơ-rơ* 2:14-18). Ngài phẫn nộ không có gì là lạ!

Bí ẩn của sự nhập thể của Chúa Giê-xu thể hiện trong câu hỏi của Ngài (*Giăng* 11:33). Chúa Giê-xu biết La-xa-rơ chết (câu 11), nhưng Ngài phải hỏi nơi chôn người. Chúa không bao giờ sử dụng thần quyền của Ngài khi con người có đủ khả năng thực hiện.

“Chúa Giê-xu khóc” là câu ngắn nhất, nhưng sâu sắc nhất trong Kinh Thánh. Ngài khóc cách yên lặng (đây là từ duy nhất được sử dụng trong Tân Ước), không phải là tiếng than khóc của kẻ cư tang. Nhưng tại sao Ngài lại khóc? Dẫu sao, Ngài vẫn biết rằng Ngài sẽ gọi La-xa-rơ sống lại (câu 11).

Chúa khóc cho chúng ta thấy nhân tính của Đấng Christ,

## Phép Lạ Cuối Cùng - Kẻ Thù Cuối Cùng / 179

Ngài bước vào mọi kinh nghiệm của đời sống con người và hiểu rõ tâm tư tình cảm chúng ta. Thật ra, khi hoàn toàn là Đức Chúa Trời-Con Người, Chúa Giê-xu kinh nghiệm những điều này sâu sắc hơn chúng ta. Nước mắt của Ngài chứng tỏ rằng Ngài là Đấng thông cảm với chúng ta; Ngài thật sự là “Người từng trải sự buồn bực” (*Ê-sai* 53:3). Hôm nay, Ngài là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm thành tín và giàu lòng thương xót, và chúng ta có thể đến trước ngai ơn phước để tìm ơn giúp đỡ khi cần (*Hê-bơ-rơ* 4:14-16).

Chúng ta thấy trong nước mắt Chúa thảm trạng của tội lỗi và cả vinh hiển của thiên đàng. Có lẽ Chúa khóc *cho* La-xa-rơ, cũng như khóc *với* các em người, vì biết rằng Ngài sẽ gọi bạn Ngài từ thiên đàng trở lại một thế giới gian ác, nơi mà một ngày kia người bạn ấy cũng phải chết một lần nữa. Vốn từ trên trời xuống thế gian, Chúa Giê-xu biết rõ những gì La-xa-rơ sắp bỏ lại phía sau.

Những người chứng kiến có thể thấy trong nước mắt Chúa một bằng chứng về tình yêu của Ngài. Nhưng, một số người lý luận: “Nếu Ngài yêu La-xa-rơ đến thế, tại sao Ngài không làm cho người ấy không chết?” Có lẽ họ nghĩ rằng: “Chúa Giê-xu khóc vì không thể làm được gì. Đó là những giọt nước mắt đầy nỗi tiếc”. Nói cách khác, *không ai có mặt ở đó thật sự chờ đợi một phép lạ!* Bởi lẽ ấy, không ai có thể tố cáo Chúa về việc “âm mưu” bày ra sự kiện này và thông đồng với hai chị em cùng bạn hữu họ. Cả các môn đệ Chúa cũng không tin rằng Chúa Giê-xu có thể khiến La-xa-rơ sống lại từ cõi chết!

Ma-thê là người tuyên xưng đức tin (*Giăng* 11:27) và cũng là người đánh mất đức tin vào phút cuối: “Mở cửa mộ sao? Bây giờ người chết đã có mùi!” Chúa ôn tồn nhắc Ma-thê nhớ lại lời Ngài phán trước đó ba ngày (*Giăng* 11:4) và khuyên bà hãy có lòng tin. Khi đức tin thật đặt nền tảng trên lời hứa của Đức Chúa Trời sẽ khiến quyền năng Đức Chúa Trời hành động. Ma-thê bình tĩnh lại, và hòn đá được lăn ra.



## 3. Người Do Thái

Giăng 11:41-57

<sup>41</sup> Vậy, họ lăn hòn đá đi. Đức Chúa Jê-sus bèn nường mắt lên trời mà rằng: Thưa Cha, tôi tạ ơn Cha, vì đã nhậm lời tôi. <sup>42</sup> Tôi biết rõ rằng Cha nhậm lời tôi luôn, nhưng tôi nói vậy là vì cơ đoàn dân nầy đứng chung quanh tôi, hầu cho họ tin rằng ấy chính Cha là Đấng đã sai tôi đến. <sup>43</sup> Khi Ngài nói xong, bèn kêu lên một tiếng lớn rằng: Hỡi La-xa-rô, hãy ra! <sup>44</sup> Người chết đi ra, chân tay buộc bằng vải liệm và mặt thì phủ khăn. Đức Chúa Jê-sus phán cùng chúng rằng: Hãy mở cho người, và để người đi.

<sup>45</sup> Có nhiều người Giu-đa đã đến cùng Ma-ri và thấy sự Đức Chúa Jê-sus làm, bèn tin Ngài. <sup>46</sup> Nhưng một vài người trong bọn đó đi tìm người Pha-ri-si, mách cho họ sự Đức Chúa Jê-sus đã làm.

<sup>47</sup> Các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si nhóm tòa công luận, bàn rằng: Người nầy làm phép lạ nhiều lắm, chúng ta tính thế nào? <sup>48</sup> Nếu chúng ta để cho người làm, thì thiên hạ tin người, rồi dân Rô-ma sẽ đến diệt nơi nầy và cả nước chúng ta nữa. <sup>49</sup> Nhưng một người trong bọn họ, tên là Cai-phe, làm thầy cả thượng phẩm đương niên, nói rằng: Các người chẳng biết gì hết! <sup>50</sup> Các người chẳng xét rằng thà một người vì dân chịu chết, còn hơn cả nước bị hư mất. <sup>51</sup> Vả, người nói điều đó chẳng phải tự mình, nhưng bởi làm thầy cả thượng phẩm đương niên, người nói tiên tri về Đức Chúa Jê-sus sẽ vì dân mà chết; <sup>52</sup> và không những vì dân thôi, mà cũng để nhóm con cái Đức Chúa Trời đã tản lạc lại làm một đoàn.

<sup>53</sup> Từ ngày đó, chúng lập mưu giết Ngài.

<sup>54</sup> Cho nên, Đức Chúa Jê-sus không tỏ mình rõ ràng trong vòng dân Giu-đa nữa, song Ngài đi trong miền gần đồng vắng, nơi một thành gọi là Ép-ra-im; và ở lại đó với môn đồ. <sup>55</sup> Lễ Vượt Qua của dân Giu-đa gần đến, có lắm người trong xứ lên thành Giê-ru-sa-lem trước ngày lễ để tẩy uế. <sup>56</sup> Vậy, chúng kiếm Đức Chúa Jê-sus, và đứng trong đền thờ, nói với nhau rằng: Các người tưởng thế nào? Người không đến giữ lễ hay sao? <sup>57</sup> Vả, các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si đã ra lệnh, nếu ai biết Đức Chúa Jê-sus ở đâu, thì phải mách với họ, để họ bắt Ngài.

Từ đoạn này trở đi, câu chuyện tập trung vào đức tin của những người đến an ủi Ma-ri và Ma-thê. Chúa Giê-xu dừng lại để cầu nguyện (Giăng 11:41; 6:11) và cảm tạ Đức Chúa Trời vì đã nhậm lời cầu nguyện của Ngài. Vậy Ngài cầu xin điều này khi nào? Có lẽ Ngài đã cầu nguyện ngay khi biết tin La-xa-rô bị đau (Giăng 11:4). Khi ấy Đức Chúa Trời đã cho Chúa Giê-xu biết chương trình Ngài, và Chúa Giê-xu vâng theo ý Cha. Giờ đây, Ngài cầu nguyện vì những người chứng kiến không

## Phép Lạ Cuối Cùng - Kẻ Thù Cuối Cùng / 181

có lòng tin, hầu cho họ biết rằng Đức Chúa Trời đã sai Ngài đến.

Có một tác giả Thanh giáo cho rằng nếu Chúa không gọi tên La-xa-rơ khi Ngài kêu lớn tiếng, có lẽ Ngài đã làm cả nghĩa trang thành những ngôi mộ trống! Ngài đã gọi đích danh La-xa-rơ và đưa ông ra khỏi cõi chết. Vì La-xa-rơ bị buộc chặt bằng vải liệm, đứng ra ông không thể đi ra cửa mộ được, nhưng quyền năng Đức Chúa Trời đã đưa ông đi ra. Đó là một phép lạ hiển nhiên, thậm chí những kẻ thù nghịch nhất cũng không thể phủ nhận.

Sự sống lại của La-xa-rơ là một minh họa rõ ràng về những gì sẽ xảy đến với một tội nhân khi người ấy tin nhận Đấng Cứu Thế (*Ê-phê-sô* 2:1-10). La-xa-rơ đã chết và mọi tội nhân đều là chết. La-xa-rơ đã bị hư hoại, vì sự chết và sự hư hoại luôn đi đôi với nhau. Mọi tội nhân hư mất đều chết về mặt tâm linh, nhưng có một số tội nhân “hư hoại” hơn các tội nhân khác. Không có tội nhân nào “chết” nhiều hơn tội nhân khác, vì tất cả đều chết như nhau.

Bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, La-xa-rơ được sống lại, và tất cả những ai tin nhận Đấng Christ đều được ban cho sự sống mới thoát khỏi mồ mả của tội lỗi (xem *Giăng* 5:24). La-xa-rơ được cởi bỏ lớp vải liệm (*Cô-lô-se* 3:1tt) và được hưởng sự tự do mới. Bạn thấy ông ngồi đồng bàn với Chúa Giê-xu (*Giăng* 12:2). Mọi người tin Chúa đều đồng ngồi với Đấng Christ tại các nơi trên trời (*Ê-phê-sô* 2:6), cùng dự yến tiệc thuộc linh và tương giao với Chúa.

Bởi sự thay đổi kỳ diệu ở La-xa-rơ, nhiều người muốn được thấy ông; và Đức Chúa Trời đã dùng “bằng chứng sống” này để đem con người đến với sự cứu rỗi (*Giăng* 12:9-11). Các sách Phúc Âm không chép gì về lời nói của La-xa-rơ, nhưng sự hiện diện của ông trong đời sống hằng ngày đủ để thuyết phục người khác tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Vì chứng cứ này gây ảnh hưởng mạnh mẽ, các lãnh đạo Do Thái muốn bắt và giết La-xa-rơ hòng dập tắt chứng cứ ấy.



Giống như những phép lạ Chúa làm trước đó, có những phản ứng khác nhau trong dân chúng. Một số người tin và họ đã làm chứng về phép lạ này vào ngày Chúa Nhật Lễ Lá (*Giăng* 12:17-18). Nhưng một số khác liền đi báo cho các nhà lãnh đạo những điều xảy ra ở Bê-tha-ni. Những kẻ “báo tin” này đã ở rất gần Nước Trời, nhưng chẳng hề có dấu hiệu tin nhận nơi họ. Nếu lòng người không muốn đầu phục chân lý, ân sủng Đức Chúa Trời không thể đem đến sự cứu rỗi được. Những người này lẽ ra đã có thể kinh nghiệm được sự sống lại về thuộc linh trong đời sống họ!

Tòa Công Luận nhanh chóng được triệu tập để bàn việc đối phó với Chúa Giê-xu. Họ không muốn tìm kiếm chân lý, chỉ kiếm cách bảo vệ những quyền lợi ích kỷ của bản thân. Nếu Chúa tập hợp được nhiều người tin theo, Ngài sẽ gây sự chú ý cho nhà cầm quyền La Mã, và điều này có thể gây tổn hại cho người Do Thái.

Thầy cả thượng phẩm Cai-phe thuộc dòng Sa-đu-sê, không phải dòng Pha-ri-si (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 23:6-10), nhưng hai phe này luôn sẵn sàng hiệp nhau để chống một kẻ thù chung. Ngoài sự hiểu biết của mình và cả tòa công luận, Cai-phe thốt ra một lời tiên tri: Chúa Giê-xu phải chết thì dân tộc mới tồn tại được. “Người đã bị dứt khỏi đất người sống, là vì cơ tội lỗi dân ta đáng chịu đánh phạt” (*Ê-sai* 53:8). Cùng với khái tượng về đại gia đình Đức Chúa Trời, Giảng giải thích thêm rằng: Chúa Giê-xu không những chết vì dân Do Thái mà thôi, nhưng cũng vì mọi con cái Đức Chúa Trời là những người sẽ nhóm nhau trong một gia đình trên thiên đàng (*Giăng* 4:42; 10:16).

Ngày ấy, các quan chức chính thức quyết định giết Ngài (xem *Ma-thi-ơ* 12:14; *Lu-ca* 19:47; *Giăng* 5:18; 7:1, 19-20, 25). Họ nghĩ rằng họ làm chủ được tình hình, nhưng Đức Chúa Trời mới là Đấng thực hiện kế hoạch định trước của Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:23). Thật ra, họ muốn trì hoãn kế hoạch này đến sau lễ Vượt Qua, nhưng Đức Chúa Trời đã hành động theo cách khác.

## Phép Lạ Cuối Cùng - Kẻ Thù Cuối Cùng / 183

Chúa Giê-xu rút về thành Ép-ra-im, cách Giê-ru-sa-lem khoảng mười lăm dặm về phía Bắc; Ngài ở yên lặng cùng các môn đệ tại đó. Dân chúng tập trung về Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua, và họ thắc mắc chẳng biết Chúa có dự kỳ lễ này trong lúc nguy hiểm hay không. Giờ đây Ngài đã bị liệt vào danh sách bị “truy nã”, vì tòa Công Luận rao rằng ai biết Chúa Giê-xu ở đâu phải báo cho họ.

Chương 11 bày tỏ thần tính của Chúa Giê-xu cùng sự bại hoại hoàn toàn của lòng người. Người giàu nơi âm phủ đã lý luận rằng: “Nếu có kẻ chết sống lại đến cùng họ, thì họ sẽ ăn năn” (*Lu-ca* 16:30). La-xa-rơ đã sống lại từ cõi chết, nhưng các quan trưởng lại muốn giết ông! Phép lạ thật sự bày tỏ quyền năng Đức Chúa Trời, nhưng chính phép lạ không thể truyền đạt ân sủng Đức Chúa Trời được.

Sân khấu đã được dựng lên cho một vở kịch lớn nhất trong lịch sử, trong đó con người làm điều gian ác nhất và Đức Chúa Trời làm điều kỳ diệu nhất của Ngài.

Nào ta hãy đến tôn thờ Ngài – là Christ – là Chúa!



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 11

---

#### *Giảng 11*

1. Khi có người thân chết thì bạn phản ứng ra sao?
2. Đọc các câu 1-16. Tại sao Chúa Giê-xu đi Bê-tha-ni là việc nguy hiểm thời ấy?
3. Tại sao Chúa Giê-xu chần chừ không đi thăm La-xa-rô ngay?
4. Đọc các câu 17-40. Khi Chúa đến, Ma-thê và Ma-ri phản ứng ra sao?
5. Tại sao họ phản ứng khác nhau?
6. Chúa muốn nói gì qua câu “Ta là sự sống lại và sự sống”?
7. Đáp ứng của Chúa với cái chết của La-xa-rô cho biết điều gì về Ngài?
8. Đọc các câu 41-57. Dân chúng phản ứng thế nào về sự sống lại của La-xa-rô?
9. Tại sao các lãnh tụ tôn giáo hợp lại để tìm cách đối phó với Chúa Giê-xu?
10. Bạn bày tỏ đức tin nơi Chúa Giê-xu cách nào khi có việc đau thương xảy đến – chẳng hạn một người thân chết?

## Đấng Christ Và Khủng Hoảng

*Giăng 12*

Trong chương 12, Giăng ghi lại cơn khủng hoảng thứ hai trong chức vụ Chúa Giê-xu do chính ông chứng kiến. Khủng hoảng đầu tiên xảy ra khi các môn đệ không muốn đồng hành với Chúa (*Giăng 6:66*) dù Ngài là “đường đi” (*14:6*). Trong đoạn 12 này, Giăng cho biết nhiều người không tin Ngài (*12:37tt*) dù Ngài là “chân lý”. Cơn khủng hoảng thứ ba sẽ xảy ra ở đoạn 19, dù Chúa là “sự sống”, con người vẫn muốn đóng đinh Ngài.

Mở đầu Phúc Âm, Giăng cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu đã “đến trong xứ mình (thế gian) nhưng dân mình (con người) chẳng hề nhận lấy” (*Giăng 1:11*). Trong mười hai chương đầu, Giăng đưa ra các chứng cứ và nhân chứng nối tiếp nhau, hầu giúp ta tin rằng Chúa Giê-xu thật sự là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời. Mọi chứng cứ ấy đều được các quan trưởng trong xứ chứng kiến trực tiếp, nhưng họ vẫn chối bỏ những lẽ thật của Chúa. Bị “dân mình” chối bỏ, Chúa Giê-xu đến với các môn đệ Ngài (*Giăng 13:1*), là những người Ngài yêu cho đến cuối cùng.

Qua chương 12, chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu đến với bốn nhóm người, và sẽ học được nhiều điều khi nghiên cứu chương này.



## 1. Chúa Giê-xu Và Bạn Hữu Ngài

Giăng 12:1-11

<sup>1</sup> Sáu ngày trước lễ Vượt Qua, Đức Chúa Jê-sus đến thành Bê-tha-ni, nơi La-xa-rô ở, là người Ngài đã khiến sống lại từ kẻ chết. <sup>2</sup> Người ta đãi tiệc Ngài tại đó, và Ma-thê hầu hạ; La-xa-rô là một người trong đám ngồi đồng bàn với Ngài. <sup>3</sup> Bấy giờ, Ma-ri lấy một cân dầu cam tùng hương thật, rất quý giá, xúc chân Đức Chúa Jê-sus, và lấy tóc mình mà lau; cả nhà thơm nức mùi dầu đó. <sup>4</sup> Nhưng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, là một môn đồ về sau phản Ngài, nói rằng: <sup>5</sup> Sao không bán dầu thơm đó lấy ba trăm đơ-ni-ê đặng bố thí cho kẻ nghèo? – <sup>6</sup> Người nói vậy, chẳng phải lo cho kẻ nghèo đâu, song vì người vốn là tay trộm cắp, và giữ túi bạc, trộm lấy của người ta để ở trong. – <sup>7</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hãy để mặc người, người đã để dành dầu thơm nầy cho ngày chôn xác ta. <sup>8</sup> Vì các người thường có kẻ nghèo ở với mình, còn ta, các người không có ta luôn luôn.

<sup>9</sup> Một bọn người Giu-đa nghe Đức Chúa Jê-sus có tại đó, bèn đến, chẳng những vì Ngài thôi, lại cũng để xem La-xa-rô, là người Ngài đã khiến từ kẻ chết sống lại. <sup>10</sup> Các thầy tế lễ cả bèn định giết luôn La-xa-rô nữa, <sup>11</sup> vì có nhiều người Giu-đa nhân cơ người mà chia rẽ họ và tin theo Đức Chúa Jê-sus.

Chúa Giê-xu biết các lãnh đạo Do Thái tìm bắt và giết Ngài (Giăng 11:53, 57), nhưng Ngài vẫn trở lại Bê-tha-ni là nơi chỉ cách thành lũy kẻ thù hai dặm. Ngài trở lại Bê-tha-ni để có thể có một thời gian yên tĩnh cùng các bạn hữu yêu mến của Ngài là Ma-ri, Ma-thê và La-xa-rô. Thật đúng với cá tính mỗi người, Ma-thê bận rộn phục vụ Chúa, còn Ma-ri thờ phượng nơi chân Ngài (xem *Lu-ca* 10:38-42).

Câu chuyện Ma-ri xúc dầu cho Chúa Giê-xu cũng được chép trong *Phúc Âm Ma-thi-ơ* 26:6-13 và *Mác* 14:3-9. Nhưng đừng nhầm lẫn với câu chuyện được chép ở *Lu-ca* 7:36-50, nói về một người đàn bà nguyên là kỹ nữ đã đến xúc dầu cho Chúa tại nhà Si-môn người Pha-ri-si. Còn Ma-ri ở đây là người nữ đạo đức đã xúc dầu cho Chúa trong nhà Si-môn, là người trước đây bị phung (*Mác* 14:3). Sự kiện ở *Lu-ca* 7 xảy ra tại Ga-li-lê, còn câu chuyện chúng ta xem ở đoạn này xảy ra tại xứ Giu-đê. Chẳng có gì lạ khi hai người đều mang tên “Si-môn”, vì đó là một tên thông dụng thời bấy giờ.

Khi kết hợp câu chuyện này trong ba sách Phúc Âm, bạn biết rằng Ma-ri đã xúc dầu trên đầu và dưới chân Chúa. Hành

động ấy xuất phát từ một tình yêu thánh khiết trong lòng bà, vì bà biết Chúa sắp phải chịu thương khó và chết. Do ngồi nơi chân Chúa và lắng nghe Ngài dạy dỗ, Ma-ri biết điều Chúa sẽ thực hiện. Thật ý nghĩa khi Ma-ri không đi với những người đàn bà đến mộ xúc dầu xác Chúa (*Mác 16:1*).

Theo một ý nghĩa nào đó, Ma-ri muốn bày tỏ sự tận tâm của bà với Chúa trước khi không còn cơ hội. Bà muốn dâng cho Ngài “những bông hồng” khi Ngài còn sống trên đất, chứ không muốn đem chúng đến phần mộ! Hành động yêu mến và thờ phượng Chúa của Ma-ri mang tính công khai, tự nguyện, rời rộng, cá nhân và không ngưng ngừng. Chúa Giê-xu gọi đó là “một việc tốt” (*Ma-thi-ơ 26:10; Mác 14:6*). Ngài khen ngợi và bênh vực bà trước mọi người.

Một người lao động phải dành dụm tiền lương của một năm mới có thể mua được loại dầu quý giá ấy. Giống như vua Đa-vít, Ma-ri không muốn dâng cho Chúa những gì không đáng giá (*II Sa-mu-ên 24:24*). Hành động thờ phượng tuyệt vời này đã khiến hương thơm tỏa khắp ngôi nhà họ đang dùng bữa, và phước hạnh của việc Ma-ri làm đã được cả thế giới biết đến (*Ma-thi-ơ 26:13; Mác 14:9*). Ma-ri đâu biết rằng sự yêu mến bà dành cho Đấng Christ trong buổi tối ấy sẽ trở thành một phước hạnh cho những người tin Chúa khắp thế giới qua bao thế kỷ tiếp nối!

Khi phục nơi chân Chúa, Ma-ri đã chọn vị trí của một tội tớ. Khi xõa tóc ra (phụ nữ Do Thái không làm vậy trước mọi người), bà đã tự hạ mình và đặt niềm kiêu hãnh của bản thân nơi chân Chúa (xem *I Cô-rinh-tô 11:15*). Dĩ nhiên, Ma-ri đã bị hiểu lầm và chỉ trích, nhưng đó là điều thường xảy đến cho những ai muốn dâng Chúa điều tốt nhất.

Chính Giu-đa là kẻ mở đầu chỉ trích và thật đáng buồn khi các môn đệ khác cũng noi theo. Họ đâu biết Giu-đa là tay trộm cắp (*Giăng 12:6*), và ngưỡng mộ sự quan tâm của hắn đối với người nghèo. Suy cho cùng, Giu-đa là người giữ túi bạc, và đặc biệt vào kỳ lễ Vượt Qua, các môn đệ nghĩ rằng



hắn muốn chia xẻ với những kẻ khó nghèo (*Giăng* 13:21-30). Vào giờ phút cuối, các môn đệ vẫn cho rằng Giu-đa là một môn đệ tận tụy của Chúa Giê-xu.

Câu nói đầu tiên của Giu-đa ở *Giăng* 12:5 cũng được chép trong các sách Phúc Âm khác. Câu nói sau cùng của Giu-đa được chép trong *Ma-thi-ơ* 27:4. Giu-đa vốn là tay trộm cắp và quen ăn cắp tiền trong hộp tiền hắn giữ (tiếng Hy Lạp được dịch sang “cái túi,” đầu tiên vốn có nghĩa là một hộp nhỏ dùng để giữ những chiếc loa kèn. Về sau, nó có nghĩa là bất cứ cái hộp nhỏ nào, và đặc biệt là hộp đựng tiền. Bản dịch Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp sử dụng từ này ở *II Sử Ký* 24:8-10, nói về cái hòm đựng tiền của vua Giô-ách). Chắc chắn Giu-đa đã quyết định phản Chúa, và hắn muốn thủ lợi trong tình hình rối rắm. Có lẽ, trước đây hắn đã mong Chúa Giê-xu sẽ đánh bại La Mã và lập vương quốc mới để hắn có thể kiếm chức quan coi kho!

Việc làm của Ma-ri là một phước hạnh đối với Chúa Giê-xu và cho đời sống bà. Bà cũng là một phước hạnh đối với gia đình, làm tỏa ra hương thơm khắp nhà (xem *Phi-líp* 4:18). Hôm nay, bà cũng là nguồn phước hạnh đối với Hội Thánh Chúa khắp thế giới. Hành động tận hiến của bà trong ngôi làng bé nhỏ ở thành Bê-tha-ni khi xưa vẫn luôn là một “làn sáng phước hạnh” cho các đời sau.

Ngày nay, cha mẹ đặt tên con gái mình là “Ma-ri”, nhưng không ai đặt tên “Giu-đa” cho con trai họ. Tên Giu-đa được ghi trong từ điển đồng nghĩa với kẻ lừa đảo. Tính chất của Ma-ri và Giu-đa đối lập nhau như *Châm Ngôn* 10:7 mô tả “kỷ niệm người công bình được khen ngợi, nhưng tên kẻ gian ác rục đi”. *Truyền Đạo* 7:1 chép rằng “Danh tiếng hơn dầu quý giá”. Ma-ri là người có được hai điều trên.

*Ma-thi-ơ* 26:14-15 khiến chúng ta có cảm giác rằng ngay sau khi bị Chúa quở trách, Giu-đa đã tìm gặp các thầy tế lễ để mặc cả về việc nộp Chúa Giê-xu. Nhưng có thể những sự kiện ở *Ma-thi-ơ* 21-25 xảy ra trước. Rất có thể lời Chúa trách

Giu-đa đã đẩy nhanh quyết định phản bội Chúa của hắn. Việc Chúa báo trước về sự chết của Ngài cũng là nhân tố thúc đẩy Giu-đa ra đi khi cơ hội đã đến.

Khi xem sự kiện này, chúng ta cũng thấy những “người tiêu biểu” làm gương cho chúng ta, Ma-thê đại diện cho sự phục vụ khi bà chuẩn bị bữa ăn cho Chúa. Đây cũng là một “cửa lễ có mùi thơm” không khác gì dầu quý giá của Ma-ri (xem *Hê-bơ-rơ* 13:16). Ma-ri đại diện cho sự thờ phượng và La-xa-rơ đại diện cho sự làm chứng (*Giăng* 11:9-11). Những người đến Bê-tha-ni cốt để xem La-xa-rơ là người sống lại từ cõi chết!

Chúng ta đã biết, không có câu nói nào của La-xa-rơ được ghi lại trong Kinh Thánh Tân Ước, nhưng sự sống kỳ diệu của ông là một chứng cứ hữu hiệu cho danh Chúa Giê-xu. (Ngược lại, *Giăng* Báp-tít chưa hề làm phép lạ nhưng lời nói của ông đã khiến nhiều người đến với Chúa Giê-xu – xem *Giăng* 10:40-42). Hôm nay chúng ta nên bước đi “trong đời mới” (*Rô-ma* 6:4) vì đã “được sống lại với Đấng Christ” (*Ê-phê-sô* 2:1-10; *Cô-lô-se* 3:1). Thật vậy đời sống Cơ Đốc nhân phải thể hiện mức quân bình về sự thờ phượng, phục vụ và làm chứng cho Chúa.

Tuy nhiên, việc La-xa-rơ sống lại khiến ông bị rơi vào tình trạng nguy hiểm: các nhà lãnh đạo Do Thái muốn giết ông như họ muốn giết Chúa Giê-xu vậy! Thật có lý khi Chúa gọi họ là con cái của ma quỷ, vì họ là kẻ giết người (*Giăng* 8:42-44). Họ đuổi người mù được chữa lành ra khỏi nhà hội, không cho phép người ấy làm chứng về Chúa Giê-xu trong ngày Sabbát. Họ cũng tìm cách đưa La-xa-rơ trở lại phần mộ vì ông đã khiến nhiều người tin nơi Chúa Giê-xu. Khi con người không muốn tiếp nhận chứng cứ về chân lý, họ sẽ tìm cách tiêu hủy chứng cứ ấy đi!

Cho dù các môn đệ đã có thái độ tẻ bạc đối với Ma-ri, nhưng buổi tối thông công yên tĩnh này chắc hẳn đã đem lại sự khích lệ và sức mạnh cho Đấng Christ khi Ngài đối diện



với những thử thách trong tuần lễ cuối cùng trước khi bước lên thập tự giá. Chúng ta cần xét lại lòng mình và gia đình mình để tự hỏi chúng ta có đang làm vui lòng Chúa qua sự thờ phượng, phục vụ và làm chứng của mình hay không.

## 2. Chúa Giê-xu Và Những Người Đến Dự Lễ Vượt Qua Giăng 12:12-19

<sup>12</sup> Qua ngày sau, có một đám dân đông đến dự lễ, biết Đức Chúa Jê-sus lên thành Giê-ru-sa-lem, <sup>13</sup> bèn lấy những lá kè ra đón Ngài, và reo lên rằng: Hô-sa-na! Chúc phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến, là Vua của Y-sơ-ra-ên!  
<sup>14</sup> Đức Chúa Jê-sus gặp một con lừa con, bèn lên cỡi, y như lời chép rằng: <sup>15</sup> Hỡi con gái thành Si-ôn, chớ sợ chi, nầy, Vua người đến, cỡi trên lừa con của lừa cái.  
<sup>16</sup> Môn đồ trước vốn không hiểu điều đó; nhưng đến khi Đức Chúa Jê-sus đã được vinh hiển, mới nhớ lại những sự đó đã chép về Ngài, và người ta đã làm thành cho Ngài. <sup>17</sup> Đoàn dân ở cùng Ngài, khi Ngài kêu La-xa-rô ra khỏi mộ và khiến từ kẻ chết sống lại, đều làm chứng về Ngài. <sup>18</sup> Ấy cũng tại điều đó mà đoàn dân đi đón Ngài, vì có nghe rằng Ngài đã làm phép lạ ấy. <sup>19</sup> Nhân đó, người Pha-ri-si nói với nhau rằng: Các người thấy mình chẳng làm nổi chi hết; kìa, cả thiên hạ đều chạy theo người!

Từ một bữa ăn tối yên tĩnh tại Bê-tha-ni, Giảng chuyển sang quanh cảnh của một đám đông ồn ào ở Giê-ru-sa-lem. Bốn sách Phúc Âm đều chép lại sự kiện này. Chúng ta cần so sánh sự kiện này trong các sách Phúc Âm. Đây là cuộc “diễn hành công khai” duy nhất được Chúa cho phép khi Ngài thi hành chức vụ trên đất. Mục đích của Ngài nhằm làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Cựu Ước (*Xa-cha-ri* 9:9). Sự kiện này đã khiến các lãnh đạo tôn giáo thêm tức giận, cuối cùng dẫn đến việc Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên thập tự giá.

Có ba nhóm người trong đám đông hôm ấy: (1) Những người đến dự lễ Vượt Qua từ bên ngoài xứ Giu-đê (*Giăng* 12:12, 18); (2) Dân trong vùng, là những người đã chứng kiến sự sống lại của La-xa-rô (*Giăng* 12:17); (3) Các nhà lãnh đạo tôn giáo, là những người quan tâm đặc biệt đến việc Chúa Giê-xu có thể làm tại kỳ lễ (*Giăng* 12:19). Vào mỗi kỳ lễ, dân chúng đều nôn nóng chờ đợi, hoang mang về sự hiện diện

của Chúa và điều Ngài sẽ làm. Họ chờ đợi như thể Chúa sắp dấy lên một cuộc cách mạng và tự lập mình làm vua, nhưng đó không phải là mục đích của Ngài.

Sự kiện này có ý nghĩa gì đối với Chúa Giê-xu? Thứ nhất, nó thể hiện sự vâng lời của Ngài đối với ý Cha trên trời. Tiên tri Xa-cha-ri (*Xa-cha-ri* 9:9) báo trước rằng Đấng Mết-si-a sẽ vào thành Giê-ru-sa-lem theo cách ấy, và Chúa Giê-xu đã làm trọn lời tiên tri. “Con gái Si-ôn” cũng là tên dành cho thành Giê-ru-sa-lem (*Giê-rê-mi* 4:31; *Ca Thương* 2:4, 8, 10). Chúa Giê-xu muốn tuyên bố công khai với dân chúng rằng Ngài thật là vua Y-sơ-ra-ên (*Giăng* 1:49), Đấng Mết-si-a của giao ước. Chắc hẳn, nhiều người đến dự lễ hy vọng đây là thời điểm Chúa sẽ tiêu diệt La Mã và giải phóng dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Cuộc diễn hành này có ý nghĩa gì đối với người La Mã? Kinh Thánh không ghi lại quan điểm của nhà cầm quyền La Mã, nhưng chắc hẳn họ đã kiểm soát rất chặt chẽ vào ngày đó. Trong kỳ lễ Vượt Qua hàng năm, cũng thường xảy ra việc một số người Do Thái có tinh thần quốc gia khích động quần chúng nổi loạn. Có lẽ họ cho rằng đám đông này cũng có mục đích tương tự. Tôi hình dung rằng một số lính La Mã chắc đã nhạo cười cuộc diễn hành tưng bừng này, vì chẳng giống như lễ mừng “Chiến thắng của La Mã” tại thành Rô-ma.

Khi một tướng La Mã thắng trận trên xứ người, đã giết ít nhất là năm ngàn quân thù và dành được một lãnh địa mới, người ấy sẽ được dân La Mã đón mừng khi trở về thủ đô! Kẻ thắng trận được phép phô bày các chiến lợi phẩm và những viên chỉ huy địch mình bắt được. Cuộc diễn hành sẽ tập trung tại vũ đài, nơi những tù binh bị buộc làm trò tiêu khiển cho dân chúng bằng cách thi đấu với dã thú. So với các lễ mừng chiến thắng của La Mã, việc tiến vào thành Giê-ru-sa-lem của Chúa Giê-xu chẳng có ý nghĩa gì!

Cuộc diễn hành này có ý nghĩa gì đối với dân Do Thái? Dân từ mọi nơi đến dự lễ đã đón mừng Chúa Giê-xu, trải áo



ra trước mặt Ngài, dùng lá kè làm dấu hiệu của hòa bình và chiến thắng để vẫy chào Ngài (*Khải Thị* 7:9). Họ trích dẫn *Thi Thiên* 118:26 là câu Kinh Thánh nói về Đấng Mết-si-a và tuyên bố Ngài là “Vua Y-sơ-ra-ên”. Nhưng trong khi họ tung hô như vậy, Chúa Giê-xu đã khóc! (*Lu-ca* 19:37-44)

Tên gọi *Giê-ru-sa-lem* có nghĩa là “thành phố hòa bình” hoặc “nền tảng của hòa bình”. Dân chúng hy vọng Chúa Giê-xu sẽ đem hòa bình đến như họ hằng mong đợi. Tuy nhiên, Ngài khóc vì nhìn thấy viễn cảnh của đất nước này: chiến tranh, đau khổ, hủy diệt và tan lạc. Khi Chúa giáng sinh, thiên sứ loan báo “bình an dưới đất” (*Lu-ca* 2:13-14); nhưng khi thi hành chức vụ, Chúa Giê-xu lại báo trước về “chiến tranh trên đất” (*Lu-ca* 12:51tt). Thật ý nghĩa khi dân chúng hô lên rằng “bình an ở trên trời” (*Lu-ca* 19:38), vì đó là nơi duy nhất có sự bình an hôm nay!

Dân tộc này đã đánh mất biết bao cơ hội, các nhà lãnh đạo của họ đã không nhận biết thời điểm Đức Chúa Trời viếng thăm. Họ không có sự hiểu biết về Kinh Thánh. Trong tương lai, dân Y-sơ-ra-ên sẽ chứng kiến Vua họ ngự đến theo cách hoàn toàn khác! (*Khải Thị* 19:11tt). Ngài sẽ tái lâm trong vinh quang, không phải trong sự khiêm nhường, và các thiên binh sẽ đến cùng Ngài. Đó sẽ là một cảnh tượng Khải Hoàn, vì Ngài đến để tiêu diệt kẻ thù và lập vương quốc Ngài.

Một chủ đề luôn lặp lại trong Kinh Thánh, đó là không thể có vinh hiển mà trước hết không trải qua thương khó. Chúa biết Ngài phải chịu chết trên thập tự giá trước khi có thể bước vào sự vinh hiển (*Lu-ca* 24:26). Các nhà thần học Do Thái không hiểu rõ về sự thương khó của Đấng Mết-si-a và vương quốc vinh hiển được các tiên tri báo trước. Một số giáo sư khác cho rằng có hai Đấng Mết-si-a, một Đấng sẽ chịu thương khó và một Đấng sẽ cai trị. Cả những môn đệ Chúa cũng lơ mờ về những điều sắp xảy đến! (*Giăng* 11:16).

Các lãnh đạo Do Thái phản ứng ra sao trước sự kiện Chúa tiến vào Giê-ru-sa-lem cách Khải Hoàn? Khi xem thấy đám

đông tụ tập và tung hô Chúa Giê-xu, họ biết rằng Ngài đã chiếm trọn tình cảm của dân chúng trong ngày ấy. Họ tiên đoán một cuộc nổi loạn lớn có thể xảy ra trong kỳ lễ Vượt Qua. Có lẽ Chúa Giê-xu sẽ thực hiện một phép lạ lớn để thu phục tư tưởng tình cảm của những kẻ kích động. Họ chẳng hiểu gì về tấm lòng và ý định của Đấng Christ, và cũng chẳng hề biết Chúa dùng họ để khiến tòa Công Luận ra tay trong kỳ lễ này. Chiên Con Đức Chúa Trời phải phó mạng sống Ngài khi các chiên con dùng cho lễ Vượt Qua sắp bị giết.

Câu nói "Kìa! Cả thiên hạ đều chạy theo người!" (12:19) vừa là câu cường điệu vừa là một lời tiên tri. Ở phân đoạn kế tiếp, chúng ta sẽ gặp những khách thập phương từ ngoài địa phận Y-sơ-ra-ên đến.

### 3. Chúa Giê-xu Và Khách Thập Phương

*Giăng 12:20-36*

<sup>20</sup> Và, trong đám đã lên đặng thờ lạy trong kỳ lễ, có mấy người Gờ-réc, <sup>21</sup> đến tìm Phi-líp, là người ở thành Bết-sai-đa, thuộc xứ Ga-li-lê, mà xin rằng: Thưa chúa, chúng tôi muốn ra mắt Đức Chúa Jê-sus. <sup>22</sup> Phi-líp đi nói với Anh-rê; rồi Anh-rê với Phi-líp đến thưa cùng Đức Chúa Jê-sus. <sup>23</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn đáp rằng: Giờ đã đến, khi Con Người sẽ được vinh hiển. <sup>24</sup> Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình; nhưng nếu chết đi, thì kết quả được nhiều. <sup>25</sup> Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất đi, ai ghét sự sống mình trong đời nầy thì sẽ giữ lại đến sự sống đời đời. <sup>26</sup> Nếu ai hầu việc ta, thì phải theo ta, và ta ở đâu, thì kẻ hầu việc ta cũng sẽ ở đó; nếu ai hầu việc ta, thì Cha ta ắt tôn quí người

<sup>27</sup> Hiện nay tâm thần ta bối rối; ta sẽ nói gì? Lạy Cha, xin cứu Con khỏi giờ nầy! Nhưng ấy cũng vì sự đó mà Con đến giờ nầy! <sup>28</sup> Cha ơi, xin làm sáng danh Cha! Bấy giờ có tiếng từ trên trời phán xuống rằng: Ta đã làm sáng danh rồi, ta còn làm cho sáng danh nữa!

<sup>29</sup> Đoàn dân ở tại đó nghe tiếng, thì nói rằng ấy là tiếng sấm; có kẻ khác nói: Một vị thiên sứ nào nói với Ngài. <sup>30</sup> Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán rằng: Ấy chẳng phải vì ta mà tiếng nầy vang ra, nhưng vì các ngươi. <sup>31</sup> Hiện bây giờ, có sự phán xét thế gian nầy, và hiện nay vua chúa của thế gian nầy phải bị xua đuổi. <sup>32</sup> Còn ta, khi ta đã được treo lên khỏi đất, ta sẽ kéo mọi người đến cùng ta. <sup>33</sup> Ngài phán vậy để chỉ mình phải chết cách nào. <sup>34</sup> Đoàn dân thưa rằng: Chúng tôi có học trong luật pháp rằng Đấng Christ còn đời đời, vậy sao thầy nói Con Người phải bị treo lên? Con Người đó là ai? <sup>35</sup> Đức Chúa Jê-sus bèn đáp



rằng: Sự sáng còn ở giữa các người ít lâu; hãy đi trong khi các người còn có sự sáng, e rằng sự tối tăm đến thành linh cùng các người chẳng; kẻ đi trong nơi tối tăm thì chẳng biết mình đi đâu. <sup>36</sup> Các người đương có sự sáng, hãy tin sự sáng, hầu cho trở nên con cái của sự sáng.

Đức Chúa Jêsus phán như vậy, rồi đi, và ẩn mình cách xa họ.

Sau khi vào Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-xu đã dọn dẹp đền thờ lần thứ hai. Ngài trích dẫn Kinh Thánh Ê-sai 56:7 và *Giê-rê-mi* 7:11 “Há chẳng có lời chép: Nhà ta sẽ gọi là nhà cầu nguyện của muôn dân hay sao? Nhưng các người đã làm thành cái hang trộm cướp?” (*Mác* 11:17). Có lẽ những người Hy Lạp đó đã nghe được lời này, và họ được sự khích lệ lớn.

Một trong những chủ đề lớn trong *Phúc Âm Giảng* là Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Chuộc của thế gian, không chỉ là Đấng Cứu Chuộc Y-sơ-ra-ên. Ngài là Chiên Con Đức Chúa Trời, Đấng cất tội lỗi thế gian đi (*Giăng* 1:29), “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian” (*Giăng* 3:16). Người Sa-ma-ri nhận Ngài là “Cứu Chúa của thế gian” (*Giăng* 4:42). Ngài đã phó sự sống mình vì thế gian và ban cho thế gian sự sống (*Giăng* 6:33). Ngài là Sự Sáng của thế gian (*Giăng* 8:12). Điểm nhấn mạnh về sự cứu chuộc dành cho toàn nhân loại trong *Phúc Âm Giảng* quá rõ ràng và không thể phủ nhận được. Ngài sẽ đem về “bầy chiên khác” không thuộc “chuồng chiên” Do Thái (*Giăng* 10:16; 11:51-52).

Bản văn đầu tiên cho thấy những người Hy Lạp này có thói quen đến thờ phượng Đức Chúa Trời vào kỳ lễ. Họ không phải là những du khách hiếu kỳ hay những kẻ vãng lai chỉ đến một lần. Hẳn họ là người kính sợ Đức Chúa Trời, là những người ngoại dự lễ trong nhà hội Do Thái và tìm kiếm chân lý, nhưng họ vẫn chưa cải đạo. Những người ngoại đã gặp Chúa Giê-xu khi Ngài còn là một con trẻ (*Ma-thi-ơ* 2:1-23), và bây giờ những người ngoại cũng đến gặp Chúa trước khi Ngài chịu chết.

Những người Hy Lạp cứ xin Phi-líp cho họ được tiếp chuyện với Chúa Giê-xu. Phi-líp thuật lại cho Anh-rê (là người thường

dẫn kẻ khác đến với Chúa Giê-xu) và Anh-rê trình với Chúa lời cầu xin này. Có lẽ, nhiều người rất muốn tiếp chuyện riêng với Chúa Giê-xu, nhưng họ sợ người Pha-ri-si (*Giăng* 9:22). Vì không thuộc về Y-sơ-ra-ên, những người Hy Lạp này hoặc không biết về mối nguy hiểm, hoặc không sợ hậu quả xảy đến cho mình.

Chúng ta có thể tán dương những người Hy Lạp này vì họ muốn gặp Chúa Giê-xu. Người Giu-đa nói rằng “Chúng tôi muốn thấy phép lạ!” nhưng những người này lại nói “Chúng tôi muốn ra mắt Chúa Giê-xu.” Kinh Thánh không cho biết Chúa có nói chuyện với họ hay không, nhưng bài giảng kế tiếp của Ngài chứa đựng những lẽ thật mà tất cả chúng ta đều cần biết.

Chủ đề trọng tâm của bài giảng này là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (*Giăng* 12:23, 28). Chúng ta tưởng Chúa sẽ nói “Giờ đã đến. Con Người phải bị đóng đinh.” Nhưng Chúa nhìn thấy sự vinh hiển phía sau thập tự giá (*Lu-ca* 24:26; *Hê-bơ-rơ* 12:2). Thật vậy, sự vinh hiển của Đức Chúa Trời là chủ đề chính trong những đoạn còn lại của *Phúc Âm Giăng* (xem *Giăng* 13:31-32; 14:13; 17:1,4-5, 22, 24).

Chúa dùng hình ảnh về hạt giống để minh họa chân lý thuộc linh quan trọng: rằng không thể có sự vinh hiển mà không có sự thương khó, không thể có sự sống kết quả nếu không có sự chết, không có khải hoàn nếu không có sự hy sinh. Hạt giống vốn yếu ớt và vô dụng, nhưng khi được gieo xuống đất, nó “chết” đi và mới kết quả. Có cả vẻ đẹp đẽ và phong phú khi hạt giống chịu “chết” đi và hoàn thành mục đích của nó. Nếu hạt giống biết nói, chắc nó sẽ phàn nàn vì bị chôn trong lớp đất lạnh lẽo tối tăm. Tuy nhiên, chỉ có một cách duy nhất để hạt giống đạt được mục đích là nó phải được gieo xuống đất.

Con cái Đức Chúa Trời được ví như những hạt giống. Chúng nhỏ bé và tầm thường, nhưng trong chúng có sự sống, sự sống của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, sự sống ấy sẽ chẳng bao giờ



kết quả nếu chúng ta không dâng mình cho Đức Chúa Trời và để Ngài “giao chúng ta” xuống. Chúng ta phải chết về bản ngã mình để sống cho Đức Chúa Trời (*Galati 2:20; Rô-ma 6:1-23*). Cách duy nhất để đạt được một đời sống kết quả là noi theo Chúa Giê-xu trong sự chết, chôn và sống lại.

Khi phán những lời này, Chúa muốn khuyên chúng ta dâng đời sống mình cho Ngài. Bạn hãy chú ý những hình ảnh tương phản: Ở một mình hoặc kết quả được nhiều; mất sự sống hoặc giữ được sự sống; phục vụ cái tôi hoặc phục vụ Đấng Christ; làm hài lòng cái tôi hoặc được Đức Chúa Trời tôn quí.

Có một số tín hữu đi thăm một địa điểm truyền giáo ở vùng hẻo lánh để tìm hiểu tình hình truyền giáo ở đó. Khi họ chứng kiến nhóm truyền giáo hoạt động, họ rất cảm kích về tinh thần truyền giáo của những người này, vì đời sống của họ thiếu mất những tiện nghi của nền văn minh. Một tín hữu đã thốt lên: “Chắc hẳn các bạn thật đã chôn mình ở đây!” Một người truyền giáo trả lời: “Chúng tôi không chôn mình, chúng tôi được trồng ở đây!”

Chúa biết Ngài sắp đương đầu với sự thương khó và sự chết, và nhân tính của Ngài phản ứng trước thử thách này. Tâm thần Ngài bối rối, không phải vì nghi ngờ ý muốn Đức Chúa Trời, nhưng vì Ngài biết rõ những điều Ngài sẽ trải qua tại thập tự giá. Bạn hãy để ý, Chúa không nói “Ta sẽ làm gì?” vì Ngài biết trước Ngài phải làm gì. Ngài chỉ nói rằng “Ta sẽ nói gì?” Trong giờ phút chịu đau đớn và đau phục, bạn chỉ có thể có hai lời cầu nguyện, hoặc “Lạy Cha, xin hãy cứu con!” hoặc “Lạy Cha, xin hãy làm vinh hiển danh Ngài!”

Trong một bài giảng trên đài phát thanh, tôi đã nói: “Đức Chúa Trời không muốn chúng ta hưởng tiện nghi nhưng muốn chúng ta phải thích nghi (conform). Ngay sau khi chương trình chấm dứt, chuông điện thoại trong phòng tôi reo lên. Một thính giả giấu tên muốn tranh luận với tôi về câu nói trên, giọng nói bên kia sừng sộ: “Thích nghi với cái gì chứ? Ông chưa đọc *Rô-ma 12:2* sao? –“Đừng làm theo (conform) đời

## Đấng Christ Và Khủng Hoảng / 197

này.” Tôi đáp: “Vâng, tôi đã đọc *Rô-ma* 12:2. Vậy ông chưa đọc *Rô-ma* 8:29 sao? Đức Chúa Trời đã định sẵn cho chúng ta “để nên giống (conform) như hình bóng Con Ngài.” Sau một chút yên lặng, ông ậm ừ đáp lời tôi: “Vâng”

*Tiện nghi* hay *thích nghi* là một vấn đề. Nếu chỉ chăm về cuộc sống tiện nghi, chúng ta sẽ bảo vệ những kế hoạch và ước muốn của mình, chăm về sự sống của bản thân, và chẳng bao giờ muốn được “trồng” xuống. Nhưng nếu chúng ta dâng đời sống mình và để Đức Chúa Trời “trồng” chúng ta, chúng ta sẽ không bao giờ ở một mình, nhưng có niềm vui được kết quả cho vinh hiển Đức Chúa Trời. “Nếu ai (người Do Thái hoặc người Hy Lạp) hầu việc ta, thì phải theo ta.” Điều này tương tự với *Ma-thi-ơ* 10:39 và *Mác* 8:36.

Lời cầu nguyện “Cha ơi, xin làm sáng danh Cha!” (*Giăng* 12:28) được Đức Chúa Trời nhận lời! Đức Chúa Trời đáp lời Con Ngài và bảo đảm với Con hai điều: đời sống và chức vụ của Con trên đất đã làm sáng danh Cha, và sự thương khó và sự chết sắp đến của Con cũng sẽ làm sáng danh Cha. Thật ý nghĩa khi Đức Chúa Trời phán với Con Ngài lúc Con khởi đầu chức vụ (*Ma-thi-ơ* 3:17), lúc Con chuẩn bị đến Giê-ru-sa-lem (*Ma-thi-ơ* 17:5), và giờ đây khi Con bước vào giai đoạn cuối trước khi chịu chết trên thập tự giá. Đức Chúa Trời cũng luôn đảm bảo điều đó cho những ai sẵn sàng chịu khổ vì danh Ngài.

Người ta nghe tiếng phán, nhưng chẳng hiểu sứ điệp được truyền đi trong đó. Nếu tiếng nói kia dành cho họ nhưng họ lại không hiểu được, vậy có ích lợi gì? Tiếng nói ấy khẳng định với họ rằng Chúa Giê-xu là Đấng chết thay họ, tiếng nói đó là vì lợi ích của họ. Họ nghe lời cầu nguyện của Chúa và nghe cả âm thanh từ trời đáp lại lời cầu nguyện. Điều đó đủ để họ tin rằng Chúa Giê-xu có mối giao thông với Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể dịch *Giăng* 12:30, “Tiếng ấy vang ra vì các người hơn là vì Ta.”

Sau đó, Chúa tuyên bố công khai về thập tự giá. Đó là giờ



phút xét đoán đối với thế gian và Sa-tan, vua của thế gian này. Đối với thế gian tội lỗi này, dường như sự chết của Chúa Giê-xu là chiến thắng của chúng, nhưng thật ra đó là sự xét đoán dành cho thế gian. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đánh bại Sa-tan và những gì thuộc về nó (*Ga-la-ti* 6:14). Mặc dù được phép hiện diện trên đất, nhưng Sa-tan vẫn là kẻ thất bại. Khi hầu việc Chúa, chúng ta thắng được kẻ thù độc ác (*Lu-ca* 10:17-19). Ngày kia, Sa-tan sẽ bị quăng ra khỏi thiên đàng (*Khải Thị* 12:10), chịu xét đoán và bị giam cầm đời đời (*Khải Thị* 20:10).

Trước đó, chúng ta đã gặp động từ “treo lên” (*Giăng* 3:14; 8:28). Nghĩa căn bản là *bị đóng đinh* (chú ý 12:33), nhưng cũng mang ý nghĩa *được vinh hiển*. “Này tôi tớ ta sẽ làm cách khôn ngoan, sẽ được tôn lên, dấy lên và rất cao trọng” (*Ê-sai* 52:13). Con Người đã *được vinh hiển* khi chịu *đóng đinh trên thập tự giá!*

“Mọi người” không có nghĩa là tất cả đều được cứu. Điều này có nghĩa rằng “tất cả mọi người không phân biệt ai,” tức là người Giu-đa và cả người ngoại. Ngài không ép buộc họ, nhưng kéo họ đến với Ngài (xem *Giăng* 6:44-45). Ngài chịu “treo lên” hầu con người có thể nhìn thấy đường đi (*Giăng* 12:32), biết chân lý (*Giăng* 8:28) và tiếp nhận sự sống (*Giăng* 3:14). Thập tự giá nhắc nhở chúng ta về sự yêu thương Đức Chúa Trời dành cho cả thế giới và nhiệm vụ của Hội Thánh trong việc rao Phúc Âm ra khắp nơi.

Dân chúng nghe lời Chúa giảng nhưng không hiểu gì. Họ biết “Con Người” là danh hiệu của Đấng Mết-si-a, nhưng không biết lý do vì sao Đấng Mết-si-a phải chịu đóng đinh! Kinh Thánh Cựu Ước đã không dạy rằng Đấng Mết-si-a sẽ còn lại đời đời đó sao? (xem *Thi Thiên* 72:17; 89:36; 110:4; *Ê-sai* 9:6).

Nhưng đây không phải là lúc bàn luận về những quan điểm thần học! Đây là giờ của sự xét đoán (từ “phán xét” trong tiếng Hy Lạp (krisis) cũng có nghĩa là khủng hoảng) (*Giăng* 12:3) và là giờ của cơ hội. Ánh sáng đang chiếu ra và con

người phải khôn ngoan nắm bắt cơ hội để được cứu! Chúng ta đã biết gặp hình ảnh “ánh sáng” và “bóng tối” (*Giăng* 1:4-9; 3:17-20; 8:20; 9:39-41). Những con người này lẽ ra đã có thể thoát khỏi sự tối tăm thuộc linh để bước vào ánh sáng của sự cứu rỗi nếu họ chịu khó bước một bước đơn giản vào đức tin.

Theo *Phúc Âm Giăng*, sự kiện này đánh dấu giai đoạn cuối cùng về chức vụ giảng dạy của Chúa Giê-xu trên đất. Ngài ra đi và ẩn mình nơi vắng vẻ. Đó chính là sự xét đoán dành cho một dân tộc từng chứng kiến những phép lạ Chúa làm, nghe Ngài giảng dạy và dò xét chức vụ Ngài, dẫu vậy vẫn không chịu tin nơi Ngài.

#### 4. Chúa Giê-Xu Và Người Do Thái Vô Tín

*Giăng* 12:37-49

<sup>37</sup> Và, dẫu Ngài đã làm bấy nhiêu phép lạ trước mặt chúng, họ cũng không tin Ngài, <sup>38</sup> để được ứng nghiệm lời nầy của đấng tiên tri Ê-sai:

Lạy Chúa, ai đã tin lời giảng chúng tôi,  
Và cánh tay Chúa đã tỏ ra cho ai?

<sup>39</sup> Và lại, chúng không thể tin, vì Ê-sai lại có nói rằng:

<sup>40</sup> Ngài đã khiến mắt họ mù, lòng họ cứng,  
Hầu cho mắt chẳng thấy, lòng chẳng hiểu,  
Không tự hối cải,  
Và ta chẳng chữa lành cho.

<sup>41</sup> Ê-sai nói điều đó, khi thấy sự vinh hiển của Ngài và nói về Ngài. <sup>42</sup> Nhưng, trong hàng quan trưởng cũng có nhiều người tin Đức Chúa Jê-sus; song vì có người Pha-ri-si, nên không xưng Ngài ra, sợ bị đuổi khỏi nhà hội chẳng. <sup>43</sup> Vì họ chuộng danh vọng bởi người ta đến hơn là danh vọng bởi Đức Chúa Trời đến.

<sup>44</sup> Tuy vậy, Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán rằng: Ai tin ta, chẳng phải tin ta, nhưng tin Đấng đã sai ta đến. <sup>45</sup> Còn ai thấy ta, là thấy Đấng đã sai ta đến.

<sup>46</sup> Ta là sự sáng đã đến thế gian, để ai tin ta, chẳng ở nơi tối tăm nữa. <sup>47</sup> Lại nếu kẻ nào nghe lời ta mà không vâng giữ, ấy chẳng phải ta xét đoán kẻ đó; vì ta đến chẳng để xét đoán thế gian, nhưng để cứu chuộc. <sup>48</sup> Người nào bỏ ta ra và không nhận lãnh lời ta, đã có kẻ xét đoán rồi; lời ta đã rao giảng, chính lời đó sẽ xét đoán họ nơi ngày sau cùng. <sup>49</sup> Bởi ta chẳng nói theo ý riêng ta; nhưng Cha sai ta đến, đã truyền lệnh cho ta phải nói điều chi và phải nói thế nào.



Từ quan trọng trong phân đoạn này là *tin*, được nhắc lại tám lần. Trước hết, Giảng giải thích sự vô tín của dân chúng. Họ *không muốn tin* (Giăng 12:37-38, với lời Kinh Thánh trích dẫn từ sách Ê-sai 53:1), họ *không thể tin* (Giăng 12:39) và họ *thấy không cần tin* (Giăng 12:40-41, với lời trích dẫn từ Ê-sai 6:9-10).

Dù được bày tỏ mọi chứng cứ rõ ràng, nhưng dân này vẫn không chịu tin. “Cánh tay Chúa” đã bày tỏ cho họ quyền năng Ngài, nhưng họ bị mắt trước lẽ thật. Họ đã nghe sứ điệp của Chúa và chứng kiến phép lạ Ngài làm, nhưng vẫn không tin.

Khi một người bắt đầu chống lại ánh sáng, sẽ có sự thay đổi trong lòng người ấy cho đến khi trở thành kẻ vô tín. Đức Chúa Trời cho phép “sự mù lòa hiểu biết” che mắt những kẻ không muốn nhận lấy chân lý cách nghiêm túc (*Ma-thi-ơ* 13:14,15; *Mác* 4:12; *Lu-ca* 8:10; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 28:25-27; *Rô-ma* 11:8). Thật nguy hiểm nếu xem nhẹ chân lý của Đức Chúa Trời, vì con người dễ đánh mất cơ hội để được cứu. “Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va đang khi mình gặp được; hãy kêu cầu đang khi Ngài ở gần” (Ê-sai 55:6).

Có những con người không muốn tin, và cũng có những người không muốn công khai xưng nhận Đấng Christ dù đã tin (Giăng 12:42-43). Ni-cô-đem và Giô-sép ở A-ri-ma-thê lúc đầu cũng thuộc nhóm người này, nhưng cuối cùng họ đã công khai xưng nhận Đấng Christ (Giăng 19:38). Hội Thánh ban đầu cũng có những người Pha-ri-si (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:5) và cả các thầy tế lễ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 6:7). Đó chính là sự tranh chiến đã qua giữa vinh hiển Đức Chúa Trời và vinh hiển của con người (Giăng 12:25-26). Bị dứt phép thông công là một giá đắt (Giăng 9:22), và những người “tin âm thầm” này muốn được điều tốt nhất của cả hai thế giới (Xem *Giăng* 5:44).

Trong *Giăng* 12:44-50 chúng ta nhận được bài giảng cuối cùng của Chúa trước khi Ngài lánh mặt khỏi dân chúng. Một lần nữa, trọng tâm lại nói về đức tin. Có một số chủ đề cơ bản trong *Phúc Âm Giảng* được trình bày xuyên suốt bài giảng

## Đấng Christ Và Khủng Hoảng / 201

này: Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến; nhìn xem Con là nhìn xem Cha; Chúa Giê-xu là sự sáng; Lời Ngài chính là Lời Đức Chúa Trời; đức tin trong Chúa Giê-xu đem đến sự cứu rỗi; chối bỏ Chúa là đối diện với sự đoán phạt đời đời. Thật vậy, chính lời Chúa phán sẽ xét đoán những ai không tin và chối bỏ Ngài!

Thật khủng khiếp khi kẻ vô tín sẽ đối diện với sự xét đoán từng lời Kinh Thánh mà họ từng đọc và nghe. Lời mà kẻ ấy chối bỏ sẽ trở nên sự phán xét đối với họ vì Lời được viết ra chỉ về Ngôi Lời Hằng Sống, là Chúa Giê-xu Christ (*Giăng* 1:14).

Có nhiều người chối bỏ chân lý, đơn giản chỉ vì sợ con người (*Giăng* 12:42-43). Trong số những kẻ bị quăng xuống địa ngục, cũng có “kẻ hèn nhát” (*Khải Thị* 21:8). Thà kính sợ Đức Chúa Trời để được bước vào thiên đàng, còn hơn phải sợ con người để bị sa vào hỏa ngục!

Từ *xét đoán* là từ quan trọng được lặp lại bốn lần trong những lần cuối cùng của sứ điệp. Chúa Giê-xu đến thế gian không để xét đoán, nhưng để đem đến sự cứu rỗi (*Giăng* 3:18; 8:15). Nhưng nếu tội nhân không muốn tin nhận Đấng Cứu Thế thì Đấng Cứu Thế sẽ trở thành Đấng xét đoán. Tội nhân đang tự chuốc lấy sự đoán xét cho mình, không phải Đấng Christ!

Khi đọc qua mười hai đoạn đầu của *Phúc Âm Giăng*, bạn đã nhìn thấy Chúa Giê-xu qua đời sống, chức vụ, phép lạ, sứ điệp và lòng khao khát của Ngài muốn cứu tội nhân hư mất.

Bạn đã xem xét chứng cứ. Bạn đã tin rằng Chúa Giê-xu thật sự là Con Đức Chúa Trời, Cứu Chúa của thế gian chưa? Bạn đã tin Ngài và nhận sự sống đời đời chưa?

“Các người đương có sự sáng, hãy tin sự sáng, hầu cho trở nên con cái của sự sáng” (*Giăng* 12:36).



## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 12

---

### Giảng 12

1. Có lúc dường như Chúa hành động trái với đặc tính của Ngài, ngoài mong đợi của mình. Lúc ấy bạn cảm giác thế nào?
2. Đọc các câu 1-11. Có điều gì đáng nói về những người tại bữa tiệc?
3. Tại sao bà Ma-ri xúc chân Chúa bằng dầu thơm?
4. Có những phản ứng nào về hành động của Ma-ri? Tại sao?
5. Chúa phản ứng với Ma-ri và Giu-đa ra sao?
6. Món quà của Ma-ri khiến Chúa cảm thấy thế nào?
7. Đọc các câu 12-19. Đám đông thấy Chúa cỡi lừa vào Giê-ru-sa-lem thì họ mong đợi Ngài làm điều gì?
8. Thế nhưng Ngài lại dạy điều gì?
9. Đọc các câu 20-36. Chúa muốn nói gì trong các câu 24-25?
10. Ngài không làm những điều dân chúng chờ đợi. Bằng cách nào và tại sao?
11. Đọc các câu 37-50. Chúa dạy gì về đức tin trong bài nói chuyện chót trước khi Ngài lánh khỏi đám đông?
12. Bạn phản ứng thế nào khi thấy Chúa hành động trái với điều mình mong đợi?

---

## Giúp bạn biết rõ hơn về Chúa Cứu Thế và cuộc sống bạn trở nên sinh động.

---

**Khi nghiên cứu** và viết tập giải nghĩa này, Warren Wiersbe “cảm thấy như người đang đứng trên đất thánh” và thấy lời nhận xét của học giả A. T. Robertson thật chí lý: “*Phúc Âm Giăng* là quyển sách sâu nhiệm nhất trên thế giới.”

Trong tập giải nghĩa này, Warren Wiersbe trình bày những lời dạy căn bản trong 12 chương đầu của *Phúc Âm Giăng* và giục giã người đọc tiếp cận với chân lý bằng con tim và khối óc của người tôn thờ Chúa.

Trong tập giải nghĩa này có phần câu hỏi để nghiên cứu và thảo luận.

### Warren W. Wiersbe

*Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Trường viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.*

văn phẩm nguồn sống

**Vietnam Ministries, Inc.**

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943